

Tỳ Kheo
Thích Tuệ Hải



KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA
GIẢNG GIẢI QUYỂN 1



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

TỶ KHEO THÍCH TUỆ HẢI

- ☀ Sinh năm 1968, tại Bến Tre
- ☀ Xuất gia tu học tại
Thiền Viện Thường Chiếu (1986 - 1994)
- ☀ Trụ trì Chùa Long Hương, Xã Long Tân,
Huyện Nhơn Trạch,
Tỉnh Đồng Nai từ 1994 đến nay.
- ☀ Ủy Viên Ban Hoằng Pháp Trung Ương
nhiệm kỳ 2012 – 2017; 2017 – 2022.

Điện Thoại: 0251 86 00 258

Di Động: 0911 258 258

Email: tykheo.thichtuehai@yahoo.com

Website: www.chualonghuong.org

www.quynguyen.org

www.quynguyen.com





KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA GIẢNG GIẢI QUYỂN 1

**THƯỢNG TỌA THÍCH TUỆ HẢI
GIẢNG GIẢI**

PL 2562 – DL 2018

MỤC LỤC CHUNG

QUYỂN 1

MỤC LỤC CHUNG	
MỤC LỤC QUYỂN 1	
LỜI TỰA.....	
GIẢI NGHĨA TÊN KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA	
1. PHẨM “TỰA” THỨ NHẤT.....	
2. PHẨM “PHƯƠNG TIỆN” THỨ HAI	
3. PHẨM “THÍ DỤ” THỨ BA	
4. PHẨM “TÍN GIẢI” THỨ TƯ.....	
5. PHẨM “DƯỢC THẢO DỤ” THỨ NĂM	
6. PHẨM “THỌ KÝ” THỨ SÁU	
7. PHẨM “HÓA THÀNH DỤ” THỨ BẢY	
8. PHẨM “NGŨ BÁ ĐỆ TỬ THỌ KÝ” THỨ TÁM	
9. PHẨM “THỌ HỌC VÔ HỌC NHÂN KÝ” THỨ CHÍN	
10. PHẨM “PHÁP SU” THỨ MƯỜI.....	

QUYỂN 2

MỤC LỤC CHUNG	
MỤC LỤC QUYỂN 2.....	
11. PHẨM “HIỆN BẢO THÁP” THỨ MƯỜI MỘT	
12. PHẨM “ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA” THỨ MƯỜI HAI	
13. PHẨM “TRÌ” THỨ MƯỜI BA	
14. PHẨM “AN LẠC HẠNH” THỨ MƯỜI BỐN.....	

15. PHẨM “TÙNG ĐỊA DỮNG XUẤT” THỨ MƯỜI LĂM.....
16. PHẨM “NHƯ LAI THỌ LƯỢNG” THỨ MƯỜI SÁU
17. PHẨM “PHÂN BIỆT CÔNG ĐỨC” THỨ MƯỜI BẢY
18. PHẨM “TÙY HỸ CÔNG ĐỨC” THỨ MƯỜI TÁM
19. PHẨM “PHÁP SƯ CÔNG ĐỨC” THỨ MƯỜI CHÍN.....
20. PHẨM “THƯỜNG BÁT KHINH BỒ TÁT” THỨ HAI MƯỜI
21. PHẨM “NHƯ LAI THẦN LỰC” THỨ HAI MƯỜI MỐT.....
22. PHẨM “CHỨC LỤY” THỨ HAI MƯỜI HAI.....
23. PHẨM “ĐƯỢC VƯƠNG BỒ TÁT BỐN SỰ” THỨ HAI MƯỜI BA.....
24. PHẨM “DIỆU ÂM BỒ TÁT” THỨ HAI MƯỜI BỐN.....
25. PHẨM “QUÁN THỂ ÂM BỒ TÁT PHỔ MÔN” THỨ HAI MƯỜI LĂM.....
26. PHẨM “ĐÀ LA NI” THỨ HAI MƯỜI SÁU
27. PHẨM “DIỆU TRANG NGHIỆM VƯƠNG BỐN SỰ” THỨ HAI MƯỜI BẢY
28. PHẨM “PHỔ HIỀN BỒ TÁT KHUYẾT PHÁT” HAI MƯỜI TÁM.....
- TÓM LƯỢC KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

MỤC LỤC QUYỂN 1

MỤC LỤC CHUNG	2
MỤC LỤC QUYỂN 1	4
LỜI MỞ ĐẦU	5
GIẢI NGHĨA TÊN KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA	9
PHẨM “TỰA” THỨ NHẤT	22
PHẨM “PHƯƠNG TIỆN” THỨ HAI	67
PHẨM “THÍ DỤ” THỨ BA	124
PHẨM “TÍN GIẢI” THỨ TƯ	227
PHẨM “DUỘC THẢO DỤ” THỨ NĂM	266
PHẨM “THỌ KÝ” THỨ SÁU	297
PHẨM “HÓA THÀNH DỤ” THỨ BẢY	327
PHẨM “NGŨ BÁ ĐỆ TỬ THỌ KÝ” THỨ TÁM	374
PHẨM “THỌ HỌC VÔ HỌC NHÂN KÝ” THỨ CHÍN	397
PHẨM “PHÁP SU” THỨ MƯỜI	406

LỜI MỞ ĐẦU

Kính thưa quý độc giả!

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa là bản Kinh “Đại Thừa Vô Lượng Nghĩa Xứ Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm”, mà từ ngàn xưa những người tu Phật rất quý kính. Có những người đọc nhiều lần mà chưa hiểu hết nghĩa lý của Kinh, đành đưa lên bàn thờ để thờ. Rất nhiều nơi xem bản Kinh có huyền năng tối thượng nên đọc mỗi chữ lạy một lạy, mong được chuyển hoá thân tâm, khai mở trí tuệ. Có một số nước lập thành tông Pháp Hoa và chỉ chuyên hành trì Pháp Hoa thôi. Tùy theo sự hiểu biết và công phu tu tập của riêng mình mà mỗi vị Hành giả có cách hành trì theo Kinh Pháp Hoa khác nhau.

Riêng bản thân chúng tôi khi còn là thiền sinh, có nhiều lần đọc Kinh này mà không hiểu ý Kinh và còn nghĩ những lời dạy trong Kinh là huyền thoại.

Đến năm 1994, chúng tôi về trụ trì Chùa Long Hương, có duyên tụng Kinh này. Thật bất ngờ và bị chấn động nhiều lần. Đôi khi đang tụng Kinh nửa chừng thì bảo mọi người dừng lại, không tụng nữa để chúng tôi giảng ý nghĩa của phẩm đang tụng. Vì bị chấn động, không nói ý nghĩa không được!

Từ đó tôi rất yêu quý bộ Kinh Pháp Hoa và xem Kinh này là Pháp Bảo quý giá với người tu theo đạo Phật và với chính bản thân mình, đồng thời ôm ấp hoài bão là có ngày mình sẽ giảng giải bản Kinh này, trước là đền ơn chư Phật và thứ nữa là muốn chia sẻ kinh nghiệm và hạnh phúc của

mình khi hiểu và ứng dụng có lợi ích từ bản Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Duyên lành đã đến, năm 2007 chúng tôi chính thức giảng bộ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Lúc đầu vẫn chưa đủ tự tin, là vì nhiều vị tôn túc nói: “Chúng tôi tu tới bạc đầu mà chưa dám giảng Kinh này trong khi chú còn trẻ giảng coi chừng chưa đủ kinh nghiệm, giảng sai sẽ mang tội”. Thế nên, trước khi giảng Kinh, chúng tôi tìm tất cả những tài liệu giảng giải Kinh Pháp Hoa của các bậc tôn túc trước đã giảng, đem về nghiên cứu. Trước mỗi buổi giảng, chúng tôi lại coi sách và nghe đĩa giảng rất kỹ rồi mới dám lên pháp tòa. Nhưng khi giảng xong buổi giảng thứ hai thì sự cố xảy ra với bản thân chúng tôi (nói là sự cố nhưng đây là sự chuyển hoá công phu, chuyển hóa thân và tâm của chúng tôi). Toàn thân rơi vào trạng thái bất động. Cứ nằm yên như vậy cho đến lần giảng thứ ba là một tháng.

Thời gian này quý báu hơn ngàn năm công phu, nhờ đó mà chúng tôi thấu thoát được cảnh giới ngũ uẩn giai không là gì. Phút chốc thân tâm bất động tan biến, ở trong trạng thái hết biết của thân tâm, lúc này tất cả hình sắc từ thô tới tế, từ nhỏ tới lớn, từ gần tới xa đều hiển hiện rất rõ ràng, rục rờ và đẹp đẽ in như mọi thứ đều có hào quang mà không phải là cái thấy của con mắt. Những vật rất bình thường lúc đó đều rục sáng, lung linh như những vật báu. Mỗi mỗi cái hiển hiện đều là mình, khoảnh khắc này không có năng sở đồng thời nó không còn bất kỳ giới hạn nào. Tất cả mọi thứ: hình sắc, âm thanh, mùi vị v.v... đều được hiển lộ rõ ràng, rục rờ, cùng khắp đồng một lúc và tuyệt đối không có sự sai khác nào trong đó, đó là cảnh giới không không gian không thời gian, là cảnh giới Thật Tướng Vô Tướng, cảnh giới vô sở y, cảnh giới tuyệt đối bình đẳng vô sai biệt.

Từ đó tương thông với tất cả các nghĩa lý của Đức Phật nói trong các bản Kinh từ hệ thống Nguyên thủy cho đến Đại thừa phát triển. Hiện hiện việc khai thị ngộ nhập Tri Kiến Phật trong bản Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Thấy rõ Pháp hội giảng Kinh Pháp Hoa của Đức Phật vẫn còn đang giảng, là vì Phật Tri Kiến đã hiện hiện, đang hiện hiện và mãi mãi hiện hiện chưa từng đoạn dứt. Từ đây đến thành Phật là rất rõ ràng, không còn bất kỳ nghi ngờ nào nữa, nên chúng tôi rất tự tin giảng Kinh Diệu Pháp Liên Hoa mà không sợ sai với bản ý của bản Kinh.

Đến buổi sáng ngày giảng lần thứ ba chúng tôi vẫn chưa ra để giảng được, mà Phật tử đã có mặt ở chùa để nghe giảng, do đó chúng tôi phải mời một vị Thầy ở chùa gần đó giảng thế buổi sáng với đề tài Thầy tự chọn. Đến chiều hôm đó, tôi ngồi dậy được và đi đứng bình thường sau một tháng thân tâm bất động. Bây giờ động lại, lên pháp tòa thuyết Kinh Pháp Hoa. Vậy là lần đầu giảng Kinh mà chúng tôi không có chuẩn bị, không soạn bài để giảng. Nhưng tôi thấy rất rõ nghĩa lý mà Đức Phật nói trong Kinh và còn tự tin hơn trước rất nhiều lần.

Từ lúc giảng xong bản Kinh Pháp Hoa, có nhiều Tăng ni và Phật tử nghe và quý mến. Các vị yêu cầu chúng tôi in thành sách để được đọc. Đến hôm nay đủ duyên, quý Phật tử viết lại những lời giảng của chúng tôi in thành sách, để đáp ứng nhu cầu đọc học Kinh Pháp Hoa của đông đảo Tăng ni và Phật tử ở nhiều nơi. Tôi rất hạnh phúc khi được chia sẻ kiến giải của mình với mọi người thông qua bản Kinh tuyệt vời này.

Hy vọng mọi người đọc bản Kinh này được lợi lạc thiết thực, nhận ra và sống được bằng Phật Tri Kiến của chính mình, là thấy đúng như thật, sống đúng như thật và nói đúng

như thật. Đủ sức phương tiện độ tận tất cả chúng sanh và đưa tất cả chúng sanh đến quả vị Phật như Kinh đã nói. Đó mới thật là Phật tử chân chánh.

Rất mong quý độc giả thâm nhập nghĩa lý cao thâm màu nhiệm của bản Kinh đồng thời hoà nhập vào Tri Kiến Phật của chính mình để lợi lạc quần sanh, đền ơn Phật tổ.

Dù ban biên tập đã cố gắng hết sức nhưng không sao tránh những sai sót lỗi lầm. Kính mong các bậc cao minh từ bi chỉ giáo những điều sơ sót để tái bản lần sau được hoàn thiện hơn.

Mùa hạ năm Mậu Tuất (2018)

Kính bút

Tỳ Kheo Thích Tuệ Hải

GIẢI NGHĨA TÊN KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

HÁN DỊCH: NGÀI PHÁP SƯ CƯU MA LA THẬP

VIỆT DỊCH: HÒA THƯỢNG THÍCH TRÍ TỊNH

o0o

Trước hết chúng ta nói về tựa đề Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Từ trước đến giờ chúng ta đã từng nghe Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Lăng Nghiêm, Kinh Lăng Già, v.v... nhưng Kinh là gì, người Phật tử phải học cho thông.

KINH: là lời Phật dạy, xuất phát từ bản tâm thanh tịnh của Đức Phật, phù hợp với chân lý, với trình độ căn cơ của tất cả chúng sanh. Chữ “Kinh” trong Kinh Pháp Hoa có năm nghĩa: Xuất sanh, Hiền thi, Tuyên dũng, Thăng mặc, Kết man.

Thứ nhất, nghĩa “Xuất sanh” là được sanh ra, xuất sanh ra. Kinh Pháp Hoa xuất sanh ra tất cả những Giáo lý nhiệm mầu, xuất sanh ra những thần diệu, xuất sanh ra những vi diệu, tuyệt diệu, v.v... Tất cả những Giáo lý từ Phật Giáo Nguyên thủy cho đến Đại thừa, từ sơ phát tâm cho đến khi thành Phật đều xuất phát từ bản Kinh Pháp Hoa. Có nghĩa Kinh Pháp Hoa nói lên tất cả những điều được sanh ra, những tri kiến, những thấy biết, những điều sâu mầu mà Đức Phật muốn nói.

Cho nên Đức Phật gọi Kinh Pháp Hoa là vua của các Kinh, là mẹ của chư Phật. Tức là muốn thành Phật thì cũng từ Kinh Pháp Hoa mà thành. Từ những bản Kinh cơ bản cho đến chuyên sâu, tất cả Giáo lý nhiệm mầu đều được sản sinh ra từ Kinh Pháp Hoa. Tức là về những giáo nghĩa, những

Giáo lý, những điều thô cho đến tế, từ cạn cho đến sâu, từ hữu vi cho đến vô vi đều xuất phát từ bản Kinh này.

Học Kinh Pháp Hoa có nhiều người nói là không cần học những bản Kinh khác, chúng ta chỉ cần học Kinh Pháp Hoa là đủ. Vì bản Kinh Pháp Hoa dung hội tất cả những Giáo nghĩa từ Nguyên thủy, Đại thừa, cho đến Tối thượng thừa.

Thứ hai, nghĩa “Hiện thị” Kinh Pháp Hoa hiển bày tất cả những thâm nghĩa, những thâm ý của Đức Phật. Kể từ khi Đức Phật từ cung Trời Đâu Suất xuống trần, sanh ra, cho đến khi Đức Phật thành đạo và đi thuyết Pháp suốt bốn mươi chín năm thì tất cả những tâm tư, những hoài bão của Đức Phật, tâm nguyện của Ngài như thế nào, độ sanh ra làm sao, Đức Phật đều nói rõ trong bản Kinh này.

Từng lời, từng chữ trong Kinh Pháp Hoa đều hiển lộ sự thật của muôn Pháp, nói đến chỗ sâu mầu, đến cái lý thật để tất cả chúng sanh đều nhận ra mà đạt đến địa vị Phật.

Kinh Pháp Hoa hiển lộ được cái chân tướng chân thật của tất cả các Pháp và của tất cả chúng sanh. Tức là trong bản Kinh này, Đức Phật muốn cho chúng sanh hiển bày được cái Tri Kiến Phật, hiển bày được Phật tánh của mình, hiển lộ cái chân thật mà từ xưa đến giờ chưa có bản Kinh nào nói.

Thứ ba, nghĩa “Tuyên dương” là dòng suối chảy mạnh. Thường dòng suối chảy mạnh thì nó cuốn trôi hết cỏ rác bụi bặm hai bên bờ. Thì người học Kinh Pháp Hoa từng giờ, từng phút, từng giây sẽ được dòng suối Pháp từ Kinh Pháp Hoa rửa sạch, cuốn trôi tất cả những phiền não nghiệp tập dù thô dù tế trong tâm thức chúng ta.

Khi nào chúng ta học Kinh Pháp Hoa mà rơi rớt được phiền não, chỉ còn dòng suối Pháp thanh tịnh tuôn trào là

chúng ta học đúng. Đó là năng lực thật của Kinh Pháp Hoa. Học Kinh mà phiền não còn nguyên, là chúng ta chưa học đúng nghĩa Kinh. Nếu chúng ta tu các phương pháp khác, chúng ta học những Kinh điển khác, mà phiền não nghiệp tập không rơi rụng thì chúng ta bắt đầu học Kinh Pháp Hoa.

Thứ tư, nghĩa “Thẳng mặc” người thợ mộc có sợi dây mực, nếu muốn cưa tấm ván gồ ghề có mắt, có sớ cong queo thì người thợ mộc dùng sợi dây mực căng thẳng rồi buông ra thì nó sẽ vẽ thành một đường thẳng, có thể cưa gọt cho nó suông, không còn cong queo nữa.

Người học Kinh Pháp Hoa cũng vậy, tức là phá dẹp hết, gọt rửa tất cả những thấy biết thiên lệch hai bên hai chiều, những tri kiến bên đây bên kia, bên đúng bên sai, bên hay bên dở vốn có trong tâm thức chúng ta từ xưa đến giờ, chỉ còn một con đường duy nhất là thành Phật, không còn con đường thứ hai.

Nếu chúng ta còn hiểu đạo Phật thế này thế kia để dụng công cách này cách khác thì khi học Kinh Pháp Hoa chúng ta được Đức Phật xếp dẹp hết tất cả những tri kiến đó, chỉ vạch một con đường thẳng từ chúng sanh đi đến thành Phật, ngoài ra không có con đường khác.

Thứ năm, nghĩa “Kết man” là một sự xâu kết. Ví dụ trong những buổi lễ lớn chúng ta đón khách quý, thường trao những vòng hoa được kết lại đeo lên người. Khi hoa để rời rạc từng bông thì nó không có giá trị gì, nhưng hoa được kết lại thành xâu thành chuỗi thành vòng thì nó có giá trị hơn. Điều đó muốn nói cái gì? Muốn nói Kinh Pháp Hoa thâm tóm tất cả những nghĩa lý của toàn bộ hệ thống Kinh của Đức Phật thuyết trong suốt quãng đời của Ngài. Cho nên có nghĩa là kết man. Nghĩa là thâm kết những tinh hoa, những tinh túy của tất cả các bộ Kinh từ Giáo lý Nguyên

thủy cho đến Đại thừa, từ vô vi cho đến hữu vi, từ sơ đẳng cho đến chuyên sâu được tóm trong bản Kinh Pháp Hoa này để nói cho chúng ta nghe.

DIỆU: Có bốn nghĩa là Xảo diệu, Thắng diệu, Vi diệu, Tuyệt diệu.

Thứ nhất, nghĩa “Xảo diệu” có bốn nghĩa: Khéo mở cửa phương tiện của Tam thừa; khéo diệt Tam thừa chỉ còn một thừa duy nhất là Phật thừa; khéo chỉ tướng chân thật của tất cả chúng sanh; khéo sanh nơi một trí tuệ.

“Khéo mở cửa phương tiện của Tam thừa”: Sau khi thành đạo, Đức Phật nhận ra trí tuệ của Ngài sâu xa quá, không thể nào nói cho chúng sanh biết được, nên Ngài có ý nhập Niết Bàn. Sau đó chư Thiên đánh lễ cầu Đức Phật chuyển Pháp luân. Đức Phật dùng trí lực của mình hướng về chư Phật mười phương, thấy chư Phật mười phương sau khi thành đạo đều dùng phương tiện Tam thừa để giáo hóa chúng sanh. Đức Phật liền bày phương tiện, bắt đầu nói Giáo lý Tam thừa: Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa và Bồ Tát thừa. Đó là phương tiện ban đầu.

Trong Kinh Pháp Hoa, Đức Phật dùng Giáo lý Tam thừa cũng chỉ là một ví dụ để Đức Phật đưa đến chỗ chuyên sâu. Trong xảo diệu này Đức Phật khéo mở cửa, khéo ví dụ để cho tất cả chúng sanh nương vào thứ bậc tâm thức của từng người, cho họ hiểu từ từ, rồi dẫn đến chỗ cao tột là thành Phật.

“Khéo diệt Tam thừa chỉ còn một thừa duy nhất là Phật thừa”: Sau khi mở cửa Tam thừa rồi, Đức Phật lại khéo diệt cái thừa đó. Trong Kinh, Đức Phật ví dụ tất cả chúng sanh đều ở trong nhà lửa, rồi khéo dụ mời ra, nói là sẽ cho ba chiếc xe dê, xe hươu và xe trâu. Nhưng khi chúng sanh ra

khỏi nhà lửa nóng bức đó rồi, Đức Phật chỉ cho một xe duy nhất là xe trâu.

Tức là Đức Phật cho biết rằng tất cả những hệ thống Kinh điển mà Đức Phật nói từ trước đến giờ, từ Nguyên thủy cho đến Đại thừa vẫn không bằng con đường Phật thừa mà Đức Phật muốn khai thị trong Kinh Pháp Hoa. Trong tất cả những Kinh điển khác, không có Kinh điển nào phá dẹp Giáo lý Tam thừa bằng Kinh Pháp Hoa.

“Khéo chỉ tướng chân thật của tất cả chúng sanh”: Bản ý của chư Phật khi ra đời là để khai thị chúng sanh ngộ nhập Phật Tri Kiến. Tức là phải chỉ cho tất cả mọi người nhận ra được cái thấy biết như thật của chính mình. Cái Tri Kiến Phật đó là cái thấy biết như thật.

Ví dụ, có Đức Phật ngồi đây thì tất cả những cảnh duyên phía trước chúng ta, Đức Phật cũng thấy như chúng ta đang thấy. Nhưng Đức Phật thấy khác với mình ở chỗ Đức Phật thấy rõ ràng mọi cái không sót. Cái nào trước mắt, đỏ thấy nó rõ ràng là đỏ, đen thấy rõ ràng là đen, trắng thấy rõ ràng là trắng, lớn thấy rõ ràng là lớn, nhỏ thấy rõ ràng là nhỏ. Và chỉ thuần cái rõ ràng đang thấy biết đó mà thôi, không thêm không bớt gì.

Nếu chúng ta nhận được cái thấy biết rõ ràng đó thì chúng ta có cái thấy biết như Phật đang thấy. Cái thấy biết ban đầu thanh tịnh trong sáng đó, là cái thấy biết chung của tất cả chúng ta. Trong lúc chúng ta chưa có ý niệm phân biệt thì cái hiện rõ ràng đó không ai hơn ai trong giờ phút này.

Ví dụ khi chúng tôi nói, một âm thanh phát ra, tất cả quý vị đồng nghe một lượt, không có cái nghe nào cản trở cái nghe nào. Hai người ngồi bên cạnh, nếu cái nghe này hơn cái nghe bên kia thì sẽ cản trở làm cho người kia nghe

không rõ, nhưng đấng này không phải như vậy. Tất cả chúng ta ở đây đều nghe một cách rõ ràng, không ai cản trở được ai. Dù chúng ta già hoặc trẻ, trình độ cao hay thấp thì âm thanh hiện ra chúng ta đồng thời nghe rõ ràng âm thanh đó, không ai hơn ai. Chính chỗ này là chỗ bình đẳng của chư Phật và chúng sanh.

Và cũng không phải là cái mà chúng ta có thể chuẩn bị để có cái nghe đó. Bây giờ quý vị ngồi đây không muốn nghe tiếng chúng tôi, mà quý vị lắng nghe tiếng ồ ồ bên ngoài, nhưng ở đây âm thanh vừa phát ra quý vị vẫn nghe. Tất cả những cái gì rớt trong vùng trời nghe của chúng ta thì vẫn nghe một cách rõ ràng, ở phía trước, phía sau, ở trên, ở dưới, ở trong, ở ngoài. Cái rõ ràng hay biết đó nếu chúng ta không có chấp về âm thanh thì tuyệt nhiên chúng ta không có thái độ, chúng ta không khẳng định chúng ta là người đang nghe và cái đang bị chúng ta nghe, lúc đó sẽ hiện hữu cái chân thật. Đó là cái mà Đức Phật muốn chỉ dạy chúng sanh.

Nghe mà không có thái độ thì cũng hơi kỳ, nhưng có thái độ thì nghe không đúng. Muốn nghe tới sự thật là lúc đó chúng ta không còn có cái gì. Ngay cả con người đang chuẩn bị nghe này cũng phải thôi dứt đi. Tuyệt nhiên không có thái độ muốn nghe để hiểu, không muốn khẳng định điều đó là điều gì. Và nghe cho đến độ nó chỉ là cái nghe, không có âm thanh được nghe và người đang nghe, là chúng ta nghe được đến sự thật.

Nếu chúng ta còn có âm thanh để chúng ta nghe, và có con người đang nghe thì còn có hai, còn có Ngã và còn có Pháp thì sự thật không hiện hữu. Cho nên, khi hết đi con người đang nghe và âm thanh đang bị chúng ta nghe, lúc đó

chỉ thuần cái nghe như thế, mà rõ biết cái như thế, không thêm không bớt, là chúng ta nghe được sự thật.

Đức Phật khéo chỉ tướng chân thật đó sẵn đủ vốn có từ ngàn xưa cho đến bây giờ. Bây giờ chúng ta muốn không nghe cũng không được, chứ đừng nói là chúng ta chuẩn bị để nghe. Muốn dẹp đi cái đang nghe này không thể được. Muốn thêm muốn bớt gì trong cái đang nghe này cũng không thể được. Muốn tăng muốn giảm trong cái đang nghe này cũng không thể được. Cho nên chỗ này gọi là bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm. Dù nói như thế nào, nói thô nói tế, nói nhỏ nói lớn, nói đúng nói sai, nói hay nói dở, nhưng vẫn không làm ảnh hưởng chút xíu nào đến cái đang nghe của chúng ta. Cái nghe đó vẫn trong sáng rõ ràng, dù tiếng nói đó là tiếng nói nào, tiếng nói đó không làm ảnh hưởng đến cái đang nghe từ xưa đến giờ. Tiếng xấu chúng ta cũng nghe, tiếng tốt chúng ta cũng nghe. Chúng ta đã từng nghe rất nhiều tiếng rồi, nhưng bây giờ nó vẫn rõ ràng trong sáng đang nghe nữa, không bao giờ bị khuất lấp và không có cái gì khuất lấp được. Đó là tướng chân thật luôn hiện bày của mình. Người nào nghe được như vậy thì coi như đã nghe được Kinh Pháp Hoa. Còn không nghe được như vậy chúng ta sẽ học tiếp.

“*Khéo sanh nơi một trí tuệ*”: Trí tuệ đó là trí tuệ Nhất thừa. Trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Đức Phật dẫn dắt chúng ta trong hai mươi tám phẩm. Khi chúng ta đang học hai mươi tám phẩm này, chúng ta chỉ sanh một trí tuệ duy nhất là Phật thừa. Ngoài ra chúng ta không thể sanh trí tuệ khác được. Người học Kinh Pháp Hoa chỉ còn một trí tuệ duy nhất là Phật thừa, không còn thừa nào khác.

Thứ hai, “Thắng diệu” có bốn nghĩa: Một là thâm tóm hết tất cả những Giáo lý đạo Phật; hai là chỉ tất cả thần lực

của Như Lai; ba là biểu diễn tất cả những bí tạng của Đức Phật; bốn là nói tất cả những điều sâu kín.

“*Thâu tóm hết tất cả những Giáo lý đạo Phật*”: Kinh Pháp Hoa thâu tóm hết tất cả những Giáo lý đạo Phật từ suốt hơn bốn mươi năm giáo hóa của Đức Phật. Từ Nguyên thủy cho đến Đại thừa thì Đức Phật cũng nói rõ, cũng dẫn dụ rất rõ, không bỏ sót một thừa nào. Ngài thâu tóm đúc kết lại để nói trọn vẹn trong Kinh Pháp Hoa.

“*Chỉ tất cả thân lực của Như Lai*”: Đây là điều chúng ta thấy ít bản Kinh nào có. Khi vào phẩm Tựa, chúng ta thấy lông trắng ở giữa chân mày của Đức Phật phóng luồng hào quang, trên thấu trời Hữu Đảnh, dưới thấu địa ngục A Tỳ. Vào bên trong là phẩm Hiện Bảo Tháp, rồi Như Lai Thần Lực v.v...

Bản Kinh này ngay khi thuyết là Đức Phật thể hiện thân lực của mình, mà các bản Kinh khác hoàn toàn không có. Nó gần như huyền thoại. Có những chuyện kinh thiên động địa đều xuất phát từ bản Kinh này. Một ấn ngón chân của Đức Phật là kinh động mười phương thế giới.

“*Biểu diễn tất cả những bí tạng của Đức Phật*”: Những bí yếu, bí tạng của Tam Tạng Kinh điển đều xuất phát từ chỗ bắt đầu phóng quang chớp mắt nhưng rồi chúng sanh không nhận ra chỗ phóng quang đó nên Đức Phật mới diễn giải sâu rộng trong tất cả các phẩm.

Khi học Kinh Pháp Hoa, chúng ta không thể hiểu trong chữ nghĩa nữa, mà chúng ta phải vượt tầm ngữ nghĩa thì chúng ta mới thấy những bí yếu nó không nằm trên lời trên chữ được. Vì vậy, muốn nhận ra ý chỉ trong Kinh Pháp Hoa là ngay phẩm Tựa, ngay chỗ phóng quang giữa chạng mày của Đức Phật chúng ta phải nhận ra. Nếu nhận ra được phẩm

Tựa là chúng ta hiểu được chân lý trong bản Kinh này. Nếu không nhận ra chúng ta phải học cho hết Kinh Pháp Hoa, cho đến phẩm Hiện Bảo Tháp, Như Lai Thần Lực là chỗ chỉ rõ Phật tánh của mình, tức chỉ rõ Tri Kiến Phật của mình. Kinh Pháp Hoa chỉ cho tất cả chúng sanh thấy được chân lý của chư Phật, nói lên cái thấy biết Phật như thật của tất cả chúng sanh, vốn không lúc nào thiếu vắng.

“Nói tất cả những điều sâu kín”: Kinh Pháp Hoa là vua của các Kinh, mà những điều sâu mâu trong các Kinh khác không nói, đợi đến Kinh Pháp Hoa Đức Phật mới nói những điều sâu kín nhất trong lòng Đức Phật, những điều sâu kín thật sự ở trong Phật Pháp, những điều sâu kín của chư Phật mười phương khi ra đời để cứu độ chúng sanh như thế nào, được Đức Phật Thích Ca nói rất rõ trong Kinh Pháp Hoa.

Thứ ba, “Vi diệu” có hai nghĩa:

Thứ nhất, *“là nói nghĩa lý Nhất thừa, không có diệu đức nào mà không tròn”*: Điều đặc biệt trong Kinh Pháp Hoa, phẩm Thí Dụ có chàng Cùng tử lang thang khi rời gia đình mình năm mười năm đi kiếm ăn, xin cơm từng nhà, sau đó quay lại gặp cha của mình không dám nhận. Được cha phương tiện dụ dỗ làm mướn, lần lần gần gũi được cha trao cho kho báu, cho tất cả sự nghiệp. Điều đó muốn nói tất cả chúng sanh đã lang thang trong lục đạo luân hồi được một chút danh, được một chút lợi, được một chút tiền chúng ta cho là đủ. Nhưng cái nhìn của Phật Pháp chúng ta chỉ là người ăn mày lang thang trong vỉa hè lục đạo luân hồi mà thôi.

Mặc dù chúng ta là con của một Trưởng giả, nhưng chúng ta lang thang lâu ngày lâu kiếp. Năm mười năm đó là một chuỗi dài sanh tử của chúng ta trong ngàn đời ngàn kiếp, nhưng khi quay về gặp Cha là Đức Phật, chúng ta

không dám nhận mà bỏ chạy. Đức Phật phương tiện lần lần cho hốt phẩn, có nghĩa là tẩy rửa cái dơ uế nơi tâm chúng ta. Trải qua nhiều năm tháng chúng ta sạch những cấu bẩn trong tâm, lúc đó Cha lần lần trao cho kho báu. Cuối cùng được kho báu của Cha để lại. Tức là nhận được Phật Tri Kiến.

Ví dụ đó muốn nói đến quả đức tròn đủ của một con người kể từ khi gặp đạo Phật. Nhất là gặp bản Kinh Pháp Hoa thì không thể thành tựu theo kiểu công phu thường tình. Chúng ta không thể tu để chứng quả này quả kia nữa, mà khi chúng ta học Kinh Pháp Hoa thì tất cả những quả đức sâu mầu chúng ta đều đạt được, chứ Đức Phật không dẫn dắt cho chúng ta đạt vị trí bình thường. Đức Phật dẫn dắt để chúng ta chứng được đến quả Phật. Tức là phải tròn đầy và viên mãn đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Thứ hai, *“là không tạp nhiễm nào mà không sạch”*: Phẩm Thí Dụ chàng Cùng tử hốt phẩn, là ý đầu tiên trong bản Kinh như dòng suối chảy mạnh. Khi chúng ta học, chúng ta đọc, hoặc chúng ta tụng Kinh Pháp Hoa thì tất cả những tạp niệm, những tà tâm vốn có của mình đều được tẩy trừ, được dứt trừ. Trong Kinh Pháp Hoa, không có lý nào chẳng cùng, tức là nói cùng tột đến lý Nhất thừa, không nói Giáo lý nào khác. Dù việc nhỏ, việc lớn nhưng khi đến bản Kinh Pháp Hoa, Đức Phật đều nói nghĩa lý cùng tột sâu mầu của nó, không thể nói lung lửng nửa chừng, không vướng ở hai bên. Phải làm sao cho tất cả chúng sanh vừa có cái thấy biết Phật và sống bằng cái thấy biết Phật đó, không để cho chúng sanh có cái tri kiến nào khác.

Ngoài việc diễn tả trong Pháp hội có mấy ngàn vị Bồ Tát, có các cõi Trời, Người, A tu la, Nhân, Phi nhân. Tức là

trong lục đạo luân hồi không có chúng sanh nào mà Đức Phật không độ. Thậm chí có Long Nữ cũng được thành Phật. Đó là cái vi diệu của Kinh Pháp Hoa.

Thứ tư, “Tuyệt diệu” là chỉ nói lý Nhất thừa rộng lớn. Đức Phật thu tóm Tam thừa chỉ còn Nhất thừa mà thôi. Chỉ có con đường Nhất thừa mới đưa chúng sanh từ lầm mê đến giác ngộ giải thoát, không có con đường thứ hai. Điều đó rất sâu xa, làm chúng ta bật ngôn ngữ và bật suy nghĩ. Mà trong Kinh Đức Phật nói chỉ có Phật với Phật mới biết, các vị Bồ Tát không biết được.

Đức Phật ví dụ người trí tuệ như ngài Xá Lợi Phất nhiều như lúa mè tre lau, tức là cùng khắp cả Tam thiên Đại thiên thế giới mà suy lường về điều này cũng không thể suy lường được. Vì sao? Vì còn suy lường là còn nằm trong tâm thức phân biệt của chúng sanh, còn chỗ Đức Phật muốn nói trong bản Kinh này là chỗ thanh tịnh sáng suốt nhiệm mầu, là trí tuệ giác ngộ giải thoát của chư Phật, là Phật Tri Kiến, nên ý thức không thể suy lường tới.

Cái tuyệt diệu sâu mầu là chỗ vong bật tất cả những chúng sanh vốn có trong tâm thức của chúng ta. Nếu trong tâm chúng ta còn có một chúng sanh nào còn sanh khởi ở nơi tâm thì chúng ta không thể hiểu nổi Kinh Pháp Hoa. Khi nào chúng ta vong bật được những lời nói, những suy nghĩ, dù nhỏ nhiệm, dù vi tế nơi lòng thì lúc đó chúng ta sẽ nhận ra được cái thấy biết Phật của mình. Nếu ngay nơi sự sanh khởi chúng ta nhận được cái thấy biết thì sẽ vong bật được tất cả những lời nói, ngôn ngữ, luận bàn, những hý luận hai bên.

PHÁP: là muôn sự muôn vật. Tức là những cái mà mắt chúng ta thấy được, tai nghe được, mũi ngửi được, lưỡi nếm được, thân xúc chạm được và tâm ý chúng ta nhận biết được,

những cái đó gọi là Pháp. Pháp là tất cả những cái mà lục căn chúng ta tiếp xúc được. Nhưng ở đây lại chỉ cái Diệu Pháp chứ không phải cái Pháp bình thường. Pháp đó vượt thoát tất cả những cái phàm trần này.

Ví dụ ngay tiếng nói này nếu hiểu theo kiểu chúng sanh thì nó là tiếng thô tiếng tế, tiếng hay tiếng dở, đó là Pháp bình thường. Còn chân thật Pháp là ngay nơi tiếng nói này nó vốn Như Như bất động thanh tịnh thì đó là Diệu Pháp là cái Pháp vốn vi diệu.

Trong Kinh có câu: “*Chư Pháp tùng bản lai, thường tự tịch diệt tướng*”. Tức là các Pháp từ xưa đến nay tướng nó thường tịch diệt, đó là Diệu Pháp. Đây là điều chúng ta phải hiểu, không phải chỉ Tự Tánh chúng ta bắt sanh bắt diệt đâu, mà cái tự tịch diệt này nó vốn có từ ngàn xưa ở nơi các Pháp rồi. Cho nên, trong Kinh Pháp Hoa, Đức Phật muốn nói đến Diệu Pháp đó, muốn nói đến chỗ chân thật của tất cả các Pháp là cái bất sanh bất diệt từ ngàn xưa cho đến giờ, không có một Pháp nào đã nhiễm nhơ, không có một Pháp nào ô trược, không có một Pháp nào bị sanh diệt cả. Đó là Diệu Pháp.

Cho nên học Kinh Pháp Hoa là chúng ta sẽ nhận ra được cái Diệu Pháp vốn bất sanh bất diệt, nhận cái Tri Kiến Phật của mình, và nhận rõ được cái Thật tánh của tất cả các Pháp. Thật tánh đó là Vi Diệu Pháp. Cái vi diệu vốn bất sanh bất diệt từ ngàn xưa cho đến bây giờ.

LIÊN HOA: Có nghĩa là hoa sen. Hoa sen thân rộng, mọc trong bùn nhơ mà không nhiễm bùn. Cuộc đời Đức Phật được ví như đóa hoa sen tươi nở giữa trần gian này. Khi còn là thái tử Ngài cũng có gia đình, nhưng Ngài không bị đắm nhiễm như tất cả những người khác. Ngài vẫn thoát khỏi gia

đình, Ngài vẫn tu tập, và được giác ngộ giải thoát như đóa sen thơm ngát giữa trần gian.

Hạt sen không bao giờ hư hoại. Quý vị để hạt sen khô một trăm năm khi bỏ xuống nước nó vẫn mọc bình thường, không bị hư mầm như các loại hạt khác. Tính không hư hoại của hoa sen muốn nói đến chỗ bất sanh bất diệt của tất cả chúng sanh.

Lá sen không hề bị dính nước. Muốn nói đến chỗ bất nhiễm của tất cả chúng sanh, chúng sanh vốn có vốn đủ như đóa hoa sen vậy.

Ngó sen thẳng, trong gương đầy hạt. So với các loài hoa khác, khi trổ tàn rồi mới bắt đầu có hạt, nhưng hoa sen khi tượng thành hoa là liền có hạt. Có nghĩa muốn nói tất cả chúng sanh bên ngoài hiện tướng sanh diệt, nhưng vẫn ẩn tàng mầm mống bất sanh bất diệt.

Sen vừa có gương là có hạt liền. Muốn nói đến nhân quả đồng thời. Tức là ngay tại chỗ này có một sự việc xảy ra thì tất cả chúng sanh đều hiện hữu tướng chân thật, không trải qua thứ lớp. Ngay khi nhận được Tri Kiến Phật là ngay khi đó thành Phật, không trải qua bất cứ thứ lớp nào, không phải đợi một hồi, hay một chút nữa, hay một thời gian nữa. Không trải qua một sát na, mà tất cả chúng sanh đều vốn dĩ có đầy đủ Như Lai Tự Tánh để có thể đồng đẳng với chư Phật mười phương, không qua thứ lớp công phu. Nhân quả đồng thời, không phải bây giờ chúng ta tu để mai một chúng ta được cái này, được cái kia. Hoa sen muốn nói đến sự thật cái chân tướng nó hiển lộ vốn có của tất cả chúng sanh.

* * *

PHẨM “TỰA” THỨ NHẤT

VĂN KINH

Tôi nghe như thế này: Một thuở nọ Đức Phật ở trong núi Kỳ Xà Quật, nơi thành Vương Xá cùng chúng đại Tỳ kheo một muôn hai ngàn người câu hội.

Học Kinh Diệu Pháp Liên Hoa là chúng ta phải thông thấu phẩm Tựa. Thường tất cả các bản Kinh đều nói đến lục chủng thành tựu, tức lục chủng chứng tín là sáu điều chứng minh cho bản Kinh đó có thật. Như ở nước chúng ta, một cuộc họp có biên bản ngày này tháng này, tại địa điểm nào đó có cuộc họp, gồm có ai với ai, người nào chủ tọa v.v... Có những điều đó để xác chứng nó là thật.

Sáu điều để hình thành bộ Kinh gồm có: Tín thành tựu, Văn thành tựu, Thời thành tựu, Chủ thành tựu, Xứ thành tựu và Chúng thành tựu.

Khi Đức Phật chuẩn bị nhập Niết Bàn, ngài A Nan đánh lễ thưa với Đức Phật: *“Sau này chúng con trùng tuyên lại những lời của Đức Thế Tôn thì chúng con phải lấy gì làm đầu đề?”* Đức Phật dạy nhiều điều, trong đó có một điều quan trọng để ở đầu đề là: *“Tôi nghe như vậy”*.

“Như vậy” là Tín thành tựu. Theo nghĩa bình thường, *“như vậy”* có nghĩa là như bản Kinh này, như những điều chúng tôi nói ở đây. Nhưng chữ *“Như thị”* trong Kinh Pháp Hoa nó lại thêm một nghĩa nữa là muốn nói đến cái chỗ *“Như Như vốn có hiện tiền”*. *“Như thị”* muốn hiển thị cái Như Như bất động kia. Tức là từ cái chỗ Như thị đó, từ cái chỗ Như Như bất động đó, mà có người nghe và có Pháp để người đó tiếp tục nghe. *“Như thị”* này là cái như thật, cái

hiện tiền của tất cả chúng sanh, nó xuất phát cái nghe, cái không nghe, cái hiểu biết, cái không hiểu biết, từ chỗ Như Như bất động đó mà ra. Nên từ cái chỗ ‘Như thị’ này mà sản sinh ra con người sau này là “Tôi nghe”.

“*Tôi nghe như vậy*”. Tức là làm sao mà chúng ta phải thấy như vậy, chúng ta phải nghe như vậy, chúng ta phải biết như vậy, và chỉ như vậy mà biết, như vậy mà nghe trong tất cả mọi tình huống. Tất cả những cái đó gọi là “Như thị”. Cái “Như thị” là cái như thật mà nó luôn luôn hiện tiền, vốn có và sẵn đủ từng giờ từng phút từng giây trong tất cả chúng ta. Người nào nghe Kinh Pháp Hoa bằng cái “Như thị” để rõ biết lời, rõ biết ngôn cú trong Kinh Pháp Hoa thì người đó biết được cái “Như thị”.

“*Tôi nghe*” là *Văn thành tựu*. Theo như trong Kinh là ngài A Nan muốn diễn tả việc này. Thứ hai, là ngài A Nan chuẩn bị trùng tuyên lại bản Kinh. “Tôi nghe” là bản thân ngài A Nan được nghe từ lời Đức Phật nói.

“*Một thuở*” là *Thời thành tựu*. Thời gian không đồng nhất vì vậy mà không ghi rõ ngày tháng năm thuyết Pháp mà chỉ ghi một thuở, ý nói thời gian vốn dĩ không thật. Nếu một người đang ở trong cái Như thị ban đầu để nghe thì chúng ta sẽ thấy được là thời gian ngày xưa và bây giờ không khác nhau. Thời gian không khác nhau ở chỗ đang nghe của mình.

Ví dụ nãy giờ một tiếng đồng hồ chúng ta nghe Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Nếu chúng ta ở cái Như Như bất động để nghe thì tiếng nói ban đầu và tiếng nói bây giờ không khác nhau. Nếu chúng ta bằng cái Như Như để chúng ta nghe thì thời gian không có thật trong cái đang nghe của mình. Thời gian không có, có nghĩa là không có quá khứ, không có hiện tại, không có vị lai.

Ngày xưa Đức Phật nói Kinh Pháp Hoa, bây giờ cũng nói Kinh Pháp Hoa đúng với ý của chư Phật thì đồng với thời Đức Phật nói ngày xưa. Cho nên nếu người nào bằng cái Như Như bất động để nghe thì Diệu Pháp Liên Hoa từ hội Linh Sơn cho đến giờ này, vẫn còn vang động ở nơi đây để chúng ta tiếp tục nghe nữa.

“Nơi thành Vương Xá” là Xứ thành tựu.

“Đức Phật” là Chủ thành tựu.

“Cùng chúng đại Tỳ kheo một vạn hai ngàn người câu hội” là Chúng thành tựu.

VĂN KINH

Các vị đó đều là bậc A La Hán, các lậu đã hết, không còn phiền não, việc lợi mình đã xong dứt sự ràng buộc trong các cõi tâm được tự tại. Tên của các vị đó là: A Nhã Kiều Trần Như, Ma Ha Ca Diếp, Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp, Đà Gia Ca Diếp, Na Đề Ca Diếp, Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên, Ma Ha Ca Chiên Diên, A Nậu Lô Đà, Kiếp Tân Na, Kiều Phạm Ba Đề, Ly Bà Đa, Tất Lãng Già Bà Ta, Bạc Câu La, Ma Ha Câu Hy La, Nan Đà, Tôn Đà La Nan Đà, Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử, Tu Bồ Đề, A Nan, La Hầu La v.v... đó là những vị đại A La Hán hàng tri thức của chúng.

Lại có bậc hữu học và vô học hai ngàn người.

Bà Tỳ kheo ni Ma ha Ba Xà Ba Đề cùng với quyến thuộc sáu ngàn người câu hội. Mẹ của La Hầu La là bà Tỳ kheo ni Gia Du Đà La cùng với quyến thuộc câu hội.

Bậc Đại Bồ Tát tám muôn người đều không thoái chuyển ở nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đều chứng được Pháp Đà la ni nhạo thuyết biện tài, chuyển nói Pháp luân bất thoái chuyển, từng cúng

dường vô lượng trăm nghìn chư Phật, ở nơi các Đức Phật trông các tội công đức.

Thường được các Phật ngợi khen, dùng đức từ để tu thân, khéo chứng trí tuệ của Phật, thông đạt đại trí đến nơi bờ kia, danh đồn khắp vô lượng thế giới có thể độ vô số trăm ngàn chúng sanh.

Tên của các vị đó là: Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát, Đắc Đại Thế Bồ Tát, Thường Tinh Tấn Bồ Tát, Bất Hưu Túc Bồ Tát, Bảo Chương Bồ Tát, Dược Vương Bồ Tát, Đông Thích Bồ Tát, Bảo Nguyệt Bồ Tát, Nguyệt Quang Bồ Tát, Mãn Nguyệt Bồ Tát, Đại Lực Bồ Tát, Vô Lượng Lực Bồ Tát, Việt Tam giới Bồ Tát, Bạt Đà Bà La Bồ Tát, Di Lạc Bồ Tát, Bảo Tích Bồ Tát, Đạo Sư Bồ Tát v.v... các vị Đại Bồ Tát như thế tám vạn người câu hội.

Lúc bấy giờ, Thích Đề Hoàn Nhân cùng quyền thuộc hai vạn vị thiên tử câu hội.

Lại có Minh Nguyệt thiên tử, Phổ Hương thiên tử, Bảo Quang thiên tử, bốn vị đại Thiên Vương cùng với quyền thuộc một vạn thiên tử câu hội.

Tự Tại thiên tử, Đại Tự Tại thiên tử cùng với quyền thuộc ba vạn thiên tử câu hội.

Chủ cõi Ta Bà: Phạm Thiên Vương, Thi Khí Đại Phạm, Quang Minh Đại Phạm v.v... cùng với quyền thuộc một muôn hai ngàn vị thiên tử câu hội.

Có tám vị Long vương: Nan Đà Long vương, Bạt Nan Đà Long vương, Sa Đà La Long vương, Hòa Tu Cát Long vương, Đức Xoa Ca Long vương, A Na Bà Đạt Đa Long

vương, Ma Na Tư Long vương, Ưu Bát La Long vương v.v... đều cùng bao nhiêu trăm ngàn quyến thuộc câu hội.

Có bốn vị Khẩn na la vương: Pháp Khẩn na la vương, Diệu Pháp Khẩn na la vương, Đại Pháp Khẩn na la vương, Trì Pháp Khẩn na la vương đều cùng bao nhiêu trăm ngàn quyến thuộc câu hội.

Có bốn vị Càn thất bà vương: Nhạc Càn thất bà vương, Nhạc Âm Càn thất bà vương, Mỹ Càn thất bà vương, Mỹ Âm Càn thất bà vương, đều cùng bao nhiêu trăm ngàn quyến thuộc câu hội.

Có bốn vị A tu la vương: Bà Trĩ A tu la vương, Khur La Khiên Đà A tu la vương, Tỳ Ma Chát Đa La A tu la vương, La Hâu A tu la vương, đều cùng bao nhiêu trăm ngàn quyến thuộc câu hội.

Có bốn vị Ca lâu la vương: Đại Oai Đức Ca lâu la vương, Đại Thân Ca lâu la vương, Đại Mãn Ca lâu la vương, Như Ý Ca lâu la vương, đều cùng bao nhiêu trăm ngàn quyến thuộc câu hội.

Vua A Xà Thế, con bà Vi Đề Hi, cùng bao nhiêu trăm ngàn quyến thuộc câu hội.

Cả chúng đều lễ chân Phật, lui ngôi một phía.

Ở đây giới thiệu chúng hội từ các vị Thanh Văn đệ tử của Đức Phật đã chứng quả A La Hán, cho đến chúng hội các vị Tỳ kheo từ bậc hữu học cho đến vô học là hai ngàn người. Tỳ kheo ni Ma Ha Ba Xà Ba Đề, mẹ của La Hâu La là Tỳ kheo ni Gia Du Đà La cùng với quyến thuộc sáu ngàn người câu hội. Có tám vạn các vị Bồ Tát đồng câu hội cùng các vị ở cõi Trời Đao Lợi, cõi Trời Tứ Thiên Vương. Rồi có Thích Đề Hoàn Nhân cùng quyến thuộc hai vạn vị thiên tử

câu hội. Có chủ cõi Ta Bà: Phạm Thiên Vương, có tám vị Long Vương, có bốn vị Khẩn na la Vương, có bốn vị Càn thất bà Vương, có bốn vị A tu la Vương, có bốn vị Ca lâu la Vương. Ở nhân gian có vua A Xà Thế, con bà Vi Đề Hi, cùng bao nhiêu trăm ngàn quyến thuộc câu hội. Cả chúng đều lễ chân Phật, lui ngồi một phía.

Chúng ta thấy một điều vi diệu của Kinh Pháp Hoa là độ tận tất cả chúng sanh thì ở đây bày hiện ra Pháp hội không sót một chúng sanh nào trên khắp các cõi, từ các vị Bồ Tát cho đến chúng hữu tình đều câu hội, để lãnh ý chỉ sâu mầu mà Đức Phật muốn nói. Đó là Pháp hội rất đặc biệt từ ngàn xưa đến giờ.

VĂN KINH

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn, hàng tứ chúng vây quanh cúng dường cung kính ngợi khen tôn trọng, vì các vị Bồ Tát mà nói Kinh Đại thừa tên là: Vô Lượng Nghĩa Xứ Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm.

Nói Kinh này xong, Đức Phật ngồi xếp bằng nhập vào chánh định Vô Lượng Nghĩa Xứ, thân và tâm của Phật đều không lay động.

Khi đó Trời mưa hoa Mạn đà la, hoa Ma ha Mạn đà la, hoa Mạn thù sa, hoa Ma ha Mạn thù sa, để rải trên Đức Phật cùng hàng đại chúng; khắp cõi Phật sáu diệu vang động.

Lúc bấy giờ, trong chúng hội, các hàng: Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Cận sự nam, Cận sự nữ, Trời, Rồng, Dạ Xoa, Càn thất bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la đà, Nhân, Phi nhân và các vị tiểu vương cùng Chuyển Luân Thánh Vương, các đại chúng ấy đều được thấy

việc chưa từng có, vui mừng chấp tay một lòng nhìn Phật.

Sau khi giới thiệu chúng hội rồi thì Đức Phật vì các vị Bồ Tát vây quanh cung kính tôn trọng, mà nói Kinh tên là Vô Lượng Nghĩa Xứ Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm.

Sau khi nói Kinh xong, Đức Phật ngồi xếp bằng nhập vào chánh định Vô Lượng Nghĩa Xứ. Kinh Vô Lượng Nghĩa Xứ đó cho đến giờ phút này vẫn còn vang động trong không gian và đồng vọng cho đến bây giờ. Vậy bản Kinh Vô Lượng Nghĩa Xứ này Đức Phật nói ở đâu? Nói như thế nào?

Ví dụ lỗ tai chúng ta đang nghe từ nãy đến giờ hơn một tiếng đồng hồ rất nhiều âm thanh, rất nhiều lời, rất nhiều câu, rất nhiều ý nghĩa đều nằm gọn trong cái đang nghe của quý vị. Và cho đến giờ phút này không có cái gì có thể thoát khỏi cái đang nghe của chúng ta, nó vẫn rõ ràng từ muôn thuở cho đến bây giờ. Cái nghĩa, cái ngữ nào cũng lọt trong đó cả. Có nghĩa là Đức Phật thuyết ban đầu cái Vô Lượng Nghĩa Xứ đó. Tức là chỉ cho các vị Bồ Tát biết Vô Lượng Nghĩa Xứ Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm.

Không phải chỉ các vị Bồ Tát không thôi, mà tất cả chúng ta ở đây đều có cái Vô Lượng Nghĩa Xứ. Vì không có cái gì mà chúng ta không biết, không có cái nghĩa nào chúng ta không hiểu ngay tại đây và giờ phút này. Nó luôn luôn như vậy từng giờ, từng phút, từng giây. Dù ở nơi đây có xảy ra cái gì, chung quanh đồng một lúc bao nhiêu sự việc xảy ra, chúng ta vẫn đang nghe, chúng ta vẫn đang thấy, chúng ta vẫn đang hiểu, chúng ta vẫn đang hay biết một cách rõ ràng không bị làm lẫn. Đó là Vô Lượng Nghĩa Xứ.

Cái Vô Lượng Nghĩa đó, nó thường trực ở nơi chúng sanh từ ngàn xưa đến bây giờ, không khuất lấp. Điều đó Đức Phật đã nói ở đầu Kinh, mà chúng ta không thấy một ngôn ngữ nào xuất phát từ nơi Đức Phật. Đọc hết bản Kinh Pháp Hoa chúng ta không thấy Đức Phật nói Kinh Vô Lượng Nghĩa Xứ, nhưng mà Đức Phật đã nói rồi. Điều này muốn nói cái gì? Là tất cả những người nghe Kinh Pháp Hoa phải nghe được cái vô lượng nghĩa của chính mình. Cái đó không có cái gì nó không hiểu, không có cái gì nó không nhận ra, không có cái gì nó không bày hiện. Đó là Vô Lượng Nghĩa Xứ.

Ở nơi tai chúng ta nghe tất cả những nghĩa ngữ không làm lẫn. Ở nơi mắt chúng ta thấy tất cả cảnh duyên không làm lẫn. Và nơi lục căn tiếp xúc với lục trần, tất cả lục trần đều hiện rõ không làm lẫn. Không có ngữ nghĩa nào, không có cái sâu cạn nào mà nó không rõ thì đó là cái vô lượng nghĩa của tất cả chúng sanh. Nó vốn có hiện bày từng giờ từng phút từng giây của tất cả chúng sanh. Làm sao chúng ta phải nhận ra được, phải nghe cho kỳ được bản Kinh Vô Lượng Nghĩa Xứ mà Đức Phật đã thuyết trong Kinh Pháp Hoa. Như vậy là chúng ta sẽ nghe rất rõ lời Đức Phật đang thuyết ở hội Linh Sơn.

Rất nhiều ngữ nghĩa từ nãy giờ quý vị đều thông thấu hết không bỏ sót, dù khuất dù hiện nó vẫn rõ ràng không sót. Đó gọi là vô lượng nghĩa. Và nơi chúng ta vốn có vốn đủ như vậy. Dù Đức Phật có mở lời hay chưa mở lời thì nó vẫn rõ ràng. Không phải Đức Phật nói chúng ta mới biết điều này. Không phải do ai dạy chúng ta mới có điều này. Không phải do công phu để ra cái này, mà nó vốn có sẵn đủ của tất cả chúng sanh. Tất cả chúng ta làm sao nghe cho được và khi nghe được rồi, cả những ngữ nghĩa của trần gian này

chúng ta đều thông thấu không bị lầm lẫn thì lúc đó chúng ta nghe được cái Vô Lượng Nghĩa Xứ của Đức Phật nói.

Cái Vô Lượng Nghĩa Xứ nó luôn có ở nơi quý vị, ở ngay tại đây và bây giờ. Tất cả những cái rõ ràng của quý vị nó mang hàng tỷ nghĩa xứ chứ không phải một hai nghĩa xứ đâu. Và Vô Lượng Nghĩa Xứ có thêm cái đặc biệt là nếu ngay nơi một âm thanh mà chúng ta thấu tột được, ngay một hình sắc mà chúng ta thấu tột được, là tất cả những hình sắc những âm thanh chúng ta đều thấu tột. Tức là một pháp nó đồng với muôn ngàn pháp khác. Nếu chúng ta thấu một pháp là chúng ta thấu muôn ngàn pháp. Thấu tột một ngữ là chúng ta thấu tột muôn ngàn ngữ. Thấu tột một nghĩa là chúng ta thấu tột muôn ngàn nghĩa. Cho nên ngay khi chúng hội vừa đánh lễ Đức Phật thì bản Kinh Vô Lượng Nghĩa Xứ đã thuyết xong.

Chỗ này chúng ta khéo mà hay ra con người đang nghe Pháp đó. Con người để chúng ta ngồi đây, người làm chúng ta rõ biết mọi cái, người làm cho chúng ta có sự linh hoạt này thì con người đó bao nhiêu ngữ nghĩa cũng không thể nói hết, và con người đó hiện hữu không có gì khuất lấp được. Chúng ta nhận được con người này là chúng ta nghe được bản Kinh Đức Phật thuyết Vô Lượng Nghĩa Xứ.

Nhập định là nhập định Vô Lượng Nghĩa Xứ. Dù quý vị có la, có hét, có nhảy, có múa thì nó vẫn không động. Không làm sao lay động được, không làm sao ô nhiễm được cái rõ ràng hay biết của quý vị có ở đây. Dù không có một chút nào động đến nó, nhưng nó vẫn rõ ràng muôn pháp, gọi là Định Huệ đồng đẳng.

Nếu ở đây không có thốt ra ngôn ngữ thì quý vị nghe sự yên lặng đó nó hiện hữu. Khi có âm thanh quý vị liền nghe cái động của âm thanh nó đến với mình. Và nếu không có

âm thanh thì quý vị nghe khoảng không có tiếng vẫn rõ, chứ nó không theo âm thanh để mà thay đổi.

Ví dụ như nó bị thay đổi thì khi có âm thanh nó có nghe, khi không có âm thanh nó không nghe được. Còn đấng này không phải như vậy. Nó luôn bất động, nó không bị âm thanh lôi cuốn, cũng không bị cái yên lặng làm xoay trở nó, nó vốn Như Như bất động như thế thì đó gọi là Định Vô Lượng Nghĩa Xứ.

Cái Định đó nó mang tất cả nghĩa ngữ trong Tam giới này, nó hiểu biết tất cả nghĩa ngữ trong Tam giới này mà Như Như bất động. Không có cái gì có thể làm lay động được nó cả, không có cái gì có thể làm nhiễm như nó cả thì đó gọi là Định Vô Lượng Nghĩa Xứ.

Có phải Đức Phật ngồi kiết già nhập vào chỗ bất động đó không? Chúng ta đừng có nghĩ rằng trong Kinh điển tả, sau khi Đức Phật nói Kinh Vô Lượng Nghĩa Xứ rồi Đức Phật lại nhập vào Định Vô Lượng Nghĩa Xứ đó, là chúng ta hiểu lầm. Đức Phật luôn luôn ở trong Định Vô Lượng Nghĩa Xứ. Và khi chúng sanh đánh lễ gặp được Đức Phật rồi thì cái vô lượng nghĩa đó Đức Phật nói ban đầu. Chúng ta làm sao nghe được cái ban đầu, nghe được từ cái thuở nguyên sơ đó thì chúng ta nghe được Kinh Vô Lượng Nghĩa Xứ này.

Sau khi Đức Phật nói Kinh Vô Lượng Nghĩa Xứ, lúc đó các vị Bồ Tát có người ngấm nhận ra, có người không nhận ra, mà cả chúng hội đều vui mừng hơn hờ chấp tay một lòng nhìn Phật.

VĂN KINH

Bấy giờ, Đức Phật từ nơi tướng lông trắng giữa chạng mày phóng ra luồng hào quang chiếu khắp cả một muôn tám nghìn cõi ở phương Đông, dưới thì chiếu đến địa ngục A Tỳ, trên suốt thấu Trời Sắc Cứu Cánh. Chúng ở cõi này đều thấy cả sáu loài chúng sanh ở các cõi kia.

Lại thấy các Đức Phật hiện tại nơi các cõi kia và nghe Kinh Pháp của các Đức Phật ấy nói. Cùng thấy nơi các cõi kia, các hàng Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Cận sự nam, Cận sự nữ, những người tu hành đặc đạo.

Lại thấy các vị Đại Bồ Tát dùng các món nhân duyên, các lòng tín giải, các loại tướng mạo mà tu hành đạo Bồ Tát. Lại thấy các Đức Phật nhập Niết Bàn, lại thấy sau khi các Đức Phật nhập Niết Bàn, đem Xá lợi của Phật mà dựng tháp bằng bảy báu.

Lúc này Đức Phật lại hiện thần lực ra: “Nơi lông trắng giữa chạng mày Đức Phật phóng ra luồng hào quang chiếu khắp cả một muôn tám nghìn cõi ở phương Đông, dưới thì chiếu đến địa ngục A Tỳ, trên suốt thấu Trời Sắc Cứu Cánh”.

Hào quang xuất phát từ lông trắng giữa hai chân mày là hướng về cội nguồn để sanh ra Vạn Pháp.

Thứ nhất, hào quang đó không kẹt trong căn trần. Nơi trán chúng ta có hai chân mày hai bên, có tác dụng ngăn chặn mồ hôi chảy xuống mắt. Chân mày còn biểu tượng cho hai bên. Tức là khi con người mà còn thấy hai bên là còn vướng kẹt, là còn ở trong phàm phu. Lông trắng giữa chân mày Đức Phật là cái hào quang sáng suốt của Đức Phật. Khi Đức Phật nhập vào Định Vô Lượng Nghĩa Xứ thì từ nơi lông trắng giữa chạng mày Đức Phật phóng ra luồng hào

quang, bằng trí tuệ lìa thoát hai bên của Đức Phật mới vượt qua được một muôn tám ngàn cõi là vượt qua mười tám giới là sáu căn, sáu trần, sáu thức.

Thứ hai, hào quang đó không bị vướng kẹt hai bên. Trí tuệ đó không phải là cái thấy bên phải, bên quấy, bên đúng, bên sai. Cái thấy đó là trí tuệ lìa thoát hai bên mới soi thấu Trời Hữu Đánh, tức là soi đến chỗ cực thiện trong tâm thức chúng ta. Và soi thấu địa ngục A Tỳ là soi đến chỗ cực ác nơi nội lòng chúng ta. Chỉ có trí tuệ vượt thoát hai bên mới đủ thấy cái nghiệp thô trọng, cái nghiệp tinh tế, cái nghiệp sâu lắng trong tâm của mình. Ngoài trí tuệ đó ra không có ai đủ sức để có thể soi thấu cả, đó là điều chúng ta phải thấy biết.

Hào quang đó hướng về cội nguồn. Khi quay về cội nguồn rồi thì thấy tất cả những nghiệp thô trọng, cho đến vi tế nơi tâm thức của mình. Và ở nơi đó có sự sinh hoạt, có sự thú hưởng của tất cả chúng sanh.

Ví dụ lúc chúng ta khởi thiện ít ít thì chúng ta có thể sanh về cõi Trời thấp thấp. Hoặc lúc chúng ta tu cao chút nữa thì chúng ta sanh về cõi Trời cao hơn. Cho đến cõi Trời Hữu Đánh, cõi Trời Sắc Cứu Cánh là phải qua công phu thiền định mới được về.

Điều muốn nói nữa là ở nơi chúng ta vốn đủ cả thiện và ác. Có nghĩa là tất cả những cõi trong Tam giới này vốn đủ ở trong tâm chúng ta. Lúc nào chúng ta hành nghiệp nào, tương ứng với cảnh giới nào thì chúng ta về cảnh giới đó, chúng ta hành nghiệp tương ứng cảnh giới người thì chúng ta về cõi Người, chúng ta hành nghiệp tương ứng với cảnh giới trời thì chúng ta liền sanh về cõi Trời. Cảnh giới đó nó thường dao động ở nơi tâm của mình. Có lúc chúng ta rất hung dữ thì chiêu cảm nghiệp địa ngục liền với chính mình.

Có lúc chúng ta rất hiền lương thì chiêu cảm nghiệp cõi Trời với mình liền. Có lúc chúng ta sống bình thường thì chiêu cảm nghiệp cõi Người.

Chúng ta vốn đã đầy đủ như vậy thì từ nghiệp nhỏ cho đến nghiệp lớn, từ nghiệp thiện cho đến nghiệp ác, nếu chúng ta muốn làm điều gì, chúng ta muốn kết nghiệp nào thì chúng ta đi đến cõi đó một cách dễ dàng. Cõi đó không phải là cõi để dành cho ai cả. Nếu chúng ta huân tập theo một chiều hướng nghiệp tập nào đó, theo cái vốn có sẵn đủ nơi lòng chúng ta thì chúng ta sẽ chiêu cảm cảnh giới đó từng giờ từng phút từng giây trong cuộc sống này, nếu cái nghiệp đó nhiều nó sẽ mang chúng ta đến cảnh giới đó chúng ta sống.

Ví dụ chúng ta thường xuyên làm điều thiện, đủ phước thì cái nghiệp đó sẽ kết nối với chúng ta ở cảnh giới trời. Chúng ta làm điều cực ác thì cái nghiệp ác nó đủ để đem chúng ta xuống địa ngục.

Hào quang giữa chặng mây được phóng ra của Đức Phật là soi thấu hết tất cả cõi giới đó. Trong đó vốn có Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Trời, Người, A tu la, Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Có đầy đủ Thánh Hiền và có Đức Phật trong đó. Đức Phật vốn có trong cõi giới ấy. Tức là tâm giác ngộ của chúng ta cũng vốn có đủ rồi, vốn có sẵn trong ấy chứ không phải đợi lúc nào đó chúng ta mới có. Nếu như bây giờ chúng ta không tiếp tục đi theo con đường ngạ quỷ, địa ngục, súc sanh nữa, không tiếp tục theo những ý niệm xấu của mình nữa, chúng ta chỉ đi theo con đường giác ngộ giải thoát của chính mình thì chúng ta khế ứng với trí tuệ vốn có và sẵn đủ của mình.

“Hào quang chiếu khắp cả một muôn tám nghìn cõi ở phương Đông”. Ở đây sáu căn, sáu trần, sáu thức là mười

tám giới, mỗi căn biểu trưng cho một nghìn cõi. Ví dụ trong một tiếng đồng hồ chúng ta đi tới đi lui trong nhà, chúng ta thấy hết việc này đến việc kia, chúng ta thấy rất nhiều cái, biết rất nhiều việc. Như vậy một ngày một đêm chúng ta thấy rất nhiều. Ở đây, Đức Phật nói là mỗi căn chúng ta là một cõi giới, cõi sắc, cõi thanh, cõi hương, cõi vị, cõi xúc, cõi pháp. Nhãn căn của chúng ta nhìn thấy sắc trần để rồi thức phân biệt tạo thành cõi giới, đó là cõi sắc. Cõi thanh cũng vậy, chúng ta nghe rất nhiều việc, rồi phân biệt để buồn thương giận ghét trên đó, tạo thành một cõi âm thanh. Trong mỗi cõi đó có căn, trần, thức. Sáu căn tiếp xúc sáu trần phân biệt của sáu thức cộng lại thành mười tám giới. Mười tám giới này gọi là mười tám ngàn cõi nước. Mỗi căn thanh tịnh tạo thành một cõi riêng.

Ở phương Đông, nơi khởi đầu sự động hóa để tạo tác sự sinh hoạt trong ngày, tức là nơi sinh sôi nảy nở một công việc làm đầu ngày. Ví dụ, đầu ngày là nơi phương Đông mặt trời bắt đầu mọc, nơi đó chuẩn bị cho tất cả mọi sinh hoạt sẽ xảy ra, cho nên ở đây hào quang Đức Phật không chiếu ở phương Nam, phương Tây, phương Bắc mà chiếu ở phương Đông. Tức là muốn nói trí tuệ đó soi ngược về nguồn sáng, nơi nguồn đó chúng sanh bắt đầu sinh sôi nảy nở ra. Và nơi đó là nơi động hóa sinh hoạt của tất cả chúng sanh, là nơi sanh ra tất cả những chúng sanh ở nơi tâm thức chúng ta.

“*Dưới thì chiếu đến địa ngục A Tỳ*”. Nơi trí tuệ đó chúng ta thấy được tâm đen tối của mình. Địa có nghĩa là đất, ngục là tối tăm. Địa ngục là mảnh tâm vô minh đen tối của chúng sanh.

Ví dụ chúng ta lỡ có chuyện gì xảy ra không vừa ý mình, mình vừa khởi ý niệm trả thù, hoặc hãm hại người ta để

thỏa mãn cái sân hận tức tối của mình thì tâm đen tối đó là cảnh giới địa ngục bắt đầu hiện ra liên tục, mà chúng ta không dừng dứt được.

Địa ngục A Tỳ còn gọi là địa ngục Vô Gián, là địa ngục không gián cách, là đau khổ liên tục xảy ra không có phút tạm dừng.

“*Trên suốt thấu Trời Sắc Cứu Cánh*”. Đây là cõi Sắc cao nhất trong cõi Trời. Nghĩa là trí này soi thấu nơi cực thiện cõi lòng chúng ta.

“*Chúng ở cõi này đều thấy cả sáu loài chúng sanh ở các cõi kia*”. Khi hào quang đó chiếu soi thì tất cả chúng sanh trong chúng hội này thấy chúng sanh trong sáu cõi kia: Trời, Người, A tu la, Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Tức là khi tướng lông trắng giữa chặng mày mà soi ngược trở vào trong tâm chúng ta thì nơi tâm chúng ta có đầy đủ Trời, Người, A tu la, Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Có nghĩa cái thiện và cái ác vốn có và vốn đủ nơi tâm của tất cả chúng ta.

“*Lại thấy các Đức Phật hiện tại nơi các cõi kia và nghe Kinh Pháp của các Đức Phật ấy nói*”. Có nghĩa trong cõi lòng chúng ta, không phải chỉ có những chúng sanh được sanh ra trong lục đạo luân hồi, mà Tri Kiến Phật cũng vốn có và sẵn đủ đang hiện hữu nơi cội nguồn tâm của chúng ta.

“*Cùng thấy nơi các cõi kia, các hàng Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Cận sự nam, Cận sự nữ, những người tu hành đắc đạo*”.

Tăng có nghĩa là hòa hợp và thanh tịnh, có nghĩa là nơi tâm của chúng ta cũng có sẵn sự hòa hợp, thanh tịnh và cũng sẵn đủ tất cả những ý niệm giác ngộ giải thoát.

“Lại thấy các vị Đại Bồ Tát dùng các món nhân duyên, các lòng tín giải, các loại tướng mạo mà tu hành đạo Bồ Tát”.

Bồ Tát là các vị giác hữu tình và hữu tình giác. Tức là bản thân các vị này tự giác ngộ Phật đạo và có khả năng làm giác ngộ Phật đạo cho mọi người. Có nghĩa nơi lòng chúng ta thỉnh thoảng khởi lên những ý niệm giác ngộ. Chúng ta cảm thấy sự giác ngộ này sẽ đem đến sự an vui hạnh phúc cho mình, cho nên nghĩ mình có thể giúp người này, mình có thể giúp người kia. Và những ý niệm đó sanh sôi nảy nở nhiều nơi lòng chúng ta, cho nên chúng ta thấy rằng những ý niệm giải thoát là có lợi và chúng ta nghĩ đến việc giúp đỡ người khác.

“Lại thấy các Đức Phật nhập Niết Bàn, lại thấy sau khi các Đức Phật nhập Niết Bàn, đem Xá lợi của Phật mà dựng tháp bằng bảy báu”.

Ý niệm được sanh ra, dù đó là ý niệm Phật thì nó cũng phải mất đi. Ý niệm được sanh ra dù ý niệm đó là ý niệm Bồ Tát thì nó cũng phải mất đi. Cho nên ý niệm được sanh ra, dù chúng ta có quý kính đi nữa thì ý niệm đó cũng chợt có chợt mất nơi tâm mình. Sau khi ý niệm được sanh ra chúng ta có muốn gìn giữ, chúng ta có muốn nhớ nhung, thì chúng ta chỉ tưởng tượng lại thôi, chứ chúng ta không giữ ý niệm giác ngộ giải thoát đó hoài nơi tâm mình được. Trừ khi chúng ta tu hành đắc đạo hoàn toàn, đạt đến Diệu Giác hoàn toàn thì ý niệm giác ngộ giải thoát nó liên tục xảy ra không bao giờ dừng dứt. Còn là một chúng sanh bình thường thì ý niệm dù là ý niệm Phật, dù là ý niệm giác ngộ của Bồ Tát, nó cũng chợt có chợt mất, không tồn tại hoài.

VĂN KINH

Khi ấy, ngài Di Lạc Bồ Tát nghĩ rằng: Hôm nay Đức Thế Tôn hiện thân biến tướng, vì nhân duyên gì mà có điềm lành này.

Nay Đức Phật đương nhập chánh định, việc biến hiện hi hữu không thể nghĩ bàn này nên hỏi ai, ai đáp được?.

Ngài lại nghĩ: Ông Pháp Vương tử Văn Thù Sư Lợi này đã từng gần gũi cúng dường vô lượng các Đức Phật đời quá khứ chắc đã thấy tướng hi hữu này, ta nay nên hỏi ông.

Lúc đó, hàng Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Cận sự nam, Cận sự nữ và các Trời, Rồng, Quỷ, Thần v.v... đều nghĩ rằng: Tướng thân thông sáng chói của Đức Phật hiện đây, nay nên hỏi ai?.

Bấy giờ, ngài Di Lạc Bồ Tát muốn giải quyết chỗ nghi của mình, Ngài lại xét tâm niệm của bốn chúng: Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Cận sự nam, Cận sự nữ và của cả chúng hội Trời, Rồng, Quỷ, Thần v.v... mà hỏi Văn Thù Sư Lợi rằng: Vì nhân duyên gì mà có tướng lành thân thông này, Phật phóng ánh sáng lớn soi khắp một muôn tám nghìn cõi ở phương Đông, đều thấy cõi nước trang nghiêm của các Đức Phật?.

Lúc này hiện ra ngài Bồ Tát Di Lạc, là vị Phật tương lai ở cõi Ta Bà chúng ta. Trong Duy Thức Quán thì Di Lạc được gọi là Thức phân biệt, cho nên khi lông trắng giữa chạng mào soi khắp cõi lòng thì hiện ra đầy đủ các cõi nước, thì thức bắt đầu phân biệt thắc mắc không biết việc này xảy ra như thế nào. Nên muốn tìm hiểu việc này thì phải quay về với nguồn sáng. Tức là quay trở lại với Bản Giác của chúng ta là Văn Thù Sư Lợi.

Ngài Văn Thù Sư Lợi được gọi là Căn bản trí, là Bản Giác của chúng ta, nên khi chúng ta muốn biết tất cả những ý niệm xảy ra nơi tâm thì thức không đủ sức biết nổi, mà chỉ có Căn bản trí mới có thể soi thấu biết được mà thôi. Vì vậy ngài Di Lặc bắt đầu khởi thắc mắc liền nghĩ đến ngài Văn Thù Sư Lợi. Ngài Văn Thù Sư Lợi mới có đủ khả năng biết được sự thật này.

VĂN KINH

Khi đó, ngài Di Lặc muốn nói lại nghĩa trên, dùng kệ hỏi rằng:

**Ngài Văn Thù Sư Lợi!
Đức Đạo Sư có chi
Lông trắng giữa chạng mờ
Phóng ánh sáng khắp soi?
Trời mưa hoa Mạn đà
Cùng hoa Mạn thù sa,
Gió thơm mùi Chiên Đàn
Vui đẹp lòng đại chúng
Vi nhân duyên như vậy
Cõi đất đều nghiêm tịnh
Mà trong thế giới này
Sáu diệu vang động lên
Bảy giờ bốn bộ chúng
Thấy đều rất vui mừng
Thân cùng ý thơ thới
Được việc chưa từng có.
Ánh sáng giữa chạng mờ
Soi suốt thẳng phương Đông
Một muôn tám nghìn cõi
Đều ánh như sắc vàng.
Từ địa ngục A Tỳ
Trên đến Trời Hữu Đảnh**

Trong các thế giới đó
 Cả sáu đạo chúng sanh
 Sống chết của kia đến
 Nghiệp duyên lành cùng dữ
 Thọ báo có tốt xấu
 Tại đây đều thấy rõ.
 Lại thấy các Đức Phật
 Đấng Thánh Chúa sư tử
 Diễn nói các Kinh điển
 Nhiệm màu bậc thứ nhất.
 Tiếng của Ngài thanh tịnh
 Giọng nói ra êm dịu
 Dạy bảo các Bồ Tát
 Vô số ức muôn người
 Tiếng Phạm âm thâm diệu
 Khiến người đều ưa nghe.
 Các Phật ở cõi mình
 Mà giảng nói Chánh Pháp
 Dùng nhiều món nhân duyên
 Cùng vô lượng tỉ dụ
 Để soi rõ Phật Pháp
 Mà khai ngộ chúng sanh.
 Nếu có người bị khổ
 Nhàm lìa già, bệnh, chết,
 Phật vì nói Niết Bàn
 Để dứt các ngăn khổ
 Nếu là người có phước
 Đã từng cúng dường Phật
 Chí cầu Pháp thù thắng
 Vì nói hạnh Duyên Giác
 Nếu lại có Phật tử
 Tu tập các công hạnh
 Để cầu tuệ Vô thượng

Phật vì nói tịnh đạo.
Ngài Văn Thù Sư Lợi!
Tôi ở tại nơi đây
Thấy nghe dường ấy đó
Và nghìn ức việc khác
Thấy rất nhiều như thế
Nay sẽ lược nói ra:
Tôi thấy ở cõi kia
Có hằng sa Bồ Tát
Dùng các món nhân duyên
Mà cầu chứng Phật đạo.
Hoặc có vị Bồ thí
Vàng, bạc, ngọc, san hô,
Trân châu, ngọc như ý,
Ngọc xa cừ mã não,
Kim cương các trân bảo
Cùng tôi tớ, xe cộ
Kiệu, cán chưng châu báu
Vui vẻ đem Bồ thí
Hồi hướng về Phật đạo
Nguyện được chứng thừa ấy
Bậc nhất của ba cõi
Các Phật hằng khen ngợi.
Hoặc có vị Bồ Tát
Xe tứ mã xe báu
Bao lơn che tàn đẹp
Trau tria dùng Bồ thí.
Lại thấy có Bồ Tát
Bồ thí cả vợ con
Thân thịt cùng tay chân
Để cầu Vô thượng đạo.
Lại thấy có Bồ Tát
Đầu, mắt và thân thể

Đề ưa vui thí cho
 Đề cầu trí tuệ Phật
 Ngài Văn Thù Sư Lợi!
 Ta thấy các quốc vương
 Qua đến chỗ của Phật
 Thừa hỏi đạo Vô thượng
 Bèn bỏ nước vui vẻ
 Cung điện cả thần thiếp
 Cạo sạch râu lẫn tóc
 Mà mặc y pháp phục.
 Hoặc lại thấy Bồ Tát
 Mà hiện làm Tỳ kheo
 Một mình ở vắng vẻ
 Ưa vui tụng Kinh điển
 Cũng thấy có Bồ Tát
 Đồng mãnh và tinh tấn
 Vào ở nơi thâm sơn
 Suy xét mối Phật đạo
 Và thấy bậc ly dục
 Thường ở chỗ không nhàn
 Sâu tu các thiền định
 Được năm món thần thông
 Và thấy vị Bồ Tát
 Chắp tay trụ thiền định
 Dùng ngàn muôn bài kệ
 Khen ngợi các Pháp vương
 Lại thấy có Bồ Tát
 Trí sâu chí bền chắc
 Hay hỏi các Đức Phật
 Nghe rồi đều thọ trì.
 Lại thấy hàng Phật tử
 Định huệ trọn đầy đủ
 Dùng vô lượng tỉ dụ

Vì chúng mà giảng Pháp
Vui ưa nói các pháp
Dạy bảo các Bồ Tát
Phá dẹp chúng binh ma
Mà đánh rền trống Pháp
Cùng thấy vị Bồ Tát
Vắng bật yên lặng ngồi
Trời, Rồng đều cung kính
Chẳng lấy đó làm mừng,
Và thấy có Bồ Tát
Ở rừng phóng hào quang
Cứu khổ chốn địa ngục
Khiến đều vào Phật đạo.
Lại thấy hàng Phật tử
Chưa từng có ngủ nghỉ
Kinh hành ở trong rừng
Siêng năng cầu Phật đạo
Cũng thấy đủ giới đức
Uy nghi không thiếu sót
Lòng sạch như bảo châu
Để cầu chứng Phật đạo.
Và thấy hàng Phật tử
Trụ vào sức nhẫn nhục
Bị kẻ tăng thượng mạn
Mắng rủa cùng đánh đập
Thấy đều hay nhẫn được
Để cầu chứng Phật đạo
Lại thấy có Bồ Tát
Xa rời sự chơi cười
Và quyên thuộc ngu si
Ưa gần gũi người trí
Chuyên tâm trừ loạn động
Nhiếp niệm ở núi rừng

Trái ức nghìn muôn năm
 Để cầu được Phật đạo.
 Lại thấy vị Bồ Tát
 Đồ ăn uống ngọt ngon
 Cùng trăm món thuốc thang
 Đem cúng Phật và Tăng,
 Áo tốt đồ thượng phục
 Giá đáng đến nghìn muôn
 Hoặc là vô giá y
 Dùng nghìn muôn ức thứ
 Nhà báu bằng Chiên đàn
 Các giường nằm tốt đẹp
 Để cúng Phật cùng Tăng
 Rừng vườn rất thanh tịnh
 Bông trái đều sum sê
 Suối chảy cùng ao tắm
 Cúng cho Phật và Tăng,
 Cúng thí như thế đó
 Các đồ cúng tốt đẹp
 Vui vẻ không hề nhàm
 Để cầu đạo Vô thượng.
 Lại có vị Bồ Tát
 Giảng nói Pháp tịch diệt
 Dùng các lời dạy dỗ
 Dạy vô số chúng sanh
 Hoặc thấy vị Bồ Tát
 Quán sát các pháp tịnh
 Điều không có hai tướng
 Cũng như khoảng hư không
 Lại thấy hàng Phật tử
 Tâm không chỗ mê đắm
 Dùng món diệu huệ này
 Mà cầu đạo Vô thượng.

**Ngài Văn Thù Sư Lợi!
Lại có vị Bồ Tát
Sau khi Phật diệt độ
Cúng dường Xá Lợi Phật.
Lại thấy hàng Phật tử
Xây dựng các tháp miếu
Nhiều vô số hằng sa
Nghiêm sức khắp cõi nước.
Bảo tháp rất cao đẹp
Đều năm nghìn do tuần.
Bề ngang rộng xứng nhau
Đều hai nghìn do tuần.
Trong mỗi mỗi tháp miếu
Đều có ngàn tràng phan
Màn châu xen thả xuống
Tiếng linh báu hòa reo
Các vị Trời, Rồng, Thần,
Người cùng với Phi nhân
Hương, hoa, cùng kỹ nhạc
Thường đem đến cúng dường
Ngài Văn Thù Sư Lợi!
Các hàng Phật tử kia
Vì cúng dường Xá lợi
Nên trang sức tháp miếu,
Cõi quốc giới tự nhiên
Thù đặc rất tốt đẹp
N như cây Thiên thọ vương
Hoa kia đang xòe nở
Phật phóng một luồng sáng
Ta cùng cả chúng hội
Thấy nơi cõi nước này
Các thứ rất tốt đẹp
Thần lực của chư Phật**

Trí huệ đều hi hữu
Phóng một luồng tịnh quang
Soi khắp vô lượng cõi
Chúng ta thấy việc này
Được điều chưa từng có.
Xin Phật tử Văn Thù
Giải quyết lòng chúng nghi
Bốn chúng đều mong ngóng
Nhìn Ngài và nhìn ta
Đức Thế Tôn có chi
Phóng ánh quang minh này?
Phật tử phải thời đáp
Quyết nghi cho chúng mừng
Có những lợi ích gì
Đức Phật phóng quang này?
Khi Phật ngồi đạo tràng
Chúng được Pháp thâm diệu
Vì muốn nói Pháp đó
Hay là sẽ thọ ký?
Hiện bày các cõi Phật
Các báu sạch trang nghiêm
Cùng thấy các Đức Phật
Đây không phải có nhỏ
Ngài Văn Thù nên biết
Bốn chúng và Long, Thần
Nhìn xem xét ngài đó
Mong sẽ nói những gì?
Phân trùng tụng chỉ lặp lại ý trên.

VĂN KINH

Lúc bấy giờ, ngài Văn Thù Sư Lợi nói với ngài Di Lạc Đại Bồ Tát cùng các vị Đại sĩ: Các Thiện nam tử! Như chỗ tôi xét nghĩ thì nay Đức Phật Thế Tôn muốn nói Pháp lớn, mưa Pháp vũ lớn, thổi Pháp loa lớn, đánh Pháp cổ lớn và diễn Pháp nghĩa lớn.

Các thiện nam tử! Ta từng ở nơi các Đức Phật đời quá khứ thấy diêm lành này, Phật kia phóng hào quang đó rồi liền nói Pháp lớn. Cho nên chắc biết rằng hôm nay Đức Phật hiện hào quang cũng lại như vậy. Phật vì muốn cho chúng sanh đều được nghe biết Pháp mầu mà tất cả trong đời khó tin theo, cho nên hiện diêm lành này.

Ngài Văn Thù Sư Lợi khẳng định khi Đức Phật phóng quang như thế là chuẩn bị nói Pháp, mà Pháp đó hết sức quan trọng cho nên mới hiện thần biến tướng như vậy.

VĂN KINH

Các thiện nam tử! Như vô lượng vô biên A tăng kỳ kiếp về trước. Bấy giờ có Đức Phật hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, diễn nói Chánh Pháp.

Đức Phật hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh. Nhật có nghĩa là mặt trời. Nguyệt là mặt trăng. Đăng là đèn. Minh có nghĩa là sáng. Tên Đức Phật toàn là sáng. Ngài có đầy đủ mười hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Như Lai: “*vô sở tùng lai diệc vô sở khứ cố danh Như Lai*”: Có nghĩa là không đi đến đâu, không về đâu. Hoặc nói Như Lai là nghĩa Như của các Pháp. Tức là khi sáu căn tiếp xúc sáu trần mà nơi đó chúng ta hoàn toàn thanh tịnh, không động nên không vướng chấp thì chỗ đó gọi là Như Lai. Như Lai cũng muốn chỉ chỗ Như Như bất động Tự Tánh của chúng ta.

Ứng Cúng: Có hai nghĩa. Một là ứng chịu Trời, Người cúng dường. Một vị chứng quả Thánh rồi thì như trong Kinh nói người đó đủ đức để có thể nhận chịu Trời, Người cúng dường. Thứ hai, Ứng Cúng có nghĩa là cung ứng cùng khắp.

Ví dụ khi cần nói thì Như Lai sanh ra lời để chúng ta nói, cần biết thì Như Lai phát sanh ra cái biết, cần nghe thì Như Lai phát sanh cái nghe, cần ngửi, cần nếm, lục căn chúng ta cần cái gì, Như Lai cung ứng đầy đủ và cùng khắp cho chúng ta.

Chánh Biến Tri: Là cái thấy biết chân chánh cùng khắp. Tức là nơi lục căn chúng ta dù có thấy, dù có nghe, dù có ngửi, dù có nếm trong mọi thời mọi lúc thì cái thấy nghe ngửi nếm đó không hề có sự dao động, không hề có sự phân biệt hai bên để chúng ta vướng chấp. Chúng ta biết khắp, chúng ta nghe khắp, chúng ta thấy khắp bằng cái chân Tánh toàn tri toàn giác của chính mình.

Minh Hạnh Túc: Là Đức Phật đầy đủ Tam minh như lậu tận minh, Thiên nhãn minh, Túc mạng minh. Đức Phật đầy đủ muôn hạnh.

Thiện Thệ: Có nghĩa là Đức Phật đã trải qua tất cả các quả vị tu chứng của tất cả các vị Thánh Hiền và trải qua tất cả trí tuệ của chư Đại Bồ Tát ở mười phương để đạt thành quả vị Chánh Đẳng Chánh Giác.

Thế Gian Giải: Là hiểu rõ việc chánh, việc tà, việc chân, việc nguy trên thế gian này không hề lầm lẫn bất cứ việc gì.

Vô Thượng Sĩ: Trí tuệ của Đức Phật chưa có người nào so sánh được. Dù người ở trần gian này có học đến đâu, có bằng cấp cỡ nào thì trí tuệ của Đức Phật vẫn trên họ một cái đầu. Ngoài việc học ra, Đức Phật còn chứng ngộ bằng Trí vô sư của mình. Trí vô sư không thể do học mà có được. Là cái học trên tất cả cái học trong Tam giới.

Điều Ngự Trượng Phu: Đức Phật có khả năng điều phục từ các vị chư Thiên ở các cõi Trời và vua quan cho đến thường dân, từ kẻ cứng đầu như kẻ cướp, cho đến người hiền lương như người nông dân. Đức Phật vẫn độ được, Đức Phật vẫn thuyết phục được, Đức Phật vẫn hướng về đạo lý được. Dù người đó là người như thế nào gặp Đức Phật rồi, Đức Phật cũng đủ sức độ cho họ.

Thiên Nhân Sư: Là Thầy của Trời, Người.

Phật Thế Tôn: Là bậc tôn quý trong thế gian.

VĂN KINH

Ban đầu, giữa, rốt sau ba chặng đều lành, nghĩa lý rất sâu xa, lời lẽ khéo màu, thuần một không tạp, đầy đủ cả tướng phạm hạnh thanh bạch.

Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh nói Pháp đúng chân lý. Chân lý là phải trải suốt thời gian và không gian đều đúng. Nghĩa là lời nói Đức Phật ngày xưa đúng, hiện tại đang đúng và mãi mãi về sau đúng.

Ví dụ Đức Phật nói lý Vô Thường. Từ xưa con người được sanh ra, lớn lên, già rồi chết. Hiện tại chúng ta đang sống ở đây sanh ra, lớn lên, già và chết. Và mãi mãi về sau

việc đó vẫn xảy ra. Điều đó được gọi là chân lý. Đó là đúng về mặt thời gian.

Việc sanh ra, lớn lên, già và chết không phải chỉ có ở Việt Nam, mà tất cả các nước trên thế gian đều có. Về mặt không gian không chỗ nào mà không có. Đúng như vậy thì điều đó gọi là chân lý.

VĂN KINH

Phật, vì người cầu đạo Thanh Văn, nói Pháp Tứ đế thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, cứu cánh Niết Bàn. Vì hạng cầu quả Duyên Giác, nói Pháp Mười hai nhân duyên, vì hàng Bồ Tát nói sáu Pháp Ba la mật làm cho chúng được quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thành bậc Nhất Thiết Chứng Trí.

Kể lại có Đức Phật cũng hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh, lại có Đức Phật cũng hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh. Như thế đến hai muôn Đức Phật đều đồng một tên, hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh, lại cùng đồng cùng một họ, họ Phả La Đà.

Từ ngàn xưa, từ cội nguồn sáng suốt của tất cả chúng sanh đã vốn có Nhật Nguyệt Đăng Minh. Và trải qua muôn đời vẫn có cái Nhật Nguyệt Đăng Minh này nữa. Điều này muốn nói cái cội nguồn sáng suốt giác ngộ của chúng ta đã trải suốt thời gian, không gian, không hư hoại.

Trải mấy muôn Đức Phật như vậy cũng đồng một hiệu. Có nghĩa cái Nhật Nguyệt Đăng Minh này không phải có từ xưa cho đến đời Đức Phật Thích Ca chúng ta thôi, mà cái Nhật Nguyệt Đăng Minh này vẫn còn tồn tại với chúng ta. Mãi mãi về sau cái Nhật Nguyệt Đăng Minh này vẫn sáng suốt như mặt trời, như mặt trăng, như đèn, sáng suốt như thế không bao giờ hư hoại.

VĂN KINH

Di Lạc nên biết! Đức Phật trước, Đức Phật sau đều đồng một tên, hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh, đầy đủ mười hiệu, những Pháp được nói ra, đầu, giữa, sau đều lành.

Đức Phật rớt sau cả, lúc chưa xuất gia có tám vị vương tử: Người thứ nhất tên Hữu Ý, thứ hai tên Thiện Ý, thứ ba tên Vô Lượng Ý, thứ tư tên Bảo Ý, thứ năm tên Tăng Ý, thứ sáu tên Trừ Nghi Ý, thứ bảy tên Hưởng Ý, thứ tám tên Pháp Ý.

Trong Duy thức học thì ở mỗi con người chúng ta có Tám thức: Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức, Ý thức, Mạt Na Thức, A Lại Da Thức.

Hữu Ý chính là A Lại Da Thức. A Lại Da Thức là cái dung chứa những chủng tử sanh tử trong nhiều đời nhiều kiếp của chúng ta thì gọi là Hữu Ý. Là chúng ta thấy một việc gì đó, chúng ta vừa khởi phân biệt thì chủng tử bắt đầu được sanh ra khởi thành hiện hạnh, sau đó nó được huân tập vào trong tàng thức. Ví dụ hôm nay chúng ta nhìn một bông hoa và được biết nó tên là hoa cúc, sau này thấy lại cái hoa như thế thì từ trong tàng thức, chủng tử hiện ra định danh trở lại nó là hoa cúc (khởi thành hiện hạnh) rồi sau đó cái hoa cúc được huân vào thành chủng tử trở lại.

Khi mắt chúng ta thấy việc gì, tai chúng ta nghe việc gì thì liền huân thành chủng tử. Đây là điều rất khó tu cho chúng ta. Một ngày chúng ta thấy không biết bao nhiêu chuyện, nghe không biết bao nhiêu âm thanh, huân vào không biết bao nhiêu chủng tử trong tàng thức của mình, nên gọi là Hữu Ý.

Thiện Ý chính là Mạt Na Thức: Mạt Na Thức nó có trách nhiệm như người giữ kho vậy. Ví dụ, khi thức chúng ta khởi ý niệm phân biệt đây là hoa cúc thì Mạt Na Thức có trách nhiệm đưa vào kho. Khi thấy lại hoa cúc thì Mạt Na Thức lấy trong tàng thức ra để cho Ý thức chúng ta phân biệt và nhận định, đây là hoa cúc. Mạt Na Thức có trách nhiệm đưa chủng tử nghiệp thức vô bên trong, và có trách nhiệm lấy chủng tử nghiệp thức trong tàng thức đưa ra ngoài.

Khi mắt, tai, mũi, lưỡi chúng ta xúc chạm với duyên trần thì liền huân thành chủng tử. Và khi gặp lại những cái tương tự như vậy thì chủng tử nó liền khởi thành hiện hạnh. Và cứ tiếp tục khởi thành hiện hạnh, rồi thì tiếp tục huân thành chủng tử, huân thành chủng tử rồi gặp việc nó lại khởi thành hiện hạnh, khởi thành hiện hạnh rồi nó tiếp tục huân thành chủng tử, cứ liên tục như vậy.

Ví dụ hai người gặp nhau, lần đầu thì chỉ nói vài câu chưa có thân thiết gì lắm. Nhưng gặp lần thứ hai, lần thứ ba, lần thứ tư chủng tử huân nhiều rồi thì tình cảm thân thiết hơn. Khi chủng tử tràn ngập rồi, lúc đó không gặp chủng tử cũng trào ra để cho chúng ta nhớ, khiến chúng ta tìm gặp nhau. Khi gặp nhau rồi thì bao nhiêu kỷ niệm dâng trào khởi thành hiện hạnh, để hai người nói chuyện qua lại tiếp tục huân thành chủng tử. Hai chủng tử đó qua lại tràn ngập nơi tâm chúng ta thì việc sanh tử luân hồi sẽ tiếp nối mãi mãi không cùng tận.

Vô Lượng Ý chính là Ý Thức: Quý vị thấy trong ngày, cái đầu chúng ta phân biệt không biết bao nhiêu chuyện. Vừa chợt thấy rồi là phân biệt, gọi là Vô Lượng Ý.

Ví dụ ngồi một mình thôi mình cũng nghĩ đến chuyện này để mình phân biệt, coi nó là đúng sai, dễ thương, dễ

ghét v.v... Gặp cảnh duyên chúng ta tiếp tục phân biệt nữa. Như vậy ý thức chúng ta là cái so sánh phân biệt, định danh, khẳng định, phủ định, lấy bỏ, thương ghét v.v... cái đó nó liên tục khởi nghĩ trùng trùng điệp điệp, cho nên gọi là Vô Lượng Ý.

Bảo Ý: Là thức phân biệt nơi thân chúng ta. Thân là cái gì quý báu, quan trọng đối với tất cả con người nên gọi là bảo, là quý giá.

Tăng Ý: Là cái thức phân biệt nơi lưỡi. Ví dụ chúng ta ăn cái gì cảm thấy ngon, chúng ta muốn thêm chút nữa. Chúng ta nói điều gì hay được người khác khen chúng ta muốn nói nữa, gọi là Tăng Ý.

Trừ Nghi Ý: là cái thức phân biệt nơi mũi, khi có bất kỳ mùi nào vừa chạm đến mũi, thoáng qua thì liền mất không lưu lại.

Hưởng Ý: Là thức phân biệt nơi âm thanh, âm hưởng vang động nơi mình.

Pháp Ý: Là thức phân biệt nơi hình sắc. Tất cả những cái chúng ta thấy đều được nó phân biệt, đó gọi là Pháp Ý.

VĂN KINH

Tám vị vương tử đó có oai đức tự tại đều lãnh trị bốn châu thiên hạ. Nghe vua cha xuất gia chúng đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác đều bỏ ngôi vua cũng xuất gia theo, phát tâm Đại thừa, thường tu hạnh thanh tịnh, đều làm bậc Pháp sư, thưở trước đã từng ở chỗ nghìn muôn Đức Phật vun trồng các cội lành.

Tám thức này có uy đức rất tự tại. Trong pháp giới này không có cái gì ngăn cản cái thấy, nghe, hay, biết của chúng ta. Chúng ta muốn thấy ở đâu, muốn nghe cái gì là chúng ta

đều thấy đều nghe, không ai ngăn cản được. Cho nên gọi là có oai đức tự tại lãnh trị bốn châu thiên hạ.

Bốn châu thiên hạ là Đông Thắng Thần Châu, Tây Ngưu Hóa Châu, Bắc Câu Lô Châu, Nam Thiệm Bộ Châu. Ở đây muốn nói về tám thức của chúng ta, không có giờ phút nào mà ai có khả năng ngăn cản sự hoạt dụng của nó, cho nên gọi là có oai đức tự tại. Không có cái gì có thể chướng ngại nó được. Lãnh trị bốn châu thiên hạ là không có chỗ nào bị che khuất nó được cả.

Nghe vua cha xuất gia chứng đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác đều bỏ ngôi vua cũng xuất gia theo, phát tâm Đại thừa, thường tu hạnh thanh tịnh, đều làm bậc Pháp sư, thưở trước đã từng ở chỗ nghìn muôn Đức Phật vun trồng các cội lành.

Xuất gia có ba nghĩa. Một là xuất thế tục gia. Ví dụ những người bỏ gia đình vào chùa cạo tóc đi tu, mới là xuất thế tục gia mà thôi. Khi nào nơi lòng tuyệt nhiên không còn phiền não nữa, không còn có buồn thương giận ghét nơi mình nữa thì lúc đó mới gọi là xuất phiền não gia. Khi nào nơi mình vượt thoát khỏi Tam giới này, có nghĩa vượt qua cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc thì lúc đó mới là xuất gia đúng nghĩa trong đạo Phật, gọi là xuất Tam giới gia. Còn những bậc xuất gia chưa hết phiền não, chưa thoát khỏi Tam giới thì mới có xuất thế tục gia mà thôi.

Cho nên ở nơi chúng ta mỗi người đều có tám đứa con này cả. Cố gắng làm sao cho tám đứa con xuất gia. Nếu chúng ta không cho tám đứa con này xuất gia thì coi chừng chúng ta còn bị phiền não hoài.

VĂN KINH

Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh lúc đó nói Kinh Đại thừa tên Vô Lượng Nghĩa Xứ Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm. Nói Kinh đó rồi, Phật liền ở trong đại chúng ngồi xếp bằng nhập vào cảnh chánh định Vô Lượng Nghĩa Xứ, thân và tâm chẳng động.

Khi ấy, Trời mưa hoa Mạn đà la, hoa Ma ha Mạn đà la, hoa Mạn thù sa cùng hoa Ma ha Mạn thù sa để rải trên Đức Phật và hàng đại chúng. Khắp cõi nước Phật sáu diệu vang động.

Lúc đó trong hội, hàng Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Cận sự nam, Cận sự nữ, Trời, Rồng, Dạ xoa, Càn thất bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la đà, Nhân, Phi nhân cùng các vị tiểu vương, các vị Chuyển Luân Thánh Vương v.v... các đại chúng đó được điều chưa từng có, mừng rỡ chấp tay một lòng nhìn Phật.

Bấy giờ, Đức Như Lai từ tướng lông trắng chạng giữa chân mày phóng ra luồng ánh sáng soi khắp cùng cả một muôn tám nghìn cõi nước ở phương Đông, như nay đương thấy ở cõi Phật đây.

Di Lạc nên biết! Khi đó trong hội, có hai mươi ức Bồ Tát ưa muốn nghe Pháp, các vị Bồ Tát ấy thấy ánh sáng chiếu khắp các cõi Phật được điều chưa từng có, đều muốn biết vì duyên có gì mà phóng ánh sáng này.

Khi ấy, có vị Bồ Tát hiệu Diệu Quang có tám trăm người đệ tử.

Bấy giờ, Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh từ trong chánh định mà dậy, vì Diệu Quang Bồ Tát nói Kinh Đại

thừa tên Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm, trải qua sáu mươi tiểu kiếp chẳng rời chỗ ngồi.

Sau khi Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh nhập Chánh định rồi thì từ trong Chánh định mới vì ngài Diệu Quang Bồ Tát nói Kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa.

Diệu Quang, Diệu có nghĩa là vi diệu, Quang có nghĩa là ánh sáng. Tức là vì ánh sáng vi diệu đó mà nói Kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa. Ngài Diệu Quang là ánh sáng rất vi diệu. Chỉ có ánh sáng vi diệu đó mới có khả năng lãnh hội Kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa mà thôi. Cho nên khi Đức Phật rời Chánh định thì chỉ nói cho ngài Diệu Quang.

VĂN KINH

Lúc ấy, trong hội, người nghe Pháp cũng ngồi một chỗ đến sáu mươi tiểu kiếp thân tâm đều không lay động, nghe Đức Phật nói Pháp cho là như trong khoảng bữa ăn. Bấy giờ trong chúng không có một người nào hoặc là thân hoặc là tâm mà sanh lười mỏi.

Đức Phật nói Kinh trải qua sáu mươi tiểu kiếp, lúc đó trong hội người nghe Pháp cũng ngồi một chỗ đến sáu mươi tiểu kiếp.

Một chớp mắt có hai mươi đại niệm, mà mỗi một đại niệm có 16.789.000 lần sanh diệt, vậy một chớp mắt trải qua mấy tỷ lần sanh diệt, là thời gian rất dài. Số lần sanh diệt liên tục xảy ra nơi chúng ta được gọi là một tiểu kiếp. Mà trong hội chúng đang ngồi từ nãy giờ nếu kể ra thì đã trải qua không biết bao nhiêu tiểu kiếp. Số lần sanh diệt đó không thể kể hết được.

VĂN KINH

Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh trong sáu mươi tiểu kiếp nói Kinh đó rồi, liền ở trong chúng Ma, Phạm, Sa môn, Bà la môn, và Trời, Người, A tu la mà tuyên rằng: Hôm nay vào nửa đêm, Như Lai sẽ nhập Vô dư Niết Bàn.

Khi đó, có vị Bồ Tát, tên Đức Tạng, Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh liền thọ ký cho, bảo các Tỳ kheo rằng: Ông Đức Tạng Bồ Tát này kể đây sẽ thành Phật hiệu là Tịnh Thân Như Lai Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác.

Đức Phật thọ ký xong, vào nửa đêm bèn nhập Vô dư Niết Bàn.

Đức Phật giảng Pháp cho ngài Diệu Quang, nhưng mà thọ ký cho ngài Đức Tạng. Đức có nghĩa là đức độ, Tạng có nghĩa là hàm tàng, ẩn ý trong Kinh là chúng ta nghe, chúng ta hiểu, nhưng chúng ta không đủ đức thì không thành tựu được Phật đạo. Cho nên đức đó phải được dung chứa tràn ngập trong tâm thì mới có khả năng nhận lãnh Phật Pháp sâu mầu, và có khả năng thành Phật sau này, gọi là Đức Tạng. Vì có Đức Tạng mới có khả năng được Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh thọ ký thành Phật.

VĂN KINH

Sau khi Đức Phật diệt độ, Diệu Quang Bồ Tát trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa trải tám mươi tiểu kiếp vì người mà diễn nói.

Tám người con của Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh đều học với ngài Diệu Quang, ngài Diệu Quang dạy bảo cho đều vững bền ở nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Các vị Vương tử đó cúng dường vô lượng

trăm nghìn muôn ức Đức Phật đều thành Phật đạo. Vị thành Phật rốt sau hết, hiệu là Nhiên Đăng.

Tám vị Vương tử sau này đi học đạo với ngài Diêu Quang. Có nghĩa là mắt, tai, mũi, lưỡi v.v... chúng ta phải quay trở về với ánh sáng vi diệu nơi lòng của mình thì mới có khả năng được thành Phật, mới có khả năng giải trừ phiền não, giải trừ những tà tâm, những tạp niệm. Còn mắt, tai, mũi, lưỡi v.v... chúng ta không quay trở lại với ánh sáng vi diệu kia thì chúng ta không có chỗ để có thể làm trong sạch hóa tám thức của mình.

Cho nên tám vị Vương tử phải theo học đạo với ngài Diêu Quang Bồ Tát, và vị sau cùng được gọi là Phật Nhiên Đăng. Nhiên Đăng có nghĩa là cái đèn đã được đốt cháy lên. Tức là ánh sáng đã được bùng lên.

VĂN KINH

Trong hàng tám trăm người đệ tử có một người tên: Cầu Danh, người này tham ưa danh lợi, dầu cũng đọc tụng các Kinh mà chẳng thuộc rành, phần nhiều quên mất, nên gọi là Cầu Danh. Người này cũng do có trông các nhân duyên căn lành nên được gặp vô lượng trăm nghìn muôn ức Đức Phật mà cúng dường cung kính tôn trọng khen ngợi.

Ngài Cầu Danh, chúng ta nghe cứ nghĩ là người ham danh lợi, nhưng thật ra không phải như vậy. Ví dụ thấy cái gì là chúng ta muốn biết tên liền. Chúng ta nghe liền muốn biết nó là cái gì liền. Có nghĩa chúng ta cầu danh tánh của sự việc. Mà mắt, tai, mũi, lưỡi v.v... chúng ta tiếp xúc lục trần ít khi nào bỏ qua lắm. Không có cái gì chúng ta thấy mà không muốn biết cả, gọi là Cầu Danh.

Ngài Di Lặc được gọi là Thức, cho nên thức luôn luôn muốn phân biệt để biết pháp trần. Ở đây nói tuy Ngài đọc tụng Kinh điển nhiều, nhưng đa phần quên mất nên gọi là Cầu Danh. Mà một người luôn phóng tâm ra bên ngoài thì người đó chắc chắn tâm không thể định được rồi, cho nên đối với Kinh điển thì chắc chắn không thể hiểu và không thể thuộc được.

Trừ trường hợp chúng ta hết cầu danh, hết phóng tâm ra ngoài để phân biệt những cái xung quanh, chúng ta không có xác định nó là cái gì, chúng ta không muốn khẳng định vật đó là vật gì, âm thanh đó là âm thanh gì thì lúc đó đọc tụng Kinh điển chúng ta sẽ hiểu.

Và ý thức đó tuy có đam mê danh lợi, có lúc cũng hướng ra bên ngoài tìm cầu, nhưng biết đọc tụng Kinh điển và đôi lúc cũng tôn trọng cung kính cúng dường rất nhiều Đức Phật, cho nên cũng có phước báo để sau này được giác ngộ thành Phật.

VĂN KINH

Di Lặc nên biết! Lúc đó Diệu Quang Bồ Tát đâu phải người nào lạ, chính là ta đây. Còn Cầu Danh Bồ Tát là Ngài đấy.

Nay thấy điềm lành này, cùng với xưa không khác, cho nên ta xét nghĩ hôm nay Đức Phật Như Lai sẽ nói Kinh Đại thừa tên: Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm.

Ngài Văn Thù Sư Lợi khẳng định là do điềm lành Thế Tôn đang phóng quang, giống như điềm lành ngày xưa, do đó chắc chắn Đức Phật đang chuẩn bị nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Tóm lại, phẩm Tựa muốn nói hết những cái trong toàn bộ bản Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Cho nên đầu tiên Đức Phật phóng quang giữa chặng mây. Tức là Đức Phật muốn chỉ tất cả chúng ta đều phải có trí tuệ lìa thoát khỏi sự phân biệt hai bên thì trí tuệ đó sẽ soi thấu phủ khắp từ chỗ cực thiện cho đến cực ác nơi nội lòng chúng ta.

Ở nơi tâm tất cả chúng sanh đều vốn có cái bất sanh bất diệt. Và trong cái bất sanh bất diệt đó dung chứa tất cả những chủng tử nghiệp thức của sáu loài, trong đó nó cũng có khả năng đưa đến quả A La Hán, quả vị Duyên Giác, quả vị Bồ Tát và đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Nơi cõi lòng chúng ta vốn có đủ hết tất cả những điều như trên. Người tu tập phải làm cho tất cả những đứa con của mình được xuất gia, xuất được thế tục gia và được xuất Tam giới gia. Phải dung chứa được cái đức lớn thì người đó mới có khả năng đạt được giác ngộ giải thoát.

VĂN KINH

Bấy giờ, ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát ở trong đại chúng, muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

**Ta nhớ thuở quá khứ
 Vô lượng vô số kiếp
 Có Phật Nhân Trung Tôn
 Hiệu Nhật Nguyệt Đẳng Minh
 Đức Thế Tôn nói Pháp
 Độ vô lượng chúng sanh
 Vô số ức Bồ Tát
 Khiến vào trí huệ Phật.
 Khi Phật chưa xuất gia
 Có sanh tám vương tử
 Thấy Đại Thánh xuất gia**

Cũng theo tu phạm hạnh
Phật nói Kinh Đại thừa
Tên là Vô Lượng Nghĩa
Ở trong hàng đại chúng
Mà vì rộng tỏ bày.
Phật nói Kinh ấy rồi
Liên ở trong pháp tòa
Xếp bằng nhập chánh định
Tên Vô Lượng Nghĩa Xứ
Trời rưới hoa Mạn đà
Trống trời tự nhiên vang
Các Trời, Rồng, Quỷ, Thần
Cúng dường đấng Nhân Tôn,
Tất cả các cõi Phật
Tức thời vang động lớn,
Phật phóng sáng giữa mây
Hiện các việc hi hữu
Ánh sáng chiếu phương Đông
Muôn tám nghìn cõi Phật
Bày sanh tử nghiệp báo
Của tất cả chúng sanh
Lại thấy các cõi Phật
Dùng các báu trang nghiêm
Màu lưu ly pha lê
Đây bởi Phật quang soi.
Lại thấy những Trời, Người
Rồng, Thần, chúng Dạ xoa
Càn thát, Khẩn na la
Đều cúng dường Phật mình
Lại thấy các Như Lai
Tự nhiên thành Phật đạo,
Màu thân như núi vàng
Đoan nghiêm rất đẹp màu

Như trong lưu ly sạch
 Hiện ra tượng chân kim
 Thế Tôn trong đại chúng
 Dạy nói nghĩa thâm diệu.
 Mỗi mỗi các cõi Phật
 Chúng Thanh Văn vô số,
 Nhân Phật quang soi sáng
 Đều thấy đại chúng kia.
 Hoặc có các Tỳ kheo
 Ở tại trong núi rừng
 Tinh tấn giữ tịnh giới
 Dường như gìn châu sáng
 Lại thấy các Bồ Tát
 Bồ thí nhẫn nhục thảy
 Số đông như hằng sa
 Đây bởi sáng Phật soi.
 Lại thấy hàng Bồ Tát
 Sâu vào các thiên định
 Thân tâm lặng chẳng động
 Để cầu đạo Vô thượng.
 Lại thấy các Bồ Tát
 Rõ tướng Pháp tịch diệt
 Đều ở tại nước mình
 Nói Pháp cầu Phật đạo.
 Bảy giờ bốn bộ chúng
 Thấy Phật Nhật Nguyệt Đăng
 Hiện sức thần thông lớn
 Tâm kia đều vui mừng
 Mỗi người tự hỏi nhau
 Việc này nhân duyên gì?
 Đáng của trời người thờ
 Vừa từ chánh định dậy

**Khen Diệu Quang Bồ Tát
Ông là mắt của đời
Mọi người đều tin về
Hay vâng giữ Tạng Pháp
Như Pháp của Ta nói
Chỉ ông chứng biết được
Đức Phật đã ngợi khen
Cho Diệu Quang vui mừng
Liên nói Kinh Pháp Hoa
Trải sáu mươi tiểu kiếp
Chẳng rời chỗ ngồi ấy
Ngài Diệu Quang Pháp sư
Trọn đều hay thọ trì
Pháp thượng diệu của Phật.
Phật nói Kinh Pháp Hoa
Cho chúng vui mừng rồi
Liên chính trong ngày đó
Bảo hàng chúng Trời, Người
Các pháp nghĩa thật tướng
Đã vì các ông nói
Nay Ta giữa đêm này
Sẽ vào cõi Niết Bàn
Phải một lòng tinh tấn
Rời các sự buông lung
Các Phật rất khó gặp
Ức kiếp được một lần
Các con của Phật thầy
Nghe Phật sắp nhập diệt
Thấy đều lòng buồn khổ
Sao Phật gáp Niết Bàn?
Đấng Thánh chúa Pháp vương
An ủi vô lượng chúng:**

Nếu lúc Ta diệt độ
 Các ông chớ lo sợ
 Đức Tạng Bồ Tát đây
 Tâm đã được thông thấu
 Nơi vô lậu thật tướng
 Kế đây sẽ thành Phật
 Tên hiệu là Tịnh Thân
 Cũng độ vô lượng chúng.
 Đem đó Phật diệt độ
 Như củi hết, lửa tắt
 Chia phân các Xá lợi
 Mà xây vô lượng tháp
 Tỳ kheo, Tỳ kheo ni
 Số đông như hằng sa
 Lại càng thêm tinh tấn
 Đề cầu đạo Vô thượng
 Diệu Quang Pháp sư ấy
 Vâng giữ Phật Pháp tạng
 Trong tám mươi tiểu kiếp.
 Rộng nói Kinh Pháp Hoa.
 Tám vị vương tử đó
 Được Diệu Quang dạy bảo
 Vững bền đạo Vô thượng
 Sẽ thấy vô số Phật
 Cúng dường các Phật xong
 Thuận theo tu đại đạo
 Nói nhau được thành Phật
 Chuyển thứ thọ ký nhau,
 Đấng Phật rốt sau cả
 Hiệu là: Phật Nhiên Đăng
 Đạo Sư của thiên tiên
 Độ thoát vô lượng chúng.

**Diệu Quang Pháp sư đó
Có một người đệ tử
Tâm thường cư biếng trễ
Tham ưa nơi danh lợi
Cầu danh lợi không nhàm
Thường đến nhà sang giàu
Rời bỏ việc tụng học
Bỏ quên không thông thuộc
Vì bởi nhân duyên ấy
Nên gọi là Cầu Danh
Cũng tu các nghiệp lành
Được thấy vô số Phật
Thuận tu theo đại đạo
Đủ sáu Ba la mật
Nay gặp đấng Thích Ca
Sau đây sẽ thành Phật
Hiệu rằng : Phật Di Lặc
Rộng độ hàng chúng sanh
Số đông đến vô lượng.
Sau Phật kia diệt độ
Lười biếng đó là ngài
Còn Diệu Quang Pháp sư
Nay thì chính là Ta.
Ta thấy Phật Đấng Minh
Điềm sáng trước như thế
Cho nên biết rằng nay
Phật muốn nói Pháp Hoa
Tướng nay như điềm xưa.
Là phương tiện của Phật
Nay Phật phóng ánh sáng
Giúp bày nghĩa thật tướng
Các người nay nên biết**

**Chấp tay một lòng chờ
Phật sẽ rưới nước Pháp
Đầy đủ người cầu đạo
Các người cầu ba thừa
Nếu có chỗ nghi hời
Phật sẽ dứt trừ cho
Khiến hết không còn thừa.**

Phân trùng tụng chỉ lập lại ý trên.

* * *

PHẨM “PHƯƠNG TIỆN” THỨ HAI

VĂN KINH

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn từ chánh định an lành mà dậy, bảo ngài Xá Lợi Phất: Trí tuệ của các Đức Phật rất sâu vô lượng, môn trí tuệ đó khó hiểu khó vào, tất cả hàng Thanh Văn cùng Bích Chi Phật đều không biết được. Vì sao?

Phật đã từng gần gũi trăm nghìn muôn ức, vô số các Đức Phật, trọn tu vô lượng đạo Pháp của các Đức Phật, đồng mãnh tinh tấn, danh tốt đồn khắp, trọn nên Pháp rất sâu chưa từng có, theo thời nghi mà nói Pháp ý thú khó hiểu.

Xá Lợi Phất! Từ Ta thành Phật đến nay, các món nhân duyên, các món thí dụ, rộng nói ngôn giáo, dùng vô số phương tiện dìu dắt chúng sanh, làm cho xa lìa lòng chấp. Vì sao? Đức Như Lai đã đầy đủ phương tiện, tri kiến và Ba la mật.

Xá Lợi Phất! Tri kiến của Như Lai rộng lớn sâu xa, đức vô lượng vô ngại lực, vô sở úy, thiên định, giải thoát Tam muội, đều sâu vào không ngần mé, trọn nên tất cả Pháp chưa từng có.

Xá Lợi Phất! Như Lai hay các món phân biệt, khéo nói các Pháp lời lẽ êm dịu vui đẹp lòng chúng.

Xá Lợi Phất! Tóm yếu mà nói đó, vô lượng vô biên Pháp vị tăng hữu, Đức Phật thấy đều trọn nên.

Đức Phật nói trí tuệ của Đức Phật sâu xa, không ngần mé, những vị Thanh Văn, cùng với Bích Chi Phật, những vị đã tu theo Tứ Diệu Đế chứng được quả A La Hán rồi nhưng vẫn không biết và không thể hiểu, không thể đi vào trí tuệ đó được.

Bích Chi Phật có hai: Một là các vị quán nhân duyên: Vô minh duyên Hành, Hành duyên Thức, Thức duyên Danh sắc, Danh sắc duyên Lục nhập, Lục nhập duyên Xúc, Xúc duyên Thọ, Thọ duyên Ái, Ái duyên Thủ, Thủ duyên Hữu, Hữu duyên Sanh, Sanh duyên Lão tử, Ưu, bi, khổ, não. Đó là theo chiều hoàn sinh. Còn theo chiều hoàn diệt có nghĩa là họ quán ngược lại. Trong mười hai Nhân Duyên này có khi họ tu tập để phá trừ ngay cái gốc của Vô minh và phá trừ ngay gốc Ái vì Ái là nhân hiện tại để dẫn đến những quả đau khổ về sau.

Ví dụ, chúng ta nghe người khác nói về mình. Câu nói đó nếu thuận tai thì mình thích, mình ưa, mình chấp nhận, mình có cảm tình với người nói vừa ý mình, gọi là Ái. Và người đó từ từ thân thiết với chúng ta. Cái gì chúng ta mến thích thì nó trở thành của mình, mình giữ gìn cái cảm thọ khổ lạc xảy ra. Nếu vừa lòng vừa ý chúng ta cảm thấy vui, nghịch ý chúng ta cảm thấy buồn. Nếu chúng ta thấy vui với sự việc đó, chúng ta muốn gìn giữ sự việc đó thì sự việc đó tiếp tục sanh sôi nảy nở trong lòng và nó trở thành chủng tử, tức là trở thành Hữu, là có chủng tử sanh tử ở đời sau.

Do đó, có người tu tập ngay đầu mối của cái Ái, vừa đối duyên xúc cảnh họ không cho tăng ái xuất hiện. Họ không để cho ý niệm khác phát sanh để sanh buồn, thương, giận, ghét trên đó. Tức là họ phá trừ ngay gốc Ái. Ái mất thì Thọ sẽ không còn, Thọ không còn thì sẽ không có Thủ, không

có Thủ thì không có Hữu, không có Hữu thì không có Sanh, không có Sanh thì không có Lão tử và Ưu, bi, khổ, não.

Thứ hai, đa số những người tu chứng quả Bích Chi Phật đều là những người căn trí lanh lợi, có Đức Phật ra đời hay không có Đức Phật ra đời, không thông qua Giáo lý, họ vẫn có thể ngộ bất cứ tình huống nào. Nhưng dù cho có trí lanh lợi như Bích Chi Phật, như các vị Thanh Văn, Đức Phật vẫn coi hai quả vị này chưa biết được trí tuệ của Đức Phật.

Đức Phật nói sở dĩ Ngài được như vậy, là do Ngài đã từng gần gũi trăm nghìn muôn ức, vô số các Đức Phật, trọn tu vô lượng đạo Pháp của các Đức Phật, đồng mãnh tinh tấn, danh tốt đồn khắp, trọn nên Pháp rất sâu chưa từng có.

Chúng ta sở dĩ không hiểu được điều này là do chúng ta chưa từng gần gũi Đức Phật. Đời này chúng ta có thể tiếp cận được Đức Phật không? Nếu thật sự chúng ta biết cách tiếp cận Đức Phật thì đảm bảo chúng ta sẽ hiểu trí sâu vô lượng của Đức Phật.

Ví dụ, trong cuộc sống thường tình, chưa kịp mở mắt ra là đầu mình đã suy nghĩ chuyện khác rồi, có nghĩa mình thân cận gần gũi một số chúng sanh nào đó. Mình nghĩ đến chuyện hôm qua có người nói hơn mình một câu, bây giờ gặp lại mình phải nói một câu cho người ta phải buồn phiền, bực tức. Tức là chưa mở mắt ra đầu mình đã phóng chiếu ra tìm chúng sanh, mà quên Đức Phật đang thanh tịnh ở nơi mình.

Bây giờ nếu mình muốn đi sâu vào trí tuệ Phật thì buộc mình phải quay lại với Đức Phật. Do mình chưa gần gũi để thân cận cúng dường, để nâng niu, để cung kính Đức Phật vốn có hiện tiền của mình. Đức Phật vừa dựng mình dậy để mình đi vào cuộc sống, mà mình quên đi, mình lại nghĩ đến

chuyện này chuyện kia, do vậy mà mình không có dịp thân cận gần gũi Đức Phật. Một phen mình lao ra là xa rời Đức Phật đang hiện hữu ở nơi mình. Cho nên bây giờ muốn thân cận gần gũi Đức Phật thì ngay niệm đầu tiên sau khi ngủ thức dậy, là chúng ta phải ý thức rằng Đức Phật đang dựng mình sống dậy. Mình đang sống trong vòng tay thương yêu của Đức Phật, bây giờ mình phải quay hướng về cái nơi an ổn của Đức Phật đang làm cho mình mở mắt ra. Mình đang sáng suốt trong lành, đang rõ biết mọi cái hiện tiền thì nên giữ cái sáng suốt hiện tiền trong lành này luôn xảy ra trong suốt một ngày. Khi ý niệm quay về Đức Phật trong một đời một kiếp bằng trăm ngàn muôn ức ý niệm quay về với Tự Tánh thanh tịnh của chính mình, lần lần mình sẽ hiểu trí tuệ sâu mầu của Đức Phật.

Chúng ta cố gắng trong một ngày, ít ra chúng ta phải dành thời gian quay về với Phật. Nhưng từ đó đến giờ mình chưa từng làm điều này, do đó trí tuệ Phật mình hiểu không nổi. Còn các vị đã chứng quả Thanh Văn thì họ trụ vào chỗ Không đó, cho nên họ không hiểu nổi Đức Phật. Vị Bích Chi Phật cũng có cái quả để họ tu chứng, họ trụ vào trong đó. Và người có chỗ để trụ thì chỗ trụ đó không phải chỗ Đức Phật muốn chỉ dạy. Có chỗ để trụ, tức là có quả vị chứng đắc thì không bao giờ hiểu được Phật trí vì Phật trí là chỗ vô sở trụ, vô sở chứng, vô sở đắc.

Xá Lợi Phất! Từ ta thành Phật đến nay, các món nhân duyên, các món thí dụ, rộng nói ngôn giáo, dùng vô số phương tiện dìu dắt chúng sanh, làm cho xa lìa lòng chấp.

Từ khi Đức Phật Bổn Sư thành Đạo đến giờ, Ngài giảng thuyết không biết bao nhiêu nhân duyên, không biết bao nhiêu thí dụ, chính là làm cho chúng ta xa lìa lòng chấp.

Nếu trong lòng chúng ta còn sự chấp trước thì chúng ta không bao giờ hiểu được Phật trí.

Đức Như Lai đã đầy đủ phương tiện, tri kiến và Ba la mật.

Trong Kinh nói Tri kiến là cái thấy biết Ba la mật, là cái thấy biết vượt thoát bên bờ kia. Có nghĩa cái thấy biết giác ngộ giải thoát không vướng trong phàm tình. Đức Phật giải thích về cái thấy biết của Ngài là: “*Xá Lợi Phất! Tri kiến của Như Lai rộng lớn sâu xa, đức vô lượng vô ngại lực, vô sở úy, thiên định, giải thoát Tam muội, đều sâu vào không ngần mé, trọn nên tất cả Pháp chưa từng có*”.

VĂN KINH

Thôi Xá Lợi Phất! Chẳng cần nói nữa. Vì sao? Vì Pháp khó hiểu ít có thứ nhất mà Phật trọn nên đó, chỉ có Phật cùng Phật mới có thể thấu tột tướng chân thật của các Pháp, nghĩa là các Pháp: tướng như vậy, tánh như vậy, thể như vậy, lực như vậy, tác như vậy, nhân như vậy, duyên như vậy, quả như vậy, báo như vậy, trước sau rốt ráo như vậy.

Thập Như thị là: tướng như vậy, tánh như vậy, thể như vậy, lực như vậy, tác như vậy, nhân như vậy, duyên như vậy, quả như vậy, báo như vậy, trước sau rốt ráo như vậy. Nói chung tất cả các Pháp đều là Như thị. Đầu tiên, Đức Phật không nói “Tánh Như thị” mà Đức Phật nói “Tướng Như thị”, là điều khiến chúng ta khó hiểu.

Những cái từ xưa đến giờ chúng ta quen nhìn, những cái mắt mình thấy được, tai mình nghe được, v.v... những trần cảnh mà lục căn chúng ta tiếp xúc được thì coi là hình tướng. Dù một ý niệm chúng ta khởi ra nó cũng là dạng hình tướng, trong Kinh gọi là tịnh sắc căn, tức là hình sắc ẩn

tàng nhỏ nhiệm nó cũng là hình tướng. Tất cả những cái thấy nhìn bằng tứ đại gọi là hình tướng.

Nếu nói “Tánh như vậy” thì dễ hiểu quá rồi. Tánh thì luôn luôn vốn dĩ như vậy. Tánh vốn dĩ không động, không bị ô nhiễm, không bị dao động bất cứ một hình tướng nào. Nhưng nói về “Tướng như vậy” thì thật là khó cho chúng ta. Nếu chúng ta bỏ qua hết những thấy biết đã có từ xưa đến giờ, chúng ta thôi dứt tất cả những tri kiến trong cái thấy nhìn của mình thì một phen những cái hiện ra trước mắt chúng ta nó liền Như thị. Nếu chúng ta nhìn phía trước, những hình tướng chúng ta đang thấy, mà mình còn có một sở tri nào thì chính cái sở tri đó làm cho chúng ta không còn Như thị nữa.

Ví dụ, chúng ta nhìn lên thấy “đó là Đức Phật”. Sở tri “đó là Đức Phật” nó sẽ làm mất cái Như thị đi. Do đó khi chúng ta mở mắt nhìn thì chúng ta đang hay biết sự hiện hữu đó một cách rất rõ ràng, mà không mang bất cứ một danh tự nào trong đó. Tiếp đó, chúng ta loại bỏ đối tượng mà chúng ta đang nhìn, và chúng ta loại luôn cái người đang nhìn sự vật đó. Lúc này chỉ còn thuần cái rõ biết tất cả mọi cái vốn là Như thị. Nếu chúng ta là người đang thấy, và vật bị thấy thì không còn Như thị nữa. Cái Như thị này không thể giải thích theo kiểu nào được, buộc chúng ta phải thôi dứt tất cả cái tư kiến, sở đắc, cái khẳng định mình đang thấy và vật mình đang thấy. Làm sao mà đối tượng ngay khi thấy, nghe, hay, biết không còn thì mọi cái trở thành Như thị.

Cái Như thị không thể làm chúng ta hiểu được. Đã Như thị thì nó vốn dĩ như vậy, không thể thêm, không thể bớt, trước lời nói này không có, sau tiếng nói này cũng không còn thì chúng ta không thể thêm gì trong tiếng đang nói,

không thể bớt ra được một chút, không thể thêm được một chút trong cái đang nói này.

Và cái nghe cũng vậy. Trước khi có âm thanh Phật chúng ta nghe không có tiếng Phật, sau khi dứt tiếng Phật thì chúng ta nghe không còn tiếng Phật. Chỉ ngay khi ấy chúng ta nghe rõ ràng một tiếng đó. Từng giờ, từng phút, từng giây trong cuộc sống chúng ta luôn ngay tại đây và bây giờ, không trước không sau thì tất cả mọi cái đều trở thành Như thị.

Làm sao một lần trong cuộc sống chúng ta phải tiếp cận thật đến chỗ Như thị này. Người nào có lần biết được cái Như thị thôi thì từ đó về sau cuộc đời chúng ta cái khổ dán trên lưng không thể dính được nữa. Đó là điều rất thật không bao giờ thay đổi. Vì người biết được Như thị rồi là người đó biết được cái Vô trụ, là người biết được Như Lai Tự Tánh, là người đó biết được cái Tri Kiến Phật mà Đức Phật muốn chỉ trong Kinh.

Người tu tập quan trọng nhất là hay ra được cái Như thị này. Thấy Như thị, nghe Như thị, đi đứng nằm ngồi đều vốn dĩ Như thị. Cái Như thị đó không phải do chúng ta cố ý tạo ra được. Chúng ta cố ý làm để được cái Như thị là chúng ta bẻ cong cái thấy nhìn, để chúng ta không còn khế ứng được với cái Như thị. Không phải do chúng ta tu tập mới có cái Như thị. Chúng ta thôi dứt cái cong queo trong cái thấy nhìn của mình, thôi dứt cái không thật đúng với Như thị thì cái Như thị hiện hữu. Như thị lúc nào cũng Như thị. Nhưng có điều chúng ta làm không còn Như thị nữa. Do cái sở tri, sở kiến của chúng ta bẻ lệch sự thật đó.

Sự thật đó không bị bẻ lệch, nhưng chúng ta cảm nhận nó lệch lạc. Chúng ta cảm nhận sự việc qua mắt, qua tai, qua mũi, qua lưỡi, qua thân, qua ý thì không còn Như thị. Không phải do chúng ta tu được cái Như thị. Chúng ta theo

cái sở tri, chúng ta chấp trước cái sở tri đó thì không còn Như thị đối với mình. Như thị cũng vốn như vậy. Nếu chúng ta có làm gì nữa nó vẫn vốn là Như thị. Đến lúc nào đó chúng ta hết đi những cái lệch lạc thì cái Như thị nó tràn ngập trong cuộc sống này đối với mình. Chỉ như vậy thôi. Chúng ta vừa có một chút gì đó sở tri trong thấy nghe, là ngay giờ phút đó chúng ta tạo thành một bức tường ngăn cách mình và sự thật.

Mình không chuẩn bị để thấy, nhưng cái gì hiện ra là mình thấy liền. Giống như cái kiếng không phải để đi soi các vật, mà khi đưa tay trước kiếng thì cái hình bàn tay nó hiện trong kiếng. Kiếng không chủ động ở đó để nó soi thấy ai cả. Làm sao ở nơi mình có lực này. Cái gì đến trước mắt là thấy. Cái thấy của mặt trời khi mọc lên không phải như người cầm đèn pin soi thấy mọi vật, mà mọi vật trong bóng tối đi ra ánh sáng mặt trời thì được nhuộm sáng bởi ánh sáng mặt trời, chứ mặt trời không phải mọc lên để soi thấy trần gian. Mặt trời tự sáng như vậy. Trí tuệ của chúng ta cũng sáng như vậy. Nếu chúng ta có thái độ soi mọi vật là ngăn bít mọi cái. Vừa có thái độ là có sự ngăn chặn của mình đối với sự thật rồi.

VĂN KINH

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói bài kệ rằng:

**Đấng Thế Hùng khó lường
 Các Trời cùng người đời
 Tất cả loài chúng sanh
 Không ai hiểu được Phật
 Trí lực, vô sở úy
 Giải thoát các Tam muội
 Các Pháp khác của Phật**

**Không ai so lường được
Vốn từ vô số Phật
Đầy đủ tu các đạo
Pháp nhiệm màu rất sâu
Khó thấy khó rõ được
Trong vô lượng ức kiếp
Tu các đạo đó rồi
Đạo tràng được chứng quả
Ta đều đã thấy biết
Quả báo lớn như vậy
Các món tánh tướng nghĩa
Ta cùng mười phương Phật
Mới biết được việc đó.**

Trí Phật chỉ có Phật với Phật mới biết. Người nào chưa thành Phật thì không biết. Phạm phu không biết, Thanh Văn không biết, Bích Chi Phật không biết, ngay cả Bồ Tát cũng không biết được. Tức là khi tâm chúng ta còn ở tầng chúng sanh phân biệt đúng sai hay dở, buồn thương giận ghét thì không thể biết được chỗ này.

Hàng Thanh Văn thì thấu hiểu Tứ Diệu Đế, hàng Bích Chi Phật thấu hiểu lý Nhân Duyên, hàng Bồ Tát thấu hiểu tất cả các Pháp Tụ Tánh nó vốn Không, vẫn không biết được chỗ này. Khi nào cái thấy Như thị, đi đứng thấy nghe hiện tiền là lúc đó Phật đang hiển hiện.

Phật với Phật mới có thể biết được. Có nghĩa Phật không phải là Đức Phật Thích Ca, không phải là vị Phật quá khứ, mà tâm thức chúng ta không còn vướng trong các tầng của chúng sanh, tâm chúng ta thuần khiết thanh tịnh, hoàn toàn thấy nghe hay biết Như thị thì chúng ta nghe rõ được việc này.

VĂN KINH

Pháp đó không chỉ được

Vắng bật tướng nói năng
 Các loài chúng sanh khác
 Không có ai hiểu được
 Trừ các chúng Bồ Tát
 Người sức tin bền chặt
 Các hàng đệ tử Phật
 Từng cúng dường các Phật
 Tất cả lậu đã hết
 Trụ thân rốt sau này
 Các hạng người vậy thấy
 Sức họ không kham được,
 Giả sử đầy thế gian
 Đều như Xá Lợi Phất
 Cùng suy chung so lường
 Chẳng lường được Phật trí
 Chính sử khắp mười phương
 Đều như Xá Lợi Phất
 Và các đệ tử khác
 Cũng đầy mười phương cõi
 Cùng suy chung so lường
 Cũng lại chẳng biết được.
 Bạc Duyên Giác trí lanh
 Vô lậu thân rốt sau
 Cũng đầy mười phương cõi
 Số đông như rừng tre,
 Hạng này chung một lòng
 Trong vô lượng ức kiếp
 Muốn xét Phật thật trí
 Chẳng biết được chút phần.
 Bồ Tát mới phát tâm
 Cúng dường vô số Phật
 Rõ thấu các nghĩa thú
 Lại hay khéo nói Pháp

**Như lúa, mè, tre, lau
Đông đầy mười phương cõi
Một lòng dùng trí mầu
Trải số kiếp hằng sa
Thấy đều chung suy lường
Chẳng biết được trí Phật
Hàng bất thoái Bồ Tát
Số đông như hằng sa
Một lòng chung suy cầu
Cũng lại chẳng hiểu được.
Lại bảo Xá Lợi Phất
Pháp nhiệm mầu rất sâu
Vô lậu khó nghĩ bàn
Nay Ta đã được đủ
Chỉ Ta biết tướng đó
Mười phương Phật cũng vậy,
Xá Lợi Phất phải biết
Lời Phật nói không khác
Với Pháp của Phật nói
Nên sanh sức tin chắc
Pháp của Phật lâu sau
Cần phải nói chân thật
Bảo các chúng Thanh Văn
Cùng người cầu Duyên Giác
Ta khiến cho thoát khổ
Đến chứng được Niết Bàn
Phật dùng sức phương tiện
Dạy cho ba thừa giáo
Chúng sanh nơi nơi chấp
Dắt đó khiến ra khỏi.**

Trong Kinh, ngài Đại trí Xá Lợi Phất là người trí tuệ bậc nhất trong hàng đại đệ tử của Đức Phật. Đức Phật ví dụ người như ngài Xá Lợi Phất đông như lúa mè tre lau, chung

nhau suy lường thì cũng không thể biết được Thật trí. Hàng trí lanh lẹ như Duyên Giác, đông như lúa mè tre lau khắp mười phương cõi cũng không thể hiểu được. Các hàng Bồ Tát, cho đến vị bất thoái thuộc hàng Đại Bồ Tát, nếu cùng chung nhau suy lường cũng không thể biết được Thật trí. Vì Thật trí không thể suy lường mà biết được. Nếu còn suy lường thì không thể nhận được Thật trí.

Đức Phật muốn chúng ta thôi dứt đi sự suy lường đó, để chúng ta mới có thể rõ được Thật trí. Chúng ta không phải là hàng Thanh Văn, không phải là hàng Bích Chi Phật, không phải là hàng Bồ Tát, nhưng nếu lần nào đó chúng ta thôi dứt sự suy lường thì Thật trí sẽ hiển lộ. Nếu chúng ta còn muốn suy lường, còn có chỗ để chúng ta hướng về, còn có chỗ để chúng ta muốn đến thì chỗ đến đó, vẫn còn có người thì không thể tới được. Có người muốn và có chỗ để tới, hoặc có chỗ để chúng ta có thể tới, hoặc có chỗ chúng ta đã tới rồi, chúng ta đã nhận, chúng ta hiểu rồi, chúng ta đã xác định điều đó đúng Chánh Pháp, trí chúng ta có lần khẳng định và chấp nhận thì chỗ đó vẫn cách ly Thật trí.

Một điều nào đó trong Tam giới này nếu chúng ta gạt đầu ừ phải, dù điều đó cả thế giới này chấp nhận nó là đúng, và ngay có Đức Phật nào ra đời cho điều đó là Chân lý, và chúng ta gạt đầu cho đó là Chân lý thì cũng không thể biết được Thật trí này. Vì vẫn có người để nhận Chân lý, cho nên Chân lý là đối tượng, và có người nhận vẫn là người có hai bên. Có chỗ để chúng ta nhận và có chỗ để chúng ta chối từ thì người đó vẫn không biết được Thật trí này.

Do đó, làm sao trong thấy nghe tuyệt đối không còn năng sở thì mới có thể biết được Thật trí. Còn có một chút năng sở nào, còn khẳng định mình đang thấy, ngầm biết mình đang nghe, nghĩ mình đang nghe bằng Tánh nghe của mình,

như vậy cũng thân cận lắm nhưng mà chưa phải. Không cần biết mình có Tánh nghe, không cần có tri kiến mình đang nghe, không cần nghĩ mình đang nghe mọi cái, không cần tất cả những cái đó, mình nghe không? Điều này chúng ta nên xét lại.

Cho nên khi chúng ta thấy nghe thì đừng bao giờ có bất kỳ khẳng định nào. Trong Kinh Lăng Nghiêm nói: “*Tri kiến lập tri tức vô minh bốn. Tri kiến vô kiến tư tức Niết Bàn*”. Tức là trong cái thấy biết của chúng ta mà chúng ta có lập lại một sự thấy biết, là cái gốc của vô minh. Cái thấy biết mà không lập thành thấy biết, không có sở tri, không có sở chứng, không có sở đắc, không có tri giải nơi đó thì chỗ đó gọi là Niết Bàn.

VĂN KINH

Khi đó, trong đại chúng có hàng Thanh Văn lậu tận A La Hán, ngài A Nhã Kiều Trần Như v.v... một nghìn hai trăm người và các Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Cận sự nam cùng Cận sự nữ, hạng người phát tâm Thanh Văn, Duyên Giác đều nghĩ rằng: Hôm nay Đức Phật có chi lại ân cần ngợi khen phương tiện mà nói thế này: Pháp của Phật chứng rất sâu khó hiểu, tất cả hàng Thanh Văn cùng Duyên Giác không thể đến được.

Đức Phật nói một nghĩa giải thoát, chúng ta cũng chứng được Pháp đó đến nơi Niết Bàn, mà nay chẳng rõ nghĩa đó về đâu?

Lúc ấy, ngài Xá Lợi Phất biết lòng nghi của bốn chúng, chính mình cũng chưa rõ, liền bạch Phật rằng: Thưa Thế Tôn! Nhân gì duyên gì mà Phật ân cần ngợi khen Pháp phương tiện thứ nhất nhiệm mầu rất sâu khó hiểu của các Đức Phật?

Con từ trước đến nay chưa từng nghe Phật nói điều đó, hôm nay bốn chúng thấy đều có lòng nghi. Cúi xin Đức Thế Tôn bày nói việc đó. Có gì mà Đức Thế Tôn ân cần khen ngợi Pháp nhiệm mầu rất sâu khó hiểu?

Ngài Xá Lợi Phất đã từng theo Đức Phật, nghe Đức Phật nói là tu theo Tứ Diệu Đế chứng quả Niết Bàn. Ngài đã hiểu, đã tu và đã chứng đắc Niết Bàn. Dù có tập trung hết cái trí trong trần gian này, cũng không bao giờ biết được cái Thật trí kia. Cho nên ngài Xá Lợi Phất thay đại chúng thưa thỉnh Đức Phật.

VĂN KINH

Khi đó, ngài Xá Lợi Phất muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

**Đấng Huệ Nhật Đại Thánh
Lâu mới nói Pháp này,
Tự nói Pháp mình chứng
Lục, Vô úy, Tam muội,
Thiền định, giải thoát thảy
Đều chẳng nghĩ bàn được.
Pháp chứng nơi đạo tràng
Không ai hỏi đến được,
Ý con khó lường được
Cũng không ai hay hỏi.
Không hỏi mà tự nói
Khen ngợi đạo mình làm
Các Đức Phật chứng được
Trí huệ rất nhiệm mầu.
Hàng vô lậu La hán
Cùng người cầu Niết Bàn
Nay đều sa lưới nghi
Phật có chi nói thế?**

Hạng người cầu Duyên Giác.

**Tỳ kheo, Tỳ kheo ni,
Các Trời, Rồng, Quỷ, Thần
Và Càn thất bà thầy**

**Ngó nhau cuu lòng nghi
Nhìn trông đấng Túc Tôn,
Việc đó là thế nào**

**Xin Phật vì dạy cho?
Trong các chúng Thanh Văn
Phật nói con hạng nhất**

**Nay con nơi trí mình
Nghi làm không rõ được
Vì là Pháp rốt ráo**

**Vì là đạo Phật làm
Con từ miệng Phật sanh
Chấp tay nhìn trông chờ**

**Xin ban tiếng nhiệm màu
Liên vì nói như thật
Các Trời, Rồng, Thần thầy**

**Số đông như hằng sa
Bồ Tát cầu thành Phật
Số nhiều có tám muôn**

**Lại những muôn ức nước
Vua Chuyển Luân Vương đến
Đều lòng kính chấp tay**

Muốn nghe đạo đầy đủ.

Phản trùng tụng cũng lặp lại ý trên.

VĂN KINH

**Khi đó Đức Phật bảo ngài Xá Lợi Phất: Thôi thôi!
Chẳng nên nói nữa, nếu nói việc đó tất cả trong đời các
Trời và Người đều sẽ kinh sợ nghi ngờ.**

Ngài Xá Lợi Phất lại bạch Phật rằng: Thưa Thế Tôn! Cúi xin nói đó, cúi xin nói đó. Vì sao? Trong hội đây có vô số trăm nghìn muôn ức A tăng kỳ chúng sanh đã từng gặp các Đức Phật, các căn mạnh mẽ, trí tuệ sáng suốt, được nghe Phật dạy chắc có thể kính tin.

Lúc ấy, ngài Xá Lợi Phất muốn tuyên lại nghĩa này mà nói kệ rằng:

**Đấng Pháp Vương vô thượng
Xin nói, nguyện đừng lo
Vô lượng chúng hội đây
Có người hay kính tin.**

Đức Thế Tôn từ chối không nói, vì nếu Đức Phật nói ra điều này thì trong đời, Trời, Người sẽ kinh sợ và nghi ngờ. Nếu chúng ta nghe chuyện này mà không dùng cái đầu thường tình để biết được Thật trí, không phải do công phu mà chúng ta đến được Phật quả, không phải do tu, không phải do chứng, không có chỗ đắc, chúng ta không kinh nghi sợ hãi thì có được trí tuệ thấu triệt được Thật trí mà chư Phật đã chỉ dạy.

VĂN KINH

Đức Phật lại ngăn Xá Lợi Phất: Nếu nói việc đó thì tất cả trong đời, Trời, Người, A tu la đều sẽ nghi sợ, Tỳ kheo tăng thượng mạn sẽ phải sa vào hầm lớn.

**Khi đó, Đức Thế Tôn lại nói kệ rằng:
Thôi thôi! Chẳng nên nói
Pháp Ta diệu khó nghĩ
Những kẻ tăng thượng mạn
Nghe ắt không kính tin.**

Lúc ấy, ngài Xá Lợi Phất bạch Phật rằng: Thưa Thế Tôn! Cúi xin nói đó, cúi xin nói đó. Nay trong hội này

hạng người sánh bằng con có trăm nghìn muôn ức. Đòi đòi đã từng theo Phật học hỏi, những người như thế chắc hay kính tin lâu dài an ổn nhiều điều lợi ích.

Khi đó, ngài Xá Lợi Phất, muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

Đấng Vô Thượng Lương Túc

Xin nói Pháp đệ nhất

Con là trưởng tử Phật

Xin thương phân biệt nói.

Vô lượng chúng hội đây

Hay kính tin Pháp này

Đòi đòi Phật đã từng

Giáo hóa chúng như thế

Đều một lòng chấp tay

Muốn nghe lãnh lời Phật.

Chúng con nghìn hai trăm

Cùng hạng cầu Phật nọ

Nguyện Phật vì chúng này

Cúi xin phân biệt nói

Chúng đây nghe Pháp ấy

Thì sanh lòng vui mừng.

Đến đây Đức Phật sợ nói ra thì các vị Tỳ kheo tăng thượng mạn, là các vị chưa chứng cho mình đã chứng, chưa đắc cho mình đã đắc, các vị còn sở chứng, sở đắc, sở tri trong việc tu hành sẽ phải sa vào hầm lớn.

Nói đến Tỳ kheo tăng thượng mạn, ngài Ngô Thừa Ân trong Tây Du Ký nói vui hơn: Con khi Tề Thiên sau khi quậy phá thiên đường và xóa sổ địa ngục, không ai ngăn cản được. Lúc đó Phật Tổ Như Lai đưa bàn tay ra. Tề Thiên bay qua ngút ngàn năm ngọn Ngũ Hành Sơn, tiêu ở đó một vũng nước tiêu, cột một cọng lông đuôi làm dấu, rồi bay về trình Phật Tổ. Ngay khi đó, Phật Tổ không nói câu nào úp bàn

tay xuống. Tề Thiên bị kẹt trong Ngũ Hành Sơn năm trăm năm.

Ngô Thừa Ân diễn tả chuyện chơi nó nhẹ nhàng vô cùng, nhưng là búa đập vô đầu hàng Tri thức trong trần gian này. Tất cả những người có sở chứng, có sở đắc thấy rằng mình được cái gì đó, thấy rằng mình đã đến cái gì đó, thấy rằng mình đã chứng cái gì đó thì tương đồng cọng lông đuôi và bãi nước tiểu của con khỉ Tề Thiên.

Có bao nhiêu sở tri trong trần gian này, có bao nhiêu sự chứng đắc trong trần gian này, là đạt đến đỉnh điểm của ý thức, là cái đỉnh cùng của năm uẩn rồi, vì sao bị Phật tổ úp bàn tay xuống? Vì còn có chỗ đến nên phải chịu đọa năm trăm năm, bị dè trong thân ngũ uẩn, vì đến mà còn làm dấu.

Cái chỗ chân thật này không phải là một con người chúng sanh này đi đến được. Con người chúng sanh này phải một phen không còn là chúng sanh nữa thì lúc đó mới thấu tột Thật trí. Còn là con người chúng sanh thì có hiểu kiểu nào, cũng ngang chừng tri thức trở lại.

Lúc đó con khỉ ló được cái đầu ra ngoài. Sợ lắc thêm sập Ngũ Hành Sơn nên ngài Quán Thế Âm mới đưa lá bùa dán trên đỉnh núi thì con khỉ không còn khả năng để ra ngoài. Tức là trên đỉnh điểm của ý thức, nó còn rối rắm tí xíu, còn có một chỗ gút mắc không thông, dù đó là cái gút nhỏ, nhưng chỗ đó chúng ta không phá vỡ được, như vậy vẫn còn phải kẹt trong thân ngũ uẩn này nhiều năm.

Ngô Thừa Ân diễn tả tâm huyết người tu theo đạo Phật rất tuyệt vời. Suốt năm trăm năm trong Ngũ Hành Sơn, con khỉ ăn như ăn hòn sắt nóng, uống như uống nước đồng sôi, lâu lâu mới được một trái cây lăn đến để ăn. Tề Thiên lúc đầu được học đạo với ngài Tu Bồ Đề chứng được Pháp

Không, không còn thiện và không còn ác trong tâm nên xóa sổ địa ngục, đập phá thiên đường, chỉ có con đường giác ngộ giải thoát thôi. Người đó thiện ác họ không còn nặng trong lòng, vì tâm giác ngộ đã lên đến đỉnh điểm rồi. Ngoài cái việc giác ngộ giải thoát này ra họ không còn việc thứ hai để làm.

Kinh Bát Nhã nói: Ngũ uẩn giai không thì độ hết tất cả khổ ách. Do đó, khi còn kẹt trong thân ngũ uẩn chưa có một lần phá vỡ thì người đó ăn không ngon, ngủ không yên. Có ăn thì ăn cho qua ngày qua bữa, có uống thì uống cho qua chứ không còn là ngon với họ nữa.

Suốt ngày lẫn đêm thao thức vượt thoát ra, khiến trần gian này không còn giá trị gì với họ nữa, không còn cái gì làm cho họ đam mê thích thú nữa, ăn như ăn hòn sắt nóng, uống như uống nước đồng sôi, lâu lâu có trái cây lăn đến để ăn là lúc hưởng dụng cảm thấy ngon, là lúc chúng ta quên tu.

Đến khi Tam Tạng gỡ lá bùa, tức là tàng thức sâu kín bên trong giải quyết được cái gút trên đỉnh Ngũ Hành Sơn nghĩa là phá vỡ cái chấp mắc tận cùng của đỉnh tâm thức.

Khi những cái rắc rối, những vướng mắc đỉnh điểm của ý thức được gỡ ra thì năm uẩn này sập liền. Một phen đó gọi là ngũ uẩn giai không thì độ tất cả khổ ách. Từ đó về sau Tôn Ngộ Không được mang tên là Tôn hành giả. Đó mới thật là người Chân tu. Trước đó chưa gọi là Chân tu. Ngộ được lý Không chưa phải ngũ uẩn giai không. Hoàn toàn an ổn trong Trí tánh mới gọi là Chân tu. Người nào một lần nhận ra Tri Kiến Phật, một lần thấy được Phật trí, lúc đó mới gọi là Chân tu. Còn trước đó thì chưa được dự vào hàng Chân tu, chưa được dự vào cái danh Hành giả.

Ngô Thừa Ân rất kỹ lưỡng trong lúc sử dụng ngôn ngữ. Và suốt bản Tây Du Ký diễn tả toàn bộ công phu của một người bắt đầu được sanh ra trong cuộc đời này, tầm đạo, tu tập và chứng đắc từng phần cho đến khi triệt ngộ hoàn toàn. Tây Du Ký không đơn thuần là một tiểu thuyết.

VĂN KINH

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo ngài Xá Lợi Phất: Ông đã ân cần ba phen thưa thỉnh đâu được chẳng nói. Ông nay lắng nghe khéo suy nghĩ nhớ đó, Ta sẽ vì ông phân biệt giải nói.

Khi Đức Phật nói lời đó, trong hội có các Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Cận sự nam, Cận sự nữ, cả thầy năm nghìn người, liền từ chỗ ngồi đứng dậy lễ Phật mà lui về. Vì sao? Vì bọn người này gốc tội sâu nặng cùng tăng thượng mạn, chưa được mà nói đã được, chưa chứng mà đã cho chứng, có lỗi dường ấy, cho nên không ở lại. Đức Thế Tôn yên lặng không ngăn cản.

Đây là lần thứ ba ngài Xá Lợi Phất thưa thỉnh, được Đức Phật bảo: *“Ông đã ân cần ba phen thưa thỉnh đâu được chẳng nói. Ông nay lắng nghe khéo suy nghĩ nhớ đó, ta sẽ vì ông phân biệt giải nói”*. Khi Đức Phật nói lời đó, trong hội có các Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Cận sự nam, Cận sự nữ, cả thầy năm nghìn người, liền từ chỗ ngồi đứng dậy lễ Phật mà lui về. Một chúng hội mà đứng dậy năm ngàn người là không đơn giản, như vậy là không còn ai nghe. Điều này chúng tôi nghĩ là không thể có, nhưng nó có ẩn ý khác.

Muốn biết Thật trí, mà ngũ căn chúng ta còn tiếp tục hoạt động thì chúng ta không bao giờ biết được. Nhãn căn mà còn hoạt dụng là sanh ra nhãn thức để phân biệt thì sanh ra không biết bao nhiêu ý niệm, không biết bao nhiêu chúng

sanh. Một nhãn căn sanh ra một ngàn ý niệm thì năm căn sanh ra năm ngàn ý niệm. Tức là tâm thức chúng ta còn tràn ngập năm ngàn ý niệm đó, mà không loại trừ nó ra thì chúng ta không thể nghe. Chỉ còn lại có ý căn, tức là ý thức còn tồn tại, và chỉ có thức đó mới đủ sức gánh vác việc lớn này mà thôi. Chỉ có cái thức đó mới có thể hiểu được Thật trí. Chỉ có thức đó mới làm được mọi Phật sự mà Đức Phật muốn nói ở đây. Và muốn quay về Thật trí thì chỉ có thức, còn năm cái kia không cần thiết cho nên loại bỏ. Ngay đây Đức Phật không ngăn cản.

VĂN KINH

Bấy giờ, Đức Phật bảo ngài Xá Lợi Phất: Trong chúng ta đây không còn cành lá, rất có hạt chắc. Xá Lợi Phất! Những gã tăng thượng mạn như vậy lui về cũng là tốt. Ông nay nên khéo nghe, Ta sẽ vì ông mà nói.

Ngài Xá Lợi Phất bạch rằng: Vâng thưa Thế Tôn con nguyện ưa muốn nghe.

Đức Phật bảo ngài Xá Lợi Phất: Pháp màu như thế, các Đức Phật Như Lai đến khi đúng thời mới nói, đó như hoa Linh Thoại đến thời tiết mới hiện một lần. Xá Lợi Phất! Các ông nên tin lời của Phật nói không hề hư vọng.

Đức Phật không ngăn cản, thấy là trong cành lá đã được rơi rụng rồi, nơi đây chỉ còn rỗng hạt chắc. Hạt chắc là ý thức chúng ta, còn năm cái kia gọi là hạt lép. Mắt thấy sắc để phân biệt hơn thua đó là hạt lép. Tai nghe tiếng để hơn thua đó là hạt lép v.v... Hạt lép bị loại trừ trước khi quay về Thật trí. Chỗ chân thật mà chúng ta còn nặng trên tiền ngũ thức là không cách nào chúng ta quay về được, gọi là năm ngàn người bước đi ra. Năm cái này cũng ngạo mạn như trước kia.

Chưa chứng mà cho mình đã chứng, chưa đắc mà cho mình đã đắc, những sở kiến, những tri kiến thấy biết trên ngũ căn, đều được loại trừ trước khi học Kinh Pháp Hoa. Chúng ta giữ lại thuần cái thức thứ sáu này thôi. Mà thức thứ sáu này gọi là “*công vi thủ tội vi khô*”, tức là làm Phật làm ma cũng từ thức tâm này mà ra.

Do đó, chỉ cần người chuẩn bị học Kinh Pháp Hoa loại trừ tất cả những cái có ra từ ngũ thức, tức là từ năm thức trước. Chỉ cần để cái ý thức này trở lại, để có thể dùng toàn lực của nó hướng về cái chỗ chân thật, đó là điều được gọi ý trong Pháp hội này, chứ không phải trong Pháp hội năm ngàn người ra đi. Chúng ta tưởng tượng năm ngàn người rời Pháp hội là số lượng quá lớn, mà cũng không bao giờ có chuyện ấy xảy ra trong Pháp hội của Đức Phật.

Chỉ còn rất hột chắc thôi. Cái thức là chỗ chân thật, và chỉ có thức đó mới hiểu Thật trí. Ngoài thức đó ra không có cái gì hiểu đâu. Đức Phật không ngăn cản. Không phải xua đuổi, nhưng khi quay trở lại chỗ chân thật này thì tự động loại trừ những cái kia.

Cũng vậy, khi chúng ta ngồi thiền thì mắt, tai, mũi, lưỡi, thân chúng ta không có hướng ngoại nữa, không có giao tiếp với bên ngoài. Mắt không tìm hiểu nữa, tai không tìm hiểu để phân biệt nữa, mũi cũng không hướng ngoại để tìm cầu, thân chúng ta cũng không xúc chạm nữa. Năm thức đó không hoạt dụng nữa chúng ta mới đi vào thiền định sâu lắng được. Nếu lúc chúng ta tọa thiền mà để năm thức đó hoạt động thì chúng ta không thể đi sâu vào bên trong được. Mỗi thức biểu trưng bằng một ngàn người, nhưng thật sự không phải năm ngàn mà là rất nhiều. Nó phải được rơi rụng trước khi chúng ta đi vào chuyên môn.

Đức Phật bảo ngài Xá Lợi Phất: “Pháp mầu như thế, các Đức Phật Như Lai đến khi đúng thời mới nói, đó như hoa Linh Thoại đến thời tiết mới hiện một lần. Xá Lợi Phất! Các ông nên tin lời của Phật nói không hề hư vọng.

Đức Phật dè dặt khi nói chuyện quá chuyên sâu. Chuyện bình thường mình dễ nghe, dễ hiểu, dễ thông cảm, nhưng chuyện này quá chuyên sâu. Nếu bây giờ không khuyến khích, không gợi ý, không nói lời bảo đảm thì người ta sẽ không chú trọng để nghe sự thật này. Cho nên Đức Phật bảo: *“Pháp mầu như thế, các Đức Phật Như Lai đến khi đúng thời mới nói”*. Tức là đến thời tiết nhân duyên mới nói. Có nghĩa việc quan trọng này đến thời, đến lúc Đức Phật mới nói ra. Nói phải đúng giờ, đúng khắc, đúng thời điểm và tùy người thì điều này mới có thể nói ra được.

Và Đức Phật nói một câu chúng ta thấy vô cùng cảm động: *“Các ông nên tin lời của Phật nói không hề hư vọng”*. Ví dụ mình là người lớn, mình nói với các con: Con làm ơn tin lời cha, cha nói thật, mình nghe cảm động làm sao. Trước khi nói lời quan trọng, Đức Phật nói các ông ráng tin dùm, vì việc này quý báu vô cùng, nếu nói ra mà không rót trọn vô tâm chúng sanh thì uổng quá, lỡ đi một cơ hội lớn. Cho nên chúng ta phải quan trọng nó thật sự, phải chú ý lắng nghe. Làm sao tâm chúng ta đón nhận trọn vẹn những lời Chánh Pháp của Đức Phật, như vậy mới không phụ lòng từ và những lời vô giá của Đức Thế Tôn.

VĂN KINH

Xá Lợi Phất! Các Đức Phật theo thời nghi nói Pháp ý thú khó hiểu. Vì sao? Ta dùng vô số phương tiện các món nhân duyên, lời lẽ thí dụ diễn nói các Pháp.

Pháp đó không phải là suy lường phân biệt mà có thể hiểu, chỉ có các Đức Phật mới biết được đó. Vì sao? Các Đức Phật Thế Tôn, chỉ do một sự nhân duyên lớn mà hiện ra nơi đời.

Xá Lợi Phất! Sao nói rằng các Đức Phật Thế Tôn chỉ do một sự nhân duyên lớn mà hiện ra đời? Các Đức Phật Thế Tôn vì muốn cho chúng sanh khai Tri Kiến Phật để được thanh tịnh mà hiện ra nơi đời; vì muốn chỉ Tri Kiến Phật cho chúng sanh mà hiện ra nơi đời; vì muốn cho chúng sanh tỏ ngộ Tri Kiến Phật mà hiện ra nơi đời; vì muốn cho chúng sanh chứng vào đạo Tri Kiến Phật mà hiện ra nơi đời.

Xá Lợi Phất! Đó là các Đức Phật do vì một sự nhân duyên lớn mà hiện ra nơi đời.

Đức Phật tóm kết hết tâm huyết của ba đời tất cả chư Phật, cũng như mười hai bộ Kinh đều muốn khai mở, chỉ bày để chúng ta ngộ và nhập vào Tri Kiến Phật. Đức Phật Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni và chư Phật mười phương vì muốn chúng sanh nhận ra Phật Tri Kiến mà hiện ra nơi đời. Và tất cả chúng sanh nếu muốn học Phật Pháp thì chúng ta phải có tâm thú hướng về chỗ chân thật chính yếu này, mới không cô phụ hoài bão của chư Phật.

Chư Phật mười phương muốn cho chúng sanh ngộ nhập Phật Tri Kiến, mà chúng sanh lơ đãng với việc này, chúng ta không chịu quay về, không có hoài bão, không có ước mơ thiết tha để nhận ra Phật Tri Kiến thì chắc chắn nghiệp sẽ dẫn chúng ta đi trong sanh tử và đau khổ bất an sẽ còn tiếp diễn mãi mãi. Chỉ còn con đường duy nhất là ngộ nhập Phật Tri Kiến để thoát khỏi lầm mê trong sanh tử luân hồi mà thôi.

Mặc dù chúng ta chưa ngộ, nhưng chúng ta có thú hướng và quyết tâm nhận Tri Kiến Phật thì chúng ta đang hướng đến chỗ bình an, hạnh phúc của chư Phật ba đời muốn chỉ. Khi nào chúng ta nhận ra được Phật Tri Kiến thì khi đó chúng ta mới sống thật được với con người thật của chính mình. Khi nào Phật Tri Kiến chúng ta chưa nhận ra thì cuộc sống hiện tại của chúng ta là một cuộc sống đầy bất an và đau khổ.

Chúng ta luôn lao theo vọng tình vọng tưởng, lao theo những ý niệm lăng xăng chọt có chọt mất là cuộc sống chúng ta mong manh không thật. Còn khi nhận được Phật Tri Kiến là nhận được Thể Tánh bất sanh bất diệt, là nền tảng sống cho tất cả chúng sanh trong Tam giới thì đó là mảnh đất để chúng ta đứng. Chúng ta phải ý thức được điều này thật sâu sắc trong lòng.

Ngày nào chưa nhận ra Phật Tri Kiến, là ngày đó mình vẫn còn bất an trong dòng sanh tử, là ngày đó khổ đau vẫn còn dằn trải trước mắt chúng ta. Chỉ có con đường duy nhất là quay lại nhận Phật Tri Kiến thì mới thoát khỏi thân phận của chúng sanh. Ngày nào chưa nhận ra Phật Tri Kiến thì cái thân phận chúng sanh vẫn còn. Và nếu còn mang thân phận chúng sanh thì vẫn còn đi trong sanh tử luân hồi không có ngày dừng. Ngoài cái nhận Phật Tri Kiến ra, gần như không còn con đường thứ hai nào để chúng sanh có thể thoát khỏi Tam giới. Đó là điều chúng ta phải khẳng định nơi lòng mình, để mình lập lại ý hướng tu hành. Phật tử đến chùa, dù chúng ta đến lâu, đến mau việc đó chúng ta không cần đặt ra. Quan trọng là cái thấy biết và thú hướng đúng hay sai với con đường thành Phật.

VĂN KINH

Đức Phật bảo ngài Xá Lợi Phất: Các Đức Phật Như Lai chỉ giáo hóa Bồ Tát, những điều làm ra thường vì một việc: Chỉ đem Tri Kiến Phật chỉ cho chúng sanh tỏ ngộ thôi

Xá Lợi Phất! Đức Như Lai chỉ dùng một Phật thừa mà vì chúng sanh nói Pháp không có các thừa hoặc hai hoặc ba khác.

Xá Lợi Phất! Pháp của tất cả các Đức Phật ở mười phương cũng như thế.

Xá Lợi Phất! Thuở quá khứ các Đức Phật dùng vô lượng vô số phương tiện các món nhân duyên lời lẽ thí dụ mà vì chúng sanh diễn nói các pháp. Vì Pháp đó đều là một Phật thừa, nên các chúng sanh đó theo chư Phật nghe Pháp rất ráo đều được chứng Nhất Thiết Chủng Trí.

Xá Lợi Phất! Thuở vị lai, các Đức Phật sẽ ra đời, cũng dùng vô lượng vô số phương tiện các món nhân duyên lời lẽ thí dụ mà vì chúng sanh diễn nói các pháp, vì Pháp ấy đều là một Phật thừa nên các chúng sanh đó theo Phật nghe Pháp rất ráo đều được chứng Nhất Thiết Chủng Trí.

Xá Lợi Phất! Hiện tại nay, trong vô lượng trăm nghìn muôn ức cõi Phật ở mười phương, các Đức Phật Thế Tôn nhiều điều lợi ích an vui cho chúng sanh. Các Đức Phật đó cũng dùng vô lượng vô số phương tiện các món nhân duyên lời lẽ thí dụ mà vì chúng sanh diễn nói các pháp, vì Pháp đó đều là một Phật thừa, các chúng sanh ấy theo Phật nghe Pháp rất ráo đều được chứng Nhất Thiết Chủng Trí.

Xá Lợi Phất! Các Đức Phật đó chỉ giáo hóa Bồ Tát, vì muốn đem Tri Kiến Phật mà chỉ cho chúng sanh, vì muốn đem Tri Kiến Phật cho chúng sanh tỏ ngộ, vì muốn làm cho chúng sanh chứng vào Tri Kiến Phật vậy.

Xá Lợi Phất! Nay Ta cũng lại như thế, rõ biết các chúng sanh có những điều ưa muốn, thân tâm mê chấp, Ta tùy theo bản tánh kia dùng các món nhân duyên lời lẽ thí dụ cùng sức phương tiện mà vì đó nói Pháp.

Xá Lợi Phất! Như thế đều vì để chúng được một Phật thừa Nhất Thiết Chúng Trí.

Đức Phật khẳng định lại một lần nữa là hoài bão của chư Phật từ quá khứ, cho đến vị lai, cũng như thời hiện tại khắp mười phương pháp giới đều tạo vô số nhân duyên, vô số ví dụ hướng dẫn chúng sanh, đều muốn cho chúng sanh chứng được Nhất Thiết Chúng Trí mà thôi.

Tam thừa: Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa, Bồ Tát thừa. Có phương pháp tu để chứng quả A La Hán gọi là Thanh Văn thừa, phương pháp tu để chứng quả Bích Chi Phật gọi là Duyên Giác thừa, và phương pháp tu của các Bồ Tát gọi là Lục Độ Vạn Hạnh.

Đến đây Đức Phật nói chỉ giáo hóa Phật thừa thôi chứ không can dự gì ba thừa trước. Chư Phật ra đời đều mong muốn và chỉ làm một việc duy nhất đó thôi, cho nên tất cả chúng sanh nếu muốn đi đúng đường Đức Phật thì chỉ hướng đến Phật thừa. Tức là phải có hoài bão, phải có nguyện lực, hằng ngày hằng bữa trong cuộc sống chúng ta ngủ vừa mở mắt ra là thành tâm hướng về chư Phật, lạy Phật cho con được mạnh khỏe, sanh ra đầy đủ trí tuệ để hướng về đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Và cuộc sống còn lại của con có đủ duyên lành gặp Chánh

Pháp, gặp Minh Sư, tu hành để chứng được quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác mà thôi.

Đức Phật muốn cho chúng ta chứng được Nhất Thiết Chung Trí, tức là chứng được đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác như Đức Phật mà thôi.

VĂN KINH

Xá Lợi Phất! Trong cõi nước ở mười phương còn không có hai thừa hà hưởng có ba!

Xá Lợi Phất! Các Đức Phật hiện ra trong đời ác năm trước, nghĩa là: Kiếp trước, phiền não trước, chúng sanh trước, kiến trước, mạng trước. Như thế, Xá Lợi Phất, lúc kiếp loạn trước chúng sanh nhớ nặng, bồn sấn, tham lam, ghét ganh, trợn nên các căn chẳng lành, cho nên các Đức Phật dùng sức phương tiện, nơi một Phật thừa, phân biệt nói thành ba.

Năm trước: kiếp trước, phiền não trước, chúng sanh trước, kiến trước, mạng trước.

“*Kiếp trước*”: Đức Phật nói là ngày xưa chúng sanh sống ở thời phước báu, nên tuổi thọ mỗi người là tám muôn bốn ngàn tuổi. Đến thời Đức Phật Thích Ca tuổi thọ trung bình là khoảng một trăm tuổi. Do có nhiều phiền não ô trược dính mắc cho nên phước báu tổn giảm đi, nên đến thời chúng ta tuổi thọ giảm trung bình khoảng bảy mươi tuổi.

Đức Phật nói trong Kinh, tuổi thọ của nhân loại chúng ta cứ một trăm năm giảm một tuổi. Ví dụ bây giờ chúng ta sống thọ tương đương độ tuổi là tám mươi thì một trăm năm sau chúng ta chỉ sống bảy mươi chín tuổi, một trăm năm sau nữa nhân loại sống bảy mươi tám tuổi sẽ chết. Giảm dần dần cho đến nhân loại chỉ sống tuổi thọ cao nhất là mười

tuổi. Lúc đó tất cả những ai nói thiện đều bị giết. Tức là xã hội loài người lúc đó không còn nói tiếng thiện nữa. Cứ nói đến chuyện tu tập, ăn chay, làm phước đều bị giết. Và những dịch họa tai nạn xảy ra liên tục. Chúng ta có thể bị một cơn gió độc đi qua là chết hết một, hai trăm người. Hoặc chúng ta đi ra đập miếng lá xước da cũng chết, bị thú độc cắn chết v.v... Tất cả những tai họa xảy ra liên miên để con người ta chết rất nhiều, vì con người làm thập ác rồi thì tai họa xảy ra không lường.

Khi con người bị thiên tai gió bão để chết rất nhiều thì lúc đó có vị Bồ Tát ra đời nói thập thiện. Con người bắt đầu tu theo thập thiện thì tuổi thọ sẽ tăng từ từ. Một trăm năm tăng lên một tuổi, một trăm năm tăng lên một tuổi. Cho đến tám muôn bốn ngàn tuổi thì lúc đó Đức Phật Di Lặc mới ra đời.

Như vậy, từ đây cho đến Đức Phật Di Lặc ra đời là hàng tỷ tỷ năm nữa chứ không phải một hai trăm năm, một hai ngàn năm. Lý do tại sao chưa có Đức Phật mới ra đời? Vì ở một cõi không thể có hai Phật, cũng như một cõi chúng ta không thể có hai loại Giáo lý giác ngộ giải thoát. Đây là điều mà người Phật tử chúng ta phải biết. Do đó cõi này đang hiện hữu Giáo lý Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thì không thể có Giáo lý giác ngộ giải thoát thứ hai chen vô được.

Nếu ai nói rằng mình có một đạo giác ngộ khác với đạo Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni thì đó không phải là đạo giác ngộ giải thoát. Đây là quy luật của vũ trụ này. Giống như một nước không thể có hai vua. Thì một cõi không thể có hai Giáo lý giác ngộ giải thoát. Trong đời này nếu ai đứng ra giảng dạy một Pháp tu gì đó, mà không dính đến Chánh

Pháp Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thì chúng ta biết rằng đó không phải là đạo giác ngộ giải thoát.

“*Phiền não trước*”: Là những phiền não, khổ đau xảy ra trong đời sống chúng ta.

“*Chúng sanh trước*”: Là chúng sanh sanh ra ở cõi ô trước này.

“*Kiến trước*”: Là cái thấy biết sai lầm của mình. Những cái thấy, nghe, hay, biết của chúng ta đều vướng mắc buồn, thương, giận, ghét, nó không phải là cái thấy biết thanh tịnh, mà là cái thấy biết ô trước.

“*Mạng trước*”: Là mạng sống ngắn ngủi của con người trong một giai đoạn nào đó.

Tất cả những Giáo Pháp từ trước đến giờ của Đức Phật, dạy chúng ta điều này điều kia là chỉ phương tiện mà thôi, chứ sự thật thì trong pháp giới này, Đức Phật chỉ nói một điều duy nhất là Phật thừa, làm cho tất cả chúng sanh đều ngộ nhập Phật Tri Kiến, ngoài ra không có thừa nào khác.

VĂN KINH

Xá Lợi Phất! Nếu đệ tử Ta tự cho mình là A La Hán cùng Duyên Giác mà không nghe không biết việc của các Đức Phật Như Lai chỉ giáo hóa Bồ Tát, người này chẳng phải là đệ tử Phật, chẳng phải A La Hán, chẳng phải Duyên Giác.

Lại nữa, Xá Lợi Phất! Các Tỳ kheo, Tỳ kheo ni đó tự cho mình đã được A La Hán, là thân rốt sau rốt ráo Niết Bàn, bèn chẳng lại chí quyết cầu đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nên biết bọn đó là kẻ tăng thượng mạn. Vì sao? Nếu có Tỳ kheo thật chứng quả A La Hán

mà không tin Pháp này, quyết không có lẽ ấy, trừ sau khi Phật diệt độ hiện tiền không Phật. Vì sao? Sau khi Phật diệt độ, những Kinh như thế, người hay thọ trì đọc tụng hiểu nghĩa rất khó có được, nếu gặp Đức Phật khác, ở trong Pháp này bèn được hiểu rõ.

Xá Lợi Phất! Các ông nên một lòng tin hiểu thọ trì lời Phật dạy. Lời các Đức Phật Như Lai nói không hư vọng, không có thừa nào khác, chỉ có một Phật thừa thôi.

Đức Phật lại khẳng định: Nếu một người chứng quả A La Hán, Bích Chi Phật không tin việc này thì người đó không phải là A La Hán, không phải là Bích Chi Phật. Đức Phật nói, đó cũng chẳng phải là đệ tử của ta vì người đó không phát tâm cầu thành Phật.

Người nào không tin rằng có Phật thừa, không tin rằng nơi mình có Phật Tri Kiến, và không đủ lòng tin mình có khả năng chứng quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì người đó không được chấp nhận là đệ tử của Phật.

Dù chứng quả gì nhưng tâm chúng ta không thú hưởng, không muốn thành đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì người đó không được chấp nhận là đệ tử Phật. Đến đây Đức Phật phải mạnh thì chúng ta xét lại mình có dự hàng đệ tử Phật chưa. Nơi mình phải có đủ lòng tin đó và chúng ta đang hướng về để nhận Tri Kiến Phật của mình thì chúng ta tự biết rằng mình là đệ tử Phật. Nếu trong tâm mình chưa đủ lòng tin này và chưa có quyết tâm muốn nhận Tri Kiến Phật thì mình chưa phải là đệ tử Phật.

VĂN KINH

Khi ấy, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa này mà nói kệ rằng:

Tỳ kheo, Tỳ kheo ni

Cưu lòng tăng thượng mạn
 Cận sự nam ngã mạn
 Cận sự nữ chẳng tin,
 Hàng bốn chúng như thế
 Số kia có năm nghìn
 Chẳng tự thấy lỗi mình
 Nơi giới có thiếu sót
 Tiếc giữ tội quấy mình
 Trí nhỏ đó đã ra,
 Bọn cá mắm trong chúng
 Oai Đức Phật phải đi,
 Gã đó kém phước đức
 Chẳng kham lãnh Pháp này,
 Chúng nay không cành lá
 Chỉ có những hột chắc
 Xá Lợi Phát khéo nghe!
 Pháp của các Phật được
 Vô lượng sức phương tiện
 Mà vì chúng sanh nói.
 Tâm của chúng sanh nghĩ
 Các món đạo ra làm
 Bao nhiêu những tánh dục
 Nghiệp lành dữ đời trước
 Phật biết hết thế rồi
 Dùng các duyên thí dụ
 Lời lẽ sức phương tiện
 Khiến tất cả vui mừng.
 Hoặc là nói Khế Kinh
 Cô Khởi cùng Bốn Sự
 Bốn Sanh, Vị Tăng Hữu
 Cũng nói những Nhân Duyên
 Thí Dụ và Trùng Tụng
 Luận Nghị cộng chín Kinh.

**Căn độn ưa Pháp nhỏ
Tham chấp nơi sanh tử
Nơi vô lượng Đức Phật
Chẳng tu đạo sâu màu
Bị các khổ não loạn
Vì đó nói Niết Bàn.
Ta bày phương tiện đó
Khiến đều vào huệ Phật,
Chưa từng nói các ông
Sẽ được thành Phật đạo
Sở dĩ chưa từng nói
Vì giờ nói chưa đến,
Nay chính là đến giờ
Quyết định nói Đại thừa.**

Đức Phật lặp lại những ý trên. Đức Phật sở dĩ nói chín Kinh: Nhân Duyên, Khế Kinh, Cô Khởi, Bồn Sự, Bồn Sanh, Vị Tăng Hữu, Luận Nghi, Thí Dụ, Trùng Tụng, mục đích làm cho chúng sanh xa rời các khổ hạnh đạt đến Niết Bàn. Sau đó Đức Phật mới hướng dẫn đến đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đó chỉ là chín phương tiện vì thời nói chưa đến. Nay đến thời, đến lúc Đức Phật mới quyết định nói Đại thừa.

VĂN KINH

**Chín bộ Pháp của Ta
Thuận theo chúng sanh nói
Vào Đại thừa làm gốc
Nên mới nói Kinh này.
Có Phật tử tâm tịnh
Êm dịu cũng căn lợi,
Nơi vô lượng các Phật
Mà tu đạo sâu màu,
Vì hàng Phật tử này**

**Nói Kinh Đại thừa đây.
 Ta ghi cho người đó
 Đòi sau thành Phật đạo
 Bởi thâm tâm niệm Phật
 Tu trì tịnh giới vậy
 Hạng này nghe thành Phật
 Rất mừng đây khắp mình,
 Phật biết tâm của kia.
 Nên vì nói Đại thừa.
 Thanh Văn hoặc Bồ Tát,
 Nghe Ta nói Pháp ra
 Nhấn đến một bài kệ
 Điều thành Phật không nghi.**

Nếu có một chúng sanh nào căn tánh lanh lợi, êm dịu nơi vô lượng các Phật, tu đạo sâu mâu thì hàng Phật tử này được Đức Phật nói Kinh Đại thừa. Và Đức Phật ghi nhận người này đòi sau sẽ được thành Phật, bởi thâm tâm niệm Phật.

Quý vị thấy điều đặc biệt khi dùng từ “*Thâm tâm niệm Phật*”. Không phải chúng ta niệm Phật một cách phơn phớt nữa, mà niệm tận trong cõi lòng. Chúng ta luôn nhớ nghĩ đến Đức Phật, trong tâm luôn có Phật trong từng giờ, từng phút, từng giây của cuộc sống này, gọi là thâm tâm niệm Phật. Trong lòng chúng ta không lúc nào quên niệm Phật. Không phải quên Đức Phật Thích Ca, hay là quên Đức Phật bên ngoài, mà quên Đức Phật đang hiện hữu, đang rõ ràng ở nơi chính mình. Người đó luôn có Phật. Không phút giây nào quên được. Người đó chắc chắn sẽ thương Phật và được Phật thọ ký.

Một chúng sanh nghe Phật thọ ký, dự ghi mình ở một đời nào đó thành Phật thì người đó rất mừng. Những người này nghe Pháp Đức Phật rất dễ hiểu, mà nghe Pháp Đại thừa,

dầu chỉ một bài kệ thì người đó thành Phật không nghi ngờ. Đức Phật nói rõ ràng, nghe bài kệ hoặc một câu nào đó cũng có thể ngộ. Người đó trong lòng luôn luôn nghĩ có Phật, trong đi đứng nằm ngồi không thể quên điều này, và quyết lòng để có thể tu đạt giác ngộ giải thoát hoàn toàn, đạt quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì người đó thành Phật không còn nghi nữa.

VĂN KINH

**Trong cõi Phật mười phương
Chỉ có một thừa Pháp
Không hai cũng không ba
Trừ Phật phương tiện nói
Chỉ dùng danh tự giả
Dẫn dắt các chúng sanh
Vì nói trí tuệ Phật.
Các Phật ra nơi đời
Chỉ một việc này thật
Hai thứ chẳng phải chân.
Trọn chẳng đem Tiểu thừa
Mà tế độ chúng sanh,
Phật tự trụ Đại thừa
Như Pháp của mình được
Định, huệ, lực trang nghiêm
Dùng dây độ chúng sanh.
Tự chứng đạo Vô thượng
Pháp bình đẳng Đại thừa
Nếu dùng Tiểu thừa độ
Nhẫn đến nơi một người
Thì Ta đọa xan tham
Việc ấy tất không được,
Nếu người tin về Phật
Như Lai chẳng dối gạt**

**Cũng không lòng tham ganh
 Dứt ác trong các pháp
 Nên Phật ở mười phương
 Mà riêng không chỗ sợ.
 Ta dùng tướng trang nghiêm
 Ánh sáng soi trong đời
 Đấng vô lượng chúng trọng
 Vì nói thật tướng ẩn.**

Tới đây Đức Phật nói như là một lời thệ nguyện, trước đó là khuyến khích. Đức Phật mặc dù có phương tiện nói ba thừa nhưng thâm tâm Đức Phật muốn cho tất cả chúng sanh đều ngộ được Phật thừa, đều chứng được quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Nếu trong lòng chúng ta mà có ý niệm nhỏ muốn cho người khác chứng quả Tiểu thừa thì đọa xan tham. Xan tham là người có của quý, nhưng cho người ta bạc lẻ. Cho nên khi chúng ta là Phật tử học Pháp của Phật, đến chỗ này buộc chúng ta phải đủ lòng tin với đạo Nhất thừa, vì điều đó đúng hoàn toàn với bản hoài của chư Phật ba đời, chứ không phải ức thuyết.

VĂN KINH

**Xá Lợi Phất! Nên biết
 Ta vốn lập thệ nguyện
 Muốn cho tất cả chúng
 Bằng như Ta không khác,
 Như Ta xưa đã nguyện
 Nay đã đầy đủ rồi
 Độ tất cả chúng sanh
 Đều khiến vào Phật đạo
 Nếu Ta gặp chúng sanh
 Dùng Phật đạo dạy cả**

**Kẻ vô trí rồi sai
Mê lầm không nhận lời.
Ta rõ chúng sanh đó
Chưa từng tu cội lành
Chấp chặt nơi ngũ dục
Vì si ái sanh khổ,
Bởi nhân duyên các dục.
Sanh vào ba đường dữ
Xoay lăn trong sáu nẻo
Chịu đủ những khổ độc
Thân mọn thọ bào thai
Đòi đòi tăng trưởng luôn
Người đức mỏng ít phước
Các sự khổ bức ngặt
Vào rừng rậm tà kiến
Hoặc chấp có, chấp không
Nương gá các chấp này
Đầy đủ sáu mươi hai
Chấp chặt pháp hư vọng
Bền nhận không bỏ được
Ngã mạn tự khoe cao
Dua nịnh lòng không thật
Trong nghìn muôn ức kiếp
Chẳng nghe danh tự Phật
Cũng chẳng nghe Chánh Pháp
Người như thế khó độ.**

Đức Phật dùng từ rất hay, rất chính xác. Chúng sanh từ xưa đến giờ là “*Kẻ vô trí rồi sai*”. Tâm chúng ta luôn rối rắm, luôn sai lầm, không lúc nào trong đầu chúng ta được yên, lúc nào cũng nghĩ điều này điều kia. Một phút thôi là muôn ngàn chuyện xảy ra trong đầu mình. Vì vậy mà Đức Phật thương tưởng chúng ta, Ngài mới tùy cơ nghi dẫn dắt đúng đạo, để

chúng ta bớt đi sự rối rắm đó, để trí tuệ chúng ta khai mở đến đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Đức Phật vui mừng vì việc muốn nói, hôm nay tới Kinh Pháp Hoa Đức Phật mới nói được. Từ trước đến giờ Đức Phật phương tiện tạm thời để giảng dạy các thừa vì thấy sự khổ não, bức ngặt trôi lăn trong sanh tử của chúng sanh đã trải qua nhiều đời nhiều kiếp rồi. Đức Phật thương mà tìm đủ mọi cách giáo hóa cho chúng sanh thoát khỏi vòng lẩn quẩn trong sanh tử.

Ngay từ buổi đầu trong lòng tất cả chúng sanh đều không có đủ sức để kính tin điều này rồi:

*Dua nịnh lòng không thật
Trong nghìn muôn ức kiếp
Chẳng nghe danh tự Phật
Cũng chẳng nghe Chánh Pháp
Ngươi như thế khó độ.*

Nếu trong tất cả những ý niệm của chúng ta đều có Đức Phật ngự trong đó thì chúng ta là người dễ được độ. Còn chúng ta buông trôi cuộc sống mình, để nó nghĩ như thế nào thì nghĩ, làm như thế nào thì làm, làm theo sự buồn thương giận ghét thì chúng ta sẽ là người khó được độ.

VĂN KINH

**Cho nên Xá Lợi Phất!
Ta vì bày phương tiện
Nói các đạo dứt khổ
Chỉ cho đó Niết Bàn
Ta dần nói Niết Bàn
Cũng chẳng phải thật diệt,
Các pháp từ bản lai
Tướng thường tự vắng lặng
Phật tử hành đạo rồi**

**Đời sau được thành Phật
Ta có sức phương tiện
Mở bày khắp ba thừa.
Tất cả các Thế Tôn
Đều nói đạo Nhất thừa
Nay trong đại chúng này
Đều nên trừ nghi lầm
Lời Phật nói không khác
Chỉ một, không hai thừa.**

“*Các Pháp từ bản lai, tướng thường tự vắng lặng*”. Tức là các Pháp từ xưa đến bây giờ tướng nó thường vắng lặng. Phật tánh bất sanh bất diệt, là thanh tịnh, là đầy đủ, là hay sanh muôn pháp. Chúng ta nghe rồi, ai cũng có thể hiểu được, nhưng hiểu được tất cả các Pháp từ ngàn xưa đến bây giờ tướng nó thường hằng vắng lặng thì rất là khó. Một người tu theo đạo Phật, một phen nhận được cái tướng tất cả Pháp hoàn toàn vắng lặng, là người đó có cuộc sống thanh tịnh và tự tại liền.

Vì sao tướng vắng lặng? Bây giờ nói ra chúng ta không chấp nhận nổi điều này. Vì tiếng nói đang phát ra âm thanh chúng ta tiếp nhận được thì làm sao vắng lặng? Nhưng sự thật các Pháp vắng lặng chúng ta phải tin. Và chúng ta phải nhận ra cho được.

Khi có cái gì đó để chúng ta phân biệt, có cái gì đó cho nên chúng ta mới hiểu, tức là có đối tượng. Có gì đó là đúng sai, là hay dở, là phải trái là nó có nội dung trong đó. Từ xưa đến giờ chúng ta hiểu để có nội dung thì không phải, hiểu mọi cái nó thành đối tượng thì không phải. Chúng ta biết mọi cái mà không mang nội dung theo, biết mọi cái mà không thành đối tượng thì tất cả các Pháp tướng thường tự vắng lặng liền.

Trong cái thấy, nghe, hay, biết của chúng ta không mang nội dung, thấy mà không cần biết nó là cái gì. Dùng từ không cần biết, không phải chúng ta từ chối không muốn biết. Chúng ta không dụng công để chúng ta thấy tất cả mọi cái nó không thành cái gì của mình, không phải như vậy. Cái mà vốn ban đầu nó chưa thành hình bất cứ cái gì thì cái đó nó không có nội dung.

Ví dụ âm thanh quý vị đang nghe, quý vị chỉ nghe một cách chớp nhoáng khi chưa có tình niệm sanh ra thì lúc đó tất cả tướng đều thanh tịnh, tất cả tướng đều vắng lặng. Vì cái nghe đó không lệ thuộc trong thân căn ngũ uẩn, không phải vì thân căn ngũ uẩn này mà nghe, không phải vì quy ước trong Tam giới này, mà chúng ta thấy nghe hay biết thì chừng đó chúng ta sẽ hay được sự thật, tất cả các Pháp từ xưa đến nay tướng nó thường vắng lặng.

Chúng ta thấy xe đang chạy vùn vụt ngoài lộ nhưng rất trật tự, nếu không trật tự nó đụng nhau rồi. Tất cả trần gian này đều trật tự. Thấy xáo trộn ngoài chợ vậy nhưng rất trật tự. Tất cả các Pháp nó vốn tự như vậy. Do chúng ta thấy bằng thân căn ngũ uẩn cho nên các Pháp không thể vắng lặng với mình. Còn tất cả các Pháp từ xưa nay nó vốn vắng lặng, không phải do ức tướng, mà do mình thấy qua kiến thức trần gian, thấy qua kiến thức của loài chúng sanh trong Tam giới này thì các Pháp có này, có kia.

Chúng ta thôi dứt cái nghe, cái thấy quen thuộc của chúng sanh một lần, chúng ta không dùng thân căn ngũ uẩn để hay biết tất cả mọi cái nữa thì tất cả mọi cái đều vắng lặng. Cái hay biết đó là cái vốn có của mình.

Chúng ta không có làm cái gì cho các Pháp vắng lặng. “*Các pháp từ bốn lai*”, tức là từ ngàn xưa cho đến bây giờ tướng nó vốn thường tự vắng lặng. Cho nên các vị nào nghe

đến chỗ này các vị ngại nói đến các pháp vắng lặng. Rõ ràng mình còn hơn thua, giành giật nhau, cả Tam giới này nói vắng lặng làm sao được. Vì người đó đầu còn nằm trong Tam giới này chưa có bước qua khỏi cảnh giới tâm thức, cho nên không thể chấp nhận các pháp vốn tự vắng lặng.

Ví dụ cái mõ nằm đây, nó động không? Cái chỗ chúng ta đang ngồi, động không? Mọi việc xảy ra trong trần gian này, động không? Tại mình gia cái tâm mình vào đó, mình phân biệt nên nó thành động với chính bản thân mình, chứ các pháp không bao giờ có chuyện động. Dù chúng ta có la hét cỡ nào nó cũng không động. Không có nói động, nói tịnh, nói hay, nói dở, nói chân, nói vọng gì ở nơi đó cả. Chúng ta nếu bằng cái thanh tịnh sáng suốt tiếp nhận sự thật đang hiện tiền thì ngay nơi hiện tiền đó nó tự vắng lặng. Còn không thì cái động đó là do mình bày đặt ra, mình sanh sửa ra, chứ các pháp không thể động.

Ví dụ nói, tại người ta phá tôi tu không được, mới thành ra chuyện, chứ người thật tu dù cho họ lập bàn thờ trước cửa nhà cả ngày lẫn đêm, mình không động là mình không động.

Do mình vừa tiếp pháp mình vừa xáo trộn, chứ không phải nó làm cho mình xáo trộn. Hiểu điều này rồi thì người ta không bao giờ đổ thừa ai làm cho mình động cả. Từ đây về sau chúng ta không được đổ thừa cho hoàn cảnh tôi tu không được. Không có hoàn cảnh nào làm động tâm mình, do mình không chịu yên cho nên mình khổ. Mình không chấp nhận sự thanh tịnh vốn có của mình, mình muốn xáo động để rồi mình bất an. Bây giờ muốn yên thì thôi vậy, thôi dứt hết mọi cái là chúng ta yên.

Có người đổ thừa: “*Cây muốn lặng mà gió chẳng dừng*”. Không phải, đừng có làm. Do mình không muốn lặng chứ không phải gió chẳng dừng. Phải hiểu ngược lại.

Cái hiểu ngược lại này nó mới đúng. Khi chúng ta nhận định được điều này rồi thì trần gian này không còn việc để cho chúng ta phải vướng mắc. Người đó thật sự tự tại, lăn lông lốc trong cõi này. Người đó không còn vướng mắc bất cứ điều gì, nếu một phen nhận ra được cái tướng vắng lặng của tất cả các pháp.

Người đó không cần một chút công phu nào mà cũng thăng đến quả vị Phật, không cần làm gì mà ngồi yên vẫn thành Phật, nếu một phen chúng ta nhận ra được điều này. Còn chưa thấu rõ được điều này ở nơi mình thì biết rằng tri kiến mình thấy chưa đến nơi, đạo lý mình chưa nhận định đúng mức, như vậy buộc chúng ta phải công phu rất nhiều.

Một phen ai nhận ra điều này, phải nói nghiêm túc với nhau, người đó giác ngộ hoàn toàn. Một vị tu sĩ, một vị cư sĩ nào thấu tột được điều này thì người đó không còn vướng mắc. Dù người đó vào bất cứ môi trường nào thì vẫn không bao giờ ô nhiễm được họ.

Ngộ cho đến điều này, ngộ cho đúng, nhận cho ra thì người đó không bao giờ bị vướng mắc nữa. Còn chưa thấy đến chỗ này thì bắt buộc phải công phu. Chỗ này gọi là Thường Tại Định. Đi, đứng, nằm, ngồi thể an nhiên. Đi, đứng, nằm, ngồi đều định. Có la hét đi nữa cũng ở trong định. Như vậy mới là thấy các pháp vốn tự vắng lặng.

VĂN KINH

Vô số kiếp đã qua

Vô lượng Phật diệt độ

Trăm nghìn muôn ức Phật

Số nhiều không lường được.

Các Thế Tôn như thế

Các món duyên thí dụ

**Vô số ức phương tiện
Diễn nói các pháp tướng,
Các Đức Thế Tôn đó
Đều nói Pháp Nhất thừa
Độ vô lượng chúng sanh
Khiến vào nơi Phật đạo
Lại các đại Thánh chúa
Biết tất cả thế gian
Trời người loài quần sanh
Thâm tâm chỗ ưa muốn
Bèn dùng phương tiện khác
Giúp bày nghĩa đệ nhất.
Nếu có loài chúng sanh
Gặp các Phật quá khứ
Hoặc nghe pháp bố thí
Hoặc trì giới nhẫn nhục
Tinh tấn, thiền, trí thấy
Các món tu phước huệ,
Những người như thế đó
Đều đã thành Phật đạo
Sau các Phật diệt độ
Nếu người lòng lành dịu
Các chúng sanh như thế
Đều đã thành Phật đạo.**

Những người tu Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ theo Lục Độ Ba la mật đều thành Phật đạo.

Những người lòng lành dịu không tu cũng thành Phật đạo, chúng ta thấy thế nào? Nhưng sự thật như vậy. Vì chúng sanh đã từng ở cõi Phật đi ra. Chúng ta phải hiểu điều này.

Trong cái thấy biết ban đầu bình đẳng, thanh tịnh tuyệt đối, không ai khác ai, nhưng sau đó mỗi người có kiến giải

khác thì cái thấy ban đầu nó thành khác. Lúc đó trở xuống làm chúng sanh, không còn làm Phật nữa.

Ngay khi tiếp duyên xúc cảnh là Phật thấy, Phật nghe, Phật biết, Phật hay, nhưng mình không chịu an trụ nơi vị trí Phật đó, mình rơi xuống làm chúng sanh cho nên lộn xộn. Từ chỗ thanh tịnh sáng suốt chúng ta không an trú nơi đó, chúng ta muốn động niệm, chúng ta muốn sanh khởi thì đi xuống trần gian này, lăn quẩn trong Tam giới. Khi nào chán thì ngay đó mình có Phật.

Ví dụ mình lỡ chạy ngoài đường mệt quá, bây giờ muốn hết mệt thì có người nói chạy thụt lùi lại nhà, hay chúng ta đứng lại tại đó thì hết mệt? Cũng vậy, khi chúng ta tiếp nhận sự thật thì ngay lúc đó chúng ta xong việc. Chứ không phải chúng ta dụng công để giải quyết tất cả phiền não, khổ đau mà chúng ta đã huân tập. Chỉ cần ngay đó không tiếp tục nữa là xong mọi thứ, không phải là chạy thụt lùi lại. Đây là chỗ chư Phật muốn chỉ dạy.

VĂN KINH

**Các Phật diệt độ rồi
 Người cúng dường Xá lợi
 Dựng muôn ức thứ tháp
 Vàng, bạc và pha lê
 Xa cừ cùng mã não
 Ngọc mai khô, lưu ly
 Thanh tịnh rộng nghiêm sức,
 Trau giồi nơi các tháp,
 Hoặc có dựng miếu đá
 Chiên đàn và Trầm thủy
 Gỗ mật cùng gỗ khác
 Gạch ngói bùn đất thấy,
 Hoặc ở trong đồng trống**

**Chứa đất thành miếu Phật
Nhẫn đến đồng tử giỡn
Nhóm cát thành tháp Phật,
Những hạng người như thế
Đều đã thành Phật đạo.**

Ngay cả những đứa bé chơi gom cát làm tháp Phật, không biết niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng gì thì những người đó cũng đã thành Phật đạo.

Đức Phật khẳng định đi khẳng định lại điều này. Tất cả chúng sanh vốn có cái Phật Tri Kiến, vì vậy nên chúng ta phải y lời Phật mà nhận được Phật Tri Kiến của mình để được thành Phật đạo.

VĂN KINH

**Nếu như người vì Phật
Xây dựng các hình tượng
Chạm trở thành các tượng
Đều đã thành Phật đạo.
Hoặc dùng bả bấu làm
Thau, đồng bạch, đồng đỏ
Chất nhôm cùng chì kẽm
Sắt, gỗ cùng với bùn
Hoặc dùng keo, sơn, vôi
Nghiêm sức làm tượng Phật
Những người như thế đó
Đều đã thành Phật đạo
Vẽ vôi làm tượng Phật
Trăm tượng phước trang nghiêm
Tự làm hoặc bảo người
Đều đã thành Phật đạo.
Nhẫn đến đồng tử giỡn
Hoặc cỏ cây và bút**

Hoặc lấy móng tay mình
Mà vẽ làm tượng Phật
Những hạng người như thế
Lần lần chứa công đức
Đầy đủ tâm đại bi
Đều đã thành Phật đạo
Chỉ dạy các Bồ Tát
Độ thoát vô lượng chúng.

Ngay cả những đứa trẻ chơi vẽ dưới đất thôi cũng thành Phật rồi. Và tất cả mọi người động dụng hay làm bất cứ chuyện gì cũng đều đã thành Phật rồi. Bây giờ chỉ cần dứt những cái tâm vương mắc với các pháp trần đều đã được thành Phật.

VĂN KINH

Nếu người nơi tháp miếu
Tượng báu và tượng vẽ
Dùng hoa, hương, phan, lọng
Lòng kính mà cúng dường
Hoặc khiến người trỗi nhạc
Đánh trống, thổi sừng ốc
Tiêu địch, cầm, không hầu
Tỳ bà, chập chả đồng
Các tiếng hay như thế
Đem dùng cúng dường hết
Hoặc người lòng vui mừng
Ca ngâm khen Đức Phật
Nhẫn đến một tiếng nhỏ
Đều đã thành Phật đạo
Nếu người lòng tán loạn
Nhẫn đến dùng một hoa
Cúng dường nơi tượng vẽ
Lần thấy các Đức Phật

**Hoặc có người lễ lạy
Hoặc lại chỉ chấp tay
Nhấn đến giờ một tay
Hoặc lại hơi cúi đầu
Dùng dây cúng dường tượng
Lần thấy vô lượng Phật
Tự thành đạo Vô thượng
Rộng độ chúng vô số
Vào Vô dư Niết Bàn
Như củi hết lửa tắt.
Nếu người tâm tán loạn
Bước vào trong tháp chùa
Một xung Nam mô Phật
Đều đã thành Phật đạo
Nơi các Phật quá khứ
Tại thế, hoặc diệt độ,
Có người nghe Pháp này
Đều đã thành Phật đạo**

Người cúng dường khi gặp Phật lễ lạy bằng hai tay, hoặc chỉ giờ một tay, hoặc cúi đầu trước tượng Phật thì những người đó đều đã thành Phật. Đức Phật ngầm chỉ tất cả chúng sanh có biết Phật Pháp hay không biết Phật Pháp, có kính trọng Phật hay không kính trọng Phật, người đó cũng đã thành Phật đạo rồi. Đây là điều rất đặc biệt.

VĂN KINH

**Các Thế Tôn vị lai
Số nhiều không thể lường
Các Đức Như Lai đó
Cùng phương tiện nói Pháp.
Tất cả các Như Lai
Dùng vô lượng phương tiện
Độ thoát các chúng sanh**

**Vào trí vô lậu Phật,
 Nếu có người nghe Pháp
 Không ai chẳng thành Phật.
 Các Phật vốn thế nguyện
 Ta tu hành Phật đạo
 Khấp muốn cho chúng sanh
 Cũng đồng được đạo này.
 Các Phật đời vị lai
 Dầu nói trăm nghìn ức
 Vô số các Pháp môn
 Kỳ thật vì Nhất thừa.
 Các Phật Lương Túc Tôn
 Biết pháp thường không tánh
 Giống Phật theo duyên sanh
 Cho nên nói Nhất thừa.
 Pháp đó trụ ngôi Pháp
 Tướng thế gian thường còn**

“Pháp đó trụ ngôi Pháp, tướng thế gian thường còn”.
 Hai câu này rất đặc biệt.

“Pháp đó trụ ngôi Pháp”: Là các pháp ở yên ngôi vị của nó. Ví dụ chúng ta đang ở ngôi vị của mình, chúng ta không có hướng ngoại, chúng ta không có hướng bên đây, không có hướng bên kia, không hướng bên phải, không hướng bên trái, không hướng bên đúng, không hướng bên sai. Chúng ta không lệch lạc trong tâm thức của chúng ta, là chúng ta đang trụ ngôi vị chân thật vốn có hiện tiền thì tướng thế gian luôn thường còn.

Tất cả các pháp trong thế gian này, nếu người nào nói rằng các pháp nó mất, tức là rớt vào đoạn kiến. Nói các pháp trường tồn mãi mãi thì rớt vào thường kiến. Các Pháp nó không trụ, tức là nó thường còn nhưng nó không bao giờ

mất. Từ ngàn xưa cho đến ngàn sau chưa có một pháp nào bị sanh diệt cả. Chúng ta tin nổi không?

“*Tướng thế gian thường còn*”: Người tu đạo phải thấy rằng tất cả các pháp trong thế gian này, từ ngàn xưa cho đến ngàn sau chưa từng bị sanh diệt. Các pháp vốn thường trụ trong nhân gian này. Tu đến lúc chúng ta phải vượt tầm sanh diệt để chúng ta thấy được điều này.

Khoa học bây giờ gần như đến lúc họ thấu được sống thức của chúng ta rồi. Chúng ta khởi niệm họ chụp được, họ phăng về quá khứ của chúng ta, và họ biết được cách đây hai mươi năm mình nói câu gì. Quý vị phải biết điều này.

Các Pháp vốn chưa từng bị sanh diệt. Tướng pháp ở yên ngôi vị của nó. Không có Pháp nào bị sanh diệt cả. Sanh diệt là quy ước của trần gian này, là cái thấy nhìn của chúng sanh mà thôi. Cho nên khi một người chứng Túc Mạng Thông, là bắt lại làn sóng sanh diệt của một chúng sanh nào đó, họ thấy ngược về đời kiếp trước như cuộn phim. Từ hình ảnh cuối cùng họ thấy về hình ảnh đầu tiên của cuộn phim, còn nguyên hình bóng không bao giờ mất. Do đó, chúng Túc Mạng Thông thì biết được ngàn muôn kiếp về trước của mình và tất cả chúng sanh.

Chúng ta thấy trong đoạn Kinh Pháp Hoa này không hề có một cái gì qua rồi mà mất. Nó vô thường nhưng nó không bao giờ mất. Cho nên người nào giảng vô thường nhận được cái chân thường là không phải. Chính cái vô thường nó là chân thường. Cho nên tôi dùng từ là “*thường vô thường*”. Cái vô thường nó “*thường vô thường*” như vậy, chứ không phải vô thường là cái thể chân thường. Chính bản thân vô thường nó là chân thường, không có cái tánh chân thường, không có cái tướng chân thường, mà vô thường chính là chân thường.

Lý Vô Thường, không phải có cái thể vô thường nào đó ngoài nó, mà là thường. Chính bản thân từ xưa chúng sanh sanh ra rồi già, bệnh, chết. Bây giờ chúng sanh sanh ra, cũng già, bệnh, chết. Cái vô thường nó luôn thường thường xảy ra trong trần gian này, đúng không? Gọi là “thường vô thường”. Không phải Vô Thường là Tánh, là Tướng.

Vô thường là sự thay đổi từ vị trí cho đến hình thể, từ hình thể lớn đến nhỏ, từ trẻ đến già, từ không thành có, từ có thành không. Tức là một sự thay đổi về hình tướng, chứ không phải sự sanh diệt. Chỉ là sự thay đổi của tứ đại mà thôi. Trong nhân gian này nếu chúng ta có chết tứ đại không đầy thêm, chúng ta ra đời tứ đại không bớt đi. Tứ đại chưa từng vơi bớt. Tứ đại luôn là tứ đại. Bây giờ chúng ta gom thành thân thì tứ đại cũng chùng ấy trong Tam giới này. Thân chúng ta tan ra, tứ đại trong Tam giới này cũng chùng ấy, không thêm không bớt. Do đó không có một Pháp nào bị sanh diệt cả. Tất cả các tướng thể gian vốn tự thường còn.

VĂN KINH

**Nơi đạo tràng biết rồi
Đức Phật phương tiện nói.**

Đức Phật nói sanh diệt là vô thường, là nhân duyên. Đó chỉ là phương tiện của Đức Phật, chứ Đức Phật đã thấy biết các tướng thể gian là thường trụ.

VĂN KINH

**Hiện tại mười phương Phật
Của Trời, Người cúng dường
Số nhiều như hằng sa
Hiện ra nơi thế gian
Vì an ổn chúng sanh
Cũng nói Pháp như thế.**

**Biết vắng bật thứ nhất
Bồi dùng sức phương tiện
Dầu bày các món đạo
Kỳ thật vì Phật thừa
Biết các hạnh chúng sanh
Thâm tâm nó nghĩ nhớ
Nghiệp quen từ quá khứ
Tánh dục, sức tinh tấn
Và các căn lợi độn
Dùng các món nhân duyên
Thí dụ cùng lời lẽ
Tùy cơ phương tiện nói.
Ta nay cũng như vậy
Vì an ổn chúng sanh
Dùng các món pháp môn
Rao bày nơi Phật đạo
Ta dùng sức trí tuệ
Rõ tính dục chúng sanh
Phương tiện nói các pháp
Đều khiến được vui mừng.
Xá Lợi Phật nên biết!
Ta dùng mắt Phật xem
Thấy sáu đường chúng sanh
Nghèo cùng không phước huệ
Vào đường hiểm sanh tử
Khổ nối luôn không dứt
Sâu tham nơi ngũ dục
Như trâu mao mền đuôi
Do tham ái tự che
Đui mù không thấy biết
Chẳng cầu Phật thế lớn
Cùng Pháp dứt sự khổ
Sâu vào các tà kiến**

**Lấy khổ muốn bỏ khổ
Phật vì chúng sanh này
Mà sanh lòng đại bi.**

Đức Phật nói chúng ta như trâu mao mển đuôi. Ngày xưa có con trâu mao, mao là lông, đuôi nó rất đẹp, cho nên tối ngày nó cứ quay tới quay lui vuốt ve cái đuôi của nó. Ý nói chúng ta quay lại chấp trước cái gì riêng của mình, cái gì đó nhỏ nhiệm. Cái đuôi là cái cuối cùng, cái thấp nhất mà mình lại đấm trước, lại mê say, chúng ta không chịu hưởng thượng để tìm Phật đạo.

Giống như chúng sanh trong cõi này có một chút tiền, một chút của cho là mình giỏi. Có xe hơi nhà lầu cảm thấy mình đủ rồi, có chút chức quyền cảm thấy mình ngon lành rồi. Chúng ta chấp trước trong những cái đó, chúng ta bị lẩn quẩn không thể buông ra được để tìm cầu đạo quả giác ngộ giải thoát. Những người như vậy, Đức Phật cho là người nghèo cùng khốn khổ. Dù là có nhà cao cất dựng đến mây xanh đi nữa, đối với Đức Phật cũng là chúng sanh nghèo cùng khốn khổ mà thôi. Cho dù làm vua trong Tam giới này cũng là một chúng sanh nghèo cùng khốn khổ, chẳng có gì so với cái thấy của Đức Phật. Mà rõ ràng như vậy, dù chúng ta có giỏi giang, đời này chắt của đến trời đi nữa thì mấy mươi năm tuổi thọ không mang cái gì theo, mà mang cái nghiệp thôi, rồi cũng nghèo cùng khốn khổ tiếp tục. Không ai có thể sung sướng khi chúng ta có đầy đủ vật dục cả. Nếu chúng ta không hiểu biết thì chúng ta không thể nào có cuộc sống yên ổn, hạnh phúc được.

Tất cả những ý Đức Phật nói đều để chúng ta thấy Giáo lý của Đức Phật từ xưa đến giờ chỉ là phương tiện, nhưng chủ đích là Đức Phật muốn nói tất cả chúng sanh đã có Phật tánh, cho nên làm cái gì cũng đã thành Phật rồi.

Đức Phật nói hơi ần là tất cả các Pháp thế gian từ xưa đến giờ vốn thanh tịnh, vốn bất sanh bất diệt, không có Pháp nào diệt cả, có chăng là Đức Phật tam phương tiện nói, tạm nói là vô thường, tạm nói là nhân duyên, đó là phương tiện để dẫn dắt chúng sanh ra khỏi khổ ách, xong rồi Đức Phật mới nói đến đạo Nhất thừa là việc nhập Tri Kiến Phật, là thấy được tướng thế gian thường còn, phải thấy được tất cả các Pháp từ xưa đến giờ vốn tự thanh tịnh thì mới đủ trí tuệ để thẳng đến thành Phật.

VĂN KINH

Xưa Ta ngồi đạo tràng
Xem cây cùng kinh hành
Trong hai mươi một ngày
Suy nghĩ việc như vậy:
Trí huệ của Ta được
Vi diệu rất thứ nhất
Chúng sanh các căn chậm
Tham vui si làm mù
Các hạng người như thế
Làm sao mà độ được?
Bấy giờ các Phạm vương
Cùng các Trời Đế Thích
Bốn Thiên Vương hộ đời
Và Trời Đại Tự Tại
Cùng các thiên chúng khác
Trăm nghìn ức quyền thuộc
Chắp tay cung kính lễ
Thỉnh Ta chuyển Pháp luân.
Ta liền tự suy nghĩ
Nếu chỉ khen Phật thừa
Chúng sanh chìm nơi khổ
Không thể tin Pháp đó

Do phá Pháp không tin
 Rớt trong ba đường dữ
 Ta thà không nói Pháp
 Mau vào cõi Niết Bàn
 Liền nhớ Phật quá khứ
 Thực hành sức phương tiện
 Ta nay chứng được đạo
 Cũng nên nói ba thừa.
 Lúc Ta nghĩ thế đó
 Mười phương Phật đều hiện
 Tiếng Phạm an ủi Ta
 Hay thay! Đức Thích Ca
 Bậc Đạo Sư thứ nhất
 Được Pháp Vô thượng ấy
 Tùy theo tất cả Phật
 Mà dùng sức phương tiện
 Chúng ta cũng đều được
 Pháp tối diệu thứ nhất
 Vì các loại chúng sanh
 Phân biệt nói ba thừa.
 Trí kém ưa Pháp nhỏ
 Chẳng tự tin thành Phật
 Cho nên dùng phương tiện
 Phân biệt nói các quả
 Dầu lại nói ba thừa
 Chỉ vì dạy Bồ Tát.
 Xá Lợi Phất nên biết!
 Ta nghe các Đức Phật
 Tiếng nhiệm màu rất sạch
 Xưng: Nam mô chư Phật!
 Ta lại nghĩ thế này
 Ta ra đời trước ác
 Như các Phật đã nói

Ta cũng thuận làm theo
Suy nghĩ việc đó rồi
Liên đến thành Ba Nại.
Các pháp tướng tịch diệt
Không thể dùng lời bày
Bèn dùng sức phương tiện
Vì năm Tỳ kheo nói.
Đó gọi chuyển Pháp luân
Bèn có tiếng Niết Bàn
Cùng với A La Hán
Tên Pháp, Tăng sai khác.
Từ kiếp xa dẫn lại
Khen bày Pháp Niết Bàn
Dứt hẳn khổ sống chết
Ta thường nói như thế
Xá Lợi Phất phải biết!
Ta thấy các Phật tử
Chí quyết cầu Phật đạo
Vô lượng nghìn muôn ức
Đều dùng lòng cung kính
Đồng đi đến chỗ Phật
Từng đã theo các Phật
Nghe nói Pháp phương tiện
Ta liền nghĩ thế này
Sở dĩ Phật ra đời
Để vì nói Phật huệ
Nay chính đã đúng giờ.
Xá Lợi Phất phải biết!
Người căn chậm trí nhỏ
Kẻ chấp tướng kiêu mạn
Chẳng thể tin Pháp này
Nay Ta vui vô úy
Ở trong hàng Bồ Tát

**Chính bỏ ngay phương tiện
Chỉ nói đạo Vô thượng.
Bồ Tát nghe Pháp đó
Đều đã trừ lưới nghi
Nghìn hai trăm La hán
Cũng đều sẽ thành Phật
Như nghi thức nói Pháp
Của các Phật ba đời
Ta nay cũng như vậy
Nói Pháp không phân biệt
Các Đức Phật ra đời
Lâu xa khó gặp gỡ
Chính sử hiện ra đời
Nói Pháp này khó hơn
Vô lượng vô số kiếp
Nghe Pháp này cũng khó,
Hay nghe được Pháp này
Người đó cũng lại khó
Thí như hoa Linh Thoại
Tất cả đều ưa mến
Ít có trong Trời, Người
Lâu lâu một lần trở.
Người nghe Pháp mừng khen
Nhấn đến nói một lời
Thì là đã cúng dường
Tất cả Phật ba đời
Người đó rất ít có
Hơn cả hoa Ưu đàm.
Các ông chớ có nghi
Ta là vua các Pháp
Khắp bảo các đại chúng
Chỉ dùng đạo Nhất thừa
Dạy bảo các Bồ Tát**

**Không Thanh Văn đệ tử
Xá Lợi Phất các ông!
Thanh Văn và Bồ Tát
Phải biết Pháp màu này
Bí yếu của các Phật
Bởi đời ác năm trước
Chỉ tham ưa các dục
Những chúng sanh như thế
Trọn không cầu Phật đạo
Người ác đời sẽ tới
Nghe Phật nói Nhất thừa
Mê lầm không tin nhận
Phá Pháp đọa đường dữ
Người tà quý trong sạch
Quyết chí cầu Phật đạo
Nên vì bọn người ấy
Rộng khen đạo Nhất thừa.
Xá Lợi Phất nên biết
Pháp các Phật như thế
Dùng muôn ức phương tiện
Tùy thời nghi nói Pháp
Người chẳng học tập tu
Không hiểu được Pháp này
Các ông đã biết rõ
Phật là thầy trong đời
Việc phương tiện tùy nghi
Không còn lại nghi lầm
Lòng sanh rất vui mừng
Tự biết sẽ thành Phật.
Phản trùng tụng trên cũng vẫn ý đó.**

* * *

PHẨM “THÍ DỤ” THỨ BA

VĂN KINH

Lúc bấy giờ, ngài Xá Lợi Phất hớn hờ vui mừng, liền đứng dậy chấp tay chiêm ngưỡng dung nhan của Đức Phật mà bạch Phật rằng: Nay con theo Đức Thế Tôn nghe được tiếng Pháp này, trong lòng hớn hờ được điều chưa từng có. Vì sao? Con xưa theo Phật nghe Pháp như thế này, thấy các vị Bồ Tát được thọ ký thành Phật mà chúng con chẳng được dự việc đó tự rất cảm thương mất vô lượng tri kiến của Như Lai.

Thế Tôn! Con thường khi một mình ở dưới cây trong núi rừng, hoặc ngồi hoặc đi kinh hành, hằng nghĩ như vậy: Chúng ta đồng vào Pháp Tánh, tại sao Đức Như Lai lại dùng Pháp Tiểu thừa mà tế độ cho?

Đó là lỗi của chúng con chứ chẳng phải là Thế Tôn vậy. Vì sao? Nếu chúng con chờ Phật nói Pháp sở nhân thành đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì chắc do Pháp Đại thừa mà được độ thoát. Xong chúng con chẳng hiểu Phật phương tiện theo cơ nghi mà nói Pháp, vừa mới nghe Phật nói Pháp, vội tin nhận suy gẫm để chứng lấy.

Thế Tôn! Con từ xưa đến nay trọn ngày luôn đêm hằng tự trách mình, mà nay được từ Phật nghe Pháp chưa từng có, trước chưa hề nghe, dứt các lòng nghi hối, thân ý thơ thới rất được an ổn. Ngày nay mới biết mình thật là Phật tử, từ miệng Phật sanh ra, từ Pháp hóa sanh, được Pháp phần của Phật.

Sau phẩm Phương Tiện, ngài Xá Lợi Phất nhận ra một điều là chính bản thân Ngài cũng có khả năng thành Phật. Từ trước đến nay Ngài đã từng gần gũi Đức Phật nghe Pháp, và đã chứng quả vị A La Hán, Ngài nghĩ đến đó đã cùng và sẽ nhập Niết Bàn. Nhưng đến giờ phút này nghe qua phẩm Phương Tiện của Đức Phật nói thì Ngài nhận ra một điều là tất cả các Pháp xưa nay tương nó thường vắng lặng, Ngài hiểu ra được điều đó nên Ngài vui mừng hơn hờ nhận được điều quý giá.

Từ xưa đến giờ, Ngài nghĩ do công phu mình tu mà bản thân mình mới có thể chứng đắc được, Ngài nghĩ đó là chỗ cùng tột rồi. Đến đây nghe Phật nói tất cả chúng sanh đều có Phật Tri Kiến, nếu nhận ra được Phật Tri Kiến thì có khả năng thành Phật. Và bản thân Ngài cũng được Đức Phật dự ghi sau này sẽ được thành Phật. Ngài rất mừng, mặc dù trước đó Ngài nghe Đức Phật giảng dạy thọ ký cho các vị Bồ Tát nhưng Ngài chưa có phần đó. Đôi lúc Ngài buồn thương về thân phận của mình. Ngài nghĩ tại sao Giáo Pháp đó những vị Bồ Tát được mà Ngài chưa được. Tới giờ này Ngài mới hiểu rằng do Đức Phật phương tiện giảng dạy ba thừa mà thôi, và tất cả chúng sanh đều có khả năng thành Phật.

Ngày nay mới biết mình thật là Phật tử, từ miệng Phật sanh ra, từ Pháp hóa sanh, được Pháp phần của Phật.

Khi trí tuệ của người tu đạo Phật vượt thoát cái thấy nhìn khuôn sáo bình thường của trần gian thì người đó mới có khả năng tự xưng mình là Phật tử. Ngài Xá Lợi Phất thấy được điều này mới nói: “*Ngày nay mới biết mình thật là Phật tử, từ miệng Phật sanh ra, từ Pháp hóa sanh, được Pháp phần của Phật*”. Có nghĩa cuộc sống của người theo đạo Phật thì mạng của họ không phải là

cái mạng của cha mẹ sanh ra, đời họ đang sống không phải là sống đời sống trần tục như một người bình thường nữa, mà hơi thở ra vào của họ là hơi thở của Phật Pháp. Họ được nuôi dưỡng bằng dòng sữa ngọt ngào từ kim khẩu của Đức Phật. Họ được nuôi nấng và lớn lên, hình thành trong cuộc sống của họ là những lời nói Chánh Pháp. Cuộc đời họ trước kia cha mẹ sanh không còn nữa. Do đó họ đặt mình trong dòng thác của Chánh Pháp được trôi chảy, họ luôn sinh sống trong đó. Ngoài Chánh Pháp ra, họ không còn điều gì để có thể sống được.

Ngài Xá Lợi Phất tự xưng Ngài từ miệng Phật sanh ra. Tức là từ những Giáo lý của Đức Phật nói ra để hình thành cuộc sống hiện tại, chứ Ngài không còn là của cha mẹ sanh ra, không phải là được thế gian nuôi sống, không phải thở hơi thở bình thường của trần gian nữa.

Nếu chúng ta thấy mình rớt vào dòng Chánh Pháp thì biết rằng chúng ta đã học đúng. Biết rằng mình không còn cái gì khác ngoài Chánh Pháp. Trong đi đứng nằm ngồi, trong từng hơi thở nhỏ của chúng ta, từng ý niệm nhỏ của chúng ta đều hướng thẳng về Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác mà không lìa được thì biết rằng chúng ta đang ở trong chân trời Phật Pháp trọn vẹn.

Người tu nào có những phút giây chúng ta lìa khỏi dòng Pháp của Phật đạo, chúng ta chưa được sống trọn vẹn trong đó thì việc Phật Pháp với chúng ta vẫn còn cách xa. Khi nào từng hơi hít vào thở ra của chúng ta, đều là những hơi thở để nuôi nấng chúng ta lớn lên trong Chánh Pháp thì chúng ta mới xứng danh Phật tử. Đôi khi cả một ngày làm việc tối được ngồi thiền, mà chưa chắc gì trong một tiếng đồng hồ đó chúng ta thực hiện Chánh

Pháp trọn vẹn. Ngôi đó chứ tính hơn thua, chúng ta chưa rớt trọn trong Chánh Pháp được.

Ngài Xá Lợi Phất khẳng định người con Phật thì phải được từ kim khẩu Đức Phật sanh ra. Cũng như bây giờ chúng ta được nuôi nấng từ những Giáo lý Chánh Pháp của Đức Phật, để những suy nghĩ nhiều hoặc ít, thô hoặc tế của chúng ta đều là những suy nghĩ của Chánh Pháp, đầu chúng ta không còn việc khác can dự vào. Nghĩa là suốt cuộc đời này, khi thâm nhập vào chân trời Phật đạo rồi thì không còn niệm khác ngoài Chánh Pháp, như vậy mới biết chúng ta được Phật sanh ra.

VĂN KINH

Khi ấy, ngài Xá Lợi Phất muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

**Con nghe tiếng Pháp này
Được điều chưa từng có
Lòng rất đổi vui mừng
Lướnghi đều đã trừ,
Xưa nay nhờ Phật dạy
Chẳng mất nơi Đại thừa.
Tiếng Phật rất ít có
Hay trừ khổ chúng sanh
Con đã được lậu tận
Nghe cũng trừ lo khổ.
Con ở nơi hang núi
Hoặc dưới cụm cây rừng
Hoặc ngồi hoặc kinh hành
Thường suy nghĩ việc này,
Than ôi! Rất tự trách
Sao lại tự khi mình
Chúng ta cũng Phật tử**

Đồng vào Pháp vô lậu
 Chẳng được ở vị lai
 Nói Pháp Vô thượng đạo,
 Sắc vàng, bả hai tướng
 Mười lục các giải thoát.
 Đồng chung trong một Pháp
 Mà chẳng được việc đây
 Tám mươi tướng tốt đẹp
 Mười tám Pháp bất cộng
 Các công đức như thế
 Mà ta đều đã mất
 Lúc con kinh hành riêng
 Thấy Phật ở trong chúng
 Danh đồn khắp mười phương
 Rộng lợi ích chúng sanh
 Tự nghĩ mất lợi này
 Chính con tự khi dối
 Con thường trong ngày đêm
 Hằng suy nghĩ việc đó
 Muốn đem hỏi Thế Tôn?
 Là mất hay không mất?
 Con thường thấy Thế Tôn
 Khen ngợi các Bồ Tát
 Vì thế nên ngày đêm
 Suy lường việc như vậy
 Nay nghe tiếng Phật nói
 Theo cơ nghi dạy Pháp
 Vô lậu khó nghĩ bàn
 Khiến chúng đến đạo tràng.
 Con xưa chấp tà kiến
 Làm thầy các Phạm chí
 Thế Tôn rõ tâm con
 Trừ tà nói Niết Bàn.

**Con trừ hết tà kiến
Được chứng nơi Pháp Không
Bấy giờ lòng tự bảo
Được đến nơi diệt độ
Mà nay mới tự biết
Chẳng phải thật diệt độ.
Nếu lúc được thành Phật
Đủ ba mươi hai tướng
Trời, Người, chúng Dạ xoa
Rồng, thần đều cung kính
Bấy giờ mới được nói
Dứt hẳn hết không thừa
Phật ở trong đại chúng
Nói con sẽ thành Phật
Nghe tiếng Pháp như vậy
Lòng nghi hồi đã trừ.**

Ngài Xá Lợi Phất cũng nói lại ý trên. Ban đầu, khi Ngài nghe Đức Phật nói Ngài có chút nghi ngờ không biết đây là lời Đức Phật hay là lời của ai, vì từ xưa đến giờ đâu nghe Đức Phật nói điều này. Nhưng sau khi nghe Đức Phật nói rõ ràng thì Ngài biết trong Giáo Pháp Tam thừa, Đức Phật phương tiện để dẫn dắt chúng sanh đi vào con đường Phật đạo. Vì vậy mà Ngài hiểu ra là chỉ có Đức Phật mới nói được điều này chứ không ai có thể nói được.

VĂN KINH

**Khi mới nghe Phật nói
Trong lòng rất sợ nghi
Phải chăng ma giả Phật
Nảo loạn lòng ta ư?
Phật dùng các món duyên**

**Thí dụ khéo nói phô,
 Lòng kia an như biển
 Con nghe, lưới nghi dút.
 Phật nói thưở quá khứ
 Vô lượng Phật diệt độ
 An trụ trong phương tiện
 Cũng đều nói Pháp đó.
 Phật hiện tại, vị lai,
 Số nhiều cũng vô lượng
 Cũng dùng các phương tiện
 Diễn nói Pháp như thế.
 Như Thế Tôn ngày nay
 Từ sanh đến xuất gia
 Được đạo Chuyển Pháp luân
 Cũng dùng phương tiện nói
 Thế Tôn nói đạo thật
 Ba Tuần không nói được
 Vì thế con định biết
 Không phải ma giả Phật
 Con sa vào lưới nghi
 Cho là ma làm ra.
 Nghe tiếng Phật êm dịu
 Sâu xa rất nhiệm mầu
 Nói suốt Pháp thanh tịnh
 Tâm con rất vui mừng.
 Nghi hối đã hết hẳn
 An trụ trong Thật trí
 Con quyết sẽ thành Phật
 Được Trời, Người cung kính
 Chuyển Pháp luân Vô thượng
 Giáo hóa các Bồ Tát.**

Thường các vị tu theo Nhị thừa, khi đạt đến Diệt Tận Định, các vị an trú định an lạc, không có người nào muốn

xuất ra cả. Khi nghe Đức Phật nói chỗ đó chưa đến thì ai cũng khởi nghi hết. Vì đạt được định đó là phiền não nghiệp tập trong Tam giới đã dứt bật, không còn mầm móng để sanh tử thì những cái lậu hoặc trong nhiều đời kiếp đã bị tận diệt, lúc đó mới chứng A La Hán. Chỗ đó thật tuyệt vời, thời nay chúng ta kiếm một người công phu có khả năng đến đó thật là hiếm có. Cho nên đến phút này nghe Đức Phật nói chỗ đó chưa thật diệt độ, chưa phải là chỗ an trú của người tu, mà phải phát tâm tu hành hạnh Bồ Tát để có thể chứng được đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đến đó mới cùng, lúc đầu ai nghe cũng nghi.

Chúng ta học đến phẩm Thí Dụ mới thấy phương tiện Đức Phật rất khéo léo. Đức Phật không đập phá mà chỉ gợi ý có điều gì thích thú hơn để người này tự buông cái cũ ra. Cho nên khi họ tu tập dù là họ tu sai nhưng có kết quả thì nghe Chánh Pháp một lần cũng không phá vỡ được. Trừ khi người có đức độ rất lớn, đối diện với họ và họ có đủ đức tin để đập vỡ kiến chấp cũ, còn không là họ cứ giữ hoài. Nghe thì họ cũng chấp nhận điều đó là hay, chấp nhận điều đó đúng, không phải là họ không hiểu nhưng kêu bỏ cái gì mà họ đã làm thì rất khó. Điều này ở trong Phật Pháp chúng ta phải thông cảm.

Lúc đầu ngài Xá Lợi Phất nghe, nghĩ là ma nói, chứ không phải chính miệng Đức Phật nói. Vì từ xưa đến giờ Đức Phật dạy Vô Ngã thì Ngài đã chứng đến Vô Ngã và đạt đến Niết Bàn. Bây giờ Đức Phật nói đạt đến Vô Ngã chưa phải là chỗ giác ngộ tận cùng, khiến Ngài phải nghi. Đối với ma Ba Tuần thì như một số Kinh điển nói nó có đầy đủ ngũ thông, nó có thể thuyết Kinh y như Đức Phật thuyết, nhưng có điều Lậu Tận Thông thì nó không biết, do đó những chỗ vượt khỏi tầm lậu hoặc để nói đến chỗ

chân thật bất sanh bất diệt thì ma nói không nổi. Còn nói về nhân quả nghiệp báo, nói về thiện ác ma thừa sức nói. Chỉ có chỗ Tri kiến Như Lai là nó không đủ trí. Những bậc thật sự ở trong Chánh Pháp, các vị đã có lần vượt qua Ngã chấp rồi thì họ mới hiểu cảnh giới này thôi, còn người chưa hiểu cảnh giới này họ có thể thuyết nhân quả nghiệp báo thao thao như nước chảy, và họ có thể thuyết hay hơn vị tu sĩ thuyết, nhưng Chánh kiến họ chưa đến và có khả năng ma nhập họ để nói những lời lẽ phá Chánh Pháp. Ma Ba Tuần thừa sức làm chuyện đó.

Cho nên ngài Xá Lợi Phất khởi nghi là đúng chứ không có sai. Nhưng đến khi nghe kỹ rồi mới thấy lời lẽ của Đức Phật vượt tầm nhân quả nghiệp báo, không có lần quần trong dòng sanh tử này nữa. Chỉ có bậc đạt đạo mới hiểu đến chiều sâu sau khi bỏ thân mạng này còn cái gì. Dù là Ma vương chưa có ngũ uẩn giai không, cho nên nó không biết cảnh giới kia nó không thể nói được, chỉ có người hiểu biết Phật Pháp thì họ mới vượt tầm đó. Những lời lẽ của người bên kia chiều tâm thức mới nói được điều này thì mới vượt tầm của ma. Còn lần quần trong nhân quả nghiệp báo chỉ tạo được phước báo nhân thiên mà thôi thì việc đó ma đủ sức làm.

Chỉ có Đức Phật mới có khả năng thuyết đạo lý đó, mới có khả năng nói lý Tứ Đế để diệt tận khổ đau trong cõi này, ma Ba Tuần không thể nói được. Và chỉ có Đức Phật mới khẳng định rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, ma không thể nói được. Ngài Xá Lợi Phất đủ lòng tin và trình kiến giải với Đức Phật. Sau khi nghe ngài Xá Lợi Phất trình kiến giải thì Đức Phật mới bắt đầu dự ghi cho Ngài sau này sẽ được thành Phật.

VĂN KINH

Lúc bảy giờ, Đức Phật bảo ngài Xá Lợi Phất: Ta nay ở trong hàng Trời, Người, Sa môn, Bà la môn mà nói. Ta xưa từng ở nơi hai muôn ức Phật vì đạo Vô thượng nên thường giáo hóa ông, ông cũng lâu dài theo Ta thọ học, Ta dùng phương tiện dẫn dắt ông sanh vào trong Pháp Ta.

Xá Lợi Phất! Ta thuở xưa dạy ông chí nguyện Phật đạo, ông nay đều quên mà bèn tự nói đã được diệt độ. Ta nay lại muốn khiến ông nghĩ nhớ bốn nguyện cùng đạo đã làm, mà vì các Thanh Văn nói Kinh Đại thừa tên là: Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm.

Đến chỗ này, Đức Phật lại khẳng định một điều là không phải đời này ngài Xá Lợi Phất là đệ tử của Đức Phật, mà đã từng nhiều đời nhiều kiếp rồi, Đức Phật đã từng dẫn dắt ngài Xá Lợi Phất đi vào Phật đạo, và cũng hướng tâm ngài Xá Lợi Phất đến chỗ Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đời này ngài Xá Lợi Phất đã quên đi cho rằng chứng quả A La Hán là đã giác ngộ tận cùng rồi. Vì vậy mà bây giờ Đức Phật muốn gọi lại bốn nguyện xưa của Ngài, muốn cho Ngài thành đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, mà thuyết lại Kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa.

Chúng ta thấy Đức Phật là người được sanh ra từ Ấn Độ, tu hành chứng quả Phật ngay trong đời đó trong khoảng hơn bốn mươi năm thôi, mà ở đây Đức Phật lại nói là đã từng nhiều đời đối trước Sa môn, Bà la môn, ở nơi hai muôn ức Phật vì đạo Vô Thượng mà giáo hóa ngài Xá Lợi Phất. Điều này cho chúng ta thấy rằng việc thành đạo của Đức Phật không phải trong một đời. Và

những người đi theo Đức Phật cũng đã có tu và thành đạo quả không phải là đệ tử một đời, mà rất nhiều đời trong Phật Pháp, cho nên đời này nghe mới có thể hiểu nhau.

VĂN KINH

Xá Lợi Phát! Ông đến đời vị lai, quá vô lượng vô biên bất khả tư nghì kiếp, cúng dường bao nhiêu nghìn muôn ức Phật, phụng trì Chánh Pháp đầy đủ đạo tu hành của Bồ Tát, sẽ thành Phật hiệu là Hoa Quang Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Nước tên: Ly Cầu, cõi đó bằng phẳng thanh tịnh đẹp đẽ an ổn giàu vui, trời người đông đảo. Lưu ly làm đất, có tám đường giao thông, dây bằng vàng ròng để giăng bên đường, mé đường đều có hàng cây bằng bảy báu, thường có hoa trái. Đức Hoa Quang Như Lai cũng dùng ba thừa giáo hóa chúng sanh.

Sau khi ngài Xá Lợi Phát trình kiến giải về việc hiểu biết của mình thì Đức Phật bắt đầu thọ ký: *“Xá Lợi Phát! Ông đến đời vị lai, qua vô lượng vô biên bất khả tư nghì kiếp, cúng dường bao nhiêu nghìn muôn ức Phật, phụng trì Chánh Pháp đầy đủ đạo tu hành của Bồ Tát, sẽ thành Phật”*.

Trong lịch sử Phật giáo, các vị Phật quá khứ cũng như hiện tại đều là thái tử chuẩn bị lên làm vua thì tu mới chứng quả Phật được. Vì khi phước đức của họ đã viên mãn tròn đầy thì trí tuệ mới đạt đến thâm sâu thật sự. Các vị đó đã nhiều đời nhiều kiếp ngộ đạo hành hạnh Bồ Tát, trí, đức và hạnh tròn đầy thì mới được thành Phật. Cho

nên khi Đức Phật Thích Ca thành Phật, lúc đó Ấn Độ chia làm nhiều nước, đến nước nào vị vua nước đó cũng là đệ tử của Đức Phật cả.

Khi một người nhận được Tri Kiến Phật, tức là bước vào con đường Chánh thống của Phật đạo rồi thì người đó trước sau gì cũng thành Phật, nhưng không thể vừa nhận Tánh là thành Phật liền. Mà người đó không còn lệch lạc trong sanh tử luân hồi, họ biết rõ con đường đi đến Phật đạo. Quả vị Phật còn mất thời gian rất dài. Khi hạnh đức viên mãn hoàn toàn mới có thể thành Phật.

Do vậy mà Đức Phật thọ ký cho ngài Xá Lợi Phất. Mặc dù đời này ngài Xá Lợi Phất đủ lòng tin mình có Tri Kiến Phật, nhưng Đức Phật lại dự ghi là trải qua muôn nghìn ức Phật trở về sau, là thời gian rất lâu xa Ngài mới có thể thành Phật, và Ngài phải phụng trì Chánh Pháp, đầy đủ đạo tu hành của Bồ Tát, rồi mới thành Phật, chứ không đơn giản.

Phật hiệu là Hoa Quang Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Khi kiểm tra lại công hạnh có đầy đủ mười hiệu thì người đó mới được thành Phật, còn thiếu thì không được. Nước đó tên là Ly Cầu, là lìa khỏi sự cấu nhiễm. Vì sao một vị đệ tử tương lai thành Phật ở nước Ly Cầu, còn Phật Thích Ca thì thành Phật ở cõi ngũ trược ác thế? Nếu nhìn cặp mắt thế gian thì chúng ta có thể hiểu như vậy, nhưng thật sự đến đoạn sau của Kinh Pháp Hoa chúng ta sẽ thấy được điều này.

Nghĩa là Đức Phật hiện thân lực của Ngài để thấy cõi của Ngài hoàn toàn thanh tịnh, không có gò nổng cao thấp như chúng ta thấy. Mặc dù Đức Phật đang sinh hoạt trong cõi ngũ trược ác thế, nhưng khi thành đạo rồi thì cõi đó hoàn toàn bình đẳng, trong sạch, không có một chút cấu bần nào. Bản tâm hoàn toàn trong sạch thì cõi Người đó an trú không có nhiễm nhơ, dầu sống trong cõi này nhưng hoàn toàn không có dính dáng gì.

Người nào học Giáo lý Đại thừa, đến giai đoạn chúng ta thấy cái bàn này và viên kim cương không khác nhau thì chúng ta mới đủ trí hiểu về đạo Phật. Một phen chúng ta nhận được tất cả các Pháp bình đẳng thì đây cũng có thể là pha lê, đây cũng có thể là vàng ròng, và nên chúng ta đang lót đây cũng là vàng ròng để chúng ta ngồi, chứ không phải nền gạch nữa thì chừng đó chúng ta ở trong cảnh giới Ly Cấu của ngài Xá Lợi Phất.

Nếu người nào thấy trần gian này còn có sự cao thấp, có sông núi gò nổng, có sự sai khác nhỏ nhiệm nào thì người đó chưa hiểu được Phật Pháp. Phút giây chúng ta nhận được Phật đạo, là toàn pháp giới này bình đẳng, trong sáng, đẹp rực rỡ như vàng ròng, không có cái nào cao, không có cái nào thấp cả thì lần đó chúng ta đã nếm được hương vị thật của Phật Pháp. Từ đó về sau người đó mới được gọi là Chân tu.

Một lần như vậy xảy ra với chính mình thì mới biết bình đẳng Phật đạo như thế nào. Còn bây giờ chúng ta chỉ hiểu bằng cái đầu thôi. Chúng ta chấp nhận điều đó là đúng, chúng ta hiểu, chúng ta tin, nhưng chúng ta chưa có một lần như vậy thì biết rằng cái hiểu của chúng ta là ý thức. Khi nào chúng ta phá vỡ ý thức được một lần thì mới tiếp nhận cảnh giới bình đẳng đó, mới ở vào cảnh

giới Ly Cấu. Cõi nước đó an ổn giàu vui, lầy vàng ròng làm đất lót đường chúng ta đi.

Từ đó về sau chúng ta mới có thể hiểu hết được những điều Đức Phật muốn nói trong Kinh, và việc sanh tử không còn làm đối với chúng ta nữa.

VĂN KINH

Xá Lợi Phất! Lúc Đức Phật ra đời đầu không phải là đời ác mà bởi bản nguyện nên nói Pháp ba thừa. Kiếp đó tên là Đại Bảo Trang Nghiêm. Vì sao gọi là Đại Bảo Trang Nghiêm? Vì trong cõi đó dùng Bồ Tát làm Đại Bảo vậy. Các Bồ Tát số đông vô lượng vô biên bất khả tư nghì, tính kể hay thí dụ đều không đến được, chẳng phải sức trí tuệ của Phật không ai có thể biết được. Khi muốn đi thì có hoa đỡ chân.

Các vị Bồ Tát đó không phải hàng mới phát tâm, đều đã trồng cội đức từ lâu. Ở nơi vô lượng trăm nghìn muôn ức Đức Phật, tịnh tu phạm hạnh hằng được các Phật khen. Thường tu trí tuệ của Phật đủ sức thần thông lớn, khéo biết tất cả các Pháp môn, ngay thật không dối, chí niệm bền vững, bậc Bồ Tát như thế khắp đầy nước đó.

Mặc dù ở trong cõi thanh tịnh đó, nhưng Phật phương tiện dẫn dắt chúng sanh ba thừa: Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa, Bồ Tát thừa theo bản nguyện.

Kiếp đó tên là Đại Bảo Trang Nghiêm. Vì sao gọi là Đại Bảo Trang Nghiêm? Vì trong cõi đó dùng Bồ Tát làm Đại Bảo vậy.

Đại Bảo đề trang nghiêm. Tức là dùng các vị Bồ Tát đề trang nghiêm cõi đó. Không thể dùng chúng sanh, mà

là tất cả ý niệm đều giác ngộ, và có khả năng giác ngộ cho người khác.

Một phen nhận được Tri Kiến Phật rồi thì từ đó về sau tất cả những thấy biết đều là giác ngộ giải thoát, không còn làm lẫn trong trần gian nữa. Các vị đó không phải là những vị mới phát tâm, mà là những vị đã trông căn lành từ lâu nơi trăm nghìn muôn ức Đức Phật.

Nếu trong giai đoạn công phu bình thường, chúng ta không còn vướng mắc hai bên, chúng ta chỉ quy hướng về chỗ giác ngộ giải thoát, từng ý niệm xảy ra chúng ta tỉnh giác hoàn toàn trong đi đứng nằm ngồi, là chúng ta đã gần gũi thân cận chư Phật. Tất cả những gì xảy ra nơi lục căn chúng ta không làm, là chúng ta đang gần gũi và thân cận chư Phật.

Những chúng sanh ngày xưa thấy biết làm lẫn, bây giờ thấy biết giác ngộ, tức là Bồ Tát được sanh ra ở nơi cõi lòng thì Bồ Tát đó không là Tự Tánh mà sanh, không là Tự Tánh mà hành xử, không là Tự Tánh mà nói năng, được gọi là thân cận và cúng dường chư Phật.

VĂN KINH

Xá Lợi Phất! Đức Phật Hoa Quang thọ mười hai tiểu kiếp, trừ lúc còn làm vương tử chưa thành Phật. Nhân dân nước đó thọ tám tiểu kiếp. Đức Hoa Quang Như Lai quá mười hai tiểu kiếp thọ ký Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác cho Kiên Mãn Bồ Tát mà bảo các Tỳ kheo: Ông Kiên Mãn Bồ Tát này kể đây sẽ thành Phật hiệu là Hoa Túc An Hành Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, cõi nước của Đức Phật đó cũng lại như đây.

Xá Lợi Phất! Sau khi Phật Hoa Quang đó diệt độ, Chánh Pháp trụ lại trong đời ba mươi hai tiểu kiếp, Tượng Pháp trụ đời cũng ba mươi hai tiểu kiếp.

“Đức Phật Hoa Quang thọ mười hai tiểu kiếp”. Như vậy tuổi thọ của Đức Phật Hoa Quang Như Lai rất dài. Có nghĩa là thời gian tính đếm không thể được, mà đầu ông thầy toán số không thể tính toán ra. Thọ mạng dài lâu ý muốn nói khi một người đạt đến chỗ bất sanh bất diệt, nhận được Tự Tánh, nhận được Tri Kiến Phật là nhận được mạng thật của chính mình. Đó là mạng thật của tất cả chúng sanh, không còn bị sanh diệt trong Tam giới này nữa.

Đức Hoa Quang Như Lai quá mười hai tiểu kiếp thọ ký Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác cho Kiên Mãn Bồ Tát mà bảo các Tỳ kheo: Ông Kiên Mãn Bồ Tát này kể đây sẽ thành Phật hiệu là Hoa Túc An Hành Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, cõi nước của Đức Phật đó cũng lại như đây.

“*Kiên Mãn Bồ Tát*”: Kiên là kiên nhẫn, nhẫn nại. Do công phu kiên nhẫn, kiên trì mà thành tựu một cách mỹ mãn công phu của mình, gọi là Kiên Mãn. Vị Kiên Mãn Bồ Tát khi thành Phật gọi là Hoa Túc. Từ “Hoa” giống như Diệu Pháp Liên Hoa vậy. Túc có nghĩa là đầy đủ. Khi vị Kiên Mãn Bồ Tát thành Phật thì từ Diệu Pháp Liên Hoa này, tức là từ chỗ chân thật mà thành đạo một cách trọn vẹn. An Hành có nghĩa là có Giáo Pháp để chúng sanh trong cõi đó thực hiện, cũng như bản thân người đó thực hiện Pháp đó mà được an ổn và đạt đến chỗ Như Như.

Sau khi ngài Xá Lợi Phất diệt độ thì thọ ký cho tương lai người nào kiên nhẫn hành đạo sẽ đạt được viên mãn

đạo quả của mình. Cũng như người thực hành Kinh Pháp Hoa này sẽ được đầy đủ đạo hạnh của mình, an ổn trong việc hành đạo đó và dạy cho chúng sanh. Nếu chúng sanh thực hiện đúng với đạo lý thì sẽ đạt được an ổn, nhận được điều vi diệu và chứng được quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác không còn nghi ngờ. Và người đó cũng đầy đủ mười hiệu giống như Bồ Tát Kiên Mãn vậy.

VĂN KINH

Lúc ấy, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

Xá Lợi Phất đời sau
 Thành đấng Phật trí khắp
 Hiệu rằng: Phật Hoa Quang
 Sẽ độ vô lượng chúng.
 Cúng dường vô số Phật
 Đầy đủ hạnh Bồ Tát
 Các công đức thập lực
 Chứng được đạo Vô thượng
 Quá vô lượng kiếp rồi
 Kiếp tên Đại Bảo Nghiêm
 Cõi nước tên Ly Cấu
 Trong sạch không vết nhơ
 Dùng lưu ly làm đất
 Dây vàng giăng đường sá
 Cây bảy báu sắc đẹp
 Thường có hoa cùng trái
 Bồ Tát trong cõi đó
 Chí niệm thường bền vững
 Thần thông Ba la mật
 Đều đã trọn đầy đủ
 Nơi vô số Đức Phật

**Khéo học đạo Bồ Tát
Những Đại sĩ như thế
Phật Hoa Quang hóa độ.
Lúc Phật làm vương tử
Rời nước bỏ vinh hoa
Nơi thân cuối rốt sau
Xuất gia thành Phật đạo
Phật Hoa Quang trụ thế
Thọ mười hai tiểu kiếp
Chúng nhân dân nước đó
Sống lâu tám tiểu kiếp
Sau khi Phật diệt độ
Chánh Pháp trụ ở đời
Ba mươi hai tiểu kiếp
Rộng độ các chúng sanh
Chánh Pháp diệt hết rồi
Tượng Pháp cũng băm hai
Xá lợi rộng truyền khắp
Trời, Người, khắp cúng dường
Phật Hoa Quang chỗ làm
Việc đó đều như thế.
Đấng Lương Túc Tôn kia
Rất hơn không ai bằng
Phật tức là thân ông
Nên phải tự vui mừng.**

Bấy giờ, bốn bộ chúng: Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Cận sự nam, Cận sự nữ và cả đại chúng: Trời, Rồng, Dạ xoa, Càn thất bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la đà v.v... thấy Xá Lợi Phất ở trước Phật lãnh lấy lời dự ghi sẽ thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, lòng rất vui mừng hơn hở vô lượng. Mỗi người đều cõi y trên của mình đang đắp đẽ cúng dường Phật.

Thích Đề Hoàn Nhân cùng Phạm Thiên Vương v.v... và vô số thiên tử cũng đem y đẹp của Trời, hoa Trời Mạn đà la, Ma ha Mạn đà la v.v... cúng dường nơi Phật. Y trời tung lên liên trụ giữa hư không mà tự xoay chuyển. Các kỹ nhạc trời trăm nghìn muôn thứ ở giữa hư không đồng thời đều trôi. Rưới các thứ hoa trời mà nói lời rằng: Đức Phật xưa ở thành Ba La Nại, ban đầu chuyển Pháp luân đến nay mới chuyển Pháp luân rất lớn Vô thượng.

Các vị Tỳ kheo ngày xưa rất hay. Vừa nghe Đức Phật thọ ký ngài Xá Lợi Phất là cả bốn bộ chúng Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Cận sự nam, Cận sự nữ và cả đại chúng: Trời, Rồng, Dạ xoa, Càn thất bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la đà v.v... lòng rất vui mừng hơn hở vô lượng. Người xưa họ rất tốt, không có tâm đố kỵ.

Các kỹ nhạc trời trăm nghìn muôn thứ ở giữa hư không đồng thời đều trôi, rưới các thứ hoa trời.

Hoa trời biểu trưng cho điều thiện. Khi một người đã tu tập tốt thì xung quanh sẽ ảnh hưởng hương thơm đó. Những người xung quanh đều phát khởi thiện tâm, và điều thiện đó tràn ngập trong cõi chúng ta đang ở. Cõi hoa lòng chúng ta nở ra. Những hoa đó là những loại hoa rất đặc biệt, từ trong giới đức tỏa ra. Cho nên việc cúng dường tràn ngập hư không. Khắp cõi Trời, Người khí chất thanh tịnh, thiện tâm được tỏa khắp trong khung trời những người học đạo đang ở, không chỉ cõi Ta Bà vui thôi, mà khắp mọi nơi đều ảnh hưởng điều đó.

Đức Phật xưa ở thành Ba La Nại, ban đầu chuyển Pháp luân đến nay mới chuyển Pháp luân rất lớn vô thượng.

Trong Kinh nói có ba thời chuyển Pháp luân của Đức Phật: Thị chuyển, Khuyến chuyển và Chứng chuyển. Nghĩa là thời đầu Đức Phật nói đây là Khổ, đây là Tập, đây là Diệt, đây là Đạo các ông nên biết là Thị chuyển. Khuyến chuyển là Phật đem chỗ thân chứng của mình để chứng minh: Khổ kia Ta đã biết, Tập kia Ta đã đoạn, Diệt kia Ta đã chứng và Đạo kia ta đã tu. Chứng chuyển đây là Khổ mà chính bản thân Đức Phật đã chứng, đây là Tập Đức Phật đã đoạn, đây là Diệt Đức Phật đã thành, đây là Đạo Đức Phật đã tu. Ba thời chuyển Pháp luân đó cũng chưa bằng bây giờ Đức Phật chuyển Pháp luân rất lớn vô thượng.

Bây giờ không phải diệt trừ những cái khổ đau bình thường như trước nữa. Mà tất cả những người hành đạo dứt trừ những khổ đau trong sanh tử luân hồi, cũng là nền tảng để sau này họ tạo được lực lớn, mới có thể chứng đắc đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

VĂN KINH

Lúc đó, các thiên tử muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

**Xưa ở thành Ba Nại
Chuyển Pháp luân Tứ Đế
Phân biệt nói các pháp
Sanh diệt của năm nhóm
Nay lại chuyển Pháp luân
Rất lớn diệu vô thượng,
Pháp đó rất sâu mầu
Ít có người tin được.
Chúng ta từ xưa lại
Thường nghe Thế Tôn nói
Chưa từng nghe thượng Pháp**

**Thâm diệu như thế này,
 Thế Tôn nói Pháp đó
 Chúng ta đều tùy hỷ,
 Đại trí Xá Lợi Phất
 Nay được lãnh Phật ký
 Chúng ta cũng như vậy
 Quyết sẽ được thành Phật,
 Trong tất cả thế gian
 Rất tôn không còn trên
 Phật đạo chẳng thể bàn
 Phương tiện tùy nghi nói
 Ta bao nhiêu nghiệp phước
 Đời nay hoặc quá khứ
 Và công đức thấy Phật
 Trọn hồi hướng Phật đạo.**

Đây là bài kệ của các vị Thiên tử rất hay. Các vị nhận định Đức Phật thuyết rất thâm diệu, sâu mầu hơn là chuyện Pháp luân Tứ Đế hồi trước. Các vị tùy hỷ và hiểu biết được điều đó, cũng như tùy hỷ với việc ngài Xá Lợi Phất được Phật thọ ký thành đạo.

*Ta bao nhiêu nghiệp phước
 Đời nay hoặc quá khứ
 Và công đức thấy Phật
 Trọn hồi hướng Phật đạo.*

Đây là lời hồi hướng rất tuyệt vời. Có bao nhiêu phước đức đời này mình huân tu, có bao nhiêu phước báo của đời kiếp trước và công đức thấy Phật, chỉ hồi hướng một việc duy nhất là thành Phật đạo mà thôi. Ngoài việc đó ra không còn việc khác để chúng ta làm. Tất cả những việc làm phước thiện trong đời này kể từ khi chúng ta biết Phật Pháp, như trong Kinh Hoa Nghiêm nói, chúng

ta không hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề thì người đó hành tà đạo, chứ không phải là Chánh đạo.

Ở đây chư Thiên thấy được rõ điều này. Khi người nào hiểu được nơi mình có Tri Kiến Phật rồi thì tất cả những cái gì họ làm trong đời này và những đời kiếp khác đều nhắm đến việc thành Phật đạo mà thôi, không còn việc thứ hai nữa. Phật tử chúng ta nên học thuộc lời kệ này, để khi làm điều gì chúng ta nên hồi hướng theo kiểu này.

VĂN KINH

Bấy giờ, Xá Lợi Phất bạch rằng: Thế Tôn! Con nay không còn nghi hối, tự mình ở trước Phật được thọ ký thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Các vị tâm tự tại một nghìn hai trăm đây, lúc xưa ở bậc hữu học, Phật thường dạy rằng: Pháp của Ta hay là sanh, già, bệnh, chết, rớt ráo Niết Bàn. Các vị hữu học, vô học đây cũng đều đã tự rời chấp ngã cùng chấp có, chấp không v.v... nói là được Niết Bàn, mà nay ở trước Đức Thế Tôn nghe chỗ chưa từng nghe, đều sa vào nghi lầm. Hay thay Thế Tôn! Xin Phật vì bốn chúng nói nhân duyên đó, khiến là lòng nghi hối.

Lúc trước đại chúng tùy hỷ với ngài Xá Lợi Phất, bây giờ chính Ngài lại khởi tâm mong muốn Đức Phật cho đại chúng bằng mình. Sau khi được Đức Phật thọ ký rồi thì Ngài liền yêu cầu Đức Phật giảng dạy để phá nghi lầm cho các vị Tỳ kheo, mong rằng các vị Tỳ kheo được thọ ký thành Phật giống như Ngài. Tâm nguyện các vị Thánh không còn hơn thua ngã chấp theo kiểu trần gian nữa.

VĂN KINH

Khi ấy, Phật bảo ngài Xá Lợi Phất: Ta trước đâu không nói rằng: Các Phật Thế Tôn dùng các món nhân duyên lời lẽ thí dụ phương tiện mà nói Pháp đều là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ư? Các điều nói đó đều vì dạy Bồ Tát vậy. Nhưng Xá Lợi Phất! Nay Ta sẽ dùng một thí dụ để chỉ rõ lại nghĩa đó, những người có trí do thí dụ mà được hiểu.

Đức Phật trả lời ngài Xá Lợi Phất rằng: trước kia Ta cũng đã nói với ông là bao nhiêu sự giảng dạy của Ta từ trước đến giờ, cũng vì đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chứ Ta không có giảng dạy điều khác. Đức Phật dẫn ví dụ sau.

VĂN KINH

Xá Lợi Phất! Như trong quốc ấp, tụ lạc có vị đại Trưởng giả tuổi đã già suy, của giàu vô lượng, có nhiều nhà ruộng và các tôi tớ. Nhà ông rộng lớn mà chỉ có một cửa để ra vào, người ở trong đó rất đông; hoặc một trăm, hai trăm cho đến năm trăm người, lâu gác đã mục, vách phen sụp đổ, chân cột hư nát, trính xiêng xiêu ngã, bốn phía đồng một lúc, lửa bỗng nổi lên đốt cháy nhà cửa.

Các người con của Trưởng giả hoặc mười người, hoặc hai mươi người, hoặc đến ba mươi người ở trong nhà đó.

Trưởng giả thấy lửa từ bốn phía nhà cháy lên, liền rất sợ sệt mà nghĩ rằng: Ta dầu có thể ở nơi cửa của nhà cháy này, ra ngoài rất an ổn, xong các con ở trong nhà lửa ưa vui chơi giỡn không hay biết, không

sợ sệt, lửa đến đốt thân rất đau khổ lắm, mà lòng chẳng nhàm lo, không có ý cầu ra khỏi.

Xá Lợi Phất! Ông Trưởng giả đó lại nghĩ: Thân và tay của Ta có sức mạnh, nên dùng vạt áo hoặc dùng ghế đẩu từ trong nhà mà ra ngoài. Ông lại nghĩ: Nhà này chỉ có một cái cửa mà lại hẹp nhỏ, các con thơ bé chưa hiểu, mê đắm chơi giỡn hoặc vấp ngã bị lửa đốt cháy, ta nên vì chúng nó mà nói những việc đáng sợ.

Nhà này đã bị cháy phải mau ra liền, chứ để bị lửa đốt hại. Nghĩ như thế theo chỗ đã nghĩ đó mà bảo các con: Các con mau ra!. Cha dầu thương xót khéo nói để dụ dỗ, mà các người con ưa vui chơi chẳng khứng tin chịu, chẳng sợ sệt, trọn không có lòng muốn ra, lại cũng chẳng hiểu gì là lửa? Gì là nhà? Thế nào là hại? Chỉ cứ Đông Tây chạy giỡn nhìn cha mà thôi.

Đức Phật thí dụ một tụ lạc, có vị Trưởng giả tuổi đã già suy, của giàu vô lượng, ở trong ngôi nhà lửa bỗng nổi lên cháy mạnh, nhưng các con của ông đang đùa giỡn trong đó không hay biết. Vị Trưởng giả với sức mình có thể ra khỏi nhà lửa đó được, nhưng nhìn lại các con thấy tội là họ sẽ bị thiêu đốt, nên tìm cách kêu ra. Ban đầu thì nói nhà lửa này nó sắp sửa cháy, vách phen đều sụp đổ hết rồi các con mau ra đây không khéo bị lửa cháy đốt thân. Các con không hiểu gì là nhà, gì là lửa, vẫn rong chơi chạy giỡn lâu lâu nhìn cha một lần.

Điều này giống chúng ta không? Chúng ta dù có biết đạo Phật, có quy y đạo Phật rồi, cũng có khi chúng ta là người tu, nhưng rồi một ngày chúng ta nhìn Phật mấy lần? Có phải lâu lâu chúng ta nhìn Phật một lần không?

Thí dụ này, Đức Phật nói lên điều hư hoại bất an trong Tam giới, lửa cháy phừng phừng như vậy sẽ dẫn đến khổ đau. Ông kêu gọi các con phải ra chứ không sẽ bị lửa cháy, nhưng các con chẳng hiểu gì là lửa. Tức là cái vô thường đốt cháy hừng hực như vậy, con người ta sanh ra, già, bệnh rồi chết, điều đó mấy ai hiểu.

Những khổ não, buồn vui xảy ra trong cuộc sống này nó đốt cháy hừng hực trong lòng tất cả chúng sanh, nhưng chẳng ai có ý niệm muốn thoát khỏi đó cả. Cho nên, Đức Phật giảng dạy trong trần gian này không có mấy người hiểu. Tức là cái sanh, già, bệnh, chết là khổ mà chúng sanh không hiểu. Những phiền não và buồn thương giận ghét dẫn đến khổ đau, cũng không ai nghĩ là mình sẽ thoát ra khỏi điều đó. Và thỉnh thoảng lại nhìn Đức Phật kiểu như người già nào đó, chứ không hiểu Đức Phật kêu thoát ra.

Mọi người đang đùa giỡn chơi vui trong Tam giới này, lấy nước mắt làm vui, lấy buồn thương giận ghét, lấy cái hơn thua tranh giành làm lẽ sống của mình, chứ mình không bao giờ có ý nghĩ thoát khỏi những hơn thua đó.

Ở đây có một số người đã sống nhiều chục năm rồi, tóc nhiều khi đã bạc nhưng có ai nghĩ muốn thoát ra cái sanh, già, bệnh, chết này không? Có mấy người? Tức là chúng ta không ý thức được lửa đang cháy để thân chúng ta rụi từng giờ, từng phút, từng giây. Sự đau khổ luôn có mặt trong cuộc đời chúng ta, nhưng không mấy người có ý thoát ra cả. Cái phiền não khổ đau cũng vậy, không ai có ý trừ. Thân chúng ta đang tàn rụi, ngày nào đó nó sẽ chết. Bao nhiêu nghiệp thức mà chúng ta huân tập, những nghiệp ác nghiệp thiện chúng ta huân tập, để rồi dẫn dắt

chúng ta cuốn trôi trong dòng sanh tử này nhiều đời nhiều kiếp, không ai có ý thức thoát ra.

Các con vị Trưởng giả này cũng vậy. Dầu được cha nói nhưng mà họ cứ thờ ơ, lâu lâu nhìn một cái. Giống như Phật tử lâu lâu đến chùa, dữ lắm là một tháng sám hối hai lần. Còn các vị tu cũng vậy. Người nào tu tốt thì có thể hai thời công phu, đôi khi công tác Phật sự lu bù quên giờ thiền. Do đó, mà họ chưa đủ lực thoát ra khỏi nhà lửa Tam giới, chưa thoát ra khỏi khổ não đang bức bách đối với thân ngũ uẩn này.

Người quyết tâm tu tập, không có phút giây nào trong tâm họ không rực cháy ý niệm giác ngộ giải thoát. Họ muốn bứt phá thân này để vượt qua, không có phút giây nào lặng dứt. Nó cháy hừng hực, trở thành lửa nóng để đốt tất cả nghiệp tập cũ. Càng thiết tha chùng nào thì nghiệp tập càng tự rụi chùng đó.

Nhưng người chưa đủ tâm đó, chưa hiểu rằng chúng ta đang ở trong nhà lửa, từng giờ từng phút từng giây cả thân tâm chúng ta bị bốc cháy. Bao nhiêu tham tâm làm khổ chúng ta. Những tình cảm, thương yêu, vật dục, tiền bạc, danh vọng nó làm chúng ta khổ, làm cho tâm hồn chúng ta bị xâu xé. Những ham muốn làm chúng ta không dừng lại được. Rồi chúng ta không thực hiện được ham muốn đó nên chúng ta bức bối, chúng ta oán hận, lòng chúng ta cũng bốc cháy, tâm chúng ta bị thiêu rụi bởi lửa đó. Nhưng có ai ý thức thoát ra điều đó đâu.

VĂN KINH

Bấy giờ, Trưởng giả liền nghĩ nhà này đã bị lửa lớn đốt cháy, ta cùng các con nếu không ra liền chắc sẽ bị

cháy, ta nay nên bày chước phương tiện khiến cho các con được khỏi nạn này.

Cha biết các con đều vẫn có lòng thích các đồ chơi trân báu lạ lùng, nếu có, chắc chúng nó ưa đắm, mà bảo các con rằng : Đây này là những món ít có khó được mà các con có thể vui chơi, nếu các con không ra lấy sau chắc buồn ăn năn. Các thứ xe dê, xe hươu, xe trâu như thế, nay ở ngoài cửa có thể dùng dạo chơi, các con ở nơi nhà lửa nên mau ra đây tùy ý các con muốn, cha đều sẽ cho các con.

Lúc bấy giờ, các người con nghe cha nói đồ chơi báu đẹp vừa ý mình nên lòng mỗi người đều mạnh mẽ xô đẩy lẫn nhau cùng đua nhau ruổi chạy tranh ra khỏi nhà lửa. Khi đó Trưởng giả thấy các con được an ổn ra khỏi nhà lửa đều ở trong đường ngã tư nơi đất trống không còn bị chướng ngại, tâm ông thơ thới vui mừng hơn hở.

Bấy giờ, các người con đều thưa với cha rằng: Cha lúc nãy hứa cho những đồ chơi tốt đẹp, nào xe dê, xe hươu, xe trâu xin liền ban cho.

Đức Phật khéo léo phương tiện: *“Đây này là những món ít có khó được mà các con có thể vui chơi, nếu các con không ra lấy sau chắc buồn ăn năn”*.

Ví dụ một đứa bé cầm trong tay nó cục đất dơ, mình lại gỡ tay nó ra nói bỏ đi cái này dơ, nó không chịu đâu. Giống như chúng sanh đang chấp giữ điều gì đó thì rất khó tháo gỡ ra. Thế nên đạo Phật phải khéo léo phương tiện để cho chúng sanh vượt thoát những chấp mắc của mình.

Đức Phật khéo léo gợi ý bên ngoài có xe dê, xe hươu, xe trâu vừa ý với các con. Tức là khi giáo hóa người khác phải quán cơ. Chúng ta phải quán cơ một cách tuyệt diệu thì mới có thể lợi cho người.

Về quán cơ, trong lịch sử nhà Thiên có chuyện ngài Đơn Hà. Đầu tiên ngài Đơn Hà đến gặp ngài Mã Tổ, vừa giờ nón ra là ngài Mã Tổ đã nói: *“Thầy người là Thạch Đầu chứ không phải Ta”*. Mã Tổ biết rằng cơ duyên ngài Đơn Hà học Phật chỗ khác chứ không phải chỗ của mình. Đạo tràng ngài Mã Tổ chỉ thuần cái thấy biết dung hội chứ không phải công phu loại trừ, khi ngài Đơn Hà đến lột nón ra là loại công phu loại trừ chứ không phải dung hội nên mới chỉ qua ngài Thạch Đầu.

Ngài Đơn Hà qua đạo tràng của ngài Thạch Đầu, vừa giờ nón ra là ngài Thạch Đầu nói: *“Xuống bếp làm công quả đi con”*, tức là đã nhận làm đệ tử. Ở trong đạo tràng của ngài Thạch Đầu rồi, công quả đúng ba năm. Hôm đó ngài Thạch Đầu nói: *“Bữa nay sẽ làm cỏ trước điện Phật”*, toàn chúng vác cuốc, vác giá ra sân để làm cỏ. Riêng ngài Đơn Hà hiểu ý sư phụ nên bung một thau nước để giữa Chánh điện quỳ gối ở đó. Ngài Thạch Đầu cầm dao lên cạo tóc ngài Đơn Hà, rồi chuẩn bị nói Giới. Khi ấy ngài Đơn Hà bịt lỗ tai, bỏ đi, không nghe Giới, đi thẳng về đạo tràng của ngài Mã Tổ leo lên tượng đang thờ trong Chánh điện. Đại chúng hoảng quá chạy kêu ngài Mã Tổ nói có ông điên nào không biết đang leo lên cỏ tượng. Ngài Mã Tổ lên đến hiểu ý ngài Đơn Hà và liền gọi *“Thiên Nhiên con ta”*.

Lúc đó, ngài Đơn Hà bước xuống đánh lễ ngài Mã Tổ và thưa rằng nhờ ơn ngài Mã Tổ mà Đơn Hà được ở trong đạo tràng ngài Thạch Đầu mà ngộ đạo, sau khi

được ngài Thạch Đầu cạo tóc rồi thì quay về đây xin Pháp danh. Các vị hiểu ý nhau đến mức độ đó. Các vị học đạo ngày xưa thấu thoát nhau như thế!

Các vị Thiên sư ngày xưa siêu xuất đến độ chỉ cần nhúc nhích một cái là biết duyên thầy trò nằm ở đâu rồi. Không phải do ngài Thạch Đầu khai thị, cũng không phải do ngài Mã Tổ khai thị, ngài Đơn Hà tự ngộ, do đó không cần nghe lời Giáo Pháp nào, đi đến Mã Tổ leo lên tượng Thánh tăng trình kiến giải, và ý cần Ngài đặt cho Đơn Hà cái tên. Ngài Mã Tổ biết liền nói “*Thiên Nhiên con ta*”. Tức là Đơn Hà đã ngộ đạo. Là người tự nhiên ngộ đạo không qua sự khai thị nào.

Khi ấy, ngài Đơn Hà bước xuống đánh lễ ngài Mã Tổ và nói lời cảm tạ ơn thầy đã đặt pháp danh cho mình rồi bước ra đi. Đơn Hà ra giữa đường đến một cây cầu thấy ông quan đi tới, Ngài liền nằm ngang giữa cầu không cho xe của quan đi qua. Ông quan thấy vị Tăng kỳ lạ nên xuống xe trao đổi qua lại, cuối cùng vị quan biết đây là người đạo cao đức trọng nên thỉnh vào trụ trì một ngôi chùa trong phủ của ông.

Một người ngộ Tánh rồi thì trần gian không còn vướng mắc với họ nữa, không làm cách nào cho họ khổ đau nữa thì rất quý, cho nên ai cũng nôn nóng muốn đẩy người ta lọt vào cửa ngõ này, nhưng nôn nóng quá mà chưa đủ cặp mắt để soi thấu căn cơ thì vô ích. Nên phương tiện của Đức Phật là gương cho chúng ta. Đức Phật chỉ gọi là bên ngoài có xe đẹp như thế nào đó, tự động người ta bỏ, không được nói mi không nên làm chuyện đó nữa, lối giáo hóa như vậy sẽ thất bại. Cách của Đức Phật trở thành bài học muôn thuở cho tất cả những người có tâm huyết hồng Pháp lợi sanh.

Bấy giờ, Trưởng giả liền nghĩ nhà này đã bị lửa lớn đốt cháy, ta cùng các con nếu không ra liền chắc sẽ bị cháy, ta nay nên bày chước phương tiện khiến cho các con được khỏi nạn này.

Lần trước Đức Phật thí dụ nhà lửa đang cháy ở trong đó rất nguy hiểm, nhưng các con không nghe chỉ nhìn cha rồi chạy qua chạy lại Đông Tây đùa giỡn, mà không biết thế nào là lửa, thế nào là nhà. Sau đó, Đức Phật chuyển phương tiện.

Đây là điều rất khéo léo của Đức Phật khi giáo hóa. Cũng như tâm lý thường của tất cả chúng sanh, khi họ chấp giữ một điều gì nếu ngay khi ấy chúng ta phá điều họ đang chấp giữ, chẳng những họ không tin mà họ còn nghi ngờ, và nếu họ nghi ngờ rồi thì Chánh Pháp không thể nào họ tiếp nhận nổi. Do vậy Đức Phật khéo léo dẫn dụ. Nghĩa là Đức Phật biết tâm niệm của tất cả chúng sanh đang tìm cầu nhỏ nhặt như là hạnh phúc trần gian, có tiền, có của, có gia đình, họ thấy việc đó là quý rồi. Ở đây Đức Phật khéo léo hơn nữa, Đức Phật cho rằng nếu bỏ cái đó mà tiếp nhận cảnh giới Niết Bàn của Thanh Văn, của Bích Chi Phật hoặc của Bồ Tát thì vi diệu hơn. Khi nói được điều đó rồi thì tất cả những người con đều mong muốn tiếp nhận.

Cha biết các con đều vẫn có lòng thích các đồ chơi trân báu lạ lùng, nếu có, chắc chúng nó ưa đắm, mà bảo các con rằng: Đây này là những món ít có khó được mà các con có thể vui chơi, nếu các con không ra lấy sau chắc buồn ăn năn. Các thứ xe dê, xe hươu, xe trâu như thế, nay ở ngoài cửa có thể dùng dạo chơi, các con ở nơi nhà lửa nên mau ra đây tùy ý các con muốn, cha đều sẽ cho các con.

Cho nên Đức Phật nói rằng có ba loại xe: Xe hươu, xe dê, xe trâu. Đây là ba dạng diễn tả ba cảnh giới an vui Niết Bàn. Xe dê là cảnh giới an vui của Thanh Văn, xe hươu là cảnh giới của Duyên Giác, xe trâu là cảnh giới của Bồ Tát.

Lúc bấy giờ, các người con nghe cha nói đồ chơi báu đẹp vừa ý mình nên lòng mỗi người đều mạnh mẽ xô đẩy lẫn nhau cùng đua nhau ruổi chạy tranh ra khỏi nhà lửa.

Tất cả những người học Phật đều muốn đạt đến cảnh giới Niết Bàn. Họ “*mạnh mẽ xô đẩy lẫn nhau*”, có nghĩa là khi tiếp nhận Giáo lý của Phật thì mỗi người đều tự tinh tấn cả ngày lẫn đêm không phút giây nào lơ lửng công phu. Họ xô dẹp tất cả những phiền não để vượt qua ngôi nhà Tam giới.

“*Được an ổn ra khỏi nhà lửa*”, có nghĩa là đã vượt khỏi Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới rồi, các vị ở chỗ an ổn Niết Bàn của chính mình.

“*Đều ở trong đường ngã tư nơi đất trống*”. Nhiều người cho ngã tư đường là Tứ Diệu Đế, nhưng sự thật thì không phải. Ngã tư đường là Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa, Bồ Tát thừa đến Phật thừa.

Các vị tu Thanh Văn thì đạt đến Diệt Thọ Tướng Định không còn lầm lẫn, không còn mằm mông để sanh tử trong Tam giới. Các vị Duyên Giác đã thấu triệt được lý Mười hai Nhân Duyên chứng quả Bích Chi Phật. Hoặc các vị không phải do Đức Phật thuyết, mà các vị tự quán xét thấy tất cả do duyên hợp mà các vị chứng được đạo quả Độc Giác thì cũng chứng được quả Bích Chi Phật. Còn các vị Bồ Tát rõ được lý Tánh Không. Tiếp tục tu tập cứu độ chúng sanh đến thành Phật.

“Không còn bị chướng ngại, tâm ông thơ thới vui mừng hơn hở”. Sau khi các vị vượt thoát khỏi Tam giới là đến chỗ thật sự an ổn, hạnh phúc vô cùng. Nếu dụng công theo đạo Phật chỉ cần chúng ta chứng được Sơ thiền thôi thì cả trần gian này nếu đem đổi chúng ta năm giây chúng ta chưa đổi, đừng nói những định sâu xa hơn. Sơ thiền, trong Kinh điển tả là ly sanh hỷ lạc, là nơi thâm tâm người đó phát sanh một cái vui, mà khi dứt sạch những vướng mắc trong ngũ dục thì mới có thể đạt được.

Khi tu thiền, có lần nào trong tâm chúng ta vắng bóng tham, sân, si thật sự thì chúng ta cảm nhận được ít phần an lạc. Lúc bắt đầu dụng công, chúng ta ngồi thiền thì hơn thua với bao nhiêu vọng niệm xảy ra trong đầu, rất vất vả. Đến độ tâm chúng ta thật sự tỉnh giác, nó sáng vằng vặc như trăng rằm thì vừa mới chớm niệm nhỏ trong tâm thức chúng ta liền rõ biết, ngay khi đó nó liền tắt, chứ chưa phải bật vọng niệm. Lúc đó an lạc trào dâng nơi chúng ta rồi chứ chưa nói đến Sơ thiền, mới có Chánh niệm tỉnh giác thôi.

Nếu như chúng ta tiến sâu hơn nữa thì những mầm mống gợn khởi đó nó bắt đầu lặn lẽ, tâm chúng ta trải dài sự trống rỗng, hạnh phúc an lạc vô cùng, không thể nói hết. Cả thế gian này dù người đó làm vua, hoặc người đó giàu có tột đỉnh như thế nào, chỉ cần đổi năm giây không thể đổi được. Chưa bao giờ có hạnh phúc trần gian nào có thể so sánh được, vì Sơ thiền là hạnh phúc của cõi Trời. Cho nên người nào đạt được một phần, hai phần định ở trong đạo Phật là vượt thoát khỏi cõi Người này.

Hạnh phúc của chúng ta bây giờ là hạnh phúc do người khác đem đến, do người ta phấn đấu, do hoàn cảnh nào đó. Ví dụ chúng ta có tiền theo sự mong muốn của

mình thì cảm thấy hạnh phúc. Chúng ta có nhà đẹp, có xe đẹp, có đầy đủ phương tiện vật dụng của trần gian này chúng ta cho đó là hạnh phúc. Nhưng nó không phải hạnh phúc thật. Do vậy, tất cả những người con của Trưởng giả, được nghe lời Ngài dụng công vượt ra khỏi Tam giới thì hạnh phúc này tuyệt vời không thể diễn tả bằng ngôn ngữ của trần gian. Vì vậy mà ngay nơi ngã tư đường là mảnh đất không mà các vị an trụ.

Ví dụ như Nhị thừa đang trụ ở Diệt Thọ Tướng Định, chỗ đó không còn một mầm mống nhỏ của sanh tử trong Tam giới. Duyên Giác thì đang trụ ở cảnh giới của Bích Chi Phật, vị đó cũng đang ở cái chỗ rỗng lặng thanh tịnh. Và Bồ Tát thì nhận rõ được lý Không, đang trụ ở nơi không. Như vậy là ba vị này ở nơi mảnh đất trống an lạc thật sự. Lúc đó trong lòng Đức Phật rất vui mừng khi có những vị đệ tử đạt đến điều này.

VĂN KINH

Xá Lợi Phất! Khi đó Trưởng giả đều cho các con đồng một thứ xe lớn, xe đó cao rộng chung dọn bằng các món báu, lan can bao quanh, bốn phía treo linh, lại dùng màn lọng giăng che ở trên, cũng dùng đồ báu đẹp tốt lạ mà trau giồi đó, dây bằng báu kết thắt các dải hoa rữ xuống, nệm chiếu mềm mại trải chông, gối đỡ ở trên, dùng trâu trắng kéo, sắc da mập sạch thân hình mập đẹp, có sức rất mạnh bước đi ngay bằng mau lẹ như gió, lại có đồng tỳ tớ để hầu hạ đó.

Lúc này Đức Phật mở ra một con đường nữa đó là Phật thừa. Ba con đường kia là Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa và Bồ Tát thừa. Nghĩa là tất cả những người con sẽ được ngồi xe Đại thừa là xe Phật thừa.

Cho các con đồng một thứ xe lớn, xe đó cao rộng chung dọn bằng các món báu.

Chiếc xe này dụ cho Hậu đắc trí. Đây là chiếc xe cao rộng. Rộng khắp mười phương pháp giới, cao suốt ba thời quá khứ, hiện tại, vị lai. Chiếc xe chung dọn bằng các món báu là từ Hậu đắc trí này khởi lên muôn hạnh muôn đức để trang trí chiếc xe. Là một thứ xe mà xuyên suốt thời gian và không gian. Với trí tuệ của người sau khi nhận được Căn bản trí rồi, và tu tập để chứng Hậu đắc trí thì hòa nhập được với mười phương pháp giới.

“*Lan can bao quanh*”: Nghĩa là lan can này gìn giữ đức hạnh của người đó, không cho ác niệm xen vào tâm, không cho thiện tâm rơi rớt ra bên ngoài. Có chỗ khác nói “lan can bao quanh” là Giới Pháp của tất cả những người dụng công tu tập. Tức là ngoài các hạnh, cái đức để chung dọn cho chiếc xe đó, còn dùng lan can có nghĩa là các thành quách để giữ gìn xe đó.

“*Bốn phía treo linh*”: Trong chùa, những buổi lễ quý thầy hay lắc cái linh kê keng keng như chuông cà rem, hoặc có dạng khác là cái phong linh treo bên ngoài gió thổi nó kêu. Trong xe này bốn phía treo linh, có nghĩa tứ biện tài của tất cả những người tu Phật, dùng tiếng này để đánh thức lòng mê chấp của chúng sanh.

“*Lại dùng màn lọng giăng che ở trên*”: Trong đạo Phật thì dùng bốn tâm: Từ, Bi, Hỷ, Xả để che chở và cứu vớt chúng sanh. Tâm Từ là ban vui cho chúng sanh, Bi là cứu khổ, Hỷ là mang đến sự an vui cho chúng sanh, Xả là xả ly, là hướng dẫn chúng sanh xả ly những vướng mắc trong đời sống để đạt đến tự do giải thoát. Đó là bốn đại tâm của người tu theo đạo Phật. Người tu theo đạo Phật dùng tâm này để che chở, dìu dắt tất cả chúng sanh trong

Tam giới thoát ly sanh tử luân hồi. Cũng như chiếc xe Đại thừa dùng lọng giăng che phía trên; là dùng tâm Từ, Bi, Hỷ, Xả làm màn lọng che chắn tất cả những đau khổ, những nóng bức, những mưa gió bão bùng cho chúng sanh.

“*Cũng dùng đồ báu đẹp tốt lạ mà trau dồi đó, dây bằng báu kết thắt*”: Dây thắt kết này là dây để quyện chặt, gìn giữ phước báo trí tuệ của chúng ta không bị rơi rớt, không được đổ vỡ. Tức là chúng ta dùng Tứ hoằng thế nguyện để gìn giữ hạnh đức của mình:

*Chúng sanh vô biên thế nguyện độ.
Phiền não vô tận thế nguyện đoạn.
Pháp môn vô lượng thế nguyện học.
Phật đạo Vô thượng thế nguyện thành.*

Dùng bốn nguyện này thắt kết gìn giữ tâm hạnh của mình, và thắt kết sinh hoạt Phật Pháp, thắt kết việc tu tập giữa Tăng đoàn và Phật tử từ khi sơ phát tâm cho đến khi thành Phật, không được rơi rớt, không bị đổ vỡ đức hạnh của mình.

“*Các dải hoa rữ xuống*”: Muốn nói đến Tứ Nhiếp Pháp: Bố thí, Ái ngữ, Lợi hành và Đồng sự.

Thứ nhất là bố thí. Trong đạo Pháp nhất là Giáo lý Đại thừa, chư vị phát tâm tu hạnh Bồ Tát thì các vị thường dùng bố thí để giúp đỡ tất cả những người khó khổ trong Tam giới, tạo duyên lành cho họ quay về với Phật Pháp.

Thứ hai là dùng Ái ngữ, những lời nói ngọt ngào đúng Chánh Pháp để dìu dẫn tất cả chúng sanh quay về với Phật đạo.

Thứ ba là Lợi hành, là làm việc có lợi cho Phật Pháp, cũng như cho tất cả chúng sanh để tạo duyên lành cho họ quay về với Chánh Pháp.

Thứ tư là Đồng sự là đồng hành trong Tam giới này cùng với chúng sanh.

Bồ Tát Hộ Minh khi xuống trần gian này, nếu như ở cung trời Đâu Suất, Ngài không tu hành chứng quả thì không thể dẫn dắt chúng ta thoát khỏi Tam giới. Do đó, Bồ Tát Hộ Minh từ cung trời Đâu Suất giáng thân nhập thai ở thành Ca Tỳ La Vệ và sau đó trở thành vị Thái tử. Ngài tu hành để chứng quả Phật. Và bằng tiếng nói của con người trong cõi này để giáo hóa chúng sanh.

Trong Tam giới, nếu như người nào dẫn nói Phật Pháp trong cõi Ta Bà mà không phải con người thật, mà mượn cái hình thức nào đó, mượn danh xưng nào đó, với cái uy danh của vị nào đó từ cõi khác mệnh danh thân Thánh về đây để nói thì điều đó chúng ta phải xét lại hết.

Vị Giáo chủ cõi Ta Bà là Đức Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni, Ngài dù ở cung trời Đâu Suất, Ngài phải xuống trần và sống làm con người, phải ăn, phải uống, phải sinh hoạt như con người, đồng hành với con người. Sau khi đồng hành rồi, Ngài từ con người tu chứng và bằng tiếng nói con người để thức tỉnh tất cả chúng sanh trong cõi Ta Bà. Đó là đồng hành của chư vị Bồ Tát. Muốn độ loài nào thì vị ấy phải hiện thân loài đó để độ, gọi là Đồng sự nhiếp.

Có nhiều chỗ nói nếu như chúng ta không đồng hành, không đồng nghiệp tất cả chúng sanh thì không thể giáo hóa được. Đây là các vị diễn giải tương đối rộng. Ví dụ có người làm cơ khí thì chúng ta phải làm cơ khí mới

giáo hóa họ được. Hoặc có người sửa điện tử thì chúng ta phải làm nghề sửa điện tử mới giáo hóa họ được. Như vậy, người xuất gia tu tập mà làm nghề điện tử, hay nghề cơ khí thì không thể tu nổi nữa rồi.

Cho nên Đồng sự nhiếp không phải là làm cùng nghề nghiệp chúng sanh. Mà khi chúng ta sống làm người rồi thì đồng khổ đồng vui như tất cả chúng sanh. Tất cả mọi người đều sanh, lão, bệnh, tử thì người đang giáo hóa cũng phải sanh, lão, bệnh, tử. Người có tám cái khổ thì mình cũng có tám cái khổ. Chúng ta đã đồng sự với nhiều việc, chúng ta cũng ăn để sống, mọi người cũng ăn để sống. Chúng ta thở để sống thì mọi người cũng thở để sống. Do đó, chúng ta nói tiếng nói con người để giáo hóa thức tỉnh mọi người. Được như thế mới thật sự là Đồng sự nhiếp.

“*Nệm chiếu mềm mại trái chông, gối đỡ để trên*”: Nệm chiếu là chỗ để nghỉ ngơi. Khi chúng ta tiếp giáp với nệm chiếu là lúc đó chúng ta tiếp giáp sự nghỉ ngơi. Trong Phật Pháp nghỉ ngơi là không có động niệm nào mới là nghỉ ngơi toàn triệt. Mềm mại trái chông là nhiều lớp Thiên định của người tu theo Đại thừa, ví dụ như là định “*Hiện Nhất Thiết Sắc Thân Tam Muội*” là Bồ Tát phân thân đến tất cả các cõi, dùng thân như chúng sanh trong các cõi đó, để hóa độ chúng sanh nhưng vẫn ở yên trong chánh định, không vì mang thân chúng sanh mà loạn động.

Thứ hai là “*Nhất Thiết Chúng Sanh Ngữ Ngôn Đà La Ni*” là khi Bồ Tát thuyết Pháp bằng một ngôn ngữ của mình trong cõi nước của Ngài, thì tất cả chúng sanh trong cõi nước mười phương đều được nghe và nhận hiểu bài Pháp đó, như là chúng sanh đang đối diện với Bồ Tát để

nhận và hiểu lời Pháp đó, bằng ngôn ngữ của cõi nước mình v.v...

Những người tu theo Nhị thừa là phải trải qua Tứ Thiên, Bát Định. Còn tu theo Thập Nhị Nhân Duyên thì cũng đạt đến định. Hoặc người tu theo Bồ Tát đạo cũng đạt được định. Như vậy khi ngồi lâu trên xe Đại thừa, là các vị đạt được định an ổn để nghỉ ngơi trên đó. Đối với Đại thừa thì ba nghiệp của họ thật sự thanh tịnh, lúc đó hoàn toàn nghỉ ngơi. Sự thanh tịnh này không có Pháp trần nào có thể nhiễm, là lúc đó các vị đang ngồi trên chiếu mềm mại được trải nhiều lớp.

“Dùng trâu trắng kéo, sắc da mập sạch thân hình mập đẹp”: Trâu trắng dụ cho Căn bản trí của chúng ta. Con trâu này nó mập cỡ nào quý vị biết không? Cái mập của con trâu không thước nào đo được. Mập khắp mười phương pháp giới đầy bít hết. Và nói đến con trâu trắng này thì ngài Đại An nói: *“Đại An này ở tại núi Quy ba mươi năm, ăn cơm núi Quy, đại tiện núi Quy, mà không học thiền núi Quy, chỉ coi chừng con trâu. Nếu nó lạc đường hay vào trong cỏ, liền lôi nó lại. Nếu nó ăn lúa mạ của người, liền đánh đập điều phục nó. Đáng thương đã lâu chịu người rầy rà, hiện giờ nó đổi thành con trâu trắng đứng trước mặt, trợn ngày hiện sờ sờ đuôi hoài cũng chẳng đi”*.

Ngang đây, Đức Phật đưa vào Phật thừa là tiếp nhận con trâu trắng. Con trâu trắng là Căn bản trí để rồi dẫn dắt kéo chiếc xe Đại thừa.

Khi tiếp nhận Kinh điển Đại thừa là tiếp nhận con trâu trắng. Và lôi luôn cả chiếc xe, xe đó là muôn hạnh công đức. Bao nhiêu công hạnh tu hành của người tu được chuyên chở để chúng đến quả Phật thừa. Con trâu này nó

mập, nó phủ trùm cả pháp giới không còn chỗ nào sót hết.

“*Sắc da mập sạch*”: Muốn diễn tả Căn bản trí của chúng ta chưa từng dính nhiễm, rất thanh tịnh. Cho nên con trâu này vừa mập mà vừa sạch nữa.

“*Thân hình mập đẹp, có sức rất mạnh*”: Chỗ này trong Kinh diễn tả là con trâu vừa mập vừa đẹp. Một người nhận ra được Tự Tánh rồi thì tất cả trần gian này nó trở thành đẹp rực rỡ. Chính Tự Tánh đó nó đẹp cho nên trần gian này thành đẹp. Biến cõi Ta Bà của chúng ta trở thành Cực Lạc thật sự đẹp đẽ và có sức rất mạnh. Vì sức con trâu này hiện ra là bao nhiêu phiền não ngàn đời ngàn kiếp đều được dẹp sạch. Sức nó rất mạnh, nó dẫm đạp tất cả phiền não của chúng ta đã huân tập. Một phen con trâu này hiện ra thì tất cả đều phải tắt rụi, tất cả đều phải được dẹp, gọi là sức mạnh của con trâu. Và kéo chiếc xe Đại thừa chuyên chở khắp tất cả chúng sanh trong Tam giới đến Phật đạo, không bỏ sót một chúng sanh nào.

“*Bước đi ngay bằng mau lẹ như gió*”: Con trâu này nó bước ngay thẳng đến quả vị Phật. Không có con đường khác để đi. Và lúc nó đi thì không vướng ở hai bên.

Ngay khi chúng ta tiếp cảnh, rõ ràng mà không hề có ý niệm phân biệt nào. Ngay nơi hiện tiền mà rõ biết tất cả mọi cái. Căn bản trí là cái thấy hiện lượng, không có một sự chia chẻ nào.

Con trâu trắng đi đến trần gian này tiếp nhận tất cả mọi cái ngay nơi hiện tiền, mà không hề có sự lầm lẫn nào, không hề có một chút lệch lạc nào. Và một bước thẳng vào đất Như Lai, mau lẹ như gió. Thật ra gió

không bằng. Tại vì một bước là thẳng vào đất Như Lai rồi thì không có ngọn gió nào có thể so sánh kịp với bước con trâu này.

Khi Căn bản trí của chúng ta hiện lên rồi thì ngay nơi đó chúng ta bước đến quả vị Phật, rất nhanh và mau lẹ, không cái gì có thể so sánh được. Vận tốc ánh sáng là ba trăm ngàn ki lô mét một giây cũng không thể so sánh nổi. Không gì có thể nhanh bằng một người nhận được Tụ Tánh. Cho nên đường đi đến quả vị Phật là đường đi tắt.

Một bước thẳng vào đất Như Lai là để lập địa thành Phật chứ không còn con đường nào khác. Bước đi ngay thẳng và nhanh như gió. Người tiếp nhận được Tụ Tánh thanh tịnh sáng suốt của mình rồi, tức là nhận ra được con trâu trắng, như ngài Đại An nói là nó hiện sờ sờ đuổi hoài không đi. Con trâu trắng của mình, nó vừa sạch, vừa mập, vừa đẹp, vừa mạnh như thế này thì biết là chúng ta sắp sửa thành Phật.

Lối diễn tả ở đây rất kỳ diệu về chiếc xe Đại thừa. Từ xưa đến giờ chúng ta nghe xe Đại thừa, nhưng có lẽ chúng ta chưa biết được ý này. Những lời dạy của Đức Phật trong quyển Kinh này, chúng tôi phải nói là chúng ta phải đắp nhiều loại y và lạy cho đến đầu chúng ta sôi về phía sau để không còn cọng tóc nào, chúng ta mới hiểu được một chút xíu trong bộ Kinh này.

Kinh điển Đại thừa không thể nói chữ đó là nghĩa đó được đâu. Kinh Pháp Hoa này là Vô Lượng Nghĩa Xứ, một chữ nó có ngàn muôn nghĩa để chúng ta có thể hiểu. Do đó đối với Kinh điển Đại thừa chúng ta phải đọc mà đừng có vướng vào chữ nghĩa thì chúng ta mới hay ra được điều rất kỳ diệu trong Kinh.

“*Bước đi ngay bằng mau lẹ như gió, lại có đông tôi tớ để hầu hạ*”: Tôi tớ hầu hạ không phải là những người hầu chúng ta mượn ngoài đường. Mà tất cả những ý niệm về việc thanh tịnh và giải thoát, tất cả những ý niệm giác ngộ, tất cả những ý niệm dẫn dắt chúng sanh nó tràn ngập trong tâm của một người khi nhận ra Giáo lý Đại thừa. Cho nên gọi là tôi tớ hầu hạ, đi theo phò trì giữ gìn chiếc xe Đại thừa đó, để chuyên chở tất cả chúng sanh đi đến quả vị Phật. Phải có đầy đủ tất cả phương tiện giúp đỡ tất cả mọi người thì đó gọi là tôi tớ đối với chiếc xe Đại thừa này.

Tu tập theo Giáo lý Đại thừa, người đó phải có tâm Từ, Bi, Hỷ, Xả, phải có đủ Tứ Hoằng Thệ Nguyện, phải có đủ Tứ Nhiếp Pháp, phải có muôn hạnh, phải có tâm lượng rộng lớn, để có thể chuyên chở. Và phải có đầy đủ phương tiện để giúp đỡ tất cả chúng sanh, chứ chúng ta không thể tu theo Đại thừa nói theo một chiều.

Theo sự diễn tả của chiếc xe này là người đó phải tu không biết bao nhiêu kiếp. Một người ngộ Tánh, cho đến linh thông, có thể hiểu thấu Kinh điển Đại thừa, và có thể hiểu tất cả những Kinh tạng khác để diễn tả tạo nhiều phương tiện thì không thể ngộ Tánh một lần một đời mà có thể biết hết được.

Thường những người ngộ Tánh chỉ khai thị cho ngộ Tánh, là các vị phải nói là ít đời ngộ cho nên ít phương tiện. Còn có đầy đủ phương tiện để giáo hóa chúng sanh là phải được sự huân tập rất lâu. Người đó gần như là phải thông thạo Tự Tánh thật sự mới tạo đủ phương tiện, mới có đủ cơ trí mà dẫn dắt thiên hạ đi theo Chánh Pháp. Họ tu Pháp này không được dẫn họ Pháp khác, tu không được dẫn họ Pháp khác nữa v.v... Kinh điển này không

phù hợp giảng Kinh điển khác, giảng đến khi nào họ nhận Tánh thôi, không phải nói hoài Tự Tánh một chuyện, phương tiện sẽ bị hạn hẹp và tông phong sẽ bị khu biệt lại, không mở rộng được.

Các vị có trí tuệ mênh mông, cho nên người hiểu biết cỡ tâm nào, người căn trí nào họ cũng đều có thể xoay chuyển được hết. Muốn nói chuyện gì, họ sẽ nói chuyện đó cho mình nghe. Tức là bằng mọi cách là dẫn dắt người ta ngộ Tánh, rất nhiều cách chứ không phải nói thẳng Tự Tánh để cho ngộ không thôi.

Lần đầu tiên nói Tánh không ngộ. Lần sau nói chuyện khác. Lần khác nói chuyện khác nữa. Miễn nói sao tất cả những người họ tiếp nhận mình là họ sẽ tiếp nhận được Tự Tánh. Thì phương tiện nào đó tùy mình, phải linh thông, phải có trí, phải có đầy đủ phương tiện mới được thì ở đây diễn tả đồng tột tứ để hầu hạ.

Muốn nói rằng người tiếp nhận Giáo lý này là người rất nhiều phương tiện để dẫn dắt chúng sanh, để đưa chiếc xe Đại thừa chuyên chở không sót một chúng sanh nào trong Tam giới này đến quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Còn một chúng sanh chưa thành Phật trong Tam giới thì xe vẫn còn rảo khắp trong mười phương pháp giới, chuyên chở tiếp để tất cả chúng sanh đều thành Phật đạo.

VĂN KINH

Vì có sao? Vì ông Trưởng giả đó của giàu vô lượng, các thứ kho tàng thấy đều đầy ngập, ông nghĩ rằng: Cửa cải của ta nhiều vô cực, không nên dùng xe nhỏ xấu kém mà cho các con, nay những trẻ thơ này đều là con của ta, đồng yêu không thiên lệch, ta có xe

bằng bảy báu như thế số nhiều vô lượng nên lấy lòng bình đẳng mà đều cho chúng nó, chẳng nên sai khác.

Vì sao? Dầu đem xe của ta đó khắp cho cả người một nước hãy còn không thiếu huống gì các con. Lúc ấy các người con đều ngồi xe lớn được điều chưa từng có, không phải chỗ trước kia mình trông.

Khi Đức Phật giảng Kinh Pháp Hoa, Đức Phật nhìn thấu tận tất cả chúng sanh đã có đầy đủ trí tuệ giác ngộ giải thoát, cho nên Đức Phật gọi nhắc, khai mở. Dù Đức Phật có nói hết cho chúng sanh khắp pháp giới này thì trí tuệ của Đức Phật vẫn nguyên vẹn.

Bởi vì Ngài đã một lần thấy được Tự Tánh của chính mình rồi, Ngài thấy được tất cả chúng sanh đều có Tự Tánh như mình, nhưng chưa đủ duyên thì Ngài chưa nói. Đến giờ phút này đủ duyên Đức Phật nói. Là trên ngã tư đường, Đức Phật vạch ra con đường Phật thừa. Đức Phật đã khẳng định tất cả chúng sanh đều có khả năng thành Phật như Ngài, đều có khả năng giác ngộ giải thoát như Ngài, cho nên Ngài nói ra.

Tất cả chúng sanh đều có Như Lai Tự Tánh, đều có Phật Tri Kiến, cho nên Đức Phật gọi cho chúng sanh nhận ra điều này, dù có cho khắp tất cả chúng sanh điều này đi nữa thì đức độ trí tuệ của Đức Phật lại tăng thêm, không vơi. Do đó Đức Phật có nói cho tất cả những người trong cõi nước vẫn không thiếu. Và dù có một ngàn, một muôn, một triệu, một tỷ chúng sanh đến với Đức Phật, được Đức Phật khai hóa, được Đức Phật mở ra, được Đức Phật cho chiếc xe Đại thừa thì trí tuệ của Đức Phật vẫn còn phủ trùm pháp giới này không bao giờ thay đổi.

“*Lúc ấy các người con đều ngồi xe lớn được điều chưa từng có, không phải chỗ trước kia mình trông*”. Chúng tôi ví dụ trần gian này có người gặp được kho báu lớn trở thành tỷ phú thì một thoáng họ cảm thấy rằng họ không còn thiếu thốn gì giữa trần gian này thì không phải là việc mình trông chờ mà được.

Cũng vậy, một người ngộ đạo rồi, từ đó về sau họ không hề bị thiếu đói. Giống như ngài Thủy Lạp đến gặp ngài Mã Tổ hỏi: “*Thế nào là người Tổ sư từ Tây sang?*”, bị Mã Tổ cho một đập té lăn cù, ngộ đạo. Sau đó trên bước đường giáo hóa, Ngài nói: “*Kể từ khi ta nhận được cái đập của Mã Tổ cho đến nay đã trải qua ba mươi năm ta chưa từng thiếu tương dưa rau muối*”. Có nghĩa một phen đã nhận được đầy đủ đạo lý rồi thì người đó không bao giờ cảm thấy mình thiếu thốn gì giữa trần gian này nữa.

Điều này khiến cho người ta thao thức tìm cầu nhưng một phen nhận ra Phật Tri Kiến rồi còn hơn gặp được kho báu lớn, vì người đó không bao giờ thiếu thốn điều gì. Cho nên ở đây diễn tả là không phải chỗ mình mong cầu. Ngoài tất cả sự mong đợi của chúng ta. Một người sống bằng Tự Tánh thì mọi việc trong trần gian này ngoài tất cả sự mong đợi của mình. Chúng tôi nói là sau giấc ngủ dậy ở trong cảnh bình an đó, mà sạch hết tất cả những nghiệp tập, không phải ngồi cả đêm để sạch nghiệp tập thì ngoài sức mong đợi rồi.

Vì vậy, khi nhận Tánh rồi, là đi đứng nằm ngồi tất cả đều phải vô trụ hoàn toàn với người đó. Thậm chí cả trong giấc ngủ họ cũng ở trong cái vô trụ, để thức dậy họ tiếp tục vô trụ nữa thì suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ là tự động công phu, chứ không phải dụng công, cho nên rõ

ràng là ngoài sức mong đợi. Ngoài ra còn thấu hiểu tất cả những thâm mật, thâm nghĩa trong tất cả Kinh điển Đại thừa. Cuộc đời của họ từ đó về sau không còn có chỗ nào có thể dấn họ dính trở lại được. Có trời họ cũng tự tan thân, không bao giờ trời cột họ được.

Chúng ta học được Giáo lý Kinh điển Đại thừa đến khi nào chúng ta nhận được Tri Kiến Phật, là chúng ta sẽ tự tại trong Tam giới này và một bước thẳng đến mảnh đất Như Lai, ngoài sức mong đợi của chúng ta. Thường chúng ta dụng công chúng ta nghĩ rằng phải trải qua ba đại A tăng kỳ kiếp mới có thể chứng quả Phật. Nhưng khi nhận được chiếc xe Đại thừa như này giờ chúng ta nói, là ngay khi đó đã đến mảnh đất Phật rồi, nếu muốn tiếp tục sống giữa trần gian này để giáo hóa người khác thì tiếp tục sống để làm việc lợi lạc chúng sanh không thôi dứt.

Trong Tứ Hoảng Thệ Nguyên có câu: “*Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*”, cho nên phải ở lại để độ tất cả chúng sanh. Người tu Đại thừa dám có cái dũng mãnh gọi là độ tất cả chúng sanh, và có phát nguyện mình sẽ là người thành Phật sau cùng. Nếu còn một chúng sanh chưa thành Phật là chúng ta không thành Phật. Chúng ta phải có đại nguyện như ngài Địa Tạng: “*Địa ngục vị không thệ bất thành Phật*”. Tức địa ngục mà còn chúng sanh đau khổ thì Ngài không thể thành Phật, còn mình thì xin thành Phật sau cùng. Chúng ta đừng phát nguyện gì lớn như các Ngài, nhưng phải là người thành Phật sau cùng thì mới đủ tâm lực Đại thừa. Người nào chưa dám thệ nguyện như vậy là người đó chưa đủ tâm lực Đại thừa.

VĂN KINH

Xá Lợi Phát! Ý của ông nghĩ sao? Ông Trưởng giả đó đồng đem xe trâu bấu lớn cho các người con, có lỗi hư vọng chẳng? Xá Lợi Phát thưa: Thưa Thế Tôn! Không, ông Trưởng giả chỉ làm cho các con được khỏi nạn lửa, toàn thân mạng chúng nó chẳng phải là hư vọng. Vì sao? Nếu được toàn thân mạng bèn đã được đồ chơi tốt đẹp, huống nữa là dùng phương tiện cứu vớt ra khỏi nhà lửa.

Thế Tôn! Dầu ông Trưởng giả đó nhẫn đến chẳng cho một thứ xe rất nhỏ còn chẳng phải hư vọng. Vì sao? Vì ông Trưởng giả đó trước có nghĩ như vậy: Ta dùng chức phương tiện cho các con được ra khỏi, vì nhân duyên đó nên không hư vọng vậy. Huống gì ông Trưởng giả tự biết mình của giàu vô lượng muốn lợi ích các con mà đồng cho xe lớn!

Từ trước, Đức Phật lập Tam thừa: Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa và Bồ Tát thừa để giáo hóa, cho rằng tu Thanh Văn cũng thoát khỏi Tam giới chúng quả Niết Bàn, tu theo Duyên Giác cũng chúng quả Niết Bàn, tu theo Bồ Tát cũng chúng quả Niết Bàn. Đến đây Đức Phật phủi sạch chỉ mở con đường Phật thừa, một bước thẳng vào đất Như Lai, ngoài ra không còn con đường nào khác. Như vậy có hư dối chẳng?

Ngài Xá Lợi Phát trả lời là không. Rõ ràng con đường Phật thừa này nó tuyệt vời hơn ba thừa kia. Cho nên khi dẫn dắt chúng con đến Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát thừa nhưng giờ phút này chúng con cảm thấy rằng Phật thừa cần đi hơn Tam thừa kia, cho nên Đức Thế Tôn không vương vào lỗi hư vọng.

VĂN KINH

Phật bảo ngài Xá Lợi Phất: Hay thay! Hay thay! Như lời ông nói, Xá Lợi Phất! Như Lai cũng lại như thế, Phật là cha của tất cả thế gian, ở nơi các sự sợ hãi suy não lo buồn vô minh che tối hết hẳn không còn thừa, mà trọn thành tựu vô lượng trí kiến, trí lực, vô sở úy; có sức đại thần thông cùng sức trí tuệ đầy đủ các món phương tiện. Trí tuệ Ba la mật, đại từ đại bi thường không hề lười mỏi. Hằng vì cầu việc lợi lành cho tất cả muôn loại mà sanh vào nhà lửa Tam giới cũ mục này, để độ chúng sanh ra khỏi nạn lửa: sanh, già, bệnh, chết, lo buồn, khổ não, ngu si tối tăm, ba độc, dạy bảo cho chúng sanh được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Đức Phật chấp nhận lời nói của ngài Xá Lợi Phất. Và Ngài nói rằng Ngài đã đi vào Tam giới này, để độ chúng sanh thoát khỏi nhà lửa. Nhà lửa Tam giới này là Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới.

Khi chúng ta ở trong nhà lửa thì việc sanh ra chịu nhiều khó khổ, rồi già bệnh chết, bao nhiêu cái đó nung nấu con người chúng ta. Chúng ta sanh ra muốn không già cũng không được. Tuổi đời chúng ta lớn, thân xác chúng ta hằng ngày hằng giờ nó héo mòn, nếu không có ngọn lửa nào thiêu đốt thì thân chúng ta tự trở chúng ta không thể già. Rồi bao nhiêu ngọn lửa dục nung nấu trong lòng chúng ta, chúng ta ham tài, ham sắc, ham danh, ham lợi, ham ăn và ham ngủ. Đó là ngọn lửa hừng hực cháy trong lòng chúng ta từng giờ, từng phút, từng giây.

Do chúng ta cầu điều này mà không được chúng ta mới sầu lo, mới khổ não. Và trong lúc tranh danh đoạt

lợi, không có phút giây nào con người chúng ta cảm nghe mình được an ổn, cảm nghe mình được mát mẻ. Lúc nào chúng ta cũng ham muốn điều này điều kia. Những điều muốn đó, là do những cái tham tâm nó đốt cháy chúng ta từng giờ, từng phút, từng giây.

Nhà lửa là chỗ an trú của tất cả chúng sanh còn vướng trong ngũ dục thô là tài, sắc, danh, thực, thù; ngũ dục tế là sắc, thanh, hương, vị, xúc. Lúc nào mở mắt ra là chúng ta mong muốn mình được vừa lòng vừa ý. Thấy điều bất như ý thì chúng ta cảm nghe khó chịu nơi lòng, cho nên đi tìm cầu. Mà tâm muốn tìm cầu để được thấy cái gì vừa ý, là lửa dục nơi lòng phát khởi, đốt cháy nung nấu để chúng ta chạy đầu này, đầu kia để tìm.

Rõ ràng là lửa nung nấu, nó thôi thúc, nó thiêu đốt để chúng ta tìm cầu cho được. Được thì chúng ta thỏa mãn trong thoáng chốc, nghe bản nhạc chúng ta thỏa mãn, nhưng nghe rồi chúng ta vẫn thấy thiếu thốn cái gì, vẫn tiếp tục muốn nghe nữa. Cho nên chúng ta muốn tìm cái để chúng ta hưởng, vừa hưởng xong chúng ta lại tìm món khác hưởng nữa.

Trong việc ăn thôi, hôm nay chúng ta muốn món này, ngày mai chúng ta muốn món khác, ngày một chúng ta muốn món khác. Như vậy trong thân chúng ta luôn bị đốt cháy, luôn bị khao khát. Giống như chúng ta bị khát nước uống hoài mà không hết khát, thỏa mãn rất nhiều lần nhưng vẫn thấy thiếu. Thấy rằng chúng ta vẫn còn bị lửa thiêu đốt.

Lửa dục luôn hừng hực đốt cháy chúng ta. Nếu được thì tâm tìm cầu lại tiếp nổi để chúng ta tìm chuyện khác, còn không được thì phiền hận xảy ra. Lửa hận nó đốt cháy chúng ta. Chúng ta phiền hận người này, phiền hận

người kia, phiền hận người nọ khiến trong lòng bất an và tìm cách để trả hận, trả thù, trả oán. Lòng chúng ta không lúc nào yên.

Cho nên lửa tham, lửa sân, lửa si, lửa sanh, lửa già, lửa bệnh, lửa chết, rồi lo buồn khổ não, ngu si tối tăm, đó là lửa trong căn nhà Tam giới. Lửa đốt chúng ta không có phút giây tạm dừng. Lục căn chúng ta hừng hực khát khao tìm sự thỏa mãn.

Do vậy, Đức Phật xuống cõi Ta Bà này cứu chúng sanh thoát khỏi sanh già bệnh chết, lo buồn khổ não, ngu si tối tăm, dạy bảo cho chúng sanh được quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

VĂN KINH

Ta thấy, các chúng sanh bị những sự sanh, già, bệnh, chết, lo buồn, khổ não nó đốt cháy, cũng vì năm món dục tài lợi mà bị các điều thống khổ. Lại vì tham mê đeo đuổi tìm cầu nên hiện đời thọ các điều khổ, đời sau thọ khổ địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Nếu sanh lên trời và ở trong loài người thì nghèo cùng khôn khổ, bị khổ về người yêu thương xa lìa, kẻ oán ghét lại gặp gỡ. Các món khổ như thế chúng sanh chìm trong đó vui vẻ dạo chơi, chẳng hay biết, chẳng kinh chẳng sợ, cũng chẳng sanh lòng nhàm không cầu giải thoát; ở trong nhà lửa Tam giới này đông tây rảo chạy dầu bị khổ nhiều vẫn chẳng lấy làm lo.

Đức Phật nói lại, do có tham mê tài, sắc, danh, thực, thù mà chúng sanh bị khổ não.

Hoặc người tham muốn về cõi Trời, tức là muốn làm thiện nhưng về cõi Trời vẫn bị nghèo. Chỗ này chúng ta thấy có lạ không? Trong Kinh nói người đó thoát khỏi

Địa ngục, Nga quý, Súc sanh nhưng khi về cõi Trời vẫn nghèo. Ở cõi Trời đến bữa ăn có bát bấu hiện ra, tùy theo phước của từng vị mà bát hiện ra khác nhau, người phước lớn thì bát kim cương hiện ra để họ đựng thức ăn, người phước kém hơn thì bát bằng vàng, người kém hơn nữa thì bát bằng bạc, người có phước kém thì hiện bát bình thường của cõi Trời. Người phước lớn thì thức ăn ngon hiện ra trong bát bấu, người phước kém thì hiện thức ăn kém của cõi Trời. Phước lớn các vị được an trú ở vùng trung tâm của cõi Trời, cung điện nguy nga tráng lệ, còn phước kém thì ở vùng biên địa, nơi ở thấp kém trong cõi Trời.

Ví dụ như ở nơi đô hội phồn vinh nhưng người kém phước vẫn ở vỉa hè. Như vậy có phước về cõi Trời nhưng không đủ phước để an hưởng sung sướng. Người đó ít bạn bè, có tuổi thọ rất ngắn và ở biên địa của cõi Trời, không được ở trung tâm của cõi Trời và có tuổi thọ cũng ngắn so với các vị có phước lớn hơn.

Đức Phật nói đến tám cái khổ. Dù trong cõi trần này người đó là vua chúa hay là thường dân cũng phải bị sanh, già, bệnh, chết, cũng phải bị người thương xa lìa mà khổ, hai người oán ghét nhau mà gặp mặt cũng phải khổ, tìm cầu không được cũng phải khổ, thân năm ấm lúc thịnh lúc suy cũng làm chúng ta khổ não. Tám cái khổ này vốn có của cõi Ta Bà.

Đức Phật nói ngoài sự chẳng hay chẳng biết, gặp khổ rất nhiều trong cuộc đời mà vẫn chẳng hề kinh, chẳng hề sợ, chẳng hề sanh một chút lòng mà nhàm lìa nó, và không mong cầu giải thoát. Khổ thì quệt nước mắt, nhưng vui thì đam mê trở lại, không chịu buông bỏ. Khổ

mà khóc gân như nước mắt cạn kiệt chứ chưa chịu chán cõi Ta Bà.

“*Ở trong nhà lửa Tam giới này Đông Tây rảo chạy*”. Người tu tập mà chưa đạt đến giác ngộ giải thoát mà chỉ đủ phước sanh về cõi Trời, nhưng về cõi Trời rồi hết phước cũng rớt vào sanh tử luân hồi. Tại vì về đó hưởng phước hết rồi vẫn tiếp tục khổ đau. Tức là chưa nhận ra được đạo lý giác ngộ giải thoát, chưa tu tập để chứng quả thì vẫn còn lẩn quẩn trong Tam giới. Ngoại trừ các vị đã chứng Thánh thì không quay lại Tam giới này. Còn sanh cõi Trời nào thì một thời gian hết phước vẫn sanh tử luân hồi trở lại ở các cõi thấp hơn.

Dù cho làm vua Trời thì đối với đạo Phật, bằng trí tuệ của Phật, Ngài vẫn xem các cõi Trời ấy là nghèo cùng. Trong Tam giới này không phải chỗ để chúng ta an trú. Người nào có trí tuệ muốn vượt thoát khỏi Tam giới thì mới thoát khỏi cảnh đông tây rảo chạy. Chúng ta chạy từ đây lên đến cõi Trời loanh quanh rồi vẫn tiếp tục sanh tử luân hồi, chứ cõi Trời chưa phải là chỗ yên ở của chúng ta.

VĂN KINH

Xá Lợi Phát! Đức Phật thấy việc này rồi bèn nghĩ rằng: Ta là cha của chúng sanh nên cứu chúng nó ra khỏi nạn khổ đó, ban vô lượng vô biên món trí tuệ vui của Phật để chúng nó dạo chơi.

Xá Lợi Phát! Đức Như Lai lại nghĩ: Nếu Ta chỉ dùng sức thần thông cùng sức trí tuệ bỏ chước phương tiện, mà vì chúng sanh khen ngợi các món tri kiến, trí lực, vô sở úy của Như Lai, ắt chúng sanh chẳng có thể do đó mà được độ thoát.

Vì sao? Vì các chúng sanh đó chưa khỏi sự sanh, già, bệnh, chết, lo buồn, đau khổ, đương bị thiêu đốt trong nhà lửa Tam giới, làm sao có thể hiểu được trí tuệ của Phật.

Chúng ta mới tu hay có lầm lẫn nghĩ là mình làm cái gì đó sẽ được rước về cõi Phật, trong khi bao nhiêu phiền não và tham sân si còn đầy trong tâm thì nhắm chúng ta về cõi Phật có yên không? Hay là về để gây rối trên đó tiếp.

Ví dụ, một người bị bệnh cùi nếu được bà con nào giàu có cất nhà trăm tầng đưa người đó lên, họ có hết bệnh cùi không? Không hết được. Người trị bệnh hết rồi thì đi chỗ nào cũng không bệnh, còn người chưa hết bệnh thì đi chỗ nào cũng tiếp tục bệnh.

Đức Phật thấy hết điều này, mặc dù Đức Phật có đầy đủ Tri kiến, có đầy đủ trí tuệ một phen có thể làm cho chúng sanh được về cõi Phật hết, nhưng trong lòng còn tham sân si có về cõi Phật thì lại bị phiền não tiếp thôi, không thể yên đâu. Cho nên Đức Phật phải dùng phương tiện để chúng sanh tu tập. Phải hết lo buồn, khổ não, hết tham sân si thì chúng sanh hưởng được cảnh giới thanh tịnh Niết Bàn.

Đây là tính nhân bản trong đạo Phật, rất đặc biệt. Tức là mỗi người phải tự làm việc với chính mình, mọi người phải tự giải quyết thân phận của chính mình, không nương cậy vào người khác. Người tu Phật nếu chưa có tính cách này ở nơi lòng của mình thì người đó khó thoát khỏi Tam giới. Nơi lòng mà còn nương tựa một chỗ nào để đi thì coi chừng chỗ nương tựa đó không bền chắc đâu, và có ngày chúng ta phải sụp đổ với cái chỗ đang nương đó.

Đức Phật cũng không cho chúng ta nương tựa Ngài, Đức Phật chỉ thuần là người dẫn đường mà thôi. Đức Phật hướng dẫn làm sao để chúng ta làm đúng lời Phật. Một phen chúng ta làm đúng là chúng ta xong việc của mình, chúng ta được an ổn, chúng ta được lợi lạc, chúng ta được giải thoát, chứ không phải Đức Phật nắm tay kéo chúng ta lên. Đức Phật không bao giờ làm chuyện đó. Đức Phật khẳng định không làm mặc dù có sức lực. Nếu Đức Phật làm điều đó thì phá vỡ chân lý của trần gian này.

Vì bây giờ mình tự tạo nghiệp ác rồi, đã từng tạo quá nhiều nhân quả rồi, buộc mình phải giải quyết nhân quả của mình đã tạo. Khi hết nghiệp của mình tại trần gian này thì chúng ta mới được an lạc giải thoát.

VĂN KINH

Xá Lợi Phất! Như ông Trưởng giả kia dầu thân và tay có sức mạnh mà chẳng dùng đó, chỉ ân cần phương tiện gắng cứu các con thoát nạn nhà lửa, rồi sau đều cho xe trâu báu lớn.

Đức Như Lai cũng lại như thế, dầu có trí lực cùng sức vô úy mà chẳng dùng đến, chỉ dùng trí tuệ phương tiện nơi nhà lửa Tam giới cứu vớt chúng sanh, vì chúng sanh nói ba thừa Thanh Văn, Duyên Giác cùng Phật thừa mà bảo rằng: Các người không nên ưa ở trong nhà lửa Tam giới, chứ có ham mê các món sắc, thanh, hương, vị, xúc thô hèn, nếu tham mê ấy sanh ái nhiễm thì sẽ bị nó đốt; các người mau ra khỏi ba cõi sẽ được chúng ba thừa: Thanh Văn, Duyên Giác và Phật thừa.

Nay Ta vì các người mà bảo nhiệm việc đó quyết không dôi vạy. Các người chỉ nên siêng năng tinh tấn tu hành. Đức Như Lai dùng phương tiện ấy để dụ dẫn chúng sanh thẳng đến, lại bảo: Các người nên biết rằng Pháp ba thừa đó đều là Pháp của các đấng Thánh khen ngợi, là Pháp tự tại không bị ràng buộc không còn phải nương gá tìm cầu, ngồi trong ba thừa này dùng các món căn, lực, giác chi, Thánh đạo, thiên định vô lậu cùng giải thoát Tam muội v.v... để tự vui sướng, được vô lượng sự an ổn khoái lạc.

Đức Phật khẳng định lại là Đức Phật có đủ trí lực cùng sức vô úy mà chẳng dùng đến, chỉ dùng trí tuệ phương tiện nơi nhà lửa Tam giới cứu vớt chúng sanh. Đức Phật vì chúng sanh mà nói ba thừa: Thanh Văn, Duyên Giác cùng Phật thừa. Mặc dù loại bỏ Thanh Văn thừa, loại bỏ Duyên Giác thừa để đạt đến Phật thừa, đó là điều các Thánh khen ngợi, là những Pháp tự tại không bị ràng buộc trong Tam giới này, chứ không phải thấp thỏi như chúng ta nghĩ.

Thường chúng ta có quan niệm học Kinh điển Đại thừa là tuyệt vời rồi, cho nên Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa đối với chúng ta không quan trọng. Không phải như vậy. Tu Thanh Văn hoặc Duyên Giác họ cũng vượt thoát khỏi Tam giới và công phu để tu đạt Tứ thiên, Bát định cho đến đạt được Diệt Thọ Tướng Định là đáng để chúng ta cung kính đánh lễ rồi.

Các vị đã tu đạt được Diệt Tận Định để chứng quả A La Hán, những vị đó theo trong Kinh điển tả là xứng đáng được Trời Người cung kính cúng dường. Công hạnh tu hành của các vị rất cao, rất sâu mầu. Đây là chuyện các Thánh khen ngợi, là Pháp tự tại không bị ràng buộc,

không còn phải nương gá tìm cầu, ngồi trong ba thừa này dùng các món Căn, Lực, Giác Chi v.v... là Ba mươi bảy phẩm trợ đạo, Thánh đạo, thiền định Vô lậu, cùng giải thoát Tam Muội, để tu tập được thoát khỏi cái khổ trong Tam giới. Mặc dù các vị chưa chứng quả vị Phật, nhưng các vị đó không bao giờ bị khổ nữa.

Còn chúng ta mặc dù có hiểu Giáo lý Đại thừa nhưng chúng ta vẫn bị khổ, nên chúng ta không thể so sánh được với các vị kia. Đừng nghĩ mình học Thiền, mình ngộ Tánh, mình nhận được lý Đại thừa mình hơn vị tu Thanh Văn thừa. Chúng ta bị lẫn quẩn trong Tam giới này, trí tuệ chúng ta làm sao bằng một vị chứng quả A La Hán. Vì vị chứng A La Hán họ đã dứt hết lậu hoặc trong Tam giới này, chúng ta vẫn còn lợn cợn trong tâm thì chúng ta không được quyền chê trách vì chúng ta chưa bằng các vị.

Với những vị tu chân chánh đúng với Giáo lý Đại thừa, các vị tu hành rất nghiêm mật, các vị đạt được những tầng bậc thiền định, các vị an trú trong cảnh giới an lạc đó. Mình chưa đạt được quả vị A La Hán, cũng như chưa đạt được các định như các vị Bồ Tát, nên đừng có chút ý niệm xem thường các vị tu theo Thanh Văn.

Khi nào chúng ta nhận được Tri Kiến Phật rồi, chúng ta an trú trong Tự Tánh thật sự, trí tuệ chúng ta vượt hơn các vị, trí tuệ chúng ta vượt thoát Tam giới, đầy đủ phương tiện để độ chúng sanh khi đó chúng ta khéo léo khuyến khích dìu dẫn các vị hành hạnh Bồ Tát độ tận chúng sanh đến ơn chư Phật.

Đức Phật chê Thanh Văn, Duyên Giác, nhưng Đức Phật dẫn dắt tới Phật thừa chứ không phải Đức Phật chê để bỏ. Chê không phải để bỏ, chê để cho họ chán, họ

thấy chỗ đó không giá trị bằng chỗ Đức Phật muốn họ hướng đến quả vị Phật. Đối với đạo Phật không có chỗ nào chê trách cả.

Nếu nói về công phu là chúng ta đã từng công phu rồi. Tất cả chúng ta đã tu không biết bao nhiêu ngàn kiếp rồi, bây giờ chúng ta mới quay lại được con đường Chánh Pháp, tức là chúng ta đi đúng con đường Phật đạo. Cũng chưa hẳn một số người ngồi đây là đi đúng con đường Phật đạo đâu, nhưng chúng ta được duyên lành nghe Chánh Pháp của Đức Như Lai nói thì chúng ta đã rũ bỏ một số việc mà chúng ta ham muốn ngoài đời nhiều rồi. Như vậy lần lần chúng ta sẽ rớt vào Chánh vị.

Đối với Phật Pháp chúng ta là người đã nhận rõ được Tự Tánh của mình. Từ đó chỉ còn con đường duy nhất để thành Phật mà thôi, không còn con đường khác để chúng ta đi. Không còn con đường nào để thoát khỏi thân phận chúng sanh, ngoài con đường Phật Tri Kiến. Khi chúng ta đi đúng con đường đó, biết rằng chúng ta đã bước vào đạo lộ của Chánh Pháp. Cuộc đời còn lại của mình chỉ còn một việc duy nhất là sống cho được với Tri Kiến Phật, để sạch tất cả những nghiệp tập khổ đau trong sanh tử, hòa nhập trong cảnh giới Như Lai. Lúc đó chúng ta mới đủ phương tiện dẫn dắt chúng sanh đến giác ngộ giải thoát.

Ở đây cũng vậy, Đức Phật đưa ra Phật thừa cao hơn Thanh Văn thừa, cao hơn Duyên Giác thừa thì mọi người đều muốn bước lên. Đó là phương tiện khéo léo của Đức Phật.

VĂN KINH

Xá Lợi Phất! Nếu có chúng sanh nào bề trong có trí tánh, theo Đức Phật Thế Tôn nghe Pháp tin nhận, ân cần tinh tấn, muốn chóng ra khỏi ba cõi tự cầu chứng Niết Bàn, gọi đó là Thanh Văn thừa, như các người con kia vì cầu xe dê mà ra khỏi nhà lửa.

Nếu có chúng sanh nào theo Đức Thế Tôn nghe Pháp, tin nhận, rồi ân cần tinh tấn, cầu trí tuệ tự nhiên ưa thích riêng lẻ vắng lặng, sâu rõ nhân duyên của các pháp, gọi đó là Duyên Giác thừa, như các người con kia vì cầu xe hươu mà ra khỏi nhà lửa.

Nếu có chúng sanh nào theo Đức Phật Thế Tôn nghe Pháp tin nhận, siêng tu tinh tấn cầu Nhất thiết trí, Phật trí, Tự nhiên trí, Vô sư trí, các món Tri Kiến lực, Vô Úy của Như Lai, có lòng thương xót làm an vui cho vô lượng chúng sanh, lợi ích Trời, Người, độ thoát tất cả, hạng đó gọi là Đại thừa, Bồ Tát vì cầu được thừa này thì gọi là Ma ha tát, như các người con kia cầu xe trâu mà ra khỏi nhà lửa.

Đức Phật giảng ba xe: Xe dê, xe hươu và xe trâu. Người nào tu để chứng quả A La Hán thì người đó gọi là cầu xe dê. Người nào chứng quả Bích Chi Phật thì gọi là cầu xe hươu. Còn người nào trong tâm muốn có Nhất thiết trí, Phật trí, Tự nhiên trí, Vô sư trí, các món Tri kiến lực, Vô úy của Như Lai, hạng đó gọi là Đại thừa Bồ Tát thì cầu xe trâu mà ra khỏi nhà lửa. Người tâm lượng Đại thừa thật sự lớn, là không phải độ cho loài người mà độ cả loài trời, cho tất cả chúng sanh, người đó là Bồ Tát lớn, gọi là Ma Ha Tát.

VĂN KINH

Xá Lợi Phất! Như ông Trưởng giả kia thấy các con được an ổn ra khỏi nhà lửa đến chỗ vô úy, ông tự nghĩ, Ta của giàu vô lượng, nên bình đẳng đem xe lớn đồng cho các con. Đức Như Lai cũng lại như thế, là cha của tất cả chúng sanh, nếu thấy có vô lượng nghìn ức chúng sanh do cửa Phật giáo mà thoát khỏi khổ, đường hiểm đáng sợ của ba cõi được sự vui Niết Bàn.

Bấy giờ, Đức Như Lai bèn nghĩ: Ta có vô lượng vô biên trí tuệ, lực, vô úy v.v... Tạng Pháp của các Đức Phật, các chúng sanh này đều là con của Ta đồng ban cho Pháp Đại thừa, chẳng để có người được diệt độ riêng, đều đem Pháp diệt độ của Như Lai mà cho chúng sanh nó diệt độ.

Những chúng sanh đã thoát khỏi ba cõi đó, Phật đều cho món vui thiên định, giải thoát v.v... của các Đức Phật, các món đó đều là một tướng, một thứ mà các đấng Thánh khen ngợi, hay sanh ra sự vui sạch màu bạc nhất.

Đức Phật lập lại ý trước, khẳng định những người đã thoát khỏi ba cõi rồi thì được món vui Thiên định, giải thoát, của các Đức Phật, các món đó đều là một tướng, một thứ mà các đấng Thánh khen ngợi, hay sanh ra sự vui sạch màu bạc nhất. Tức là khi một người tu tập thoát khỏi Tam giới thì những hạnh phúc của họ là sự vui mà không có gì so sánh được.

VĂN KINH

Xá Lợi Phất! Như ông Trưởng giả ban đầu dùng ba thứ xe dụ dẫn các con, sau rồi chỉ ban cho xe lớn vật báu trang nghiêm an ổn thứ nhất, song ông Trưởng

giả kia không có lỗi hư dối. Đức Như Lai cũng như thế, không có hư dối, ban đầu nói ba thừa dẫn dắt chúng sanh sau rồi chỉ dùng Đại thừa mà độ giải thoát đó.

Vì sao? Như Lai có vô lượng Tạng Pháp trí tuệ, lực, vô sở úy, có thể ban Pháp Đại thừa cho tất cả chúng sanh, chỉ vì chúng sanh không thọ được hết.

Xá Lợi Phất! Vì nhân duyên đó nên phải biết các Đức Như Lai dùng sức phương tiện ở nơi một Phật thừa phân biệt nói thành ba.

Đức Phật lặp lại ý trước. Dù sao chúng ta cũng phải hiểu một điều, đối với đạo Phật trước khi nói Kinh Pháp Hoa thì Đức Phật dẫn dắt các vị đi từ chúng sanh phàm phu dụng công để chứng quả A La Hán. Hoặc nói lý Nhân Duyên để tất cả mọi người chứng quả Bích Chi Phật. Đến khi đủ trí tuệ rồi thì các vị học Đại thừa.

Các vị đã vượt thoát Tam giới, ra đến ngã tư đường ở chỗ mảnh đất an ổn rồi, tức là đã chứng quả A La Hán, đã chứng quả Bích Chi Phật, Đức Phật mới cho xe trâu. Nếu Đức Phật nói Đại thừa, nói Tri Kiến Phật, nói Trí lực, nói Thiên định giải thoát, nói Vô úy lực v.v... chúng ta không đủ sức tiếp nhận hết nếu không đủ sức tiếp nhận thì chúng ta sẽ sanh tâm nhầm chán, hoặc hiểu sai lệch sẽ ảnh hưởng việc giác ngộ giải thoát của mình.

Do đó, Đức Phật phương tiện như vậy. Lúc ấy các vị tu tập theo phương tiện của Đức Phật, các vị không làm, các vị vẫn đi đúng, vẫn làm đúng Chánh Pháp, vẫn thực hành đúng lời Phật dạy, và các vị đã chứng quả vị rồi mới được học Kinh điển Đại thừa.

Còn chúng ta là phàm phu có phước duyên được học và hiểu Giáo lý Đại thừa thì chúng ta không nên có ý niệm xem thường thiên hạ. Người nào trong tâm còn thấy sự thiên lệch thì biết rằng mình chưa hiểu đúng Kinh điển Đại thừa. Ngày nào mình còn chê Giáo lý Nguyên thủy thì biết rằng mình chưa nhận được sự bình đẳng.

VĂN KINH

Đức Phật muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

**Thí như ông Trưởng giả
Có một căn nhà lớn
Nhà đó đã lâu cũ
Mà lại rất xấu xa,
Phòng nhà vừa cao nguy
Góc cột lại gãy mục
Trính xiêng đều xiêu vẹo
Nền móng đã nát rã,
Vách phen đều sụp đổ
Đất bùn rơi rớt xuống,
Tranh lợp sa tán loạn
Kèo đòn sai rời khớp,
Bốn bề đều cong vạy
Khắp đầy những tạp nhơ,
Có đến năm trăm người
Ở đổ nơi trong đó.**

Trong Kinh điển tả căn nhà lửa, chúng ta thấy thật là dễ sợ. Nào là quý, nào là rắn rít, côn trùng đủ thứ. Nhưng chúng ta đang học phẩm Thí Dụ thì tất cả những ngôn ngữ là ẩn dụ, không thật, không phải chỉ cái này là nói cái này, mà là biểu tượng thí dụ.

*Thí như ông Trưởng giả
 Có một căn nhà lớn
 Nhà đó đã lâu cũ
 Mà lại rất xấu xa.*

Ngôi nhà đã cũ, là ngôi nhà ngũ âm của chúng ta gồm có Sắc âm, Thọ âm, Tưởng âm, Hành âm, Thức âm. Cái thân của chúng ta đang sờ mó được là thân Sắc âm. Rồi cái cảm nhận buồn, cảm nhận vui được nơi chúng ta là Thọ âm. Tưởng âm là những ý tưởng xảy ra nơi đầu chúng ta. Và Hành âm là cái sanh ra năng lực ý chí của chúng ta.

Ví dụ, chúng ta ngồi thiền năm phút cảm thấy đau, nhưng chúng ta quyết định ngồi ba mươi phút thì năng lực của hành âm giữ chúng ta ngồi suốt ba mươi phút. Hành là cái vận hành miên man sâu tận trong tâm thức của chúng ta, để nó tạo ra tất cả những việc trong cuộc sống này. Cái tướng là cái thô phù bên ngoài mà chúng ta có thể thấy được. Trong một triệu cái hành thì có thể có một cái tướng hiện lên. Những tướng lộ ra là cái tướng thô phù ít ỏi. Còn ở dưới là cái hành cuộn cuộn như dòng thác đang đổ.

Do đó mình nghĩ ngàn chuyện thì ý tưởng nó phát ra một. Cho nên, có nhiều khi công phu, chúng ta nghĩ là mình diệt được tướng kia, nhưng chỉ là những thô phù nhỏ thôi. Những tảng băng trôi ở Bắc băng dương, chúng ta chỉ nhìn thấy nó nổi lên mặt nước một phần triệu, còn chìm dưới nước là nguyên tảng băng lớn, thì những cái nổi lên ví như tướng của chúng ta, còn phần chìm là cái vận hành để hình thành cuộc sống này.

Thức là cái tri. Ví dụ, mắt chúng ta thấy điều gì, tai chúng ta nghe điều gì thì chính cái hay biết ban đầu nhận

biết trần cảnh qua mắt, qua tai, qua mũi, qua thân, qua ý đó là thức. Chỗ này chưa đến sự phân biệt đầu. Nguyên văn trong Kinh Tứ Niệm Xứ, “*thức là tri*”. Tri có nghĩa là sự rõ biết ở lục căn chúng ta.

Chúng ta phải hiểu rằng cái hay biết chưa sanh cái gì, đó chính là Thức. Đừng nghĩ Thức là sự phân biệt hiểu biết. Thức chỉ là tri thôi, sau đó mới sanh ra cái hành và cái tướng. Vì vậy Thức là cái chỗ rất yên ổn và rõ biết tất cả mọi cái qua lục căn.

Cái nghe không phân biệt, cái thấy không phân biệt trên lục căn chưa phải là Tánh. Bằng lỗ tai để nghe, bằng con mắt để mà thấy, bằng lục căn để tiếp nhận lục trần mà thanh tịnh, đó không phải là Tánh, nó mới đến tầng của thức mà thôi. Do đó, những người “ngộ ngang đây” thì tập khí còn nguyên. Ai nhận ngang đây là Tánh thì vẫn còn nguyên như chúng sanh. Nhận đến thức chưa vượt qua tầng ý thức. Mà chưa vượt qua tầng ý thức thì nghiệp thức chúng ta chưa sạch, chưa có một lần ngũ uẩn giai không, còn trong thân căn ngũ uẩn để hay biết mọi cái là chưa nhận Tánh.

“*Phòng nhà vừa cao nguy*”: Là thân Sắc âm của chúng ta. Đối với chúng ta thân mình là quan trọng, là hơn hết không có gì bằng. Hành âm là trụ cột dựng nên ngã chấp của chúng ta, là những cái chống đỡ để dựng lập thân ngũ uẩn này. Trính xiêng là dụ cho Thọ âm. Những cây xiêng, cây kèo là phần phụ, là những cảm nhận thô phù bên ngoài. Nền móng là dụ cho mạng căn của chúng ta. Vách tường là Tưởng âm.

Chúng ta tưởng điều này, điều kia, thì cái Tưởng đó làm cho cái hiểu biết chúng ta bị khu biệt ở chừng hạn nào đó, mà không ai có thể thay đổi được.

Ví dụ mình thấy bông cúc màu vàng, mình chấp màu vàng đó, mai kia có ai nói bông cúc màu xanh là mình cãi liền. Tại một lần chúng ta chấp nhận bông cúc màu vàng thì tự trong tư tưởng chúng ta nó khu biệt điều đó, ai nói khác chúng ta cãi lại. Đó là tường vách khu biệt tư tưởng, khu biệt những kiến thức chúng ta gom lại ở chùng hạn nào đó thôi.

*Vách phen đều sụp đổ
Đất bùn rơi rớt xuống
Tranh lộn sa tán loạn
Kèo đòn tay rời khớp*

Trước khi chúng ta thoát ra khỏi thân này thì thân chúng ta là duy nhất, ai đụng đến thì không được. Tất cả những hiểu biết của chúng ta là số một, không ai hiểu bằng mình. Do đó, những kiến thức của chúng ta, những cái chúng ta học hỏi được giữa trần gian này, những sở hữu thuộc về ta nó trở thành hết sức quan trọng. Ở đây diễn tả ngôi nhà của vị Trưởng giả, thân Sắc ấm cũ mục, Tướng ấm chuẩn bị sập, Hành ấm cũng tiêu tan.

VĂN KINH

**Chim xi, hiêu, diêu, thúu,
Quạ, chim thước, cưu, cấp
Loài ngươn xà, phúc yết**

Diễn tả tham tâm của chúng ta, có lúc mình nghĩ muốn làm ông này, bà nọ. Có nhiều khi cơm ngày ăn hai bữa thôi, nhưng nhiều khi mình nghĩ mình có thể đi lên cung trăng hay bay qua cõi nào khác. Ý tưởng chúng ta bay bổng như loài chim bay từ chỗ này đến chỗ nọ. Tức là tham tâm của chúng ta không chịu dừng một chỗ, mà chúng ta tham đắm chỗ nọ, chỗ kia, ý nghĩ của chúng ta

bay bổng, như loài chim bay không dừng trụ một chỗ nào.

VĂN KINH

**Giống ngô công, do diên,
Loài thủ cung, bá túc
Dứu, ly cùng hề thử**

Diễn tả sâu tâm của chúng ta. Những loài thủ cung là loài côn trùng, mà ngày xưa thường ở các cung đình hay tuyển các thiếu nữ vào cung, lấy loại côn trùng này cắt lấy máu của nó nhiều lên da của người nữ để kiểm tra người đó còn nguyên trinh hay không, gọi là thủ cung bá túc.

Khi tâm chúng ta sân hận bùng bốc thì nó biến thành những loài thú độc. Một người giận lên gương mặt họ trở nên hung tợn. Nếu ngay trước mắt không đủ sức giết người đó thì họ tìm cách để họ giết, hoặc họ cho uống thuốc độc. Tâm luôn lách đó giống như loài thú độc.

Ngài Lục Tổ Huệ Năng diễn tả tâm trạng đó như sau:

*Tự Tánh mê là chúng sanh
Tự Tánh giác là Phật
Tì bi là Quán Thế Âm
Bình đẳng là Đại Thế Chí
Thanh tịnh là Đức Thích Ca
Bình trực là Phật Di Đà
Nhân ngã là núi Tu Di
Tà tâm là hiểm độc
Phiền não là sóng mòi
Độc hại là Rong dũ
Hư vọng là Quỷ thần
Trần lao là rùa trạnh*

*Tham sân là Địa ngục
Ngu si là Súc sanh*

Nếu như chúng ta hành mười điều thiện thì thiên đường hiện ra với chúng ta. Chúng ta đốn ngã chấp thì núi Tu Di sụp đổ. Tu hết tà tâm thì hiểm độc nó hết. Hết tham sân si thì rùa trạnh không còn. Tất cả những điều đó đều hiện ra nơi tâm chúng ta, là những cái độc hại của mười tập nhân đau khổ: Tham, sân, si, mạn, nghi, thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, tà kiến.

Một người học đạo bình thường, khi hiểu biết đạo lý thì thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, tà kiến dễ dứt trừ hơn tham, sân, si, mạn, nghi. Khi một người dứt trừ được mười tập nhân đau khổ này thì chứng quả Niết Bàn.

VĂN KINH

**Các giống độc trùng dữ
Ngang dọc xen ruồi chạy,
Chỗ phân giải hôi thối.
Đồ bất tịnh chảy tràn**

Diễn tả cái si mê của chúng ta. Ngôi nhà ngũ uẩn của chúng ta đang sụp đổ thì độc trùng bắt đầu hiện ra. Có nghĩa một người mà tâm chưa giải thoát hoàn toàn thì những độc địa, tham sân, phiền hận, xấu xa như nhớp nó vẫn còn nguyên trong tâm chúng ta chưa giải quyết được, khiến chúng ta còn lặn hụp trong bọt nhơ của phiền não.

VĂN KINH

**Các loài trùng khương lương
Bu nhóm ở trên đó,
Cáo, sói cùng dã can
Liếm nhai và dày đập**

Cắn xé những thân chết

Diễn tả cái thấy biết thân kiến của chính mình. Những loài trùng lựa những chỗ đen tối như nhóp nó mới chui vào, chỗ sạch nó không bao giờ hiện ra. Đối với người tà tâm, tạp niệm, tà kiến thì họ đi vào con đường hiểm, con đường tăm tối chứ họ không có hướng sáng để đi. Diễn tả chỗ đó phân giải hôi thối, thân chết v.v... Họ liếm nhai, chà đạp thân chết.

Thân chết là ý nói chúng ta học hỏi điều gì thì chúng ta ôn đi ôn lại điều đó hoài nơi đầu của mình. Tổ sư nói: “*Chúng ta là con quỷ giữ mô xưa*”. Là những cái qua rồi, tức là những thân chết, nhưng chúng ta ôm ấp, bám chấp. Mà con người ai thoát khỏi điều đó đâu? Lúc ta suy nghĩ là nghĩ chuyện hôm qua, hôm kia. Càng lớn tuổi chừng nào thì chúng ta càng có nhiều chuyện xưa chừng đó. Mà càng nghĩ chuyện xưa tức là chúng ta càng nghĩ lại những cái đã chết, đã qua rồi.

Ở đây dùng từ “*cắn xé những thân chết*”. Tức là chuyện cũ rồi ôn đi ôn lại, nhai đi nhai lại lấy cái đó làm niềm vui hoặc nổi khổ cho chính mình. Chúng ta bám chấp, nhồi đi nhồi lại để mình nhai mình nuốt mình cảm thấy vui, đó là người đang lạc trong tăm tối. Gọi là biên kiến và tà kiến.

VĂN KINH

**Ôm đói và sợ sệt
Nơi nơi tìm món ăn
Giành giựt cầu xé nhau
Gầm gừ gào sủa rân,
Nhà đó sợ đáng sợ
Những biển trạng đường ấy.**

Diễn tả người luôn luôn không có Pháp vị. Có nghĩa trong cuộc sống họ không bao giờ thấy đủ. Cũng diễn tả sự ô nhiễm của loài chó. Người ta nuôi chó cho ăn cơm, thật ra chẳng có gì là của nó cả, nhưng nó giữ, ai đến nhà nó sủa. Cái nghiệp đó là do nhiều đời chấp thủ, nhiều đời giữ của không buông ra được, cho nên bây giờ sanh ra nó giữ của cho người khác.

Họ bảo thủ không bao giờ cảm thấy đủ, muốn có thêm, có bao nhiêu thì gìn giữ bấy nhiêu. Người ta có chết đói, có thiếu gạo thiếu cơm ăn mình vẫn bảo thủ, ai chết kệ ai. Chính tâm bảo thủ đó nó sanh ra tư tưởng bảo thủ, luôn luôn cảm thấy đói không bao giờ cảm thấy no.

Có những người vẫn còn thiếu thốn vật chất trong đời sống mà vẫn sợ hãi và bảo thủ, sợ bị mất, sợ bị cướp giật, sợ thiếu thốn trong tâm thức. Người chưa giác ngộ giải thoát thì sợ hãi và bảo thủ còn nguyên, không bao giờ dừng nghĩ cho nên khổ đau sanh tử vẫn tiếp nối triền miên.

VĂN KINH

Khắp chỗ đều có những
 Quỷ, ly, mị, vọng, lượng
 Quỷ Dạ xoa quỷ dữ
 Nuốt ăn cả thịt người,
 Các loài trùng độc dữ
 Những cầm thú hung ác
 Ấp, cho bú sản sanh
 Đều tự giấu gìn giữ
 Quỷ Dạ xoa đua đến
 Giành bắt mà ăn đó,
 Ăn đó no nê rồi
 Lòng hung dữ thêm hăng

Tiếng chúng đánh cãi nhau Thật rất đáng lo sợ.

Cuộc sống này có qua có lại với nhau. Người ta đối xử ác với mình tự nhiên tâm ác mình cũng nổi lên. Người nào có thể lực mạnh, uy hiếp được người kia. Người không có thể lực cũng khởi niệm ác lên muốn trả thù, nhưng rồi bị người có thể lực hơn đè bẹp. Những chuyện này trong cuộc sống thường thấy.

Mình ôm ấp tâm xấu, muốn gìn giữ tâm xấu để mình phục hận, nhưng bị loài quỷ Dạ xoa đưa đến giành bắt ăn. Có nghĩa người dữ hơn sẽ đè bẹp được tâm ác của mình, chà đạp cuộc sống của mình. Hai bên hơn thua và người này hơn được người khác một lần, hủy diệt người khác bằng sức mạnh, bằng vũ khí thì lòng ác họ tăng trưởng cho nên lòng hung dữ thêm hăng.

Người làm ác được một lần thì mầm mống ác bắt đầu nảy sinh. Ví dụ như xe hơi muốn thắng lại dễ, nhưng tàu lửa chạy muốn thắng là phải rà thắng trước đó rất lâu thì tàu mới dừng lại vì cái trớn nó mạnh. Khi chúng ta tạo một điều ác, rồi hai điều ác, rồi ba điều ác, từ từ cái ác nó trở thành cái nghiệp cuốn chúng ta chạy giống như chiếc tàu muốn dừng lại rất khó. Do đó phải đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Khi ở trong cõi giới đó mới thấy khổ sở, mới có ý niệm thoát ra, lúc đó đã quá muộn rồi.

Người này uy hiếp người kia để giết chóc, hoặc lần hiếp người khác bằng tâm địa độc ác của mình. Còn có người chuyên chế ra các loại vũ khí giết người. Bữa nay chế loại này giết ít, ngày mai chế loại khác, ngày kia chế loại khác, làm thế nào đó bấm nút là phải chết hàng triệu người họ mới chịu. Nếu là tâm người thì không bao giờ

ché ra những loại đó. Đó là tâm tương đương quý dữ Dạ xoa.

Đối với người có tâm hiền thiện thì khi chúng ta làm khổ người khác, lúc ấy mình nghe khó chịu nơi lòng, giết một con vật thôi đã nghe áy náy. Nhưng có kẻ giết rất nhiều người họ cảm thấy vui, còn không giết người nào họ cảm thấy buồn. Tâm đó là tâm độc hại, là quý dữ, càng giết người thì càng hăng.

VĂN KINH

**Những quý Cưu bàn trà
Ngồi xồm trên đồng đất
Hoặc có lúc hồng đất
Một thước hay hai thước
Qua rồi lại, dạo đi
Buông lung chơi cùng giỡn
Năm hai chân của chó
Đánh cho la thất thanh
Lấy chân đạp trên cổ
Khủng bố chó để vui.**

Do chúng ta huân tập xấu mà nó trở thành tà tâm, như loài quý Cưu bàn trà. Hoặc có những tư tưởng hệ thống nào đó khiến chúng ta không đi vào con đường Chánh Pháp được thì chúng ta rớt vào con đường tà, dùng cái bảo thủ của người hay để chà đạp cái bảo thủ của người dở. Người có tư kiến hơn dùng tư kiến của mình để uy hiếp người khác, tranh giành chà đạp người kia để mình cảm thấy vui.

Có nghĩa những Giáo lý của ngoại đạo làm cho những người tu tập vượt thoát cõi Người của chúng ta, tức là hồng đất. Họ có thể về cõi Trời Dục giới, dùng năng lực họ khủng bố trở lại loài người, nghĩa là khủng bố chó để

làm vui. Họ cảm thấy sự bước ra của họ là giỏi là hay, cho nên họ quay lại khùng bố chà đạp loài người. Họ dùng kiến thức công phu tu tập của họ uy hiếp lại người thiếu công phu. Nhưng dù họ có vượt lên được cõi Trời thì họ vẫn phải đi lẩn quẩn trong Tam giới này, chứ họ không vượt ra được để giác ngộ giải thoát. Dù họ “*qua rồi lại đạo đi*”, họ đi như thế này thế kia, buông lung chơi giỡn ngoài cõi Người, nhưng họ vẫn không thoát được Tam giới, họ vẫn còn phải bị sanh tử luân hồi.

VĂN KINH

Lại có các giống quý

Thân nó rất cao lớn

Trần truồng thân đen xấu

Thường ở luôn trong đó

Rèn tiếng hung ác lớn

Kêu la tìm món ăn

Các giống quý này gọi là thân kiến. Thân nó rất cao lớn. Có nghĩa khi người ta chấp ngã chừng nào thì chúng ta thấy mình to chừng ấy, cho nên xuất hiện ở nơi nào thì cũng thấy chướng ngại, khó khổ, cản trở, không lưu thông nhẹ nhàng vì tâm chấp ngã lớn cho nên không lúc nào họ thỏa mãn bản ngã của mình.

“*Trần truồng thân đen xấu*”: Có nghĩa người đó không có tâm tầm quý, đi đâu cũng lộ bản ngã mình lớn ra. Những cái đó là cái xấu xa đen đui, không phải là cái tốt theo cái nhìn của Phật Pháp.

“*Thường ở luôn trong đó*”: Các ý tưởng đó chúng ta không thoát ra được. Cái đầu chúng ta luôn nghĩ mình là nhân vật quan trọng, là người lớn. Tất cả những ý nghĩ tự

đề cao mình làm cho bản thân ràng buộc không thoát ra được.

*Rèn tiếng hung ác lớn
Kêu la tìm món ăn*

Người chấp ngã nặng thì lúc nào họ cũng thấy mình thiếu thốn. Thiếu cái gì đó để tô điểm bồi bổ thêm thân xác. Luôn luôn ăn bằng cách kêu la khùng bố người khác. Họ cảm thấy mình là người lớn phải đòi hỏi thế này thế kia, đến bữa cơm thiếu một chút thì la mắng người dưới và đòi hỏi đủ điều để thể hiện quyền uy và thế lực của mình.

VĂN KINH

**Lại có các giống quý
Cổ nó nhỏ bằng kim**

Đúng là người biên kiến cổ bằng cây kim. Ví dụ, người chấp thường thì cho thế gian này thường còn không bao giờ bị hư hoại, nếu người ta nói thế gian này vô thường họ không bao giờ chịu. Tức là họ không nuốt được kiến thức mới vào cổ họng của họ được. Khi một người có biên kiến thì họ không bao giờ chấp nhận lý thuyết nào khác, không bao giờ họ chịu hiểu thêm một điều gì nữa, họ chấp kiến thức của mình cho đến suốt đời. Họ thủ giữ cái thấy biết một bên, một chiều, một phía, họ thủ giữ cái thấy biết của mình không bao giờ thay đổi. Giống như loài quý cổ nó bằng cây kim không nuốt thêm được cái gì. Dù có học Phật Pháp nhưng không vô được, tại vì bản thân họ cho cái thấy của mình là đúng nên không chấp nhận chân lý giác ngộ giải thoát của đạo Phật.

VĂN KINH**Lại có các giống quỷ
Đầu nó như đầu trâu**

Con trâu có hai sừng. Hai sừng có nghĩa là những ý tưởng luôn luôn phân biệt hai bên hai phía. Mà ý tưởng hai bên đó nó không chịu để yên thiên hạ, nó móc người này, nó ngoéo người kia, nó cụng người nọ. Do đó người chấp thủ hai bên rồi thì không dễ gì phá vỡ họ được. Với người học Phật thì mới phá vỡ được tư kiến chấp thủ hai bên của họ. Nếu không thì họ không thương bên đây thì họ cũng thương bên kia, không ghét bên đây thì họ cũng ghét bên kia, họ không theo phe phái này thì cũng theo phe phái khác.

Người tu Thiên bảo thủ tông phái của mình đó là một lầm lỗi lớn, mà từ xưa đến giờ họ không thấy ra cái lỗi lầm lớn đó. Người tu Tịnh Độ thì cho mình tu Tịnh Độ là hay, nghĩ tông Tịnh Độ là cái gì đó cần gìn giữ bảo vệ, cho nên ai đụng đến tông Tịnh Độ là hơn thua đủ. Hoặc tu Thiên chia làm nhiều tông phái, mỗi tông có một cách, một lối giảng dạy riêng để giữ tông môn của mình, cho nên ai giảng giải đúng với tông sư đó thì chấp nhận với nhau, ai dụng công khác một chút là loại ra khỏi tông môn mình.

Đạo Phật có khi rớt vào con đường này, đây là con đường rất nguy hiểm. Giống như đầu trâu có hai sừng, là chúng ta chấp thủ bên thương và bên ghét, buồn người này, vui với người kia, thích chỗ này không thích chỗ kia. Chấp thủ như con trâu mang hai sừng thôi, không hơn không kém. Làm sao chúng ta tu là hết thương, hết ghét, hết thích, hết bỏ và chúng ta không bị vướng mắc

thì chúng ta mới rút được hai cái sừng trên đầu chúng ta ra.

Học Phật, Đức Phật cũng nói nặng lời để cho chúng ta gãy đi cái sừng đang mọc trên đầu. Nếu Đức Phật không ra roi nặng kiểu này thì đôi khi chúng ta không buông ra được cái chấp thủ hai bên của mình.

Ví dụ, ngồi đây có âm thanh phát ra chúng ta cùng nghe một lượt. Có một hình sắc trước mắt chúng ta đồng thấy, có cái nóng, có cái lạnh ở đây chúng ta đồng thời chịu chung với nhau. Rồi chúng ta đang hít thở chung dòng khí này. Người nào vừa có một chút ý tưởng tách ra khỏi dòng chung của sự sống thì người đó bắt đầu cắm sừng trên đầu mình.

Do đó chúng ta phải phá vỡ hết con người riêng, chúng ta trở về nguồn cội chung đó, từ khởi điểm ban đầu chúng ta có cái chung, đồng có cái thấy biết chung, không ai hơn ai trong cái thấy biết này, nhưng rồi chúng ta không giữ vững được cái thấy biết chung nhất nên mới phát sinh cái thấy riêng rẽ vì vậy mỗi người có cái nhìn và cái hiểu khác nhau trong đời sống chung nhất.

Do các sở kiến, sở hành, do sự học hiểu, do sự huân tập mà chúng ta tự chia mình ra khỏi dòng sống này. Làm sao tất cả chúng ta học đạo là để phá đi tất cả những ranh giới của người với người. Làm sao hết đi những tông phái, trong đó không có Thiên tông, không có Tịnh Độ tông, thậm chí không có cả tôn giáo Phật hay Chúa gì cả. Vì người nào ở đây cũng hít thở như chúng ta. Người đạo Phật và người đạo Chúa có ngồi chung ở đây thì nóng lạnh cũng đồng hưởng với nhau, không khác. Xảy ra chuyện vừa ý chúng ta cũng thích, xảy ra chuyện nghịch chúng ta cũng buồn, nó giống nhau hết.

Nếu tất cả những sở hành, sở đắc của chúng ta có một cái gì riêng tư, rời cái dòng sống thật là mình tự tách rời, là tự chúng ta chia chẻ mình ra khỏi dòng sống thôi. Tự mình cấm sừng lấy chính mình, rồi tự mình làm đau khổ mình và làm đau khổ người khác chứ không có lợi.

VĂN KINH

**Hoặc là ăn thịt người
Hoặc là ăn thịt chó**

Khi người đã có cái riêng của mình, có tông phái riêng của mình thì phải phá tông phái người khác. Do đó, đa số người có tư kiến riêng, người chấp thủ hai bên thì nhân tố làm người bị mất, cho nên gọi là ăn thịt người. Có nghĩa họ phá vỡ con đường làm người sắp tới. Người nào làm khác mình thì không chấp nhận, người nào không theo đạo mình thì tàn sát họ. Thì họ không đủ tư cách đời sau làm người nữa.

VĂN KINH

**Đầu tóc rối tung lên
Rất ác lại hung hiểm,
Bị đói khát bức ngặt
Kêu la vừa rong chạy
Dạ xoa cùng quỷ đói
Các chim muông ác độc
Đói gấp rảo bốn bề
Rình xem các cửa sổ**

Những kẻ ác kẻ trên đầu óc họ không sông sẽ chút nào, tóc rối tung lên, không lúc nào trong đầu họ có một lúc được yên cả.

Các loại Dạ xoa, quỷ đói là những người có tà kiến. Không bao giờ họ dám đi cửa chính để vào, họ rình rập

đề họ học hỏi, họ núp lén nơi cửa sổ, đó là người tà tâm tạp niệm. Họ không bao giờ đường đường chánh chánh bước vào. Họ núp nơi cửa sổ lén chộm được một hai câu của người này, chộp được ý tưởng kia hay, bắt đầu đi khoe. Họ không chính thức được vào trường lớp nào để học. Họ không bao giờ học đúng Chánh Pháp, đó là người rớt vào tà kiến của ngoại đạo. Thời nay có rất nhiều đạo mới ra đời theo kiểu đó. Ngồi thì nói từ ngữ của Phật Pháp, tự xưng họ ngon hơn ông Phật, họ độ cả đạo Phật. Đó là loại không được xếp vào Chánh Pháp của Phật đạo.

VĂN KINH

Các nạn dường thế đầy

Vô lượng việc ghê sợ

Một người mà tâm còn tham, sân, si, mạn, nghi, thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, tà kiến thì người đó có tất cả những quỷ dữ, những ác độc, những côn trùng, những chấp trước xảy ra nơi lòng của họ.

Ở đây Đức Phật diễn tả một người chưa giác ngộ giải thoát thì trong tâm còn nguyên ác độc. Là quỷ dữ, là côn trùng, là rắn rít đụng đến là cắn là chích. Có lúc họ ma mị để hại người. Có lúc họ chính thức giết người v.v... Những tâm hung ác đó luôn có với người chưa dứt được mười tập nhân đau khổ. Mười tập nhân đau khổ là cái vốn có trong tâm tất cả chúng sanh. Cho nên Đức Phật diễn tả trong nhà lửa tồn tại đầy đủ những loài xấu ác đó.

VĂN KINH

Nhà cũ mục trên đó

Thuộc ở nơi một người

Người ấy vừa mới ra

**Thời gian chưa bao lâu
Rồi sau nhà cửa đổ
Bỗng nhiên lửa cháy đỏ
Đồng một lúc bốn bề
Ngọn lửa đều hùng hực,
Rường cột và trính xiêng
Tiếng tách nổ vang động
Nát gãy rơi rớt xuống
Vách phen đều lở ngã,
Các loại quỷ thần thấy
Đồng cất tiếng kêu to,
Các giống chim điêu, thú
Quỷ Cưu bàn trà thấy
Kinh sợ chạy sảng sót
Vẫn không tự ra được,
Thú dữ loài trùng độc
Chui núp trong lỗ hang**

Diễn tả tất cả những cái đó thuộc một nhà, cũng thuộc một người. Người đó là vị Trưởng giả vừa bước ra nhà đó thì bao nhiêu việc xảy ra. Chỗ này Đức Phật cũng dụ là Đức Phật đã giác ngộ giải thoát rồi, Ngài nhìn trong Tam giới này bao nhiêu chúng sanh đều có những thảm trạng dường ấy. Tức là ngôi nhà Tam giới này nhà cửa hư sụp, rách nát, bao nhiêu côn trùng nhỏ nhít đều bị thiêu đốt, những loài quỷ thì hơn thua cắn xé nhau lung tung trong đó.

VĂN KINH

**Các quỷ Tỳ xá xà
Cũng ở trong hang đó
Vì phước đức kém vậy
Bị lửa đến đốt bức
Lại tàn hại lẫn nhau**

**Uống máu ăn thịt nhau.
 Những loại thú dã can
 Thì đều đã chết trước
 Các giống thú dữ lớn
 Giành đua đến ăn nuốt.
 Khói tanh bay phùn phụt
 Phủ khắp bít bốn bề,
 Loài ngô công, do diên
 Cùng với rắn hung độc
 Bị lửa lòn đốt cháy
 Tranh nhau chạy khỏi hang
 Quỷ Bàn trà rình chờ
 Liền bắt lấy mà ăn.
 Lại có các ngựa quỷ
 Trên đầu lửa rực cháy
 Đói khát rất nóng khô
 Sảng sốt chạy quàng lên,
 Nhà lửa đỏ dường ấy
 Rất đáng nên ghê sợ
 Độc hại cùng tai lửa
 Các nạn chẳng phải một.**

Nhà lửa đỏ có các loài quỷ, có côn trùng, rắn rít, dã can, dã thú. Diễn tả trong Tam giới này có khi chúng ta sanh ra trong thời bình, chúng ta được sống trong gia đình ăn học đàng hoàng chúng ta ít có gặp hoàn cảnh bức ngặt. Nhưng chúng ta nhìn những nước nô lệ, có người bị người ta đem bán, hoặc đem xài con người còn hơn là xài một món vật, chúng ta mới thấy quỷ dữ nó sanh ra nơi lòng của người chủ.

Người ta hơn thua với nhau, người ta ăn thịt uống máu nhau từng ngày từng giờ. Chúng ta sống trong môi trường Phật Pháp chúng ta ít gặp, nhưng ở xã hội điều

này luôn luôn xảy ra. Con người luôn cư xử với nhau, xài nhau như con thú, khi nào vắt hết máu người ta họ bỏ không luyến tiếc, không chút thương hại. Đó là những cái độc địa, những cái xấu xa, những cái hung tợn mà tâm tư một con người không hiểu biết Chánh Pháp, không biết tu tập thì luôn luôn xảy ra điều đó.

VĂN KINH

Lúc bảy giờ chủ nhà
Đứng ở nơi ngoài cửa
Nghe có người mách rằng:
Các người con của ông
Trước đây vì dạo chơi
Mà đến vào nhà này
Thơ bé không hiểu biết
Chỉ vui ham ưa đấm.
Trưởng giả vừa nghe xong
Kinh sợ vào nhà lửa
Tìm phương nghi cứu tế
Cho con khỏi thiêu hại
Mà dụ bảo các con
Nói rõ các hoạn nạn:
Nào ác quỷ độc trùng
Hỏa tai lan tràn cháy
Các sự khổ thứ lớp
Nói luôn không hề dứt
Loài độc xà, ngươn phúc
Và các quỷ Dạ xoa
Cùng quỷ Cưu bàn trà
Những dã can, chồn, chó
Chim diều, thú xi, hiêu
Lại giống bá túc thảy
Đều đói khát khổ gấp

**Rất đáng phải ghê sợ
 Chỗ khổ nạn như thế
 Huống lại là lửa lớn.
 Các con nhỏ không hiểu
 Dầu có nghe Cha dạy
 Cứ vẫn còn ham ưa
 Vui chơi mãi không thôi**

Người chủ nhà là Đức Phật lúc đó đứng ngoài cửa nhìn lại Tam giới, nghe có người mách rằng các con của ông trước đây vì dạo chơi mà ở trong nhà này. Tức là thấy tất cả các loài chúng sanh đang lặn hụp trong nhà này bị lửa đốt cháy, nhưng không có đường để thoát ra. Đầu tiên, Đức Phật dẫn dụ cho rõ nhà lửa này là độc hại, dễ sợ, hung tợn không nên ở lâu trong này, nhưng chúng sanh không nghe, do đó Đức Phật bắt đầu phương tiện.

VĂN KINH

**Bấy giờ Trưởng giả kia
 Mới bèn nghĩ thế này:
 Các con như thế đó
 Làm Ta thêm sầu não
 Nay trong nhà lửa này
 Không một việc đáng vui
 Mà các con ngây dại
 Vẫn ham mê vui chơi
 Chẳng chịu nghe lời Ta
 Toan sẽ bị lửa hại.
 Ông bèn lại suy nghĩ
 Nên bày các phương tiện
 Bảo với các con rằng:
 Cha có rất nhiều thứ
 Các đồ chơi trân kỳ
 Những xe báu tốt đẹp**

Nào xe dê, xe hươu
Cùng với xe trâu lớn
Hiện để ở ngoài cửa
Các con mau ra đây
Cha chính vì các con
Mà sắm những xe này
Tùy ý các con thích
Có thể để dạo chơi.
Các con nghe cha nói
Các thứ xe như vậy
Tức thời cùng giành đua
Rảo chạy ra khỏi nhà
Đến nơi khoảng đất trống
Rời những sự khổ nạn
Trưởng giả thấy các con
Được ra khỏi nhà lửa
Ở nơi ngã tư đường
Đều ngồi tòa sư tử
Ông bèn tự mừng rằng
Ta nay rất mừng vui
Những đứa con Ta đây
Để nuôi rất khó lắm
Chúng nhỏ dại không hiểu
Mới làm vào nhà hiểm
Có nhiều loài trùng độc
Quý, ly, mị đáng sợ
Lửa lớn cháy hừng hực
Bốn phía đều phụt lên
Mà các trẻ con này
Lại ham ưa vui chơi
Nay Ta đã cứu chúng
Khiến đều được thoát nạn
Vì thế các người ơi!

**Ta nay rất vui mừng.
 Khi ấy các người con
 Biết cha đã ngồi an
 Đều đến bên chỗ Cha
 Mà thưa cùng Cha rằng:
 Xin Cha cho chúng con
 Ba thứ xe báu lạ
 Như vừa rồi Cha hứa
 Các con mau ra đây
 Sẽ cho ba thứ xe
 Tùy ý các con muốn
 Bây giờ chính phải lúc
 Xin Cha thương cấp cho.**

Đức Phật mới phương tiện dạy ba thừa: Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát. Ngoài việc dẫn dụ ba thừa, còn cho biết nhà lửa này rất ghê sợ thì chúng sanh mới bắt đầu theo Đức Phật tu tập. Sau khi theo Đức Phật tu tập thì thoát ra được nhà lửa, tức là thoát ra khỏi loại trùng độc, quỷ dữ, được Đức Phật cho loại xe trâu.

VĂN KINH

**Trưởng giả giàu có lớn
 Kho đụn rất nhiều đầy
 Vàng bạc cùng lưu ly
 Xa cừ ngọc mã não,
 Dùng những món vật báu
 Tạo thành các xe lớn
 Chung dọn trang nghiêm đẹp
 Khấp vòng có bao lơn
 Bốn mặt đều treo linh
 Dây vàng xen thất tụi
 Lưới màn kết trôn châu
 Giăng bày phủ phía trên**

**Hoa vàng các chuỗi ngọc
Lòng thông rữ khắp chỗ
Các màu trang sức đẹp
Khắp vòng xây quanh xe
Dùng nhiều hàng mềm mại
Để làm nệm lót ngồi
Vải quý mịn rất tốt
Giá trị đến nghìn muôn
Bóng láng trắng sạch sẽ
Dùng trái trùm trên nệm
Có trâu trắng to lớn
Mập khỏe nhiều sức mạnh
Thân hình rất tươi tốt
Để kéo xe báu đỏ
Đông những tôi và tớ
Mà chực hầu giữ gìn
Đem xe đẹp như thế
Đồng ban cho các con
Các con lúc bấy giờ
Rất vui mừng hớn hờ
Ngồi trên xe báu đỏ
Dạo đi khắp bốn phương
Vui chơi nhiều khoái lạc
Tự tại không ngăn ngại.**

Diễn tả xe trâu rất đẹp, trâu mập khỏe, thân hình lớn tốt để kéo xe báu, đông tôi tớ giữ gìn. Khi các con được thoát khỏi Tam giới thì Đức Phật chỉ cho Phật thừa, để tất cả mọi người đều lên ngồi xe đi thẳng đến cõi Phật.

VĂN KINH

**Bảo Xá Lợi Phát này
Đức Phật cũng như vậy
Tôn cả trong hàng Thánh**

Cha lành của trong đời
Tất cả các chúng sanh
Đều là con của Ta
Say mê theo thế lạc
Không có chút huệ tâm
Ba cõi hiểm không an
Dường như nhà lửa cháy
Các nạn khổ đầy đây
Rất đáng nên ghê sợ
Thường có những sanh, già
Bệnh, chết và rầu lo
Các thứ lửa như thế
Cháy hừng chẳng tắt dứt
Đức Như Lai đã là
Nhà lửa ba cõi đó
Vắng lặng ở thong thả
An ổn trong rừng nội
Hiện nay ba cõi này
Đều là của Ta cả
Những chúng sanh trong đó
Cũng là con của Ta
Mà nay trong ba cõi
Có nhiều thứ hoạn nạn
Chỉ riêng một mình Ta
Có thể cứu hộ chúng
Dầu lại đã dạy bảo
Mà vẫn không tin nhận
Vì nơi các dục nhiễm
Rất sanh lòng tham mê
Bởi thế nên phương tiện
Vì chúng nói ba thừa
Khiến cho các chúng sanh
Rõ ba cõi là khổ

**Mở bày cùng diễn nói
Những đạo Pháp xuất thế,
Các người con đó thấy
Nếu nơi tâm quyết định
Đầy đủ ba món minh
Và sáu món thần thông
Có người được Duyên Giác
Hoặc bất thoái Bồ Tát.
Xá Lợi Phất phải biết
Ta vì các chúng sanh
Dùng món thí dụ này
Để nói một Phật thừa
Các ông nếu có thể
Tin nhận lời nói đây
Tất cả người đều sẽ
Chứng thành quả Phật đạo.**

Đức Phật nói lại Tam giới này không an toàn, cho nên Đức Phật dẫn dạy Tam thừa. Người tu theo đạo Phật có thể chứng Tam minh, Lục thông, chứng Duyên Giác, hoặc đạt đến trình độ bất thoái như các vị Bồ Tát. Người nào tin nhận và tu tập đúng theo lời Đức Phật dạy thì trước sau cũng chứng thành quả Phật. Phật thừa là con đường duy nhất.

VĂN KINH

**Phật thừa đây vi diệu
Rất thanh tịnh thứ nhất
Ở trong các thế giới
Không còn Pháp nào trên
Của các Phật vui ưa,
Tất cả hàng chúng sanh
Đều phải nên khen ngợi
Và cúng dường lễ bái**

Đủ vô lượng nghìn ức
Các trí lực, giải thoát
Thiền định và trí tuệ
Cùng Pháp khác của Phật
Chúng được thừa như thế
Khắp cho các con thầy
Ngày đêm cùng kiếp số
Thường được ngồi dạo chơi
Cho các hàng Bồ Tát
Cùng với chúng Thanh Văn
Nương nơi thừa báu này
Mà thẳng đến đạo tràng.
Vì bởi nhân duyên đó
Tìm kỹ khắp mười phương
Lại không thừa nào khác
Trừ Phật dùng phương tiện
Bảo với Xá Lợi Phất!
Bọn ông các người thầy
Đều là con của Ta
Ta thì là cha lành.
Các ông trải nhiều kiếp
Bị các sự khổ đót
Ta đều đã cứu vớt
Cho ra khỏi ba cõi
Ta dầu ngày trước nói
Các ông được diệt độ
Nhưng chỉ hết sanh tử
Mà thật thì chẳng diệt
Nay việc nên phải làm
Chỉ có trí tuệ Phật.
Nếu có Bồ Tát nào
Ở trong hàng chúng này
Có thể một lòng nghe

**Pháp thật của các Phật,
Các Đức Phật Thế Tôn
Dầu dùng chước phương tiện
Mà chúng sanh được độ
Đều là Bồ Tát cả**

Đức Phật nói lại và khẳng định với chúng ta một điều, trước kia Đức Phật nói tu chứng quả A La Hán là đã được diệt độ, nhưng bây giờ Đức Phật khẳng định lại là chỉ hết sanh tử trong Tam giới mà thôi, không phải thật diệt độ theo con đường của Phật thừa. Còn phải đến một bước nữa hòa nhập vào thể Tánh bất sanh bất diệt, gọi là Tri Kiến Phật.

Khi một người nhận và sống được bằng Tri Kiến Phật, đến chừng đó mới thật được diệt độ. Còn một chỗ diệt độ nào khác không phải là Tri Kiến Phật thì chưa thật diệt độ. Dù có chứng Tam minh, Lục thông ở ngang tầm các vị A La Hán, cũng chưa phải thật diệt độ, chỉ hết sanh tử trong Tam giới thôi, nhưng chưa tịch diệt hoàn toàn, chưa phải là cái Vô Dư Y Niết Bàn của Phật thừa.

VĂN KINH

**Nếu có người trí nhỏ
Quá mê nơi ái dục
Phật bèn vì bọn này
Mà nói lý Khổ đế,
Chúng sanh nghe lòng mừng
Được điều chưa từng có
Đức Phật nói Khổ đế,
Chân thật không sai khác**

Chúng ta đắm mê trong ngũ dục thì Đức Phật cho thế gian này là khổ. Sanh già bệnh chết là khổ, ái biệt ly khổ, cầu bất đắc khổ, oán tăng hội khổ, ngũ ấm xí thành khổ.

Trong tám cái khổ Đức Phật nói ra chúng ta nhìn chung quanh ai cũng bị vướng vào.

Người nào học Tứ Đế thì thấy rõ ràng là Đức Phật nói sự thật. Trong trần gian này, dù người đó là vua quan hay người đó là thứ dân, người đó giàu sang hay người đó nghèo, người đó có trình độ học thức cao hoặc người ít học thức thì cũng không thoát khỏi sanh già bệnh chết khổ, ái biệt ly khổ, cầu bất đắc khổ, oán tắng hội khổ, ngũ âm xí thanh khổ. Trong tám cái khổ này không ai thoát khỏi. Người tham đắm ngũ dục khi nghe Đức Phật nói ra điều này đều vui mừng và muốn thoát ra.

VĂN KINH

**Nếu lại có chúng sanh
Không rõ biết gốc khổ
Quá say nơi khổ nhân
Chẳng tạm rời bỏ được
Phật vì hạng người này
Dùng phương tiện nói dạy
Nguyên nhân có các khổ
Tham dục là cội gốc
Nếu dứt được tham dục
Khổ không chỗ nương đỡ
Dứt hết hẳn các khổ
Gọi là đế thứ ba.**

Đức Phật nói nguyên nhân khổ là: Tham, sân, si, mạn, nghi, thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, tà kiến. Người nào dứt trừ được hết những nguyên nhân đó thì cái khổ không còn chỗ để nương. Đó là cái hiểu biết của người học theo Giáo lý Nhị thừa, là do dụng công tu tập trừ hết những nghiệp nhân đau khổ thì chứng Niết Bàn.

Từ xưa đến giờ hay diễn tả Niết Bàn là chỗ tịch lặng, an lạc, yên ổn, dứt trừ hết tất cả nghiệp tập trong Tam giới. Là chỗ thanh tịnh hoàn toàn để chúng ta chứng quả A La Hán là quả vị Niết Bàn. Chúng ta thích quả vị đó, chúng ta mới tu theo Đạo đế. Thấy được quả vị rồi chúng ta mới bắt đầu khởi nhân tu. Chúng ta đã học và hiểu như vậy, nhưng nhìn theo Đại thừa thì muôn vàn sai khác.

Đức Phật rất tuyệt vời khi nói ra điều này. Từ Nhị thừa cho đến Đại thừa đều phải cúi đầu chấp nhận. Người Đại thừa thì cái khổ với họ là không thật khổ. Tập nhân là không thật. Còn Đạo đế, người học Đại thừa phải thấy được Tự Tánh Niết Bàn là chỗ thanh tịnh sáng suốt, là cái vốn có chứ không phải do công phu dứt trừ mười tập nhân đau khổ, không phải do sử dụng Ba mươi bảy phẩm trợ đạo mà sanh ra Niết Bàn. Cho nên Tự Tánh Niết Bàn là cái vốn có sẵn đủ rồi, chúng ta tiếp nhận cái đó thì người đó có Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định, mới có Bát Chánh Đạo. Không nhận được Tự Tánh thì không thể có Bát Chánh Đạo được.

Bát Chánh Đạo lấy đâu ra, Chánh kiến lấy đâu ra, nếu chúng ta không ngộ Tánh? Tức là chúng ta không nhận được Tri Kiến Phật thì lấy đâu gọi là Chánh kiến trong Phật Pháp. Đừng nói chúng ta tu theo kiểu Chánh kiến rồi chúng ta mới đạt được Niết Bàn. Niết Bàn được sanh ra sau khi tu tập thì Niết Bàn đó không thật. Nếu một cái gì được sanh ra do công phu thì cái thấy đó bị sanh tử luân hồi, không phải là chỗ chân thật mà chúng ta muốn tìm, không phải là chỗ chân thật mà Đức Phật muốn chỉ.

Cho nên khi chúng ta học Tứ Diệu Đế, chúng ta phải nhìn lại một cách kỹ lưỡng về chỗ Niết Bàn này, buộc

chúng ta phải nhận ra. Và khi chúng ta nhận ra điều này là chúng ta có đủ Bát Chánh Đạo. Sống đúng với Bát Chánh Đạo là luôn an trú trong Niết Bàn. Không phải tu theo Bát Chánh Đạo mới đạt Niết Bàn. Mà nhận ra Niết Bàn là cái chỗ chân thật có đầy đủ Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định.

Nhìn theo Thanh Văn thừa thì bắt đầu tu Ba mươi bảy phẩm trợ đạo để chứng Niết Bàn thì đó là cái nhìn của người ở tầng tri thức khác. Nếu nhìn theo Đại thừa thì chúng ta phải nhìn theo cách khác, chúng ta không thể nhìn theo kiểu đó được. Vì vậy, chư Tổ Thiên Tông thấy được chỗ chính yếu này của chư Phật, mà các vị chỉ thuận khai thị cho người ta ngộ Tánh mà thôi.

Khi một người ngộ Tánh là họ đủ Chánh kiến rồi, từ đó về sau gọi là người Chân tu, là người thật tu ở trong Phật Pháp. Trước đó, dù họ tu như thế nào trải qua mười ngàn đời, hai mươi ngàn đời không cần tính, nếu nói đến bậc chân tu thì phải hay ra Tri Kiến Phật của chính mình. Cho nên trong Đạo để khẳng định Niết Bàn là Tự Tánh mà người tu phải bước qua. Bước qua được Tự Tánh mới có thể sống đúng với Bát Chánh Đạo. Khi sống đúng Bát Chánh Đạo là an trú thường hằng trong cảnh giới Niết Bàn, không phải tu Bát Chánh Đạo mới có Niết Bàn. Khi học Giáo lý Đại thừa chúng ta sẽ có cái nhìn ngược lại cái nhìn quen của chúng ta từ xưa đến giờ, không nhìn Tứ Diệu Đế theo chiều có sở hành, sở chứng, sở đắc.

Niết Bàn có thể tu để đạt thì không phải Niết Bàn thật. Đạo để là phải học, phải tu, phải có Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Khi đạt được

Chánh định mới đạt được Niết Bàn, đó là lối diễn tả theo kiểu học chữ nghĩa. Còn chúng ta học phải bước ra khỏi chữ nghĩa để chúng ta thấy mọi việc thì nó khác.

VẤN KINH

**Vì chúng Diệt đế vậy
Mà tu hành Đạo đế
Lìa hết các khổ phược
Gọi đó là giải thoát
Người đó nơi Pháp gì
Mà nói được giải thoát?
Chỉ xa rời hư vọng**

Nếu đi theo con đường tu hết khổ mà hành Đạo đế để được giải thoát thì ở đây Đức Phật đặt vấn đề: Chỉ hết hư vọng mà gọi là giải thoát sao? Nương nơi Pháp gì mà gọi là giải thoát? Đức Phật đặt câu hỏi đó để chúng ta suy nghĩ.

Nếu đi theo con đường đó không phải giải thoát hoàn toàn. Mà phải nhận được Tự Tánh Niết Bàn, và luôn an trú trong Niết Bàn thì chỗ đó mới gọi là Niết Bàn chân thật. Còn nếu giải thoát theo kiểu như vậy thì chỉ là người xa rời hư vọng mà thôi.

VẤN KINH

**Gọi đó là giải thoát
Kỳ thật chưa phải được
Giải thoát hẳn tất cả**

Còn tu theo kiểu Đạo đế để chứng Niết Bàn thì quả vị đó không phải là sự giác ngộ hoàn toàn. Chúng ta chỉ dứt trừ hết mầm móng đau khổ trong Tam giới, chứ chưa đến chỗ Đức Phật muốn nói.

VĂN KINH

Đức Phật nói người đó
 Chưa phải thật diệt độ
 Vì người đó chưa được
 Đạo quả Vô thượng vậy.
 Ý của Ta không muốn
 Cho đó đến diệt độ,
 Ta là đấng Pháp vương
 Tự tại nơi các Pháp
 Vì an ổn chúng sanh
 Nên hiện ra nơi đời.
 Xá Lợi Phất phải biết
 Pháp ấn của Ta đây
 Vì muốn làm lợi ích
 Cho thế gian nên nói
 Tại chỗ ông đi qua
 Chứ có vọng tuyên truyền.
 Nếu có người nghe đến
 Tùy hỷ kính nhận lấy
 Phải biết rằng người ấy
 Là bậc Bất thối chuyển
 Nếu có người tin nhận
 Kinh Pháp Vô thượng này.
 Thì người đó đã từng
 Thấy các Phật quá khứ
 Cung kính và cúng dường
 Cũng được nghe Pháp này.
 Nếu người nào có thể
 Tin chịu lời ông nói
 Thì chính là thấy Ta
 Cũng là thấy nơi ông
 Cùng các chúng Tỳ kheo
 Và các hàng Bồ Tát.

Nếu chúng ta tu theo thứ tự chỉ để chứng Niết Bàn, là chưa phải thật diệt độ. Chúng ta có đủ tin đó không? Người nào có đủ tin đó thì mới đi theo nôi con đường Đại thừa. Nếu chúng ta còn theo thứ lớp, theo kiểu học hiểu từ xưa đến giờ, theo căn bản Giáo lý trình tự như thế, bằng phương pháp của Đạo để để dần đến Niết Bàn, gọi là giải thoát hoàn toàn là chúng ta đã theo con đường Nhị thừa, chưa thẳng đến Niết Bàn mà chư Phật muốn chỉ.

Nếu người nào chấp nhận được không đi theo con đường kia, tức là không phải dứt trừ mười tập nhân mà là nhận ra Tri Kiến Phật, lấy chỗ đó làm chỗ sống của chính mình thì người đó thấy được Phật, người đó hiểu được Phật, người đó bất thoái đối với đạo Phật. Người nào chưa có một lần chấp nhận điều này thì con đường Phật đạo đối với chúng ta còn xa xôi không biết đến chừng nào, không biết chúng ta còn tiến hay chúng ta bị bẻ lệch một bên. Khi nào người đó thật sự nhận Tự Tánh Niết Bàn, nhận được Tri Kiến Phật thì người đó mới gọi là bất thoái và đi đúng con đường chuyên môn của đạo Phật.

VĂN KINH

**Phật vì người trí sâu
Nói Kinh Pháp Hoa này
Kẻ thức cạn nghe đến
Mê lầm không hiểu được.
Tất cả hàng Thanh Văn
Cùng với Bích Chi Phật
Ở trong Kinh Pháp này
Sức kia không hiểu được.
Chính ông Xá Lợi Phất**

**Hãy còn nơi Kinh này
 Dùng lòng tin được vào
 Huống là Thanh Văn khác.
 Bao nhiêu Thanh Văn khác
 Do tin theo lời Phật
 Mà tùy thuận Kinh này
 Chẳng phải trí của mình.**

Đối với Kinh điển này, người nào thoát khỏi phân biệt hai bên để tiếp nhận được Phật tánh thì người đó thoát khỏi Thanh Văn. Thanh là âm thanh lời nói, Văn là nghe. Nếu chúng ta nghe được âm thanh lời nói để chúng ta hiểu, tiếp nhận, tu tập thì người đó gọi là Thanh Văn, là đi bằng con đường Nhị thừa.

Còn việc của Phật đạo không phải do nghe, không phải do thấy, không phải do nương theo đó tu tập, không có đường lối nào riêng biệt cả. Cũng không phải do người trước vạch sẵn con đường để chúng ta bước theo. Khi một người nhận Tánh là người đó nhận được cái chỗ không có đường đi lối về. Một bước là thẳng đến Như Lai, không có lối mòn nào cả, không phải đi theo bất kỳ một phương pháp nào. Nếu có một phương pháp cho chúng ta tu để chúng ta thành đạt thì đó là Nhị thừa.

Ngài Đức Sơn nói: *“Tông ta không ngữ cú, không một Pháp cho người”*. Tức là không có lời nói, cũng không có Pháp để cho người tu thì đó mới là chỗ chân thật mà Đức Phật muốn chỉ dạy. Cho nên các vị Thiền sư khai thác triệt để chỗ này. Các vị không muốn cho chúng ta đi lòng vòng mất thời gian. Cái thanh tịnh vốn có của tất cả chúng sanh nó vốn có từ ngàn xưa cho đến bây giờ, không phải do chúng ta tu lâu mà chúng ta có, không phải do chúng ta mới tu mà chúng ta không có.

Tự Tánh đó không lúc nào dừng dứt nơi mình, lúc nào chúng ta cũng rõ ràng thường biết, lúc nào chúng ta cũng rõ ràng thường thấy thường nghe. Cái rõ ràng thường biết đó nó không phải do chúng ta công phu mà có.

Ví dụ, chúng ta đang nghe như thế này thì chúng ta đâu bao giờ để ý chuyện xung quanh, chúng ta đâu muốn nghe âm thanh bên ngoài, nhưng âm thanh nào lọt vào là chúng ta rõ biết liền. Đó là cái rõ biết vốn có của chính mình. Dù chúng ta có muốn hay không muốn nó vẫn rõ biết, không bao giờ tắt mất nơi chúng ta một giờ một phút nào.

Chúng ta là người học Phật phải nhận được điều này. Tiếp nhận điều này không thông qua bất kỳ một ngôn ngữ nào. Ngay cái chỗ thấy nghe là hiển bày sự thật. Nếu chúng ta nghe mà còn so sánh để biết thì đó là lỗi mòn. Ngay nơi nghe, ngay nơi thấy này thì cái rõ biết nó vốn đầy đủ, không thêm không bớt. Chúng ta không cần thêm bớt gì ngay nơi cái thấy nghe này vì chúng ta vốn đủ. Người nào chấp nhận nỗi sự thật đó, là người đó bước vào ngưỡng cửa của Đại thừa. Nếu chúng ta chỉ hiểu và tin về điều này thì chưa phải.

VĂN KINH

**Lại này Xá Lợi Phất!
Kẻ kiêu mạn biếng lười
Vọng so chấp lấy ngã
Chứ vì nói Kinh này,
Hạng phàm phu biết cạn
Quá mê năm món dục
Nghe Pháp không hiểu được
Cũng chẳng nên vì nói.**

Nếu có người không tin
 Kinh hủy chê Kinh này
 Thì là dứt tất cả
 Giống Phật ở thế gian.
 Nếu có người xù mặt
 Mà cru lòng nghi hoặc
 Ông nên lắng nghe nói
 Tội báo của người đó
 Hoặc Phật còn tại thế
 Hoặc sau khi diệt độ
 Nếu có người chê bai
 Kinh điển như thế này
 Thấy có người đọc tụng
 Biên chép thọ trì Kinh
 Rồi khinh tiện ghét ghen
 Mà ôm lòng kết hờn
 Tội báo của người đó
 Ông nay lại lắng nghe.
 Người đó khi mạng chung
 Sa vào ngục A Tỳ
 Đầy đủ một kiếp chẵn
 Kiếp mãn hết lại sanh
 Cứ xoay vần như thế
 Nhấn đến vô số kiếp.
 Từ trong địa ngục ra
 Sẽ đọa vào súc sanh,
 Hoặc làm chó, dã can
 Thân thể nó ốm gầy
 Đen đũi thêm ghẻ lác
 Bị người thường chọc ghẹo
 Lại còn phải bị người
 Gớm nhòm và ghét rẻ
 Thường ngày đói khát khổ

Xương thịt đều khô khan,
Lúc sống chịu khổ sở
Chết bị ném ngói đá
Vì đoạn mắt giống Phật
Nên thọ tội báo đó
Hoặc sanh làm lạc đà
Hoặc sanh vào loài lừa
Thân thường mang kéo nặng
Lại thêm bị đánh đập
Chỉ nhớ tưởng: nước, cỏ
Ngoài ra không biết gì
Vì khinh chê Kinh này
Mà mắc tội như vậy
Có khi làm dã can
Đi vào trong xóm làng
Thân thể đầy ghẻ lác
Lại chột hết một mắt
Bị bọn trẻ nhỏ vây
Theo đánh đập liệng ném
Chịu nhiều các đau khổ
Hoặc có lúc phải chết
Ở đây vừa chết rồi
Liền lại thọ thân rắn
Thân thể nó dài lớn
Đến năm trăm do tuần
Điếc ngậy và không chân
Lăn lóc đi bằng bụng
Bị các loài trùng nhỏ
Cắn rúc ăn thịt máu
Bị khổ cả ngày đêm
Không tạm có ngừng nghỉ
Vì khinh chê Kinh này
Mà mắc tội như vậy.

Nếu được sanh làm người
 Các căn đều ám độn
 Lùn xấu lại lệch què
 Đui điếc thêm lưng gù
 Có nói ra lời gì
 Mọi người không tin nhận
 Hơi miệng thường hôi thối
 Bị quỷ mị dựa nhập
 Nghèo cùng rất hèn hạ
 Bị người sai khiến luôn,
 Nhiều bệnh thân ốm gầy
 Không có chỗ cậy nhờ
 Dù nương gần với người
 Mà người chẳng để ý
 Nếu có được điều chi
 Thì liền lại quên mất,
 Nếu học qua nghề thuốc
 Theo đúng phép trị bệnh
 Mà bệnh người nặng thêm
 Hoặc có khi đến chết,
 Nếu tự mình có bệnh
 Không người chữa lành được
 Dù có uống thuốc hay
 Mà bệnh càng thêm nặng,
 Hoặc người khác phản nghịch
 Cướp giật trộm lấy của
 Các tội dường thế đó
 Lại tự mang vạ lây.
 Những người tội như đây
 Trọn không thấy được Phật
 Là vua trong hàng Thánh
 Thường nói Pháp giáo hóa
 Những người tội như đây

Thường sanh chỗ hoạn nạn
Tâm cuồng loạn, tai điếc
Trợn không nghe Pháp được,
Trải qua vô số kiếp
Như số cát sông Hằng
Sanh ra liền điếc câm
Các căn chẳng đầy đủ
Thường ở trong địa ngục
Như dạo chơi vườn nhà,
Ở tại các ác đạo
Như ở nhà cửa mình
Lạc đà, lừa, lợn, chó
Là chỗ kia thường đi
Vì khinh chê Kinh này
Mắc tội dường thế đó.
Bảo cho Xá Lợi Phất!
Người khinh chê Kinh này
Nếu kể nói tội kia
Cùng kiếp cũng chẳng hết
Vì bởi nhân duyên đó
Ta vẫn bảo các ông
Trong nhóm người vô trí
Chớ nên nói Kinh này
Nếu có người lợi căn
Sức trí tuệ sáng láng
Học rộng và nhớ dai
Lòng mong cầu Phật đạo
Những hạng người như thế
Mới nên vì đó nói
Nếu có người đã từng
Thấy trăm nghìn ức Phật
Trông các cội đức lành
Thâm tâm rất bền vững

**Hạng người được như thế
Mới nên vì đó nói.**

Đức Phật bảo Kinh này dành cho người có sức trí tuệ sáng láng. Dù sức trí tuệ chúng ta chưa đủ, chúng ta chưa phải là người học rộng nhớ dai, nhưng tâm chúng ta có lòng mong cầu Phật đạo thì chúng ta đủ điều kiện nghe Kinh Pháp Hoa. Nếu trong lòng chúng ta chưa có thì chưa đủ tiêu chuẩn để học. Vì vậy, người nào chưa có điều mong mỏi đó thì chúng ta phải xây dựng nơi lòng của mình, và mong muốn một ngày nào đó chúng ta sẽ nhận ra được Tri Kiến Phật, rồi chúng ta tu tập cho đến khi thành Phật. Đó là điều căn bản và tiêu chuẩn của người học Kinh Pháp Hoa.

VĂN KINH

**Nếu có người tinh tấn
Thường tu tập lòng từ
Chẳng hề tiếc thân mạng
Mới nên vì đó nói**

Người nào thường thấy Phật, tinh tấn tu tập, lòng từ thương yêu tất cả mọi người, sẵn sàng bố thí, giúp đỡ mọi người, không tiếc thân mạng của mình, nếu cái gì có lợi lạc cho chúng sanh thì người đó sẵn sàng hy sinh để làm thì người đó được quyền học Kinh Pháp Hoa.

VĂN KINH

**Nếu có người cung kính
Không có sanh lòng khác
Lìa xa các phàm phu
Ở riêng trong núi chàm
Những hạng người như thế
Mới nên vì đó nói**

Khi nhận được đạo lý thì người này ở riêng một nơi vắng vẻ thực hiện công phu, người đó được quyền học Kinh Pháp Hoa.

VĂN KINH

**Lại Xá Lợi Phát này!
Nếu thấy có người nào
Rời bỏ ác tri thức
Gần gũi bạn hiền lành
Người được như thế ấy
Mới nên vì đó nói.**

Chúng ta xa lìa bạn ác không còn đi theo con đường ác nữa, mà đi theo con đường lành, quyết tâm tu hành để đạt đến Phật đạo thì người đó được quyền học Kinh Pháp Hoa.

VĂN KINH

**Nếu thấy hàng Phật tử
Giữ giới hạnh trong sạch
Như minh châu sáng sạch
Ham cầu Kinh Đại thừa
Những người được như thế
Mới nên vì đó nói.**

Người nào giữ giới hạnh trong sạch, trong tâm thường mong cầu học Kinh điển Đại thừa thì chúng ta được quyền học Kinh Pháp Hoa.

VĂN KINH

**Nếu người không lòng giận
Chắc thật ý dịu hòa
Thường thương xót mọi loài
Cung kính các Đức Phật
Hạng người tốt như thế**

Mới nên vì đó nói.

Người mà ít có giận hờn, chúng ta dịu hòa chắc thật, biết thương xót mọi người mọi loài, và chúng ta cung kính đối với Đức Phật thì hạng người tốt như thế mới nên vì đó nói.

VĂN KINH

**Lại có hàng Phật tử
Ở tại trong đại chúng
Thuần dùng lòng thanh tịnh
Các món nhân cùng duyên
Thí dụ và lời lẽ
Nói Pháp không chướng ngại
Những người như thế ấy
Mới nên vì đó nói
Nếu có vị Tỳ kheo
Vì cầu Nhất thiết trí
Khắp bốn phương cầu Pháp
Chấp tay cung kính thọ
Chỉ ưa muốn thọ trì
Kinh điển về Đại thừa
Nhấn đến không hề thọ
Một bài kệ Kinh khác
Hạng người được như thế
Mới nên vì đó nói.**

Có vị Tỳ kheo nào chỉ có lòng học Kinh điển Đại thừa thôi, chúng ta không học Kinh điển ngoại đạo tà giáo thì đủ tiêu chuẩn học Kinh Pháp Hoa.

VĂN KINH

**Như có người chí tâm
Cầu Xá lợi của Phật**

**Cầu Kinh cũng như thế
Được rồi đành lễ tạ
Người đó chẳng còn lại
Có lòng cầu Kinh khác
Cũng chưa từng nghĩ tưởng
Đến sách vở ngoại đạo
Người được như thế ấy
Mới nên vì đó nói.
Bảo cùng Xá Lợi Phất!
Ta nói các sự tướng
Của người cầu Phật đạo
Cùng kiếp cũng chẳng hết
Những người như thế đó
Thì có thể tin hiểu
Ông nên vì họ nói
Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.**

Phần cuối, Đức Phật nói người nào chí tâm cầu đạo hoặc cầu Xá lợi Phất, hoặc cầu Kinh thì cũng phải trong lòng vì đạo thiết tha. Khi có đạo lý rồi chúng ta cung kính đánh lễ và thọ trì. Chúng ta luôn sống trong đạo lý thì lòng cung kính đó đủ tiêu chuẩn học đạo. Nếu chúng ta hời hợt một chút, chúng ta không chấp nhận nổi Giáo lý Kinh điển này thì chúng ta không đủ tiêu chuẩn để học Giáo lý Đại thừa.

Do đó, khi chúng ta có đủ duyên học Kinh Pháp Hoa thì chúng ta phải dứt hết những tà tâm tạp niệm của mình, thuần một lòng thanh tịnh hướng đến Phật đạo thôi. Lúc nào chúng ta chưa nhận được Tri Kiến Phật, là lúc đó chúng ta chưa an lòng. Khi nào chúng ta nhận được Tri Kiến Phật, là chúng ta nhận được bốn mạng thật của chính mình. Và lúc đó chúng ta mới là người sống thật và biết sống trong Tam giới này. Còn lúc

chúng ta chưa nhận được Tri Kiến Phật, là lúc đó chúng ta còn sống trong thân giả tạm huyền ảo không thật, những ngày sống chúng ta vẫn còn bất an đau khổ dài dài.

Người học Kinh Pháp Hoa phải xây dựng được quyết tâm đó ở nơi lòng của mình. Quyết một ngày nào đó chúng ta học được, chúng ta hiểu được, chúng ta nhận được Phật Tri Kiến là ngày đó chúng ta mới yên. Được như vậy mới đủ tiêu chuẩn học Kinh Pháp Hoa.

* * *

PHẨM “TÍN GIẢI” THỨ TƯ

VĂN KINH

Lúc bấy giờ, các ngài Huệ Mạng Tu Bồ Đề, Đại Ca Chiên Diên, Đại Ca Diếp, Đại Mục Kiền Liên, từ nơi Phật được nghe Pháp chưa từng có. Đức Thế Tôn dự ghi cho ngài Xá Lợi Phất sẽ thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, sanh lòng hy hữu hơn hờ vui mừng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy sửa y phục trích bày vai hữu, gói hữu chấm đất, một lòng chấp tay cúi mình cung kính chiêm ngưỡng dung nhan Phật mà bạch cùng Phật rằng: Chúng con ở đâu trong hàng Tăng, tuổi đều già lụn, tự cho đã được Niết Bàn không kham nhiệm gì nữa, chẳng còn thẳng cầu thêm đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Đức Thế Tôn thở trước nói Pháp đã lâu, lúc đó chúng con ngồi nơi toà thân thể mỗi mệt, chỉ nhớ nghĩ ba Pháp: Không, Vô tướng, Vô tác, đối với các pháp du hí thần thông, tịnh cõi nước Phật, độ thoát chúng sanh của Bồ Tát, lòng chúng con không ưa thích.

Vì sao? Đức Thế Tôn khiến chúng con ra khỏi ba cõi được chứng Niết Bàn, lại nay đây chúng con tuổi đã già nua ở nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của Phật dạy Bồ Tát không hề sanh một niệm ưa thích.

Chúng con hôm nay ở trước Phật nghe thọ ký cho Thanh Văn sẽ được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, lòng rất vui mừng được Pháp chưa từng có, chẳng ngờ hôm nay bỗng nhiên được Pháp hy hữu, tự rất mừng may được lợi lành lớn, vô lượng trân báu chẳng tìm cầu mà tự được.

Các ngài Huệ Mạng Tu Bồ Đề, ngài Đại Ca Chiên Diên, ngài Đại Ca Diếp, ngài Đại Mục Kiền Liên, sau khi nghe Đức Phật thọ ký cho ngài Xá Lợi Phất được thành Phật thì các vị hết sức vui mừng.

Ngài Huệ Mạng Tu Bồ Đề được gọi là Huệ Mạng vì Ngài lấy trí tuệ làm sinh mạng mình. Các vị Thánh ngày xưa có cái đặc biệt là vị nào được Đức Phật thọ ký thì các vị hết sức tùy hỷ. Do tâm tùy hỷ này mà các vị nhận ra được đạo lý. Nếu các vị không tùy hỷ với ngài Xá Lợi Phất, không chấp nhận Đức Phật thọ ký cho ngài Xá Lợi Phất thì chắc chắn các vị không nhận ra đạo lý và không có phẩm Tín Giải.

Phẩm Tín Giải là do các vị với tâm tin hiểu đưa ra ví dụ giải thích cái hiểu, cái nhận biết của mình đối với đạo lý. Giải bày lòng tin của mình lên Đức Phật để Đức Phật chứng minh chỗ thâm biết của các Ngài về điều dạy dỗ của Đức Phật trong các phẩm trước.

Các vị từ chỗ ngồi đứng dậy sửa y phục trịch bày vai hữu, gối hữu chাম đất, một lòng chấp tay cúi mình cung kính chiêm ngưỡng dung nhan Phật. Đây là oai nghi chư Tăng muốn thừa trình với Đức Phật, hình bóng này đẹp tuyệt vời. Chúng ta sau này, vị đệ tử muốn trình bày với Thầy mình, muốn thừa thính với Thầy mình thì nên làm như các vị, được như thế thì hình bóng Tăng Đoàn sẽ rất cao quý.

Sửa y phục trịch bày vai hữu, cũng muốn bày tỏ tâm nguyện của mình trước đấng Như Lai là con nguyện đem vai này gánh vác Phật Pháp mà Đức Như Lai truyền cho con, nguyện gánh vác Phật sự mà Ngài để lại cho chúng sanh mãi mãi về sau.

Gối hữu chằm đất, một lòng chấp tay cúi mình cung kính chiêm ngưỡng dung nhan Phật, các vị kể lại chuyện của mình: *“Chúng con ở đầu trong hàng Tăng, tuổi đều già lụn, tự cho đã được Niết Bàn không kham nhiệm gì nữa, chẳng còn thẳng cầu thêm đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.”*

Khi giảng Kinh Pháp Hoa là ở cuối đời Đức Phật, còn các vị đệ tử tuổi cũng ngoài sáu mươi, không còn đủ sức kham nhận Phật sự lớn lao. Sau khi Đức Phật dạy Tứ Diệu Đế và Thập Nhị Nhân Duyên thì các vị thực hành Giáo Pháp cũng chứng quả A La Hán nhưng nói tới việc thành đạo và độ vô lượng vô biên chúng hữu tình các vị nghĩ rằng tuổi tác mình đã già quá, việc đó có lẽ đời này không thành tựu được, không dám nghĩ tới. Cầu đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác các vị không nghĩ là mình kham nhận được.

Đức Thế Tôn thuở trước nói Pháp đã lâu, lúc đó chúng con ngồi nơi tòa thân thể mỗi mệt, chỉ nhớ nghĩ ba Pháp: Không, Vô Tướng, Vô Tác.

Tức là các vị luôn nghĩ tới sở chứng sở đắc của mình, chứ không nhận thêm đạo lý mới của Đức Phật giảng dạy. Đức Phật đã dạy đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì phải trải qua tu Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng và Thập địa v.v... độ vô lượng vô số chúng hữu tình mới có thể được thành Phật, các vị nghe đạo lý thậm thâm vi diệu và mênh mông quá nên không phát tâm vì thấy tuổi già không đủ sức để thừa đương việc lớn. Đồng thời, chỗ tu tập của các vị cũng đã chứng đến an lạc Niết Bàn rồi, không đành rời xa cảnh giới an lạc ấy để phát khởi tâm đại bi độ tận chúng sanh mà nghĩ cảnh giới tu chứng của mình là đã đạt tới tận cùng rồi. Tu chứng tới cảnh giới này là quý hiếm lắm, cho nên bây giờ phá vỡ cái cảnh giới

ấy bước thêm bước nữa thì không kham nổi nên các vị trụ vào chỗ Không, Vô tướng, Vô tác.

Không, Vô Tướng, Vô Tác chỗ đó chưa phải là chỗ thanh tịnh tuyệt đối theo như Đức Phật nói trong Kinh Pháp Hoa. Nhưng khi các vị chứng được Không, Vô tướng, Vô tác thì phần đoạn sanh tử không còn, không còn bị sanh tử trong Tam giới theo nghiệp tập như chúng ta nữa. Các vị đã hoàn toàn vô sanh. Kết quả này là do công phu rất lâu dài và cũng rất hiếm người có được. Các vị an ổn nơi kết quả tu tập đó, các vị thọ hưởng và không muốn bước ra. Nếu phát tâm Bồ Tát thì chuyển dịch sanh tử, tức là một bước cao hơn đó nữa. Các vị không biết là bước qua cái lộ trình của Bồ Tát như thế nào với tuổi tác già nua, nên các vị dè dặt mà không phát tâm.

“Đối với các pháp du hí thân thông, tịnh cõi nước Phật, độ thoát chúng sanh của Bồ Tát, lòng chúng con không ưa thích”: Các Ngài không khởi ý muốn đó, an ổn Niết Bàn là đủ rồi. Phật dạy tu trong một giai đoạn dài mới đạt được chứ không phải một ngày, một bữa. Vì vậy mà muốn bước ra cũng khó khăn.

Trước kia Đức Phật có dạy đạo du hí thân thông, tịnh cõi nước Phật, độ thoát chúng sanh của Bồ Tát nhưng Đức Phật chưa có nói các vị Thanh Văn được thành Phật. Khi Đức Phật thọ ký cho ngài Xá Lợi Phất rồi thì tất cả các vị Thanh Văn đều được thọ ký cho nên các vị vui mừng. Ngoài ra, các vị còn nhận được đạo lý nữa nên lòng rất vui mừng được Pháp chưa từng có, chẳng ngờ hôm nay bỗng nhiên được Pháp hy hữu, tự rất mừng may được lợi lành lớn, vô lượng trân báu chẳng tìm cầu mà tự được.

Không phải các vị vì được Phật thọ ký cho Thanh Văn trong đó các vị có phần, các vị thấy rằng cái chỗ không tìm

cầu mà được vô lượng trân báu là cái của quý giữa trần gian này. Tức là các vị đã nhận ra được cái kho báu của chính mình, không phải do tìm cầu, không phải do công phu, không phải do tu chứng mà được. Kho báu đó là cái vốn có, là cái sẵn đủ, là Phật Tri Kiến của chính mình đang hiện hữu.

VĂN KINH

Thế Tôn! Chúng con hôm nay xin nói thí dụ để chỉ rõ nghĩa đó.

Thí như có người tuổi thơ bé, bỏ cha trốn đi qua ở lâu nơi nước khác, hoặc mười, hai mươi đến năm mươi năm; người đó tuổi đã lớn lại thêm nghèo cùng khốn khổ, rong ruổi bốn phương để cầu đồ mặc vật ăn, dạo đi lần lần tìm cớ về bốn quốc.

Các Ngài ví dụ, có người tuổi thơ bé bỏ cha trốn đi ở các nước khác, hoặc mười năm, hoặc hai mươi năm đến năm mươi năm, người đó tuổi đã lớn lại thêm nghèo cùng khốn khổ, rong ruổi bốn phương để cầu đồ mặc vật ăn. Ý Ngài muốn nói gì? Từ cái khởi thủy ngày xưa, từ cái bản thể thanh tịnh, từ cội nguồn cha lành của mình mà rời quê hương xứ sở ra đi. Từ lúc ban sơ khởi niệm bắt giặc để lao vào vòng sanh tử, lặn hụp trong sanh tử luân hồi để tìm cầu đồ mặc vật ăn. Tức là các Ngài khẳng định con người từ xưa vốn đã ở nơi đó rồi, ở bên cạnh cha được cha sanh ra, là ở trong Tự Tánh chân thật đó mà sanh ra chứ không phải là người không có nguồn cội, bây giờ mới quay về.

Khi người đó lớn tuổi trải qua mười năm, hoặc hai mươi năm, hoặc đến năm mươi năm, trải qua luân hồi sanh tử nhiều đời nhiều kiếp, nghèo cùng khốn khổ là do trui luyện trong sanh tử luân hồi. Ý chí con người ta bắt đầu lớn lên, người ta bắt đầu chán ngán cuộc sanh tử tìm cầu từng phút

từng giây lợi lạc giữa trần gian này. Có khi được giàu sang một đời, khi nghèo cùng khốn khổ, khi được về cõi Trời, khi được làm vua quan v.v... thì con người cảm giác thỏa mãn nhưng đối với các vị Thánh thấy đó là việc rất nhỏ nhiệm so với cái bản thể thanh tịnh này.

Do đã lăn lộn trong sanh tử khôn khổ rất nhiều, người đó ý thức được rằng, dù có làm cái gì trong Tam giới này vẫn phải khổ sở tìm cầu những sở hữu nhỏ nhiệm. Có những sở đắc nhỏ tự cho là đủ, tự thỏa mãn với những danh lợi nhỏ nhiệm giữa trần gian này. Nhưng đến giờ phút này được thức tỉnh và giác ngộ Phật đạo nên quay trở lại nguồn cội nguyên xưa của mình, lần lần mới trở về bản quốc, quay trở về chỗ thanh tịnh trong sáng từ ngàn xưa bất sanh bất diệt đó. Nếu chúng ta không ý thức được điều này thì vẫn tiếp tục sanh tử luân hồi. Người nào chưa ý thức rằng Tam giới này là khổ, chưa ý thức cái gì trong Tam giới này chỉ là món ăn vật mặc, là cái nhỏ nhiệm thì người đó không bao giờ có tâm muốn quay về nguồn cội.

“Đạo đi lần lần tình cờ về bản quốc”: Sau nhiều lần sanh tử luân hồi thì bản thân tất cả chúng sanh có lần nào đó họ chạm được tới chỗ kia, họ ý thức mà không nhận ra nổi. Tức là tình cờ thôi, tình cờ lướt ngang qua đó mà chưa đủ trí để nhận ra. Mặc dù ý thức được sanh tử luân hồi là khổ, ý thức được tất cả những gì mà mình thọ nhận được trong Tam giới này nó chỉ là cái nhỏ nhiệm thôi, cho nên khi bỗng dưng trở về bản quốc, họ vẫn chưa thật sự nhận ra bản quốc đó rõ ràng, giống như giữa đêm đen có một ánh sáng lóe lên, để mình thấy mờ mờ, ảo ảo cảnh trời như vậy thôi rồi nó tối trở lại.

VĂN KINH

Người cha từ trước đến nay, tìm con không được bèn ở lại tại một thành trong nước đó. Nhà ông giàu lớn của báu vô lượng, các kho đụn vàng, bạc, lưu ly, san hô, hổ phách, pha lê, châu ngọc v.v... thảy đều tràn đầy; tôi tớ, thần tá, lại dân rất đông; voi, ngựa, xe cộ, bò dê nhiều vô số. Cho vay thâu vào lời lãi khắp đến nước khác, khách thương buôn bán cũng rất đông nhiều.

Bấy giờ, gã nghèo cùng kia dạo đến các tụ lạc, trải qua xóm làng, lần hồi đến nơi thành của người cha ở.

Dù chúng ta có bỏ nguồn cội, dù chúng ta có đam mê đi vào trong sanh tử này nhưng Tự Tánh đó vẫn không mất. Nơi nguồn cội đó có đầy đủ kho báu vàng, bạc, lưu ly, san hô, hổ phách, pha lê, châu ngọc v.v... Tất cả những của báu quý giá nhất của Tam giới này vốn có đầy đủ trong Tự Tánh bất sanh bất diệt. Cho nên nói là người cha chưa bao giờ quên con, người cha lúc nào cũng nhớ con. Như Tự Tánh chưa có một lần rời chúng sanh. Như bà mẹ có con nhỏ đang chạy chơi, mặc dù đang làm công việc nhưng mắt và tâm người mẹ luôn dính với con mình. Vừa có một cái gì là người mẹ đã tới một bên để ôm con vào lòng và bảo bọc sự bình yên cho con.

Dù chúng ta ở cõi Trời, dù chúng ta ở Địa ngục, dù chúng sanh đang mê muội, đang đau khổ thì Tự Tánh vẫn có mặt. Chúng sanh đang vui đùa chơi giỡn Tự Tánh vẫn có mặt, chưa có lúc thiếu vắng. Từ trước tới nay, dù không gặp được con nhưng chưa từng có phút giây nào cha quên con. Cũng như Tự Tánh không lúc nào rời chúng sanh, chỉ có chúng sanh mê muội trong sanh tử luân hồi mà quên Tự Tánh thôi. Bây giờ, nếu chúng ta thôi lao ra bên ngoài, thôi đi những chấp trước, thôi đi những buồn thương giận ghét

của mình thì tự động chúng ta rút lại Tự Tánh, mọi cái tự động hiển bày. Và nơi đó vàng, bạc, lưu ly, san hô, hổ phách, pha lê, châu ngọc tràn đầy, của cải chúng ta xài suốt đời không hết. Khi một người nhận ra điều này rồi thì những kiến giải, những ý tưởng, những hiểu biết, những nhận định về cái thanh tịnh sáng suốt nhiệm mầu và đầy đủ của Tri Kiến Phật luôn hiển hiện trong đời sống của tất cả chúng sanh chưa từng bị gián đoạn.

“Voi, ngựa, xe cộ, bò dê nhiều vô số. Cho vay thâu vào lời lãi khắp đến nước khác”: Một người nhận và sống được với Tự Tánh rồi thì họ có đủ phương tiện làm lợi lạc khắp tất cả các nơi. Cho nên, chúng ta thấy rằng người ta đến để được lời được lãi theo kiểu buôn bán trần gian. Nhưng ý muốn nói ông Trương giả là người đã sống được ở mảnh đất chân thật đó rồi, có đầy đủ phương tiện để giáo hóa chúng sanh và có rất nhiều người ở các nơi khác tới lui đó học đạo để có lợi lạc lớn trong Phật Pháp.

“Khách thương buôn bán cũng rất đông nhiều”: Chỗ đó là nơi tu học, nhiều Hành giả tới đó nhận được đạo lý để phát triển đạo nghiệp của mình, tinh tấn tu hành để được lợi lạc cho bản thân.

“Bấy giờ, gã nghèo kia dạo đến các tụ lạc, trải qua xóm làng, lần hồi đến nơi thành của người cha ở”: Là bắt đầu thân cận cảnh giới Phật. Sau khi chán nản sanh tử luân hồi, tìm cầu thức ăn và đồ mặc, tất cả chúng ta là người chưa biết đạo lý, chưa từng tu tập ngày nào nhưng tận trong thâm tâm chúng ta không chịu mình đứng vị trí vốn có, ai cũng có ý muốn vươn lên, muốn vượt qua cái gì đó để tìm cầu sự an lạc cho chính bản thân mình. Nhưng có điều là từ trong nhiều đời nhiều kiếp tự tìm cầu hạnh phúc an lạc cho bản thân mình, cũng được một ít an lạc nhưng đó chỉ là thỏa

mãn dục lạc ở trần gian chứ không phải là cái an lạc thật sự trong Chánh Pháp.

Một người bình thường nghĩ rằng họ kinh doanh có tiền là được yên ổn nhưng sự thật khi có tiền họ vẫn thấy bất an. Giàu có đối với họ không phải là chuyện an ổn mà họ mong cầu. Mặc dù họ ở danh cao tội đỉnh, họ được làm vua chúa nhưng họ thấy vua chúa cũng không phải, rồi thôi không tiếp tục làm vua nữa, đời sau làm thứ khác. Và cứ đời này làm việc này thấy không phải, làm việc kia thấy không phải, đời nọ làm việc khác vẫn thấy không phải.

Thậm chí cả người ăn trộm, ăn cướp họ cũng nghĩ là họ cướp được của người khác họ cảm thấy bình yên nhưng cướp được của rồi họ vẫn thấy bất an. Suốt đời làm chuyện đó, cuối đời họ ý thức rằng tất cả những phần đầu tìm cầu của họ trong đời này không phải, qua đời sau họ làm việc khác. Và cứ thấy lợi phóng vào, thấy bất lợi phóng ra, phóng tới phóng lui, chạy tới chạy lui đến một ngày họ bắt nhip được với Chánh Pháp. Tức là họ bắt đầu học đạo lý nhà Phật. Nhiều đời nhiều kiếp trong sanh tử luân hồi họ phần đầu rất nhiều để vượt qua thân phận chúng sanh, lần lần về tới bản quốc, là thân cận với chỗ chân thật rồi, không còn ý niệm muốn bám víu, muốn lao vào sanh tử nữa. Chỉ tới cửa thôi chứ chưa thâm nhập được, giống như đi lòng vòng mới tới ngoài cổng chưa bước vô trong.

VĂN KINH

Người cha hằng nhớ con, cùng con biệt ly hơn năm mươi năm mà ông vẫn chưa từng đối với người nói việc như thế, chỉ tự suy nghĩ lòng rất ăn năn. Ông tự nghĩ già nua và có nhiều của cải vàng bạc, trân báu, kho đụn tràn đầy, không có con cái, một mai mà chết mất thời của cải tản thất không người giao phó. Cho nên ân cần

nhớ luôn đến con. Ông lại nghĩ: Nếu Ta gặp được con ủy phó của cải, hẳn nhiên khoái lạc không còn sầu lo.

Tâm niệm những vị nhận được đạo lý bao giờ trong lòng họ cũng muốn có người kế thừa. Đối với Đức Phật, tâm từ bi của Ngài cũng như thế, vì Ngài biết rằng khi nhận được Tri Kiến Phật, sống được với Tri Kiến Phật thì lợi lạc cho bản thân mình và cho tất cả chúng sanh, nếu dưới mình không có người ngộ việc ấy thì Phật Pháp ngang đó đoạn dứt.

Chúng ta đọc trong sử thấy các vị đệ tử mỗi lần đến cầu Pháp nơi Thầy, đệ tử tha thiết học đạo, được Thầy khai ngộ mà người đó không ngộ, cả hai đều rất tiếc nuối. Họ nghĩ rằng Phật Pháp đến đời họ mà không có người nhận ra thì sẽ đoạn dứt đi. Cho nên chính bản thân người truyền thừa cũng buồn, mà người đệ tử có ý thức khi chưa nhận ra được việc này họ cũng tiếc nuối vô cùng. Chỉ cần một người giữa thế gian này nhận được Phật Tri Kiến thì trần gian này Chánh Pháp còn tồn tại và hưng thịnh. Đời nào ở cõi Ta Bà không có người ngộ việc này thì Chánh Pháp ngang đó bị đoạn diệt.

VĂN KINH

Thưa Thế Tôn! Bảy giờ gã Cùng tử làm thuê làm mướn lần hồi tình cờ đến nhà người cha bèn đứng lại bên cửa, xa thấy cha ngồi giường sư tử, ghế báu đỡ chân, các hàng Bà la môn, Sát đê lợi, Cư sĩ đều cung kính bao quanh. Trên thân ông đó dùng chuỗi ngọc trân châu giá trị nghìn vạn để trang nghiêm, kẻ lại, dân, tôi tớ, tay cầm phát trần trắng đứng hầu hai bên. Màn báu che trên, những phan đẹp thông xuống, nước thơm rưới đất, rải các thứ danh hoa, các vật báu chung bày, phát ra, thâu vào, lấy, cho v.v... có các sự nghiêm sức dường ấy, oai đức rất tôn trọng.

Gã Cùng tử thấy cha có thể lực lớn liền sanh lòng lo sợ, hồi hận về việc đến nhà này, nó thâm nghĩ rằng: Ông này chắc là vua, hoặc là bậc đồng vua, chẳng phải là chỗ của ta làm thuê mượn được tiền vật.

Chẳng bằng ta qua đến xóm nghèo có chỗ cho ta ra sức để được đồ mặc vật ăn, nếu như ta đứng lâu ở đây hoặc rồi họ sẽ bức ngặt ép sai ta làm. Gã nghĩ như thế rồi, liền chạy mau đi thẳng.

Người xưa có câu: “*Đi tìm chân lý mà gặp chân lý thì quay đầu bỏ chạy*”. Tình trạng gã Cùng tử này cũng như vậy. Đó là dụ cho tâm trạng chung của tất cả chúng ta, đi học đạo lý mà nghe nói chư Phật phải trải qua ba đại A tăng kỳ kiếp mới thành đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, bây giờ tự động có người nói với chúng ta rằng chúng ta có khả năng thành Phật nếu chúng ta nhận ra Tri Kiến Phật, mình chưa chịu đâu. Mình phải tu như thế này, phải tu như thế kia mình mới chấp nhận, thành Phật liền đối với mình nó là cái gì đó cao siêu, không chấp nhận nổi.

Chúng ta quen với cái tâm là phải làm mới có kết quả. Cho nên nhận được Tri Kiến Phật để thành Phật liền, tức là về đã thấy được cha, thấy người có uy đức lớn như thế, mình không chấp nhận nổi, không đủ sức để kham nhận.

Người Cùng tử đại diện cho chúng sanh nói lên tâm trạng chung của chúng ta khi về tới bản quốc, thấy cha mình có uy lực lớn nên sợ hãi bỏ đi. Chúng ta cứ nghĩ mình phải tu chứng thế này, tu chứng thế kia, phải thiên định, phải nhập định năm năm, mười năm, hai mươi năm, sạch hết những vọng tình nghiệp tập thì lúc đó mới chấp nhận là mình ngộ Tri Kiến Phật. Còn đang như thế này nói mình có Tri Kiến Phật nghe thì hiểu chấp nhận gật đầu nhưng chưa có đủ lòng tin với việc ấy.

VĂN KINH

Khi đó, ông Trưởng giả ngồi nơi tòa sư tử thấy con bèn nhớ biết, lòng rất vui mừng mà tự nghĩ rằng: Cửa kho tàng của ta nay đã có người giao phó rồi, Ta thường nghĩ nhớ đứa con này làm sao gặp được, nay bỗng nó tự đến rất vừa chỗ muốn của Ta, Ta dầu tuổi già vẫn còn tham tiếc. Ông liền sai người hầu cận đuổi gấp theo bắt lại.

Lúc ấy, kẻ sứ giả chạy mau qua bắt, gã Cùng tử kinh ngạc lớn tiếng kêu oan: Tôi không hề xúc phạm, nhân sao lại bị bắt? Kẻ sứ giả bắt đó càng gấp cưỡng dắt đem về. Khi đó gã Cùng tử tự nghĩ không tội chi mà bị bắt bớ đây chắc định phải chết, lại càng sợ sệt mê ngất ngã xuống đất.

Người cha xa thấy vậy bèn nói với kẻ sứ giả rằng: Không cần người đó, chớ cưỡng đem đến, lấy nước lạnh rưới trên mặt cho nó tỉnh lại, đừng nói chi với nó.

Vì sao? Cha biết con mình chí ý hạ liệt, tự biết mình giàu sang làm khiếp sợ cho con. Biết chắc là con rồi mà dùng phương tiện chẳng nói với người khác biết là con mình. Kẻ sứ giả nói với Cùng tử: Nay ta thả ngươi đi đâu tùy ý.

Gã Cùng tử vui mừng được điều chưa từng có, từ dưới đất đứng dậy, qua đến xóm nghèo để tìm cầu sự ăn mặc.

Người chưa biết gì khi gặp Phật Pháp học Tri kiến của Như Lai là không thừa đương nổi. Muốn chấp nhận Tri Kiến Phật thì người đó phải có trí tuệ lớn. Đối với Phật Pháp, phải có nhiều công phu và phước báo lớn mới có thể

chấp nhận nổi là ở nơi mình có Tri Kiến Phật, còn lại thì khó có ai chấp nhận được.

Con đường Đại thừa không phải dễ. Muốn quay trở về bản quốc, tới rồi vẫn chạy ra chạy vào nhiều lần, họ nghĩ rằng họ tu từ từ. Và cái tu từ từ được rất nhiều người chấp nhận, ép họ quá, có khi họ bỏ cuộc. Rất nhiều người như vậy. Chúng tôi gặp rất nhiều người họ có tâm quyết cầu đạo lắm nhưng gặp mấy Thiên sư chưa sáng mắt khai thị dồn ép đến tận cùng mà họ không đủ sức thừa đương nên họ không theo vị ấy nữa. Cũng rủi cho các vị đó, gặp các vị Thiên sư quá nhiệt tình cho nên đùng ai cũng dồn ép cho ngộ Tánh bất kể đó là ai, bởi vì vị Thiên sư đó chưa biết khéo mở cửa phương tiện.

Muốn trở về, vào nhà để nhận cha mình, tức là muốn nhận Tự Tánh chân thật thì gần như tất cả chúng sanh từ chối. Chúng ta mặc dù chưa đủ sức thừa đương việc lớn nhưng thăm sâu trong lòng vẫn chấp nhận, rồi bắt đầu học đạo, tụng Phật, tụng Kinh, tọa thiền, mình nghĩ mình sẽ làm nhiều chuyện để mình có thể nhận ra Tự Tánh chân thật chứ mình không chịu bước thẳng vào nhà Như Lai.

VĂN KINH

Bấy giờ ông Trưởng giả toan muốn dụ dẫn người con mà bày chức phương tiện, mật sai hai người, hình sắc tiêu tụy không có oai đức: Hai người nên qua xóm kia từ từ nói với gã Cùng tử, nơi đây có chỗ làm trả giá gấp bội. Gã Cùng tử nếu chịu thời đất về đây khiến làm. Nếu nó có hỏi muốn sai làm gì? Thì nên nói với nó rằng: Thuê người hốt phân, chúng ta hai người cũng cùng người chung nhau làm. Khi đó hai người sứ liền tìm gã Cùng tử, rồi thuật đủ việc như trên.

Ông Trưởng giả bắt đầu phương tiện, đưa hai người hình sắc tiêu tụy, không oai đức. Tức là đưa phương tiện để dẫn dắt từ từ thì chấp nhận, chứ nói thẳng Tri Kiến Phật là không chịu nổi rồi. Nghĩa là bây giờ phải bỏ ác theo thiện, phải nhận định đúng, sai, nhận định phải, quấy, tu từ từ, gạn lọc tâm trí của mình cho nó thanh tịnh thì chuyện đó làm được. Dạy nhận Tánh liên thì chịu không nổi.

Hai người hình sắc tiêu tụy, không có oai đức. Rõ ràng là người phân biệt hai bên thì người đó không bao giờ đủ oai đức cả. Phân biệt bên này thì chấp bên này, phân biệt bên kia chấp bên kia, chấp trước nhỏ nhiệm thì người đó không thể có oai đức lớn. Người chưa nhận được Phật Tri Kiến liên, vì đã từng lăn lộn trong sanh tử nhiều đời nhiều kiếp, cực nhọc quá rồi, bây giờ làm gì là phải chắc ăn, phải hỏi giá bao nhiêu. Nếu bỏ được một ý niệm nơi lòng thì sẽ được cái gì đó và chấp nhận đi theo. Làm việc hốt phân là bài trừ sự dơ nhiễm nội tâm thì điều đó hợp lý với tất cả những căn cơ.

Vì vậy mà tất cả những người tu Phật nghe phương tiện này là chấp nhận ngay, rất đúng lý. Tức là tu từ từ, làm sao khởi một niệm xấu tham lên phải trừ bỏ cho được, niệm sân khởi lên phải trừ bỏ cho được, niệm si khởi lên phải trừ bỏ cho được, buồn thương giận ghét khởi lên phải dứt trừ cho kỳ được. Khi dứt trừ được những ý niệm đó mình cảm thấy được một chút an lạc. Đó là cái giá được trả. Bỏ một ý niệm xấu, mình có chút an lạc là hưởng quả đó. Điều này thực tế và dễ chấp nhận quá với người bình thường. Giá đó cũng được từ từ mỗi ngày hưởng một chút.

Tâm trạng của các ngài Tu Bồ Đề, Mục Kiền Liên, Ca Chiên Diên, Đại Ca Diếp v.v... các Ngài diễn tả đi theo Đức

Phật cũng công phu như thế, từ từ mới vượt qua Tam giới chứng quả Tam thừa.

VĂN KINH

Bấy giờ gã Cùng tử trước hỏi lấy giá cả liền đến hốt phân. Người cha thấy con, thương xót và quái lạ. Lại một ngày khác ông ở trong cửa sổ xa thấy con ôm o tiêu tụy, phân đất bụi bặm dơ dáy không sạch. Ông liền cởi chuỗi ngọc, áo tốt mịn màng cùng đồ trang sức, lại mặc áo thô rách trỉn dơ, bụi đất lấm thân, tay mặt cầm đồ hốt phân, bộ dạng đáng nể sợ, bảo những người làm rằng: Các ngươi phải siêng làm việc chớ nên lười nghỉ! Dùng phương tiện đó để được đến gần người con.

Lúc sau lại bảo con rằng: Gã nam tử này! Người thường làm ở đây đừng lại đi nơi khác, Ta sẽ trả thêm giá cho ngươi. Những đồ cần dùng như loại bồn, chậu, gạo, bột, muối, dấm, ngươi chớ tự nghỉ ngại. Cũng có kẻ tở già hèn hạ, nếu cần Ta cấp cho, nên phải an lòng, Ta như cha của ngươi chớ có sầu lo.

Vì sao? Vì Ta tuổi tác già lớn mà ngươi thì trẻ mạnh, ngươi thường trong lúc làm việc không lòng dối khi, trẽ nải giận hờn nói lời thán oán, đều không thấy ngươi có các điều xấu đó như các người làm công khác. Từ ngày nay nhẫn sau như con đẻ của Ta. Tức thời Trưởng giả lại đặt tên cho Cùng tử gọi đó là con.

Khi đó, gã Cùng tử dầu mừng việc tình cờ đó song vẫn còn tự cho mình là khách, là người làm công hèn, vì có đó mà trong hai mươi năm thường sai hốt phân, sau đó lòng gã mới lần thể tin ra vào không ngại sợ nhưng chỗ gã ở cũng vẫn nguyên chỗ cũ.

Vị nào nhận ra được đạo lý rồi muốn độ một người khác thì rất vất vả, phải phương tiện khéo léo. Ở trong Tứ Nhiếp Pháp thì có Đồng sự nhiếp. Tức là khi muốn độ loài người thì phải làm người. Trong Kinh điển tả, Bồ Tát Hộ Minh từ cung Trời Đâu Suất giáng thân nhập thai xuống cõi Ta Bà mang thân một con người phàm tình vẫn ăn, vẫn uống, vẫn sống, vẫn hít thở như con người bình thường thì mới nói đạo lý cho người bình thường này nghe, dễ dàng hơn là ở cõi Trời kia dùng phương tiện để độ.

Một điều nữa muốn nói là khi muốn làm lợi lạc cho người nào đó thì họ phải có gì đó đồng với nhau mới có thể nói chuyện dễ nghe, mới có thể thông cảm, hai người không đồng với nhau khó thông cảm nhau lắm.

Ví dụ một người nghèo muốn nói đạo lý cho người giàu thì khó, mà người giàu muốn nói đạo lý cho người nghèo cũng khó. Cho nên phải tìm phương tiện nào đó để thân cận gần gũi, để người ta thấy mình và họ không còn cách ly với nhau mới có thể nói được. Tức là tin nhau, hiểu nhau, thông cảm nhau, rồi thì nói tốt nói xấu người đó mới chấp nhận. Lúc chưa hiểu, chưa thông cảm nhau được thì có nói cái gì người ta cũng không chấp nhận, gặt đầu chơi cho vui, để đó, chuyện ai nấy làm.

Người hành đạo Bồ Tát thì phải có đầy đủ phương tiện và có đủ khả năng thâm nhập vào tất cả những hoàn cảnh để giúp đỡ chúng sanh. Hiện tại trong đời sống này có rất nhiều người như vậy. Các vị nói chuyện này với người ta không được, các vị đi bằng con đường khác. Các vị đi sâu vào nhân gian có thể giúp người này người kia bằng phương tiện khéo léo của mình, miễn sao người kia quay về với Chánh Pháp là họ sẵn sàng hy sinh làm.

Điều này xảy ra rất nhiều, chỉ trừ những vị xuất gia không thể thân cận trong chúng sanh thôi. Nhưng vẫn có người ỷ tu nhận hiểu đạo lý họ đi vào nhân gian độ người, tức là Đồng sự nhiếp. Họ thân cận gần gũi tạo sự thông cảm thật sự rồi gợi ý, dạy một câu nào đó để người ta thức tỉnh và giác ngộ Phật đạo rồi thì vị Bồ Tát đó mới đi chỗ khác giáo hóa tiếp.

Phương tiện của các vị Bồ Tát rất linh thông, không theo bất kỳ một chiều hướng nào. Và người có tâm độ sanh thì phải có rất nhiều phương tiện khéo léo, có rất nhiều khả năng để thâm nhập vào tất cả các hoàn cảnh, giúp đỡ tất cả chúng sanh. Phải thấu hiểu hoàn cảnh sinh hoạt của chúng sanh, phải hiểu được cái khổ, cái vui của tất cả chúng sanh thì mới có thể độ giúp người ta được.

Đây là phương tiện rất tuyệt vời của đạo Phật, nên đoạn này dẫn dụ hình ảnh Ông trưởng giả giàu có cởi áo bào đẹp đẽ của mình, mặc áo dơ áo rách là Đồng sự nhiếp trong đạo Phật, để nhiếp hóa chúng sanh, để chúng sanh quay về với đạo lý giác ngộ. Ngài khuyên gã Cùng tử ráng làm ở đây đừng đi nơi khác. Ngài đã giảng dạy đạo lý cho tu tập rồi, Ngài vẫn dặn sợ bỏ đạo, nên Ngài nói thôi con ráng tu, tu vậy là đúng, tu vậy là có kết quả, hiện tại con cũng có kết quả rồi, giống như trong hiện tại Trưởng giả ban những phương tiện sinh hoạt cho gã Cùng tử là những loại bồn, chậu, gạo, bột, muối, dấm v.v...

Do một giai đoạn tu tập rồi thì bản thân Hành giả có chút lợi lạc, muốn cái gì có cái đó cho riêng mình, muốn ăn có ăn, muốn mặc có mặc. Ý muốn nói người nào có phước, có công phu, có sở chứng, có sở đắc trong công phu của mình thì cố gắng thêm nữa. Đó là phương tiện khéo léo của người dẫn đạo.

Trưởng giả ban kẻ hầu người hạ và tô tó cho Cùng tử, tức là Hành giả có thêm kiến thức hiểu biết và có phương tiện đầy đủ cho công phu tu tập của mình, được xem là người tu tập tốt.

Ở đây trong Kinh nói là trong suốt quá trình người làm việc không hề trễ nải, không có lòng giận hờn, không nói lời thán oán, không thấy người có các điều xấu như các người làm công khác. Tức là người Phật tử khi nhận được Pháp tu là luôn luôn tinh tấn ngày đêm, không có phút dừng nghỉ, không hề có sự chán nản công phu. Mặc dù mình hết sức cực khổ nhưng vẫn tinh tấn phấn khích, vẫn phấn khởi trong công phu không hề có một niệm lười mỏi, cho nên chắc chắn vị này sẽ nhận được đạo lý sâu mầu. Dù là hoàn cảnh nào thì người đó vẫn tinh tấn tu tập không hề thối lui. Dù họ ở địa vị nào vẫn phải tu tốt, tâm niệm tìm cầu đạo lý giác ngộ chưa hề có chút lui sụt trong lòng.

Chỗ này diễn tả tâm tư hừng hực của người chưa có một lần trễ nải công phu. Người nào đối với đạo lý cả ngày lẫn đêm mình chưa có một lần quên đi. Ngủ quên thôi giật mình thức giấc là mình nghĩ tới chuyện làm sao mình phải tinh tấn tu hành để diệt sạch tất cả những cù cặn nghiệp tập vốn có trong nhiều đời nhiều kiếp của mình. Làm sao mình nhận ra được Tự Tánh chân thật này để mình hòa trong đó, mình sống không còn làm lẫn đối với trần gian này nữa. Được như vậy thì người đó đang gần với Đạo.

Như trong Ba Mươi Bảy Phẩm Trợ Đạo, phần Dục Như Ý Túc, sự mong muốn như ý của chúng ta không lúc nào tắt. Việc tu học của mình nó trở thành dòng thác cuốn cuộn đời mình đi không dừng lại được nữa. Tức là khi thực hành công phu rồi thì cả ngày lẫn đêm chúng ta không có dừng nghỉ. Chúng ta không tạm quên đạo lý, mà đạo lý là cái gì

đó cao tột chúng ta luôn hướng đến thì người này chắc chắn sẽ đến nơi và được Phật lần lần thọ ký cho.

“Từ ngày nay hẳn sau như con đẻ của ta. Tức thời Trưởng giả lại đặt tên cho Cùng tử gọi đó là “con””*”*. Tức là chấp nhận người đã trở về nguồn cội. Nhưng người Hành giả này vẫn phải hai mươi năm hốt phân nhơ, là suốt hai mươi năm trừ khử những cấu nhiễm tạp tâm tà niệm của mình. Như vậy lần lần tin và nhận ra sự thật đó. Nhưng họ vẫn ở chỗ cũ, tức là chưa chịu bước vô nhà, vẫn ở ngoài hiên mặc dù nhận hiểu là mình có ông cha lành, nhận hiểu là mình có Tự Tánh. Tại vì hồi trước mình có đầy đủ phiền não, đầy đủ nghiệp tập phần dơ thì không chấp nhận nổi.

Bây giờ đã trải qua nhiều năm tu hành, nghiệp tập phiền não rơi bớt, lòng tương đối thanh tịnh, trí đã mở sáng cho nên nhận được điều này. Tức là chấp nhận gần gũi cha già, chấp nhận mình có Phật tánh, chấp nhận mình có cái bất sanh bất diệt nhưng chưa thật sự bước ra khỏi vị trí mình đang đứng, vẫn là chúng sanh chưa bước ra được, vẫn còn ở chỗ cũ.

VĂN KINH

Thế Tôn! Bây giờ Trưởng giả có bệnh, tự biết mình không bao lâu sẽ chết mới bảo Cùng tử rằng: Ta nay rất nhiều vàng bạc, trân bảo, kho đụn tràn đầy, trong đó nhiều ít chỗ đáng xài dùng người phải biết hết đó. Lòng Ta như thế, người nên thể theo ý Ta.

Vì sao? Nay Ta cùng người bèn là không khác, nên gắng dụng tâm chớ để sót mất.

Khi ấy, Cùng tử liền nhận lời bảo, lãnh biết các của vật vàng, bạc, trân bảo và các kho tàng, mà trọn không

có ý mong lấy của đáng chùng bữa ăn, chỗ của gã ở vẫn tại chỗ cũ, tâm chí hạ liệt cũng chưa bỏ được.

Đến bây giờ người này đủ kiến giải Đại thừa, nói tới Giáo lý Đại thừa ngang đây người này hiểu. Từ trước tới giờ không hiểu. Bây giờ hiểu, người ngộ Tánh thì không cần học thêm cái gì nữa. Họ vốn có đầy đủ tất cả và đủ lòng tin với kho báu vô lượng của mình.

Có nghĩa khi có kiến giải Đại thừa rồi là kho đụn tràn đầy, trong đó nhiều ít chỗ đáng xài phải biết hết. Đức Phật diễn tả là có thần thông. Có sở chứng, sở đắc như Thập Lực, Tứ Vô Sở Úy, Thập Bát Bất Cộng của Đức Phật đã chứng, đã đắc được thì người tu Đại thừa khi nhận được Tụ Tánh thì có sở chứng, sở đắc. Người này bắt đầu chấp nhận không sót điều nào, hiểu một cách tường tận và đủ lòng tin rằng mình có kho báu vô tận đó không mất nhưng tâm trí hạ liệt vẫn chưa bỏ, là chưa phá được ngã chấp của chúng sanh từ ngàn đời ngàn kiếp tới bây giờ.

VĂN KINH

Lại trải qua ít lâu sau, cha biết ý chí con lần đã thông thái trọn nên chí lớn, tự chê tâm ngày trước. Đến giờ sắp chết, ông gọi người con đến và hội cả thân tộc, quốc vương, quan đại thần, dòng Sát lợi, hàng Cư sĩ, khi đã nhóm xong, ông liền tự tuyên rằng: Các Ngài nên rõ, người này là con Ta, của Ta sanh ra, ngày trước trong thành nọ, bỏ Ta trốn đi, nổi trôi khổ sở, hơn năm mươi năm, nó vốn tên ấy, còn Ta tên ấy. Xưa Ta ở tại thành này lòng lo lắng tìm kiếm, bỗng ở nơi đây gặp được nó. Nó thật là con Ta, Ta thật là cha nó. Nay Ta có tất cả bao nhiêu của cải, đều là của con Ta có, trước đây của cải cho ra thâu vào, con Ta đây coi biết.

Thế Tôn! Khi đó gã Cùng tử nghe cha nói như thế, liền rất vui mừng được điều chưa từng có, mà nghĩ rằng: Ta vốn không có lòng mong cầu, nay kho tàng báu này tự nhiên mà đến.

Lúc này gã Cùng tử cũng như tất cả chúng sanh đã chấp nhận mình có kho báu tràn đầy trong đó. Đã đủ sức lập nên chí lớn, bỏ đi tâm nhỏ nhiệm tu đâu chúng đó từ trước, mà nhận ra cái kho báu tràn đầy. Đủ sức để hiểu, đủ sức để tin nhận điều đó rồi thì Đức Phật mới bắt đầu nói ra.

“Các Ngài nên rõ, người này là con Ta, của Ta sanh ra”. Tức là tất cả chúng sanh vốn từ nguồn cội giác ngộ giải thoát mà lạc lõng sanh tử nhiều đời nhiều kiếp trong lục đạo luân hồi, bây giờ quay trở về. Cho nên nói nó là con Ta, ngày xưa Ta sanh ra nó, cũng tên đó bỏ đi lang thang bây giờ quay trở về. Chỉ có con đường Phật thừa là con đường chúng sanh phải đi. Dù ở đâu, làm cái gì thì cuối cùng cũng phải quay trở về để hội nhập Phật Tri kiến.

Đức Phật khẳng định trong Tam giới này dù chúng sanh có lang thang, có làm ác một ngày giết hàng triệu chúng sanh khác nhưng trước sau gì thì cũng phải quay về Phật đạo thôi. Nhận Tự Tánh mới thoát khỏi thân phận chúng sanh, không còn con đường thứ hai để có thể đi.

Do đó, đi tìm cầu việc ăn việc ở xứ này xứ nọ, lang thang trong Tam giới này nhưng rồi cũng phải quay về nguồn cội. Tới giờ phút này gã Cùng tử mới chịu nhận mình có Phật tánh, chịu nhận mình có Tri Kiến Phật và được Đức Phật công bố trước công chúng. Có nghĩa Đức Phật khẳng định dù người có như thế nào thì người cũng từ cái gốc đó sanh ra. Người vốn có Tự Tánh, bây giờ có nhận hay không thì nó vẫn như vậy, vẫn tràn đầy kho báu. Trước sau chúng sanh cũng nhận ra điều này và sẽ hưởng được tất cả kho báu

Tri kiến của Như Lai trong ba đời mười phương tất cả chư Phật, không thiếu một chút nào.

Sau khi tu tập trừ những phân nhơ tạp nhiễm phiền não của mình rồi thì bắt đầu hiểu Giáo lý Đại thừa, không còn nghi bất kỳ cái gì kho tàng ẩn khuất giấu kín trong tâm khảm của mình nữa thì lúc đó bật mở ra kho tàng Tự Tánh của chính mình. Tức là một phen không còn nghi về kho báu của nhà mình thì người đó tự nhận ra. Khi đó được cha lành giao phó cho cái không phải tìm cầu mà được. Kho báu tràn đầy tự nhiên mà đến.

Không phải tự nhiên đâu mà cái này là cái vốn có và là cái của tất cả chúng sanh từ ngàn xưa tới bây giờ. Ví dụ chúng ta đang giận người, chúng ta vẫn rõ biết cơn giận đang diễn ra nơi tâm mình. Chúng ta đang nghe tiếng động ở đây, chúng ta nghe tiếng động xung quanh, chúng ta rõ biết tất cả mọi cái. Những cái xảy ra trên toàn thân, hoặc nhúc nhích nơi tâm chúng ta rõ biết không lầm lẫn. Mặc dù chúng ta chưa nhận ra nhưng cái rõ biết đó nó vẫn luôn là như vậy, chỉ có điều chúng ta có hay ra điều đó hay không mà thôi. Khi hay ra thì kho báu tràn đầy. Còn không hay ra thì chúng ta sở hữu từng chút nhỏ nhiệm nào đó ở trong tâm thức của mình.

Đến đây, ngài Tu Bồ Đề đã trình kiến giải đối với Đức Phật về sở đắc, sở ngộ của mình. Ngài cũng khẳng định là Ngài đã có kho báu đó. Tức là từ ngàn xưa tới bây giờ chúng ta có kho báu đầy đủ như chư Phật không hề thiếu vắng, chỉ có điều chúng ta chưa nhận ra, chúng ta chưa sở hữu, chúng ta chưa dùng xài được kho báu đó mà thôi.

VĂN KINH

Thế Tôn! Ông phú Trưởng giả đó là Đức Như Lai, còn chúng con đều giống như con của Phật. Đức Như Lai thường nói chúng con là con.

Thưa Thế Tôn! Chúng con vì ba món khổ nên ở trong sanh tử chịu các sự đau đớn mê lầm không hiểu biết, ưa thích các pháp Tiểu thừa. Ngày nay Đức Thế Tôn khiến chúng con suy nghĩ dọn trừ những phân dơ các pháp hý luận. Chúng con ở trong đó siêng gắng tinh tấn được đến Niết Bàn, cái giá một ngày đã được đây rồi, lòng rất vui mừng tự cho là đủ, mà tự nói rằng: Ở trong Pháp của Phật, do siêng năng tinh tấn nên chỗ được rộng nhiều.

Nhưng Đức Thế Tôn trước biết chúng con lòng ưa muốn sự hèn tẻ, ham nơi Pháp Tiểu thừa, chúng con bèn bị Phật buông bỏ chẳng vì phân biệt rằng: Các ông sẽ có phần bảo tàng tri kiến của Như Lai.

Đức Thế Tôn dùng sức phương tiện nói bày trí huệ của Như Lai. Chúng con theo Phật được giá Niết Bàn một ngày, cho là được nhiều rồi, đối với Pháp Đại thừa này không có chí cầu. Chúng con lại nhân trí huệ của Phật, vì các vị Bồ Tát mà chỉ bày diễn nói nhưng chính tự mình lại không có chí muốn nơi Pháp đó.

Vì sao? Đức Phật biết chúng con ưa nơi Pháp Tiểu thừa, nên dùng sức phương tiện thuận theo chúng con mà nói Pháp, chúng con không tự biết thật là Phật tử. Ngày nay chúng con mới biết Đức Thế Tôn ở nơi trí huệ của Phật không có lẫn tiếc.

Vì sao? Chúng con từ xưa đến nay thật là Phật tử mà chỉ ưa nơi Pháp Tiểu thừa, nếu chúng con có tâm ham

Đại thừa, thời Phật vì chúng con mà nói Pháp Đại thừa. Ở trong Kinh này chỉ nói Pháp Nhất thừa. Lúc xưa Đức Phật ở trước Bồ Tát chê trách Thanh Văn ham Pháp Tiểu thừa.

Nhưng Đức Phật thật dùng Đại thừa để giáo hóa, vì thế nên chúng con nói vốn không có lòng mong cầu mà nay báu lớn của đấng Pháp Vương tự nhiên đến, như chỗ nên được của Phật tử đều đã được đó.

Đoạn trước các Ngài ví dụ về chàng Cùng tử đi lang thang giờ quay về bản quốc. Đến đây các Ngài hợp Pháp lại, nói ông Trưởng giả đó là Đức Như Lai, còn gã Cùng tử kia là các ngài Tu Bồ Đề, ngài Mục Kiền Liên, ngài Ca Chiên Diên, ngài Đại Ca Diếp, từ xưa tới giờ vì ba món khổ nên ở trong sanh tử chịu các sự đau đớn mê lầm không hiểu biết, ưa thích các pháp nhỏ.

Chúng sanh đã vì việc khổ khổ, hành khổ và hoại khổ mà tìm Pháp tu, để diệt ba món khổ đó là các vị thực hành liền, là ưa Pháp nhỏ. Các Ngài lại dùng Pháp tu để dứt trừ những phân dơ, những Pháp hý luận.

Ở đây nói khéo Niết Bàn giá một ngày: *“Chúng con ở trong đó siêng gắng tinh tấn được đến Niết Bàn, cái giá một ngày. Đã được đây rồi lòng rất vui mừng tự cho là đủ, mà tự nói rằng: Ở trong Pháp của Phật, do siêng năng tinh tấn nên chỗ được rộng nhiều”*. Niết Bàn đó theo cái nhìn của Đại thừa thì nó không bền lâu, Niết Bàn đó chỉ một ngày thôi so với cái bất sanh bất diệt, cho nên cái Niết Bàn mà đang trụ của các vị A La Hán nó ngắn ngủi. Vì vậy mà Đức Phật muốn các vị A La Hán chuyển thêm một bước nữa để nhận ra được Tri Kiến Phật, hòa nhập vào cái đại thể, hòa nhập vào cái Tự Tánh đó thì không còn sanh tử luân hồi nữa.

Cái giá Niết Bàn không phải một ngày nữa mà mình thoát ra khỏi, vĩnh viễn không bao giờ bị sanh tử luân hồi trở lại. Đức Phật khuyến khích các vị Thanh Văn vượt ra cái chỗ đang an trú an lạc, do công phu dài lâu của các vị, vì cái an lạc đó không lâu bằng quả vị Phật. Ở đây các Ngài dùng từ là cái giá một ngày. Tức là nó ngăn ngại như một ngày một đêm và còn phải chuyển tiếp sanh tử.

“Do siêng năng tinh tấn nên chỗ được rộng nhiều”. Tức là các vị đã trải qua một giai đoạn công phu tu tập tinh tấn, đã chứng quả Niết Bàn, đã vượt thoát sanh tử luân hồi trong Tam giới cho nên nói *“chỗ được rộng nhiều”*.

“Vì chúng con từ xưa đến nay thật là Phật tử mà chỉ ưa nơi Pháp Tiểu thừa, nếu chúng con có tâm ham Đại thừa, thời Phật vì chúng con mà nói Pháp Đại thừa”. Tùy theo căn tánh mà Đức Phật tạm phương tiện, rồi Đức Phật khéo dẫn từ từ đến khi các vị này chứng Thánh quả. Lúc ấy Đức Phật biết ý chí hạ liệt ngày trước của các vị đã hết, Đức Phật mới nói Giáo lý Đại thừa.

Sau một giai đoạn dài diễn thuyết Kinh Nguyên thủy, Đức Phật cũng nhiều lần nói Giáo lý Đại thừa nhưng các vị đệ tử không nhận ra, nên các vị mới tiếp nhận Pháp phương tiện tu tập để chứng quả A La Hán. Các vị cứ nghĩ là Đức Phật chỉ giảng cho các vị Bồ Tát, không dạy cho mình nhưng đến lúc các vị khởi tâm Đại thừa thì thấy Đức Phật luôn luôn dạy điều ấy. Điều này muốn nói chỗ nhận hiểu của các vị nương theo Giáo lý Nhị thừa, giai đoạn đầu chưa đủ trí nhận hiểu Giáo lý Đại thừa. Đến khi được dự ghi thành Phật thì các vị mới ngộ được Phật Tri Kiến.

Khi các vị đã phát tâm Đại thừa thì Đức Phật liền nói ra. Tức là từng giờ từng phút từng giây Đức Phật nói Kinh điển Đại thừa. Có nghĩa từ xưa tới bây giờ Đức Phật chưa hề có

lòng cho chúng sanh chứng quả vị nào cả, mà lúc nào Đức Phật cũng muốn cho tất cả chúng ta tu hành đều chứng tới quả vị Phật. Tới giờ phút này các vị mới hay điều đó. Trong Giáo lý Nguyên thủy, Đức Phật cũng đã nói điều này rồi, cho tới Kinh điển Đại thừa cũng vẫn là như vậy. Do đó, người nào chưa nhận ra được Tri Kiến Phật và thẳng tu để chứng quả vị Phật thì người đó vẫn chưa đi đúng con đường Phật dạy, chưa thực hiện đúng tâm nguyện hoài bão của Đức Phật là khai thị chúng sanh ngộ nhập Phật Tri Kiến.

“Ngày nay chúng con mới biết Đức Thế Tôn ở nơi trí tuệ của Phật không có lần tiếc”. Các vị cứ nghĩ là Đức Thế Tôn có tâm lần tiếc nhưng hiểu ra rồi mới thấy là từng lời từng chữ của Đức Phật đều chỉ thẳng con đường thành Phật. Nghĩ Đức Phật dạy cho Bồ Tát tu thôi không dạy cho mình. Khi ngộ ra rồi mới thấy đó là lỗi của mình.

Đây là chỗ khẳng định cuối cùng của các vị. Và thấy rằng người nào hiểu được điều này là người đó đã nhận được cái chân thật. Vì không có lời nói nào, không có cử chỉ hành động nào của Đức Phật ở trong Kinh nói thừa cả. Để chúng ta thấy là tất cả Kinh điển Đức Phật nói ra trong suốt bốn mươi chín năm giáo hóa chúng sanh là Đức Phật muốn chúng sanh nhận và tu tập chứng được quả Phật, ngoài ra không còn con đường nào khác.

Người nào đã tu theo đạo Phật rồi mà còn kiến giải phân biệt Nguyên thủy và Đại thừa phát triển, cho đạo này như thế này, đạo kia như thế kia thì biết rằng trí tuệ người đó chưa tròn đủ, còn khiêm khuyết. Còn thấy Nguyên thủy và Đại thừa khác nhau, còn thấy Thiên tông và Tịnh độ khác nhau v.v... thì biết người đó chưa triệt ngộ. Phải thấy như các vị ở đây là Đức Phật chưa hề lần tiếc. Khi có một chúng sanh cần Đại thừa là có tiếng nói Đại thừa, có nghĩa là tùy

theo tâm niệm, sở cầu chúng sanh mà Đức Phật nói Pháp theo tâm mong cầu học đạo của chúng sanh đó.

Bản ý của chư Phật ba đời đều muốn chúng sanh nhận ra Phật Tri kiến. Và các vị đã nhận hiểu được điều này, mới thấy rằng từ trước tới giờ Đức Phật chưa dạy Tiểu thừa. Mặc dù là phương tiện nhưng không phải là dạy Tiểu thừa. Đây là ý mở ra, một người khi thấy ra sự thật này thì thấy được tất cả các pháp đều bình đẳng tuyệt đối, không có Pháp cao, không có Pháp thấp, không có tiểu và không có đại trong này.

Khi một người nhận ra đạo lý cùng tột rồi thì họ hiểu tất cả các pháp đều bình đẳng. Thiện ác một phen được hóa giải không còn tâm lấy bỏ. Còn lấy, còn bỏ, còn phân biệt hai bên trong công phu tu tập của mình thì biết trí tuệ còn khiếm khuyết nhiều lắm.

VĂN KINH

Bấy giờ, ngài Ma ha Ca Diếp muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

**Chúng con ngày hôm nay
Nghe âm giáo của Phật
Lòng hớn hỡ mừng rỡ
Được Pháp chưa từng có.
Phật nói hàng Thanh Văn
Sẽ được thành quả Phật
Đổng châu báu vô thượng
Chẳng cầu tự nhiên được.
Ví như gã đồng tử
Thơ bé không hiểu biết
Bỏ cha trốn chạy đi
Đến cõi nước xa khác
Nổi trôi khắp nước ngoài**

Hơn năm mươi năm dài
Cha già lòng buồn nhớ
Kiếm tìm khắp bốn phương
Kiếm tìm đó đã mỗi
Liên ở lại một thành
Xây dựng nên nhà cửa
Năm món dục tự vui.
Nhà ông giàu có lớn
Nhiều những kho vàng, bạc
Xa cừ, ngọc mã nã
Trân châu, ngọc lưu ly
Voi ngựa cùng trâu dê
Kiệu, cán đủ xe cộ
Ruộng đất và tôi tớ
Nhân dân rất đông nhiều
Xuất nhập thâu lời lãi
Bèn khắp đến nước khác
Khách thương người buôn bán
Không xứ nào không có,
Nghìn muôn ức chúng hội
Vây quanh cung kính ông,
Thường được bậc vua chúa
Mến yêu nhớ tưởng đến
Các quan, hạng hào tộc
Đều cũng đồng tôn trọng
Vì có các sự duyên
Người tới lui rất đông
Giàu mạnh như thế đó
Có thể lực rất lớn
Mà tuổi đã già nua
Lại càng buồn nhớ con
Ngày đêm luống suy nghĩ
Giờ chết toan sắp đến

Con thơ đại bỏ Ta
Hơn năm mươi năm tròn
Các cửa vật kho tàng
Sẽ phải làm thế nào?
Bấy giờ gã Cùng tử
Đi tìm cầu ăn mặc
Áp này đến áp khác
Nước này sang nước nọ,
Hoặc có khi được của
Hoặc có khi không được,
Đói thiếu hình gầy gò
Thân thể sanh ghẻ lác.
Lần lựa đi trải qua
Đến thành cha gã ở
Xoay vẫn làm thuê mướn
Bèn đến trước nhà cha.
Lúc ấy ông Trưởng giả
Đang ở trong nhà ông
Giăng màn châu báu lớn
Ngồi tòa sư tử cao
Hàng quyền thuộc vây quanh
Đông người đứng hầu hạ,
Hoặc có người tính toán
Vàng, bạc, cùng vật báu
Của cải ra hoặc vào
Biên chép ghi giấy tờ.
Gã Cùng tử thấy cha
Quá mạnh giàu tôn nghiêm
Cho là vị quốc vương
Hoặc là đồng bậc vua,
Kính sợ tự trách thâm
Tại sao lại đến đây?
Lại thâm tự nghĩ rằng:

Nếu Ta đứng đây lâu
Hoặc sẽ bị bức ngặt
Ép buộc sai khiến làm.
Suy nghĩ thế đó rồi
Rảo chạy mà đi thẳng
Hỏi thăm xóm nghèo nàn
Muốn qua làm thuê mướn.
Lúc bấy giờ Trưởng giả
Ngồi trên tòa sư tử
Xa trông thấy con mình
Thăm lặng mà ghi nhớ,
Ông liền bảo kẻ sứ
Đuổi theo bắt đem về.
Gã Cùng tử sợ kêu
Mê ngất ngã trên đất
Người này theo bắt tôi
Chắc sẽ bị giết chết
Cần gì đồ ăn mặc
Khiến tôi đến thế này!
Trưởng giả biết con mình
Ngu dại lòng hẹp hèn
Chẳng chịu tin lời Ta
Chẳng tin Ta là cha
Ông liền dùng phương tiện
Lại sai hai người khác
Mắt chột, thân lùn xấu
Hạng không có oai đức!
Các người nên bảo nó
Rằng Ta sẽ thuê nó
Hốt dọn các phân nhơ
Trả giá bội cho nó.
Gã Cùng tử nghe rồi
Vui mừng theo sứ về

Vì dọn các phân nhơ
Sạch sẽ các phòng nhà
Trưởng giả trong cửa sổ
Thường ngó thấy con mình
Nghĩ con mình ngu dại
Ưa thích làm việc hèn.
Lúc đó ông Trưởng giả
Mặc y phục cũ rách
Tay cầm đồ hốt phân
Qua đến chỗ con làm
Phương tiện lần gàn gỏi
Bảo rằng: ráng siêng làm!
Đã thêm giá cho người
Và cho dầu thoa chân
Đồ ăn uống đầy đủ
Thêm đệm chiếu đầy ấm
Cặn kẽ nói thế này:
Người nên siêng làm việc!
Rồi lại dịu dàng bảo
Như con thật của Ta.
Ông Trưởng giả có trí
Lần lần cho ra vào
Trải qua hai mươi năm
Coi sóc việc trong nhà,
Chỉ cho biết vàng, bạc,
Ngọc trân châu, pha lê
Các vật ra hoặc vào
Đều khiến gã biết rõ.
Gã vẫn ở ngoài cửa
Nương nấu nơi am tranh
Tự nghĩ phận nghèo nàn
Ta không có vật đó.
Cha biết lòng con mình

**Lần lần đã rộng lớn
Muốn giao tài vật cho
Liên nhóm cả thân tộc
Quốc vương, các đại thần
Hàng Sát lợi, Cư sĩ
Rời ở trong chúng này
Tuyên nói chính con Ta
Bỏ Ta đi nước khác
Trải hơn năm mươi năm,
Từ gặp con đến nay
Đã hai mươi năm rồi
Ngày trước ở thành kia
Mà mất đứa con này
Ta đi tìm khắp nơi
Bèn đến ngụ nơi đây
Phàm của cái Ta có
Nhà cửa cùng nhân dân
Thấy đều phó cho nó
Mặc tình nó tiêu dùng.
Người con nhớ xưa nghèo
Chí ý rất kém hèn
Nay ở nơi cha mình
Được quá nhiều châu báu
Và cùng với nhà cửa
Gồm tất cả tài vật,
Lòng rất đổi vui mừng
Được điều chưa từng có.
Đức Phật cũng như thế
Biết con ưa Tiểu thừa
Nên chưa từng nói rằng
Các người sẽ thành Phật
Mà chỉ nói chúng con
Được có đức vô lậu**

Trọn nên quả Tiểu thừa
Hàng Thanh Văn đệ tử
Đức Phật bảo chúng con
Nói đạo Pháp Tối thượng
Người tu tập Pháp này
Sẽ được thành Phật quả
Chúng con vâng lời Phật
Vì các Bồ Tát lớn
Dùng các món nhân duyên
Cùng các món thí dụ
Bao nhiêu lời lẽ hay
Để nói đạo Vô thượng.
Các hàng Phật tử hãy
Từ nơi con nghe Pháp
Ngày đêm thường suy gẫm
Tinh tấn siêng tu tập.
Bấy giờ các Đức Phật
Liên thọ ký cho kia:
Các ông ở đời sau
Sẽ được thành Phật đạo.
Pháp mâu rất bí tàng
Của tất cả các Phật
Chỉ để vì Bồ Tát
Mà dạy việc thật đó,
Nhưng chẳng vì chúng con
Nói Pháp chân yếu này
Như gã Cùng tử kia
Được gần bên người cha
Dầu lãnh biết các vật
Nhưng lòng chẳng mong cầu,
Chúng con dầu diễn nói
Tặng Pháp báu của Phật
Tự mình không chí nguyện

Cũng lại như thế đó.
Chúng con diệt bề trong
Tự cho là đã đủ
Chỉ xong được việc này
Lại không biết việc khác.
Chúng con đâu có nghe
Pháp tịnh cõi nước Phật
Cùng giáo hóa chúng sanh
Đều không lòng ưa vui.
Như thế là vì sao?
Vì tất cả các pháp
Thấy đều là không lặng
Không sanh cũng không diệt
Không lớn cũng không nhỏ
Vô lậu và vô vi,
Suy nghĩ thế đó rồi
Chẳng sanh lòng ưa muốn.
Chúng con đã từ lâu
Đối với trí huệ Phật
Không tham không ưa thích
Không lại có chí nguyện,
Mà đối với Pháp mình
Cho đó là rất ráo.
Chúng con từ lâu nay
Chuyên tu tập Pháp Không
Được thoát khỏi hoạn nạn
Khổ não của ba cõi
Trụ trong thân rốt sau
Hữu dư y Niết Bàn
Đức Phật dạy bảo ra
Chúng được đạo chẳng luống
Thời là đã có thể
Báo được ơn của Phật.

Chúng con dầu lại vì
Các hàng Phật tử thấy
Tuyên nói Pháp Bồ Tát
Đề cầu chúng Phật đạo
Mà mình đối Pháp đó
Trợn không lòng ham muốn
Đấng Đạo Sư buông bỏ
Vì xem biết lòng con
Ban đầu không khuyên gắng
Nói những lợi có thật
N như ông Trưởng giả giàu
Biết con chí kém hèn
Bèn dùng sức phương tiện
Để hoà phục tâm con
Vậy sau mới giao phó
Tất cả tài vật báu
Đức Phật cũng thế đó
Hiện ra việc ít có
Biết con ưa Tiểu thừa
Bèn dùng sức phương tiện
Điều phục tâm của con
Rồi mới dạy trí lớn.
Chúng con ngày hôm nay
Được Pháp chưa từng có
Chẳng phải chỗ trước mong
Mà nay tự nhiên được
N như gã Cùng tử kia
Được vô lượng của báu
Thế Tôn! Chúng con nay
Được đạo và chứng quả
Ở nơi Pháp vô lậu
Được tuệ nhãn thanh tịnh
Chúng con từ lâu nay

**Gìn tịnh giới Phật chế
Mới ở ngày hôm nay
Được hưởng quả báo đó,
Trong Pháp của Pháp vương
Lâu tu hành phạm hạnh
Ngày nay được vô lậu
Quả báo lớn vô thượng.**

Các vị trình bày cái thấy biết của mình một lần nữa với Đức Phật và khẳng định rằng các Ngài đã thật sự được đạo quả nơi Pháp vô lậu. Bây giờ các Ngài đã thật sự được đạo nhãn thanh tịnh rồi. Lâu nay các Ngài đã hằng gìn giữ Giáo Pháp của Đức Phật và hưởng quả báo vô thượng đó.

VĂN KINH

**Chúng con ngày hôm nay
Mới thật là Thanh Văn
Đem tiếng đạo của Phật
Cho tất cả đều nghe
Chúng con ngày hôm nay
Thật là A La Hán
Ở nơi các thế gian
Trời, Người và Ma, Phạm
Khắp ở trong chúng đó
Đáng lãnh của cúng dường.**

Tới chỗ này, các Ngài mới tự xưng mình xứng đáng là đệ tử Phật. Nếu chúng ta là đệ tử chân chánh thì chúng ta phải nhận ra được Tri Kiến Phật. Chúng ta mới bắt đầu quy y và xuất gia thì chưa phải thật là đệ tử chân chánh. Bởi vì các Ngài đủ sức hiểu tâm ý của Đức Phật và làm được điều Đức Phật mong muốn, là thừa kế được sự nghiệp vĩ đại của Đức Phật.

VĂN KINH

**Ơn lớn của Thế Tôn
Đem việc ít có này
Thương xót dạy bảo cho
Làm lợi ích chúng con
Trải vô lượng ức kiếp
Ai có thể đền được.
Tay lấn chân cung cấp
Đầu đánh lễ cung kính
Tất cả đều cúng dường
Đều không thể đền được.
Hoặc dùng đầu đội Phật
Hai vai cùng cõng vác
Trong kiếp số hằng sa
Tận tâm mà cung kính,
Lại đem dâng đồ ngon
Y phục báu vô lượng
Và các thứ đồ nằm
Cùng các món thuốc thang
Gỗ Ngưu đầu chiên đàn
Và các vật trân báu
Để dựng xây tháp miếu
Y báu lót trên đất
Như các việc trên đây
Đem dùng cúng dường Phật
Trải kiếp số hằng sa
Cũng không đền đáp được.**

Các Ngài nói là dù phải trải qua trăm ngàn muôn ức kiếp vai vác Phật, đầu đội Phật, trân trọng cúng dường tất cả những trân báu quý nhất trần gian này, cũng không thể đền trả ơn quá lớn này đối với Đức Phật.

Người hiểu đạo lý rồi thì lòng tri ơn và báo ơn của mình đối với Đức Phật đến mức độ cùng tột, không phút giây nào ngơi. Và không có cái ơn nào lớn hơn cái ơn cứu thoát mình ra khỏi sanh tử. Người nào có lòng tri ơn và báo ơn chư Phật cao tột chừng nào thì thể hiện đạo lý người đó càng cao chừng ấy. Ngược lại, lòng chúng ta chưa có một chút tri ơn Đức Phật thì biết chúng ta chưa biết đạo lý.

Cho nên người thọ ơn sâu của Đức Phật, vừa ngủ dậy là họ khởi tâm cung kính lễ Phật liền, họ muốn đem tất cả những gì quý giá nhất của cuộc đời mình cung kính dâng lên Đức Phật. Đức Phật là bậc tối tôn, tối kính trong lòng họ, họ đem cả đời còn lại của mình để lợi lạc quần sanh đền ơn sâu của chư Phật.

Đối với chúng ta Đức Phật luôn luôn là bậc tôn quý mà không phút giây nào chúng ta có thể tạm quên hay tạm vắng bóng Ngài nơi lòng mình. Lòng tri ơn và báo ơn đó tràn ngập ở tâm chúng ta và luôn luôn tìm phương tiện giáo hóa tất cả chúng sanh để đền ơn thâm sâu của chư Phật. Đức Phật dạy: *“Này các Tỳ kheo, nếu có chúng sanh nào biết ơn và đền ơn dù sống cách xa Ta ngàn dặm vẫn như bên cạnh Ta. Người nào không biết ơn và không đền ơn dù đứng bên cạnh Ta vẫn như cách xa Ta ngàn dặm”*. Người đã thấu hiểu chân lý thì nơi tâm của họ lúc nào cũng nghĩ tới việc lợi lạc chúng sanh để báo đền ơn chư Phật.

VĂN KINH

**Các Phật thật ít có
Đẳng vô lượng vô biên
Đến bất khả tư nghì
Đủ sức thần thông lớn,
Bậc vô lậu vô vi
Là vua của các pháp**

**Hay vì kẻ hạ liệt
Nhận việc cao thượng đó,
Hiện lấy tướng phạm phu
Tùy cơ nghi dạy nói
Các Phật ở nơi Pháp
Được sức rất tự tại
Biết các hàng chúng sanh
Có những điều ưa muốn
Và chí lực của nó
Theo sức nó kham nhiệm
Dùng vô lượng thí dụ
Mà vì chúng nói Pháp
Tùy theo các chúng sanh
Trông căn lành đời trước
Lại biết đã thành thực
Hay là chưa thành thực
Suy lường những điều đó
Phân biệt biết rõ rồi
Ở nơi đạo Nhất thừa
Tùy cơ nghi nói ba.**

Phân trùng tụng lặp lại ý trên.

* * *

PHẨM “ĐƯỢC THẢO DỤ” THỨ NĂM

VĂN KINH

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo ngài Ma ha Ca Diếp các vị đại đệ tử: **Hay thay! Hay thay! Ca Diếp. Khéo nói được công đức chân thật của Đức Như Lai. Đúng như lời các ông vừa nói; Đức Như Lai lại còn có vô lượng vô biên A tăng kỳ công đức, các ông dầu trải qua vô lượng ức kiếp nói cũng không hết được.**

Ca Diếp nên biết! Đức Như Lai là vua của các pháp nếu có nói ra lời chi đều không hư dối vậy. Phật ở nơi tất cả pháp dùng sức trí tuệ phương tiện mà diễn nói, Pháp của Phật nói thấy đều đến bậc Nhất thiết trí. Đức Như Lai xem biết chỗ quy thú của tất cả pháp; cũng rõ biết chỗ tâm sở hành của tất cả chúng sanh thông thấu không ngại. Phật lại ở nơi các pháp rốt ráo rõ biết hết, chỉ bày tất cả trí tuệ cho các chúng sanh.

Trong phẩm Tín Giải, bốn vị đại đệ tử của Đức Phật trình kiến giải và sở ngộ của mình và khen tặng Đức Phật dùng nhiều phương tiện hóa độ chúng sanh để chúng sanh được về với Nhất thừa. Đức Phật chấp nhận lời khen tặng là biết được công đức chân thật của Như Lai nhưng Đức Phật nói *“các ông dầu trải qua vô lượng ức kiếp nói cũng không hết được”*.

Sự thật như vậy, công đức của Đức Phật thì dù chúng ta có trăm ngàn muôn lười, trải qua ngàn muôn đời đi nữa cũng không thể ca tụng được ít phần. Vì việc làm của Đức Phật không thể nghĩ bàn. Đến khi Đức Phật viên mãn đạo quả, trải qua ba đại A tăng kỳ kiếp rồi thì công hạnh tu hành

của Ngài trong từng giờ từng phút từng giây Ngài sống trong hạnh Bồ Tát, là làm vô lượng vô biên công đức mới thành tựu được đạo quả Vô Thượng này.

“Ca Diếp nên biết! Đức Như Lai là vua của các pháp nếu có nói ra lời chi đều không hư dối vậy”.

Đức Phật tự xưng mình là vua các pháp. Tất cả những lời Pháp của Đức Phật nói ra đều là dụng của trí tuệ Phật.

Khi một người chưa chứng đắc được bản thể thanh tịnh, chưa sống hoàn toàn trong Bản thể thanh tịnh thì chúng ta bị quy luật vật lý xoay chuyển. Cái nóng làm chúng ta nóng, cái lạnh làm chúng ta lạnh, có khi thay đổi thời tiết chúng ta phải bệnh hoạn, có khi thức ăn nấu mặn chúng ta ăn bị mặn. Nhưng riêng Đức Phật không bị những chuyện đó. Nóng thì Đức Phật đủ sức làm cho Đức Phật mát, lạnh thì Đức Phật đủ sức làm cho Đức Phật ấm. Thậm chí bất kỳ đồ ăn nào đưa vào qua tay Đức Phật đều biến thành cam lồ.

Chúng ta nhớ câu chuyện về Đức Phật ăn lúa ngựa. Có một lần vua A Kỳ Đạt mời Đức Phật và Tăng đoàn đến cúng dường trong ba tháng hạ. Nhưng vị vua đó bị ma ám, mê chơi đánh cờ quên việc cúng dường. Tới giờ ăn Đức Phật và năm trăm vị Tỳ kheo đói, ông giữ ngựa thấy tội quá đem lúa ngựa cúng dường Phật và chư Tăng ăn cho đỡ đói. Ăn ngày thứ nhất ngài A Nan ráng ăn nhưng nhìn Đức Phật ăn mà rớt nước mắt, thực phẩm cho ngựa ăn mà bây giờ để cúng dường Phật và chư Tăng ăn, đây là việc hết sức đau buồn. Lúc ấy Đức Phật gọi A Nan lại hỏi: *“Tại sao ông khóc?”* A Nan thưa: *“Bạch Đức Thế Tôn, Ngài là Thầy của Trời người mà giờ này phải ăn lúa ngựa, chúng con thấy thật là đau xót”.* Đức Phật nói: *“Lại đây ta cho ông ăn”.* Khi ấy Đức Phật lấy một miếng lúa ngựa bỏ vào miệng A Nan. A Nan bật khóc lớn hơn nữa vì quá hạnh phúc khi

hưởng được thượng vị cam lồ này. Ngài đã từng nhiều lần theo Đức Phật thọ những bữa trai, do các vua chúa cúng dường hết sức sang trọng, nhưng những món ngon vật quý ấy vẫn không thể so sánh với thượng vị cam lồ từ mấy hạt lúa ngựa mà Phật bỏ vào miệng A Nan.

A Nan bạch Phật: *“Bạch Đức Thế Tôn, vị cam lồ thượng diệu này là như thế nào? Con chưa hiểu rõ?”*. Đức Phật dạy: *“Này A Nan! Phước lực của Ta, dù Ta cầm thuốc độc cũng biến thành cam lồ, còn các ông thì chưa được phước này nên ăn lúa ngựa chỉ là lúa ngựa mà thôi”*.

Đức Phật là vua các pháp, nghĩa là Đức Phật với phước đức và trí tuệ của Ngài đủ sức chuyển hóa và làm chủ tất cả những cái trong Tam giới này. Nếu muốn các pháp đó như thế nào thì các pháp liền thành như ý Đức Phật. Thật sự như vậy nhưng Đức Phật không làm điều đó, Đức Phật chỉ dùng lời nói thuyết Pháp cho chúng sanh nghe thôi. Cho nên nói Đức Phật là vua các pháp không hề hư dối.

Ví dụ cả Tam giới này, Đức Phật muốn thành không là phút chốc nó liền thành không. Cũng như vua muốn người nào sống là người đó sống, muốn người nào chết là người đó chết. Trong Tam giới này đều nằm trong tình thương và lòng bao dung của Đức Phật. Tất cả các Pháp có trong trần gian này muốn xoay chuyển theo tình huống nào Đức Phật cũng thừa sức xoay chuyển được. Cho nên Đức Phật là vua thật sự. Đây không phải là lời nói ngoa. Không phải Đức Phật tự xưng mà Đức Phật có đầy đủ năng lực và trí tuệ như thế.

Ví dụ lúc ma Ba tuần đến báo với Đức Phật : *“Ngài đã hết tuổi thọ rồi”*. Đức Phật đã gật đầu đồng ý sau đó Đức Phật mới nói với A Nan: *“Này A Nan, người tu chứng đắc Tứ Như Ý Túc có khả năng kéo dài tuổi thọ một trăm năm,*

một ngàn năm, cho đến hằng hà sa số năm”. Khi Đức Phật nói vậy với A Nan nhưng A Nan không tỉnh táo hiểu Đức Phật muốn nhắc mình. Vì Đức Phật đã tu và đã chứng được Tứ Như Ý Túc rồi thì không bao giờ bị quy luật vật lý làm chủ được, muốn kéo dài tuổi thọ bao nhiêu cũng được. Nếu lúc đó ngài A Nan đủ định tĩnh, để thỉnh Đức Phật trụ thế mười ngàn năm thì giờ này chắc Đức Phật vẫn còn. Do A Nan không thỉnh nên Đức Phật xả bỏ thọ mạng của mình để đi theo quy luật vật lý, thế mà ba tháng sau Đức Phật mới chính thức nhập Niết Bàn, đó là điều kỳ diệu của Đức Thế Tôn, chứ trên thế gian này không ai xả bỏ thọ mạng rồi mà còn có thể sống thêm một ngày nào nữa.

Các vị Thánh và chư vị Tổ sư, đệ tử của Đức Phật sau này, khi viên tịch muốn lưu toàn thân Xá lợi thì họ dùng một chút định lực của mình bảo trì nhục thân đến hàng ngàn năm vẫn không hư hoại, đó là định lực sâu của các vị mà không cần ướp bất cứ thứ gì để gìn giữ nhục thân. Đến bây giờ, khoa học hiện đại vẫn không thể giải thích nổi điều này, vì người đã tu chứng Thánh rồi thì vượt khỏi quy luật vật lý và làm chủ được vật lý, nên muốn thân vật lý này tồn tại bao lâu cũng được. Cho nên các Thiền sư đạt đạo khi viên tịch muốn cho nhục thân này tan rã thì thiêu hoặc chôn, còn muốn lưu thân Xá lợi thì các vị dùng tí định lực nhỏ để lưu thân. Hiện tại trên thế giới cũng có rất nhiều nhục thân của các vị để lại từ vài chục năm đến vài trăm năm.

Vì vậy, ở đây nói Đức Phật là vua các pháp. Tức là trong tất cả cái hiện có trong Tam giới này, Đức Phật muốn xoay chuyển theo cách nào cũng được. Nhưng vì sao chúng sanh vẫn còn mê muội và khổ não trong sanh tử luân hồi? Đó là vì nghiệp quả riêng của tất cả chúng sanh. Với trí tuệ của Đức Phật, vì không muốn phá vỡ quy luật của vật lý nên Ngài giảng dạy để cho chúng sanh tự chuyển hóa nghiệp lực

của mình, tức là chỉ ra đạo lý sống để chúng ta nương theo, chúng ta tu tập cho tới giác ngộ giải thoát. Ví dụ làm cho chúng ta bật vọng niệm ba ngày Đức Phật đủ sức làm chuyện đó, muốn chúng ta nhập định năm ngày Đức Phật đủ sức làm chuyện đó nhưng Đức Phật không làm, vì tất cả các pháp đều có nhân quả, Đức Phật rất tôn trọng nhân quả của tất cả chúng sanh. Cho nên phải để cho nó đi theo chiều nhân quả chứ không phải Đức Phật làm không được.

Có những vị Đại đệ tử trong thời Đức Phật, họ gặp Đức Phật là ngộ đạo. Đức Phật thấy cái vận hành tâm thức của chúng ta như thế nào, Đức Phật cho lời nói để chặn đứng và cắt cái dòng tâm hành đó để chúng ta nhận được đạo lý liên. Cho nên rất nhiều người gặp Đức Phật chỉ một câu, một lời, một hành động, một cử chỉ của Đức Phật là người đó ngộ đạo. Kế nữa, Đức Phật nói ra điều gì thì đúng như thật, không hề hư dối. Hư dối đây không phải là chuyện thật chuyện giả, chuyện có nói không, chuyện không nói có. Mà cái nghĩa như thật ở đây là Đức Phật thấy tận cùng cái bề mặt bề trái, bên đúng bên sai của tất cả các pháp, cho nên lời nói của Đức Phật là nói thấu triệt tới cái bên trong, bên ngoài, thấu triệt tới chiều sâu của tất cả các pháp. Nói rất đúng không hề có một chút nào hư vọng.

Trí tuệ Đức Phật soi thấu từ bên ngoài cho tới bên trong, từ thô cho tới tế của tất cả các pháp. Vì vậy Đức Phật thốt ra bất kỳ lời nào là trọn vẹn đầy đủ không hề thiếu về tất cả nghĩa lý của nó, về tánh, về tướng, về huyền, về thật, Đức Phật nói một câu là đã đầy đủ hết.

“Phật ở nơi tất cả Pháp dùng sức trí tuệ phương tiện mà diễn nói, Pháp của Phật nói thấy đều đến bậc Nhất Thiết Trí”. Nhất Thiết Trí, nghĩa là Pháp nào Đức Phật nói ra sẽ đạt tới trí tuệ thấu hiểu tất cả những trí tuệ của tất cả những

chúng loại. Ở trí tuệ bậc nào Đức Phật nói ra một lời là thấu suốt hết.

Ví dụ như bây giờ nói về hạnh phúc gia đình thì Đức Phật cũng thấy hết những điều đó. Mặc dù Đức Phật chỉ dạy Pháp tu thôi. Đức Phật nói một câu, một lời nào thì nó đã thấu tột hết tất cả những trí tuệ của trần gian này. Về Vô thường thì Đức Phật thấy hết tất cả các mặt Vô thường. Nói nhân quả thì Đức Phật thấu tận nhân quả. Chúng ta có thể suy luận một người hay đi chùa cúng hoa cho Phật thì theo trong Kinh nhân quả đời sau được đẹp. Điều đó chúng ta chỉ suy luận thôi. Hoặc người đó làm thiện khi chết chắc người đó sanh về cõi lành. Chỉ chừng đó với trí tuệ của mình. Nhưng với Đức Phật thì khác. Một khi có vị Tỳ kheo nào tịch, ngài A Nan đánh lễ thưa Đức Phật vị Tỳ kheo này tịch, bây giờ sanh về đâu. Đức Phật thấy người đó chết sanh về cõi giới nào rất rõ ràng như đang thấy một quả cam trong lòng bàn tay.

Khi Đức Phật đi giảng đạo, làm sáng tỏ hết tất cả từ sơ thiện tâm cho tới chỗ giác ngộ giải thoát tận cùng. Lời nói của Đức Phật không thiếu sót, gọi là nói đạt tới chỗ Nhất Thiết Trí. Tức là tất cả những trí tuệ mà Đức Phật nói ra một lời, đều đạt tới chỗ cùng tột của tất cả các trí tuệ vốn có trong Tam giới này. Tất cả những bản Kinh Đức Phật thuyết trong hệ thống Kinh Nguyên thủy cũng như Đại thừa đều đạt tới Nhất thiết trí rồi.

Chúng ta nói trong giới sát sanh thôi. Một người Phật tử quy y Tam Bảo thọ Ngũ giới, mình nghĩ là mình không giết người, không giết một số loài vật là đủ. Phật tử hiểu như vậy cũng không sai. Người tu sâu một chút nữa thì họ sẽ thấy rằng nếu tâm niệm người tu thanh tịnh chừng nào thì đặng tới loài chúng sanh nhỏ nhít họ đã thấy phạm. Chúng

ta tu thêm chút nữa trong chuyên môn thì thấy chúng sanh không phải là loài này loài kia, không phải là những người sinh hoạt, mà họ thấy đó là chúng sanh tâm. Nếu như khởi một ý niệm nào ở trong lòng mà chúng ta cố ý diệt trừ tức là lúc đó chúng ta vẫn còn phạm giới sát.

Ví dụ mình thấy bông hoa đẹp, mình khởi ý niệm đắm trước bông hoa đó. Nếu đang công phu thì thấy điều đó không đúng, liền có thái độ diệt trừ ý niệm dính mắc đó thì gọi là tự sát. Hoặc khi ý niệm vướng mắc khởi lên mà tự mình không dứt được, phải mượn một Pháp tu mới dứt trừ được ý niệm vướng mắc thì gọi là tha sát. Khi thấy tất cả ý niệm tự lặn dứt thì mình sanh tâm hoan hỷ, đó là tùy hỷ sát.

Đối với một người chuyên môn, nếu còn dụng công để dứt trừ diệt bỏ một chúng sanh tâm thì vẫn còn phạm giới sát. Cho nên giữ giới sát sanh ở chiều sâu hơn một chút là có khả năng thành Phật. Vì sao? Vì nếu thấy các pháp còn vướng mắc là còn chúng sanh sanh ra, còn thấy chúng sanh diệt đi thì người đó không thấy bình đẳng giữa mình và tất cả các pháp.

Ngay khi thấy là Như Thị, như Thật Tướng hiện tiền. Không còn chúng sanh nào sanh ra và diệt đi nơi tâm mình thì người đó mới giữ giới sát sanh trọn vẹn.

Lời nói của Đức Phật đạt tới Nhất Thiết Chúng Trí. Tức là tất cả những trí từ thấp cho tới cao, Đức Phật nói ra một lời đã đạt tới tận cùng của chân lý rồi, nhưng chúng ta không đủ trí tuệ để hiểu nổi chân lý cao tột từ kim khẩu của Đức Phật.

Ví dụ chúng ta nhập định, là cảnh giới chúng sanh không hình tướng sanh ra theo Kinh Kim Cang. Rồi chúng ta vui mừng, chúng ta chấp nhận, chúng ta sanh kiến giải nơi đó

thì cũng là một chúng sanh ở tầm khác bắt đầu sanh ra. Sau đó chúng ta phát hiện rằng chỗ đó chưa đến tận cùng, chúng ta muốn dứt trừ, muốn vượt qua cái định đó, cũng là một dạng chúng sanh ở chiều sâu của tâm thức. Vì vậy, khi nào nơi trí tuệ người đó chạm mắt là Bồ đề, là Như Như hoàn toàn thì người đó mới giữ trọn vẹn giới không sát sanh.

Đức Như Lai xem biết chỗ quy thú của tất cả pháp; cũng rõ biết chỗ tâm sở hành của tất cả chúng sanh thông thấu không ngại.

Tất cả các pháp đều có chỗ quy thú của nó. Tất cả những lời nói của Đức Phật, chỗ quy thú của nó là gì? “*Trăm sông chảy về biển. Biển có vị mặn. Tất cả Giáo lý của Đức Như Lai có một vị là vị giải thoát*”. Nếu chúng ta hiểu ở tầng thấp thì các pháp vốn tự giải thoát. Còn Đức Phật đã thấy hết các pháp vốn tự tịch diệt, các pháp vốn tự trong lặng thanh tịnh hoàn toàn, các pháp vốn tự tịch diệt từ ngàn xưa tới giờ đó là sở quy thú của các pháp.

“*Cũng rõ biết chỗ tâm sở hành của tất cả chúng sanh thông thấu không ngại*”. Ví dụ chúng ta đối diện với Đức Phật thì Đức Phật liền biết mình thuộc loại nghiệp thức nào, cái tâm sở hành của chúng ta đang vận hành như thế nào, Đức Phật thấy không sót. Khi Đức Phật chứng được Tha Tâm Thông thì tâm hành của tất cả chúng sanh đều được Đức Phật thấy rõ tường tận.

Cho nên tất cả chúng sanh có trong Tam giới này, bao nhiêu ý niệm trong một giây Đức Phật thấy không sót một ý niệm nào. Những ý niệm khởi ra thô phù hoặc những cái ẩn tàng trong tâm thức chúng ta, Đức Phật thấy biết rõ nghiệp chúng ta đang có như vậy thì phải nghe câu nói nào, phải nghe lời Pháp gì và phải tu như thế nào để có thể đạt được đạo quả. Đức Phật thấy rất rõ, không chỗ nào có thể chướng

ngại được. Đức Phật dạy đạo hết sức chuẩn xác. Không bao giờ Đức Phật nói ra lời nào mà dư thừa với chúng sanh.

Ngài Angulimala khi rượt chém Đức Phật để lấy cho đủ một ngàn ngón tay. Người đã có tâm niệm muốn giết Đức Phật mà Đức Phật vẫn bình tĩnh khai thị được. Khi ngài Angulimala rượt hoài không kịp Đức Phật, mới la lên: “*Cù Đàm, ngưng đứng lại*”. Đức Phật nói: “*Ta đã đứng lại từ lâu rồi, chỉ có ông là chưa đứng lại mà thôi*”. Angulimala giật mình buông gươm xuống, lay Đức Phật. Một câu nói hết sức nhẹ nhàng. Vì Đức Phật thấy được tâm hành của vị kia, đang tâm đó thì phải nói lời nào mới có thể cắt được vận hành tâm thức của vị đó, để vị ấy nhận được đạo lý thì Đức Phật khai thị một câu thật chính xác. Ngay đó ngài Angulimala ngộ đạo, đánh lễ xin Đức Phật cho xuất gia.

Phật lại ở nơi các pháp rốt ráo rõ biết hết, chỉ bày tất cả trí tuệ cho các chúng sanh.

Trí tuệ của Phật nơi các Pháp, Ngài thấy rốt ráo, thấu tận tới bề trái bề phải, thấy tới chỗ hư vọng và chỗ chân thật của tất cả các Pháp, cho nên Ngài dùng trí tuệ siêu tuyệt của mình giáo hóa cho tất cả chúng sanh.

VĂN KINH

Ca Diếp! Thí như trong cõi Tam thiên Đại thiên nơi núi, sông, khe, hang, ruộng, đất sanh ra cây cối, lùm rừng và các cỏ thuốc, bao nhiêu giống loại tên gọi màu sắc đều khác. Mây dày bủa giăng trùm khắp cõi Tam thiên Đại thiên đồng thời mưa xối xuống, khắp nơi nhuần thấm, cây cối lùm rừng và các cỏ thuốc: Hoặc thứ gốc nhỏ, thân nhỏ, nhánh nhỏ, lá nhỏ, hoặc thứ gốc chỉ vừa, thân vừa, nhánh vừa, lá vừa; hoặc có thứ gốc lớn, thân lớn, nhánh lớn, lá lớn.

Các giống cây lớn nhỏ, tùy hạng thượng trung hạ mà hấp thụ khác nhau. Một cụm mây tuôn mưa xuống xúng theo mỗi giống loại mà cây cỏ được sanh trưởng, đơm bông kết trái. Dầu rằng một cõi đất sanh, một trận mưa thấm nhuần mà các cỏ cây đều có sai khác.

Ví dụ này rất hay. Đức Phật ví dụ lời Pháp của Đức Phật giống như một trận mưa lớn và tất cả chúng sanh giống như những loại cây cỏ khác nhau. Chúng sanh sẽ hiểu lời Đức Phật tùy theo trình độ tâm thức riêng của từng người.

Đức Phật nói tất cả các pháp đến tận tất cả những trí, không sót bậc trí nào. Trí bậc nào cũng có thể cảm thụ được lời dạy của Đức Phật, tùy theo trình độ căn cơ của mình. Có một số người hiểu lầm cho rằng Pháp của đạo Phật nói ra có Nhị thừa, có Tam thừa hoặc có Tội thượng thừa nhưng sự thật chỉ một lời nói Đức Phật đã tròn đầy hết không thiếu sót, từ sơ cơ cho tới Tội thượng thừa. Nhưng rồi trong đó có quá nhiều căn cơ, có quá nhiều trình độ, mỗi người có sở kiến sở hành riêng, mỗi người có nghiệp tập riêng của mình mà hiểu lời Đức Phật khác nhau.

Một trận mưa lớn, tùy theo loại cây mà nó tiếp nhận lượng nước mưa khác nhau. Như chúng ta tiếp nhận Giáo lý của Đức Phật. Có nhiều khi chúng ta ngồi một tiếng đồng hồ chỉ hiểu một điều rất nhỏ, có khi chúng ta hiểu hai chuyện nhưng có người hiểu từ đầu tới cuối. Thì tùy theo trình độ, tùy theo sở hành, tùy theo công phu của từng người mà hiểu lời nói của chư Phật ở bậc cao hoặc thấp khác nhau. Chứ không phải lời nói Đức Phật có sự sai biệt. Đây là sự bình đẳng trong giáo hóa của Đức Phật.

Từ trước tới giờ chúng ta thấy Đức Phật nói cho hàng Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát thì chúng ta thấy là Đức Phật đã khéo léo phương tiện. Ngài không phải nói cho Nhị

thừa, không phải nói cho Đại thừa, mà các lời Đức Phật nói ra đạt tới sự bình đẳng cao tột, đạt tới chỗ giải thoát hoàn toàn để thật chứng thành Phật quả.

Mỗi người học hiểu Giáo lý của Đức Phật và công phu đạt đến sở chứng, sở đắc khác nhau, lúc đó thành lập tông phái hoặc Thiên hoặc Tịnh. Sự thật thì Đức Phật không bao giờ muốn nói để chúng ta thành tông thành phái khác nhau mà Đức Phật muốn nói cho chúng ta hiểu thấu chân lý, muốn tất cả chúng sanh đều được đồng thành Phật. Đó là chỗ chung nhất, chỗ quy thú của tất cả các pháp, chỗ quy thú của tất cả chúng sanh, chứ trong Giáo Pháp của Đức Phật không có sự sai biệt cao thấp.

Tâm Đức Phật rất bình đẳng thương yêu chúng sanh, muốn đem lại lợi lành cho tất cả chúng sanh, không phải muốn chúng sanh có lợi lạc ít. Nhưng rồi chúng sanh lại thích việc nhỏ, ví dụ thích làm phước để sanh về cõi Trời thì Đức Phật vẫn tùy thuận. Muốn chúng quả A La Hán thì Đức Phật cũng đủ phương tiện dẫn dắt người đó chứng A La Hán. Đến khi đệ tử mình trưởng thành thì Đức Phật giảng dạy để tu chứng Phật thừa.

Ở đây Đức Phật muốn nói lên sự bình đẳng của Ngài khi thương yêu tất cả chúng sanh. Đức Phật nói ra một lời để chúng sanh được giác ngộ giải thoát nhưng rồi chúng sanh không đạt được theo ý Ngài. Tùy theo khả năng riêng của từng người mà hấp thu Giáo Pháp khác nhau, cũng như tùy giống cây có lớn nhỏ mà hấp thu lượng nước khác nhau.

“Dầu rằng một cõi đất sanh, một trận mưa thấm nhuần mà các cỏ cây đều có sai khác”.

Dầu cây nhỏ hoặc cây lớn đều mọc ra từ đất. Mảnh đất đó là mảnh đất chung cho tất cả chúng sanh. Ý muốn nói là

tất cả chúng sanh đều sanh ra từ chỗ bình đẳng kia nhưng rồi họ có sở kiến sở hành riêng, có ngã chấp riêng thành ra có sự sai biệt trong cuộc sống này. Vì vậy khi học Giáo lý của Đức Phật chúng ta thấy Đức Phật gợi ý hai điều. Một điều là bản thân Đức Phật rất bình đẳng thuyết Pháp và điều thứ hai là tất cả chúng sanh đều bình đẳng sanh ra từ chỗ chân thật kia.

VĂN KINH

Ca Diếp nên biết! Đức Như Lai cũng lại như thế, hiện ra nơi đời như là vàng mây lớn nổi lên, dùng giọng tiếng lớn vang khắp thế giới cả Trời, Người, A tu la, như mây lớn kia trùm khắp cõi nước Tam thiên Đại thiên. Phật ở trong đại chúng mà xưng lời này:

Ta là đấng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Người chưa được độ thời làm cho được độ, người chưa tỏ ngộ thời làm cho tỏ ngộ, người chưa an thời làm cho được an, người chưa chứng Niết Bàn thời làm cho chứng Niết Bàn, đời nay và đời sau Phật đều biết đúng như thật. Ta là bậc Nhất thiết trí, bậc Nhất thiết kiến, là bậc tri đạo, bậc khai đạo, bậc thuyết đạo. Các người, hàng Trời, Người, A tu la đều nên đến đây vì để nghe Pháp vậy.

Đức Phật nói lại Ngài là vua của các pháp, tạo ra một vàng mây Pháp lớn, để tuôn một trận mưa lớn cho tất cả chúng sanh. *“Người chưa được độ thời làm cho được độ, người chưa tỏ ngộ thời làm cho tỏ ngộ, người chưa an thời làm cho được an”*. Nhưng mình được an chưa? Giờ này mình ngồi đây còn bất an, vậy Đức Phật nói lời này đúng hay sai? Rõ ràng là mình còn đau khổ mà Đức Phật nói

người chưa được độ thời làm cho được độ? Còn bao nhiêu người đi ngoài đường kia chưa biết đạo Phật là gì, vậy họ được độ chưa?

Trong Kinh có câu: “*Phụng sự chúng sanh nghĩa là cúng dường chư Phật*”. Đệ tử của Đức Phật sau khi hiểu biết Giáo lý của Đức Phật rồi thì người đó đem Giáo lý Đức Phật để tiếp tục giáo hóa chúng sanh, tức là làm cái việc Đức Phật đã làm. Và các vị nói cho chúng ta nghe, chúng ta hiểu, gột rửa tâm thức chúng ta, được như vậy coi như chúng ta được Đức Phật độ. Người nào học hiểu được Kinh điển Đức Phật Thích Ca Mâu Ni mà được giác ngộ thì coi như người đó được Đức Phật độ.

Nếu chúng ta tu tập, chúng ta chứng đạo hoặc chúng ta được an, Đức Phật biết hết. Đức Phật biết mình tu Pháp đó tiến đạo như thế nào, đang phiền não ra làm sao, lúc nào chúng đạo. Phẩm Thọ Ký, Đức Phật thọ ký cho các vị Đại đệ tử rất lâu xa hàng tỷ tỷ năm sau mới chứng đạo, còn mình cách Phật mới có hơn hai ngàn năm trăm năm thì chắc chắn là Đức Phật biết không sót. Đức Phật đời nay và đời sau đều biết đúng như thật. Không có phút giây nào Đức Phật không hộ niệm cho chúng ta. Có điều chúng ta có nhận sự hộ niệm đó, có hưởng được ân đức đó nhiều hay không là tùy theo trình độ công phu tu tập của mình.

“*Ta là bậc Nhất Thiết Trí*”. Đối với tất cả trí tuệ trần gian này Đức Phật biết và thấu rõ. Đức Phật biết cao tột, không có trí tuệ nào mà Đức Phật không biết. Điều này muốn nói thêm, người tu Nguyên thủy không chấp nhận người tu Đại thừa, người tu Đại thừa không chấp nhận người tu Nguyên thủy, người tu Tịnh độ không chấp nhận người tu Thiên tông, người tu Thiên tông không chấp nhận người tu Tịnh Độ v.v... Tất cả những tông phái trong đạo

Phật đều không thể chấp nhận nhau, như vậy chưa phải là Nhất Thiết Chứng Trí. Còn bác bỏ, còn không chấp nhận thì biết người đó trí tuệ chưa đạt đến chỗ cùng tột, trí tuệ chưa tròn, không thấu suốt được các Pháp nên không được gọi là Nhất Thiết Chứng Trí.

Cho nên người tu theo đạo Phật trí tuệ gần như phải tỏa sáng. Nếu như chứng tới Nhất Thiết Trí là tất cả những chuyện thuận nghịch, đúng sai, hay dở, thiện ác của trần gian này đều biết một cách rõ ràng. Mọi tình cảm, khổ đau, buồn vui của tất cả chúng sanh đều phải thấu hiểu. Đứng về mặt y học cũng phải biết, về địa lý cũng phải biết, về khoa học cũng phải biết v.v... gần như phải biết hết tất cả mọi thứ. Nhưng có điều là những việc đó không dẫn tới giác ngộ giải thoát, cho nên Đức Phật không nói.

Đời Đức Phật nếu nói hết tất cả những chuyện khoa học, địa lý, thiên văn v.v... thì Đức Phật nói một đời cho tới tám mươi tuổi, không nói được bao nhiêu và không có bao nhiêu người giác ngộ giải thoát. Điều gì không có lợi cho việc giác ngộ giải thoát cho nên Đức Phật không nói, chứ không phải Đức Phật không biết. Sau này người học Phật lại bác điều này điều kia thì chúng ta xét lại hết. Người hay bác, hay chê, hay công kích người ta, xét lại coi họ thuộc trí tuệ nào.

Tất cả những trí ở trần gian này, ngay cả những sở hữu trí tuệ cõi Trời, như cõi Trời Tam Thập Tam, cõi Trời Quang Âm Thiên, cõi Trời Đế Thích, Đức Phật đều biết, đều thấu hiểu một cách tường tận, không ai có thể giấu giếm, không ai có thể làm cho khuất lấp trí tuệ Đức Phật cả. Bao nhiêu trí tuệ của trần gian, các vị ở cõi Trời, các vị đã chứng thánh quả A La Hán, các vị đã chứng quả Bích Chi

Phật và trí tuệ Tam Muội của chư Đại Bồ Tát ở khắp mười phương đều được Đức Phật thấu tột tất cả.

“*Bậc Nhất thiết kiến*”: Tức là sự thấy biết của Đức Phật không có gì thiếu sót. Nếu Đức Phật muốn thấy bất kỳ chuyện gì trong Tam giới thì trong một sát na Ngài liền thấy liền biết, gọi là Nhất thiết kiến.

“*Là bậc tri đạo, bậc khai đạo, bậc thuyết đạo*”: Đức Phật là người đạt đạo, chứng đắc được đạo lý và khai mở đạo lý, dẫn đường cho chúng sanh. Đức Phật là bậc thuyết đạo để chúng sanh nghe. Đức Phật là người có đầy đủ tri kiến, đầy đủ phương tiện để dẫn dắt mọi người đi đến giác ngộ giải thoát.

VĂN KINH

Bấy giờ, có vô số nghìn muôn ức loài chúng sanh đi đến chỗ Đức Như Lai xem xét các căn lợi độn, tinh tấn hay giải đãi của chúng sanh đó, thuận vừa sức nó kham được mà vì chúng nói Pháp, chủng loại nhiều vô lượng, Phật đều khiến vui mừng được nhiều lợi lành. Các chúng sanh này nghe Pháp rồi, hiện đời an ổn, đời sau sanh về chỗ lành, do đạo được thọ hưởng vui và cũng được thọ hưởng vui và cũng được nghe Pháp, đã nghe Pháp rồi lìa khỏi các chướng ngại ở trong các Pháp theo sức mình kham được lần lần đều được vào đạo.

Những chúng sanh tinh tấn hay giải đãi Đức Phật đều rõ thấu. Và tùy theo sức kham nhận mà Đức Phật nói Pháp. Có những người nghe Pháp họ chỉ muốn vào chỗ lành thôi thì Đức Phật cũng tùy theo khả năng trình độ họ mà nói Giáo lý để người đó đủ Tri kiến sanh về cõi lành, thoát khỏi những chướng ngại.

VĂN KINH

Như mây lớn kia mưa rưới khắp tất cả cỏ cây lùm rùm và các cỏ thuốc, theo giống của mỗi thứ đều được đượm nhuận đầy đủ, đều được sanh trưởng. Đức Như Lai nói Pháp một tướng một vị, nghĩa là: Tướng giải thoát, tướng xa lìa, tướng diệt, rốt ráo đến bậc Nhất thiết chủng trí. Có chúng sanh nào nghe Pháp của Như Lai hoặc thọ trì đọc tụng, đúng như lời mà tu hành, được công đức tự mình không hay biết.

Vì sao? Vì chỉ có Như Lai là biết chủng tướng thể tánh của chúng sanh đó: Nhớ việc gì? Nghĩ việc gì? Tu việc gì? Nhớ thể nào? Nghĩ thể nào? Tu thể nào? Dùng Pháp gì để nhớ? Dùng Pháp gì để nghĩ? Dùng Pháp gì để tu? Dùng Pháp gì được Pháp gì?

Chúng sanh ở nơi các bậc, chỉ có Đức Như Lai thấy đó đúng như thật, rõ ràng không bị ngại. Như cây cối lùm rùm các cỏ thuốc kia không tự biết tánh thượng trung hạ của nó.

Đức Như Lai biết Pháp một tướng một vị ấy, nghĩa là: tướng giải thoát, tướng xa lìa, tướng diệt, tướng rốt ráo Niết Bàn thường tịch diệt, trọn về nơi không, Phật biết như thế rồi xem xét tâm ưa muốn của chúng sanh mà dắt dìu nó, cho nên chẳng liên vì chúng vội nói Nhất thiết chủng trí.

Ca Diếp! Các ông rất là hy hữu, có thể biết rõ Đức Như Lai tùy cơ nghi nói Pháp, hay tin hay nhận. Vì sao? Vì các Đức Phật Thế Tôn tùy cơ nghi nói Pháp khó hiểu khó biết.

Đức Phật nói lại tất cả các pháp, tướng nó giải thoát, tánh nó tự xa lìa. Âm thanh nếu còn nói là còn vang động, nếu

ngưng thì âm thanh đó không còn. Vì âm thanh vốn tướng nó là xa lìa, nó không dừng trụ. Khi chúng ta hiểu điều này rồi thì người ta nói nặng nói nhẹ, người ta chửi lời thô lời tế chúng ta không bị khổ.

Ví dụ quý vị nhìn cái bàn, nếu các pháp tướng nó không tự giải thoát thì cái bàn nó dính trong con mắt chúng ta, quay qua chúng ta không thấy được vật khác. Hoặc là ngay nơi âm thanh đầu tiên nếu chúng ta bị vướng thì nó vướng hoài, chúng ta không nghe được âm thanh thứ hai. Hoặc có những chuyện khổ giữa cuộc đời này mình nghĩ là mình không thể qua khỏi nhưng rồi nó cũng qua. Đôi khi mình nghĩ là mình không quên cả đời này nhưng bây giờ mình muốn nhớ lại mình cũng không nhớ được. Chúng ta hiểu được tất cả các pháp tướng nó vốn tự giải thoát, mình cũng là các pháp thì bản thân mình cũng vốn tự giải thoát. Có điều là chúng ta có đủ trí tuệ để chấp nhận sự thật có từ ngàn xưa tới giờ và mãi về sau vẫn luôn tự tại giải thoát hay không mà thôi.

Các pháp vốn tự lìa không do công phu. Ai thấy mình công phu để lìa một điều gì là lầm. Chúng ta phải nhận chân được là các pháp vốn tự lìa, bản thân mình cũng vốn tự lìa, cho nên mình giữ các pháp lại không được, không phải mình công phu cho nó lìa. Đừng bao giờ lầm rằng mình có thể công phu để loại trừ một điều gì.

Chúng ta phải hiểu tới lý thật của tất cả các pháp nó vốn tự lìa, để rồi từng phút từng giây trong cuộc đời chúng ta không còn vướng mắc nữa. Chúng ta dính không được vì chúng ta đã vốn tự giải thoát, không phải chúng ta dụng công để chúng ta thoát khỏi sự dính mắc.

Ở đây Đức Phật nói là “*Đức Như Lai biết Pháp một tướng một vị ấy, nghĩa là: Tướng giải thoát, tướng xa lìa,*

tướng tịch diệt, tướng rốt ráo Niết Bàn thường tịch diệt, trọn về nơi không”. Tức là lời nói của Đức Phật nói lên tất cả các pháp nó vốn tự giải thoát, vốn tự xa lìa và Tướng nó vốn tự tịch diệt. Không phải Đức Phật bày ra, không phải Đức Phật ức tướng để thuyết ra, mà sự thật của tất cả các pháp từ xưa tới giờ nó vốn tự giải thoát, mà chúng sanh lầm, nên bây giờ Đức Phật nói ra để chúng sanh nhận được sự thật ấy.

Đức Phật nói với chúng ta rằng, các người vốn đã tự giải thoát rồi, có chấp nhận hay chưa thôi. Các người vốn tự xa lìa, các người vốn tự tịch diệt và các người vốn tự rốt ráo đến bậc Nhất Thiết Chung Trí. Tức là Pháp của Đức Phật nói ra đạt đến bậc Nhất Thiết Chung Trí. Như vậy chúng ta hiểu đúng theo điều Đức Phật dạy là Tướng giải thoát, là Tướng xa lìa, là Tướng tịch diệt là chúng ta sẽ đạt được Nhất Thiết Chung Trí.

“Chúng sanh ở nơi các bậc, chỉ có Đức Như Lai thấy đó đúng như thật, rõ ràng không bị ngại. Như cây cối lùm rừng các cỏ thuốc kia không tự biết tánh thượng trung hạ của nó”.

Chúng ta tu một giai đoạn từ phạm phu đủ phước sanh về cõi Trời, Đức Phật thấy biết hết, nhưng tự mình không biết nổi, tới khi mình bỏ thân xác mình sanh về cõi Trời thì mình chưa hay mình về cõi Trời nào. Hoặc người đang hấp hối, Đức Phật biết rõ người đó về cõi giới nào. Trí tuệ của Đức Phật siêu tuyệt hơn vậy. Hoặc trong Pháp hội có vị Bồ Tát ngồi đây chúng ta không đủ trí tuệ để phân định. Chỉ có trí tuệ Đức Phật mới thông thấu được tầng bậc thứ lớp tâm thức của tất cả chúng sanh. Các thứ bậc cao thấp trong Tam giới này, có bao nhiêu thứ bậc, có bao nhiêu con người, có bao nhiêu chủng tánh, Đức Phật đều thấu rõ hết không sai sót, không lầm bất cứ một tầng bậc tâm thức nào.

Khi Đức Phật biết được tâm hành chúng sanh thì Đức Phật khéo phương tiện, Đức Phật không nói thẳng. Đức Phật chỉ nói chung chung để diu dẫn họ từ từ. Đức Phật không nói tới Nhất Thiết Chúng Trí, không phải là Đức Phật bỗn xẻn, nhưng Đức Phật thấy người đó không kham nhận nổi, đến lúc họ đủ sức rồi thì Đức Phật mới nói ra bản Kinh Pháp Hoa. Vì vậy chúng ta thấy tâm từ của Đức Phật không gì so sánh được.

Trong sanh tử này chưa có ngày nào chúng ta yên. Chúng ta đã quần quật khổ đau muôn vạn kiếp giữa trần gian này rồi, bây giờ được giác ngộ như trút được gánh nặng ngàn cân chúng ta cảm thấy hạnh phúc vô cùng, nên chúng ta mới nhớ lại bạn bè huynh đệ xung quanh chúng ta còn lặn quẩn trong sanh tử, chúng ta cảm thương họ mà tạo phương tiện cứu giúp để cho mọi người thoát khỏi sanh tử luân hồi.

Trước khi giác ngộ chúng ta quán từ bi thể này, quán từ bi thể kia thì chưa phải, đó chỉ là cái tướng của chúng ta nó từ từ lớn ra, chưa được gọi là từ bi. Chưa giác ngộ thì chưa có đầy đủ trí tuệ, chưa thể có từ bi. Từ bi không thể thiếu trí tuệ. Một bậc thật sự giác ngộ có đầy đủ trí tuệ thì cái khởi nghĩ của họ đối với chúng sanh là từ bi, là lòng thương yêu vô hạn. Vì Từ là ban vui, Bi là cứu khổ. Cho nên việc thương người khác, đem niềm vui đến cho họ, giúp cho họ thoát khỏi gốc khổ đau, đạt được hai việc đó mới gọi là lòng từ bi.

VĂN KINH

Khi đó Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

Pháp Vương phá các cõi

Hiện ra trong thế gian

Theo tánh của chúng sanh

Dùng các cách nói Pháp

Đức Như Lai tôn trọng
Trí huệ rất sâu xa
Lâu giữ Pháp yếu này
Chẳng vội liền nói ra
Người trí nếu được nghe
Thời có thể tin hiểu,
Kẻ không trí nghi hỏi
Thời bèn là mất hẳn.
Ca Diếp! Vì có đó
Theo sức chúng nói Pháp
Dùng các món nhân duyên
Cho chúng được chánh kiến
Ca Diếp ông nên biết!
Thí như vàng mây lớn
Nổi lên trong thế gian
Che trùm khắp tất cả
Mây trí huệ chứa nhuần
Chớp nhoáng sáng chói lò
Tiếng sấm xa vang động
Khiến mọi loài vui đẹp
Nhật quang bị che khuất
Trên mặt đất mát mẻ
Mây mù sa bủa gần
Dường có thể nắm tới.
Trận mưa đổ khắp cùng
Bốn phương đều xối xuống
Dòng nước tuôn vô lượng
Cõi đất đều rút đầy
Nơi núi sông hang hiểm
Chỗ rậm rạp sanh ra
Những cây cối cỏ thuốc
Các thứ cây lớn nhỏ
Trăm giống lúa mộng mạ

Các thứ mía cùng nho
 Nhờ nước mưa đượm nhuần
 Thấy đều tươi tốt cả.
 Đất khô khắp đượm rưới
 Thuốc cây đều sum sê
 Vàng mây kia mưa xuống
 Nước mưa thuần một vị
 Mà cỏ cây lùm rùng
 Tất cả các giống cây
 Hạng thượng trung cùng hạ
 Xứng theo tánh lớn nhỏ
 Đều đượm sanh trưởng cả.
 Gốc thân nhánh và lá
 Trổ bông trái sắc vàng
 Một trận mưa rưới đến
 Cây cỏ đều thấm mướt
 Theo thể tướng của nó
 Tánh loại chia lớn nhỏ
 Nước đượm nhuần vẫn một
 Mà đều đượm sum sê.
 Đức Phật cũng như thế
 Hiện ra nơi trong đời
 Ví như vàng mây lớn
 Che trùm khắp tất cả
 Đã hiện ra trong đời
 Bèn vì các chúng sanh
 Phân biệt diễn nói bày
 Nghĩa thật của các Pháp
 Đẳng Đại Thánh Thế Tôn
 Ở trong hàng Trời người
 Nơi tất cả chúng hội
 Mà tuyên nói lời này:
 Ta là bậc Như Lai

**Là đấng Lương Túc Tôn
Hiện ra nơi trong đời
Dường như vàng mây lớn
Thấm nhuần khắp tất cả
Những chúng sanh khô khao
Đều làm cho lìa khổ
Được an ổn vui sướng
Hưởng sự vui thế gian
Cùng sự vui Niết Bàn.
Các chúng Trời người này
Một lòng khéo lắng nghe
Đều nên đến cả đây
Ra mắt đấng Vô Thượng.**

“*Hưởng sự vui thế gian*”: Đức Phật là đấng Lương Túc Tôn, là người phước đức và trí tuệ tròn đầy. Khi Ngài hiện ra nơi đời giống như vàng mây lớn để thấm nhuần tất cả chúng sanh, làm cho chúng sanh đang đau khổ thì lìa khổ được an vui.

Chúng ta đừng nghĩ bây giờ mình tu, mình được giải thoát là mình về cõi giới nào đó, không phải như vậy. Nếu ngay tại đây và bây giờ chúng ta không an lạc được thì không phải. Đạo Phật rất thực tế, chỉ cho chúng ta sự thật ở ngay tại đây và bây giờ. Chúng ta vốn có cái an lạc thực thụ ngay tại đây.

Cuộc sống còn lại khi chúng ta đứng dậy thì bằng cái an lạc này chúng ta đứng, chúng ta đi thì bằng cái an lạc này chúng ta đi. Từng phút từng giây giữa trần gian này chúng ta an lạc. Nếu ở đây không an lạc, đợi chết mới về cõi khác thì rất khó có an lạc. Đừng nghĩ mình về cõi nào đó rồi mới được an lạc thì coi chừng lắm, mà phải ngay tại đây. Cái nhân không an lạc thì cái quả không thể an lạc. Nhân quả

tương đồng. Muốn được an lạc giải thoát đời sau thì ngay tại đây chúng ta phải sở hữu được cái an lạc giải thoát.

“*Cùng sự vui Niết Bàn*”: Chúng ta phải nhận đến chỗ tịch diệt của Tự Tánh để an hưởng cái vui Niết Bàn. Giữa trần gian này chúng ta được an lạc rồi chúng ta sẽ hưởng được cái vui của Niết Bàn, chứ không phải đợi về thế giới bên kia chúng ta mới hưởng được cái vui đó.

VĂN KINH

**Ta là đấng Thế Tôn
Không có ai bằng được
Muốn an ổn chúng sanh
Nên hiện ra trong đời
Vì các đại chúng nói
Pháp cam lồ trong sạch
Pháp đó thuần một vị
Giải thoát Niết Bàn thôi.
Dùng một giọng tiếng mầu
Diễn xướng nghĩa nhiệm này
Đều thường vì Đại thừa
Mà kết làm nhân duyên.**

Đức Phật vì một vị giải thoát mà giáo hóa chúng sanh và vì Đại thừa mà kết làm nhân duyên, không kết nhân duyên khác. Còn chúng ta muốn kết bạn thì kết làm bạn đạo tu tập, nếu không kết làm nhân duyên Đại thừa thì coi chừng bị làm lẫn trong sanh tử tiếp nối. Tức là mình đi không nổi kéo thêm người nữa sẽ rớt xuống sâu hơn.

VĂN KINH

**Ta xem tất cả chúng
Khắp đều bình đẳng cả
Không có lòng bỉ thử**

**Cùng với tâm yêu ghét
Ta không chút tham đắm
Cũng không có hạn ngại
Hằng vì tất cả chúng
Mà bình đẳng nói Pháp
Như khi vì một người
Lúc chúng đông cũng vậy.**

Khi Đức Phật đối diện với riêng một người hay với chúng hội muôn ngàn người, Đức Phật cũng nói chuyện bình đẳng. Không phải đông người thì nói cho hay, ít người thì nói dở. Một người Đức Phật cũng nói Pháp Đại thừa, mà ngàn muôn người Đức Phật cũng nói Pháp Đại thừa. Có bao nhiêu người thì Đức Phật cũng vẫn bình đẳng thương yêu mà nói như vậy.

Đối với Đức Phật là chúng sanh đang đau khổ và cần được thấm giáo nghĩa Đại thừa, cho nên dù một chúng sanh Đức Phật cũng phải nói. Đức Phật vừa nói Pháp cho một người đối diện, mà Đức Phật cũng vừa khai thị cho các vị chư Thiên ở xung quanh nữa. Đức Phật không bao giờ có tâm so sánh hơn thiệt, Đức Phật chỉ nói thẳng giáo nghĩa Đại thừa để chúng ta đạt giác ngộ giải thoát. Đó là tâm bình đẳng của Đức Phật trong lúc nói Pháp.

VĂN KINH

**Thường diễn nói Pháp luôn
Từng không việc gì khác
Ngồi, đứng, hoặc đến, đi
Trọn không hề nhàm mỗi
Đầy đủ cho thế gian
Như mưa khắp thấm nhuần
Sang hèn cùng thượng hạ
Giữ giới hay phá giới**

**Oai nghi được đầy đủ
 Và chẳng được đầy đủ
 Người chánh kiến, tà kiến
 Kẻ độn căn, lợi căn
 Khắp rưới cho mưa Pháp
 Mà không chút nhàm mỏi.
 Tất cả hàng chúng sanh
 Được nghe Pháp của Ta
 Tùy sức mình lãnh lấy
 Trụ ở các nơi các bậc
 Hoặc là ở Trời, Người
 Làm Chuyển Luân Thánh Vương
 Trời Thích, Phạm, các vua
 Đó là cỏ thuốc nhỏ
 Hoặc rõ Pháp vô lậu
 Hay chứng được Niết Bàn
 Khởi sáu Pháp thần thông
 Và được ba món minh
 Ở riêng trong núi rừng
 Thường hành môn thiền định
 Chứng được bậc Duyên Giác
 Là cỏ thuốc bậc trung.
 Hoặc cầu bậc Thế Tôn
 Ta sẽ được thành Phật
 Tu hành tinh tấn, định
 Là cỏ thuốc bậc thượng.**

Người độn căn, lợi căn, người phá giới, người giữ giới thanh tịnh, người có quy y, người không quy y Đức Phật đều bình đẳng nói Pháp. Đây là điều rất tuyệt vời trong đạo Phật.

Thường Phật tử chúng ta còn trong vòng so sánh, khi nghe một vị tu tốt chúng ta ủng hộ, một vị tu không tốt

chúng ta không ủng hộ. Hoặc những người phạm sai lầm lún sâu vào tội lỗi trong cuộc sống thì một là họ bị đọa, hai là ngay cuộc sống hiện tiền họ bị bất an, họ khổ lắm rồi cho nên chúng ta nên thương hơn là ghét. Nếu chúng ta không phải là chỗ nương tinh thần của họ thì chúng ta không thể giúp họ giải thoát đâu.

Bây giờ xã hội thấy một người phạm tội họ chê trách, họ chửi rủa. Như khi chúng ta lỡ lầm lỗi điều gì đó chúng ta liền nghĩ tới Phật, vì biết là mọi người xung quanh không chấp nhận mình, chỉ có Đức Phật vốn hiểu mình, Đức Phật có thể thương yêu, tha thứ, chở che, đùm bọc và cứu giúp mình. Chỉ có lòng từ của Đức Phật mới có thể cứu giúp chúng sanh đang đau khổ. Vì vậy mà người có phạm giới hay không phạm giới, nghe Giáo Pháp của Đức Phật vẫn đạt sự giác ngộ giải thoát. Không phải người giữ Giới mới hiểu, còn người phạm Giới không cho hiểu. Giáo Pháp của Đức Phật rất bình đẳng. Khi nói ra người có tội họ nghe cũng được quyền hiểu như vậy, người không có tội nghe họ cũng được hiểu như vậy. Đó là đạo từ bi của Đức Phật.

Nếu một người nghe Pháp để sanh về cõi Người, làm Chuyển Luân Thánh Vương, về cõi Trời Đế Thích, Trời Phạm Vương, các vua, đó là cỏ thuốc nhỏ. Nếu người đó hoặc rõ Pháp vô lậu, chứng được Niết Bàn, khởi sáu Pháp thần thông và được ba món minh, ở riêng trong núi rừng, thường hành môn Thiền định, chứng được bậc Duyên Giác là cỏ thuốc bậc trung. Nếu người có tâm cầu thành Phật, tinh tấn tu hành để chứng thành quả Phật là cỏ thuốc bậc thượng.

VĂN KINH

**Lại có hàng Phật tử
Chuyên tâm nơi Phật đạo
Thường thực hành từ bi
Tự biết mình làm Phật
Quyết định không còn nghi
Gọi đó là cây nhỏ.**

Người tu hành tinh tấn chuyên tâm nơi Phật đạo, thường thực hành từ bi. Và tự nơi sâu thẳm trong tâm hồn người đó biết mình thành Phật, không còn nghi ngờ một điều gì nhưng mình chưa thật sự thành Phật nên gọi là cây nhỏ.

VĂN KINH

**Hoặc an trụ thần thông
Chuyên Bất thối Pháp luân
Độ vô lượng muôn ức
Trăm nghìn loài chúng sanh
Bồ Tát hạng như thế
Gọi đó là cây lớn.**

Người này đã chứng đạo rồi cho nên an trụ nơi thần thông, nói chuyện về Giáo lý Đại thừa để cho tất cả chúng sanh đều được bất thoái chuyển nơi đạo Vô Thượng Bồ Đề và độ muôn ức trăm nghìn loài chúng sanh khác. Hạng người như thế gọi là cây lớn, là cây đại thụ để che mát cõi Tam thiên.

Khi an trụ nơi các bậc, Đức Phật phân biệt năm loại: Thứ nhất là học Pháp để tu tập đời sau được làm người, hoặc là về cõi Trời, hoặc được làm Chuyển Luân Thánh Vương. Như vậy mà Đức Phật vẫn cho là cỏ thuốc nhỏ. Vậy mình là cỏ loại nào? Thứ hai, tu hành chứng thần thông hoặc đạt trong thiền định chứng bậc Duyên Giác thì là cỏ bậc trung. Chỗ này có khi chúng ta chưa đủ đạo hạnh để đạt được

những quả vị đó. Hoặc người phát tâm Đại thừa quyết tu thành Phật là cỏ bậc thượng. Người đủ lòng tin mình có thể thành Phật, thực hành lòng từ bi và biết mình thành Phật không còn nghi là cây nhỏ, tức là chưa độ người được. Nhưng trụ thân thông rồi giáo hóa tất cả chúng sanh là cây lớn. Đó là ba loại cỏ và hai loại cây.

VĂN KINH

**Phật chỉ bình đẳng nói
Như nước mưa một vị
Theo căn tánh chúng sanh
Mà hưởng thọ không đồng
Như những cỏ cây kia
Được đượm nhuần đều khác
Phật dùng món dụ này
Để phương tiện chỉ bày
Các thứ lời lẽ hay
Đều diễn nói một Pháp
Ở nơi trí tuệ Phật
Như một giọt trong biển.
Ta rưới trận mưa Pháp
Đầy đủ khắp thế gian
Pháp màu thuần một vị
Tùy sức riêng tu hành,
Như thể lùm rừng kia
Và cỏ thuốc những cây
Tùy giống lớn hay nhỏ
Lần lần thêm sum suê
Pháp của các Đức Phật
Thường dùng thuần một vị
Khiến cho các thế gian
Đều khắp được đầy đủ
Lần lựa siêng tu hành**

Rồi đều được đạo quả.
 Hàng Thanh Văn, Duyên Giác,
 Ở nơi chốn núi rừng,
 Trụ thân hình rớt sau
 Nghe Phật Pháp được quả
 Đó gọi là cỏ thuốc
 Đều được thêm lớn tốt.
 Nếu các vị Bồ Tát
 Trí tuệ rất vững bền
 Rõ suốt cả ba cõi
 Cầu được thừa tối thượng
 Đó gọi là cây nhỏ
 Mà được thêm lớn tốt.
 Lại có vị trụ thiên
 Được sức thần thông lớn
 Nghe nói các pháp Không
 Lòng rất sanh vui mừng
 Phóng vô số hào quang
 Độ các loài chúng sanh
 Đó gọi là cây lớn
 Mà được thêm lớn tốt.

Đức Phật lại nói hai cây nữa. Người nào mà siêng năng tu hành chứng được đạo quả Thanh Văn, Duyên Giác thì Đức Phật bỏ qua bậc nhỏ là cõi Trời, cõi Người, Chuyển Luân Thánh Vương mà nâng lên loại cỏ thuốc nhỏ. Nếu các vị Bồ Tát mà bền vững trí tuệ của mình, tinh tấn tu hành thì bước lên tầng cây nhỏ và dùng sức thần thông được gọi là cây cỏ thụ.

VĂN KINH

**Như thế, Ca Diếp này!
Đức Phật nói Pháp ra
Thí như vàng mây lớn
Dùng nước mưa một vị
Đượm nhuần nơi hoa người
Đều được kết trái cả.
Ca Diếp ông phải biết
Ta dùng các nhân duyên
Các món thí dụ thấy
Để chỉ bày đạo Phật
Đó là Ta phương tiện
Các Đức Phật cũng thế
Nay Ta vì các ông
Nói việc rất chân thật
Các chúng thuộc Thanh Văn
Đều chẳng phải diệt độ
Chỗ các ông tu hành
Là đạo của Bồ Tát
Lần lần tu học xong
Thấy đều sẽ thành Phật.**

Đức Phật đều muốn cho tất cả chúng sanh đến nơi Phật đạo. Dù là nói một lời nhưng lời nói của Đức Phật vẫn thẳng tới bậc Nhất Thiết Chúng Trí, chứ Đức Phật không phải nói để chúng ta hiểu việc làm thiện, làm phước để sanh về cõi lành.

Chúng sanh tùy theo căn cơ nghiệp thức của mình mà hiểu biết Phật Pháp khác nhau. Đến đây chúng ta hiểu thêm một điều, nếu chúng ta không thấy biết hết, chúng ta thấy biết chừng hạn nào đó thì biết là do công phu và trí tuệ của mình còn non kém mà hiểu đạo Phật ngang đó, chứ đừng

bao giờ cho rằng đạo Phật chỉ chừng đó mà thôi. Khi nào chúng ta đủ trí tuệ như Đức Phật thấy hết tất cả các tầng bậc trong Tam giới này và đạt được Nhất Thiết Chứng Trí, là tất cả những chủng loại, những trí tuệ của khắp Tam thiên Đại thiên thế giới này không còn làm lẫn nữa thì lúc đó chúng ta mới hiểu thấu được tất cả các pháp trong trần gian này. Lúc đó mới được quyền minh định cái này như thế này, cái kia như thế kia.

Bây giờ chúng ta hiểu Phật Pháp ở chừng đoạn nào đó thì biết rằng trí tuệ của mình chưa tròn, nên mình chỉ hiểu Phật Pháp ngang tầm của mình thôi. Đừng bao giờ cho Phật Pháp là Tiểu thừa, Phật Pháp là Đại thừa, Phật Pháp thế này thế kia thì chúng ta mắc lỗi. Thứ nhất, là chúng ta thấy không trọn vẹn. Lỗi thứ hai, là mình đứng vị trí này mình chê vị trí kia sanh ra sự chia chẻ trong Phật đạo, đó là điều không nên. Chia thành phe phái rồi hơn thua với nhau để tranh giành danh lợi, rồi cho mình là đệ tử chính thống của Phật, còn tông phái kia không phải là đệ tử chánh thống của Đức Phật thì đó là bệnh chớ không phải trí tuệ của chúng ta.

Vì vậy, sau khi học Phật Pháp chúng ta cố gắng tinh tấn tu hành đạt được trí tuệ như Đức Phật, đến khi nào nói một lời mà thâm tóm được nghĩa lý của Tam thiên Đại thiên thế giới như Đức Phật thì mới xong việc học đạo của mình. Còn bây giờ chúng ta nói một lời chỉ một nghĩa thì chưa tới đâu hết. Mong rằng tất cả chúng ta đều có được trí tuệ như chư Phật để chúng ta giáo hóa tất cả chúng sanh trong pháp giới này đều được giác ngộ thành Phật.

* * *

PHẨM “THỌ KÝ” THỨ SÁU

VĂN KINH

Lúc bảy giờ, Đức Thế Tôn nói bài kệ đó rồi, bảo các đại chúng xướng lời thế này : Ông Ma Ha Ca Diếp, đệ tử của Ta, ở đời vị lai sẽ phụng thờ ba trăm muôn ức các Đức Thế Tôn, cúng dường cung kính tôn trọng ngợi khen, rộng nói vô lượng đại Pháp của các Đức Phật, ở nơi thân rốt sau được thành Phật hiệu là Quang Minh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Nước tên là Quang Đức, kiếp tên là Đại Trang Nghiêm. Phật thọ mười hai tiểu kiếp. Chánh Pháp trụ thế hai mươi tiểu kiếp. Tượng Pháp cũng trụ hai mươi tiểu kiếp. Cõi nước tốt đẹp, không có các thứ dơ xấu, ngôi sỏi gai góc cùng đồ tiện lợi chẳng sạch. Cõi đó bằng phẳng, không có cao thấp hầm hố gò nong, đất bằng lưu ly, cây báu thẳng hàng, vàng ròng làm dây để giăng bên đường, rải các hoa báu khắp nơi sạch sẽ.

Bồ Tát trong nước đó đông vô lượng nghìn ức, các chúng Thanh Văn cũng lại vô số. Không có việc ma, dầu là có ma và dân ma nhưng đều hộ trì Phật Pháp.

Ngài Ca Diếp được Đức Phật thọ ký đời vị lai phụng thờ ba trăm muôn ức các Đức Thế Tôn, là khoảng thời gian rất lâu, không thể tính đếm được.

Ví dụ chúng ta thấy ba trăm ngàn Đức Phật thì chúng ta còn thấy dễ tính, ba trăm muôn Đức Phật cũng hơi nhiều

rồi, có khoảng hàng tỷ tỷ Đức Phật thì trong tương lai ngài Ca Diếp thành Phật, Ngài phải phụng thờ số lượng chư Phật như thế. Như vậy thì việc thành Phật của chúng ta chắc hẳn là phải xa hơn ngài Ca Diếp nhiều.

Ngài Ca Diếp không phải thành Phật ở cõi này, vì Đức Phật không nói ở cõi Ta Bà phụng thờ ba ngàn muôn ức Đức Phật mà ở khắp mười phương pháp giới. Theo kiểu văn tự chữ nghĩa chúng ta hiểu như vậy, nhưng ở mặt công phu chúng ta lại hiểu khác. Nếu một người muốn thành Phật thì tất cả những cái gì ở nơi người đó đều phải thành Phật. Có nghĩa là bây giờ trong cái thấy nhìn của chúng ta về sự vật khi chúng ta lầm mê thì đó là chúng sanh. Một khi chúng ta chạm mắt chúng ta giác ngộ thì đó là Phật.

Lục Tổ Huệ Năng nói: “*Niệm trước mê là chúng sanh, niệm sau ngộ là Phật*”. Như vậy chúng ta hết sức trân trọng đối với mỗi ý niệm nhỏ. Một ngày có bao nhiêu ý niệm thì bao nhiêu ý niệm đó chúng ta đều tôn trọng, đều cung kính, đều phụng thờ, đều là ý niệm giác ngộ giải thoát thì một ngày có rất nhiều Phật hiện ra để mình cung kính.

Ý bên trong Đức Phật muốn nói rằng, một người muốn thành Phật thì trong tất cả mọi thời mọi lúc, tất cả mọi ý niệm xảy ra đối với mình, mình đều hết sức tôn trọng cung kính. Và phải hoàn toàn giác ngộ liên tục từng ý niệm nhỏ, không hề có sự lầm mê nào trong tâm thức chúng ta thì người đó được gọi là Phật. Nếu có phút giây nào chúng ta đối diện tất cả các pháp chúng ta bị mê lầm thì chưa được thành Phật.

Trong Kinh nói, một chớp mắt của mình xảy ra hai mươi đại niệm, mỗi một đại niệm là 16.789.000 lần sanh diệt. Vậy một chớp mắt là có hàng trăm triệu lần sanh diệt xảy ra. Nếu tất cả các lần sanh diệt đó đều hoàn toàn giác ngộ,

không có cầu bản làm mê trong sanh tử và kéo theo suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ thì không biết bao nhiêu ngàn muôn ức ý niệm trần trọng Đức Phật, không biết bao nhiêu ngàn muôn ức ý niệm phụng thờ chư Phật. Như vậy chúng ta được quyền thành Phật rồi. Cho nên cũng có thể trong một đời nếu chúng ta tinh tấn đúng như chư Phật dạy, là không hề có ý niệm bị làm mê thì ngay trong đời này chúng ta cũng được quyền chứng quả vị Phật như chư Phật đã chứng.

Nhưng chúng ta không đạt sự giác ngộ liên tục cho nên lúc thì chúng ta phụng thờ Phật nhưng có lúc chúng ta phụng thờ ma, có lúc chúng ta phụng thờ ác quỷ. Do vậy mà trong cõi giới chúng ta có rất nhiều chuyện. Chúng ta thấy cõi nước của chư Phật bằng phẳng, sạch đẹp, không có gò nong, không có ma, nếu có ma đi nữa cũng là loại ma phụng thờ Phật Pháp.

Nếu một người ngộ Phật Tri Kiến thì trong lòng họ không còn chấp trước. Vì vậy, tất cả các pháp hiện ra đối với họ đều là Phật Pháp. Vì tất cả mọi cái đều là Phật Pháp cho nên từng giờ từng phút từng giây là được giác ngộ giải thoát. Tất cả mọi thấy nghe, tất cả âm thanh, hình sắc bên ngoài đối với họ đều là giác ngộ giải thoát. Bằng sự giác ngộ giải thoát đó mà họ cảm hóa được tất cả mọi cái xung quanh, đề quy hướng về Phật Pháp thì ma cũng phải quay về Phật Pháp.

Điều này muốn nói, ở sâu bên trong lúc chúng ta tu thì chúng ta có ma phiền não, gọi là ma chướng, rồi ma chết, ma ngũ ám v.v... Mấy loại ma đó buộc một Hành giả phải hàng phục cho được. Hàng phục không có nghĩa là dẹp bỏ hết tất cả những ma đó nơi lòng, mà tất cả loại ma đó vẫn đề nguyên nhưng ma đó sẽ là loại phụng sự Phật Pháp.

Khi một người thấu hiểu đạo lý rồi thì nơi lòng của họ không còn bất kỳ một sự đối nghịch nào. Trong lúc chúng ta tọa thiền, hoặc niệm Phật, hoặc trì chú có những điều xảy ra nơi lòng chúng ta nếu không tự hóa tán được, không tự điều phục được, không làm cho nó biến thành Phật Pháp được thì biết rằng cái thấy biết của chúng ta chưa trọn vẹn. Tức là chúng ta chưa mở hết hai con mắt, chỉ mở có một bên mà thôi cho nên thấy sự vật còn thiên lệch.

Vì vậy, ở đây Đức Phật thọ ký cho ngài Ca Diếp, khi Ngài đã phụng thờ ba trăm muôn ức Đức Thế Tôn. Chúng ta nói hai điều, thứ nhất ngài Ca Diếp được gần gũi chư Phật để tu theo chư Phật, thứ hai về công phu chuyên môn thì người đó phải tự thức tỉnh tâm mình không có phút chốc nào bị lầm mê nữa. Thì sau đó sẽ được thành Phật.

“*Phật hiệu là Quang Minh Như Lai*”. Quang Minh có nghĩa là sáng. Như vậy một người tâm hoàn toàn sáng suốt không có một chút lầm mê thì người đó là Phật. Như vậy nhìn ở hai mặt, về mặt lý cũng đúng, về mặt sự thì phụng thờ bao nhiêu chư Phật đó chắc chắn thành Phật không nghi rồi. Một đời mà chúng ta được gặp Phật là phước báo chúng ta vô cùng lớn. Mười đời liên tục gặp Phật thì khó kiếm, huống chi bao nhiêu ngàn đời được gặp Phật như ngài Ca Diếp thì phước báo và trí tuệ sẽ được tròn đầy để chứng thành Phật Quả.

Ngược lại trong tâm chúng ta cũng vậy. Một ngày một Hành giả tu theo đạo Phật tỉnh giác hoàn toàn, có được mấy người? Có ai suốt một tiếng đồng hồ để phụng thờ muôn ngàn ức chư Phật chưa? Nếu chúng ta không còn một mảy may cấu bản nghiệp thức nào xảy ra nơi tâm thì người đó tâm sáng suốt gọi là Quang Minh Như Lai. Tức là tâm sáng

rực hoàn toàn không còn chút mù tối nào nơi mình thì người đó được thành Phật.

Nước tên là Quang Đức, kiếp tên là Đại Trang Nghiêm. Phật thọ mười hai tiểu kiếp. Chánh Pháp trụ thế hai mươi tiểu kiếp. Tượng Pháp cũng trụ hai mươi tiểu kiếp.

Cõi nước cũng là cái sáng suốt và lấy đức hạnh làm đầu. Rõ ràng là một người giác ngộ rồi thì cõi lòng của họ luôn luôn sáng suốt và lấy đức điều phục tự tâm. Như vậy người đó không còn diệt trừ, không còn dứt bỏ những gì xảy ra nơi lòng nữa, mọi cái xảy ra đều tự Như. Khi nào công phu chúng ta đến chỗ này thì lúc đó quả vị Phật sẽ gần với mình. Khi chúng ta công phu, trong lúc đang tọa Thiền, trong lúc đang niệm Phật mà có ý niệm xảy ra chúng ta xua đuổi, chúng ta không chấp nhận, chúng ta chê bai, chúng ta trách cứ, hoặc chúng ta không muốn cho nó khởi thêm, hoặc muốn cho nó khởi ít hơn, là chúng ta chưa lấy đức làm đầu.

Người có đức không bao giờ loại bỏ ai. Người tu càng cao, tu càng lâu và có đức hạnh thì luôn luôn bao dung đối với tất cả mọi người, mọi loài, mọi kiểu cách của chúng sanh đến với mình. Dù họ có phản mình, họ có bỏ mình mà đi chúng ta cũng thương, vẫn có thể bao dung, đùm bọc, chở che. Người nào rời mình mà mình khởi bực, mình có sân si phiền não trong đó thì trong tâm mình không còn ánh sáng và đạo đức nữa.

Như vậy trang nghiêm cõi nước là trang nghiêm cõi tâm của chúng ta, từ bên trong chúng ta có thể dung thông, hoặc hóa tán được tất cả nghiệp thức xảy ra nơi chính mình, mà không hề có sự hơn thua trong đó, không có sự tranh giành trong đó, không hề có sự diệt trừ trong đó thì khi đôi duyên xúc cảnh chúng ta mới không bỏ sót chúng sanh nào.

Ở nơi lòng chúng ta vẫn còn hơn thua, tức là vẫn còn dụng công để trừ khử cái gì nơi tâm thì chắc chắn khi cư xử bên ngoài chúng ta vẫn còn lấy bỏ. Cho nên phải kiểm lại công phu của mình đang trong giai đoạn nào. Nếu còn lấy bỏ thì tâm không tròn, không sáng được và Đức Phật chúng ta không lớn, không thể dung chứa tất cả chúng sanh được. Nếu cõi nước chúng ta không phải là Quang Đức, không phải là ánh sáng, không phải là đức độ thì chúng sanh không có thể sống mà bình an nơi đó được. Những loại chúng sanh sống không ở trong mảnh đất Quang Đức thì chúng sanh đó rất tạp nhạp. Như cõi Ta Bà là cõi ngũ thú tạp cư thì không phải ở trong cõi Quang Đức được.

“*Kiếp tên là Đại Trang Nghiêm*”. Một sự trang nghiêm đẹp đẽ thanh tịnh hoàn toàn. “*Phật thọ mười hai tiểu kiếp. Chánh Pháp trụ thế hai mươi tiểu kiếp*”. Số tuổi thọ của Phật sống lâu vô lượng vô biên. Điều này cũng có thể nói là tất cả chúng sanh đều có Phật, với tuổi thọ xuyên suốt không gian và thời gian, không bao giờ hư hoại. Đức Phật đó trụ đời để nói lên giáo Pháp không lúc nào bị tắt dứt, cho nên Chánh Pháp trụ thế hai mươi tiểu kiếp. Chánh Pháp còn kéo dài hơn thọ mạng.

“*Cõi nước tốt đẹp, không có các thứ dơ xấu, ngôi sỏi gai góc cùng đồ tiện lợi chẳng sạch*”. Nếu chúng ta nhìn về xã hội con người thì chúng ta thấy từng gia đình, nếu một người có sức khỏe tốt thì khi chúng ta bước vô tới nhà từ trước tới sau gọn gàng. Mà bước vô nhà ai lộn xộn đồ đạc là biết sức khỏe người đó không tốt. Sức khỏe không tốt thì trí tuệ không tốt. Trí tuệ không tốt thì tâm tư bị rối rắm. Tâm tư rối rắm thì nó hiện ra tướng xung quanh lộn xộn.

Như vậy cõi nước của Đức Phật vô cùng trang nghiêm, gọi là đại trang nghiêm thì nó không có đồ như xấu. Cõi

nước chư Phật không thọ dụng thực phẩm như chúng ta. Như ngài Ca Diếp thọ dụng bằng cách khác, cho nên không xả ra theo kiểu như cõi Ta Bà. Hằng ngày chúng ta phải dụng vật chất, để rồi chúng ta đào thải ra đồ tiện lợi dơ bẩn.

“Cõi đó bằng phẳng không có cao thấp hầm hố gò nong, đất bằng lưu ly, cây báu thẳng hàng vàng ròng làm dây để giảng bên đường, rải các hoa báu khắp nơi sạch sẽ. Bồ Tát trong nước đó đông vô lượng nghìn ức, các chúng Thanh Văn cũng lại vô số”.

Tất cả những cái xấu dơ ở cõi Ta Bà không có trong cõi của ngài Ca Diếp, sau khi Ngài thành Phật. Điều này muốn nói về y báo và chánh báo, nơi ấy đất đai bằng phẳng không có gò nong, chúng dân ở đó toàn là những vị Bồ Tát, Thanh Văn không thể tính kể được.

Ví dụ nhìn quyền thuộc của người đó chúng ta biết được trình độ tâm thức của người đó ở bậc nào. Người ta nói là dưới tay kiện tướng thì không có quân què. Thì dưới Đức Phật, sau khi ngài Ca Diếp thành Phật rồi thì toàn là những vị giác ngộ. Cõi nước đẹp đẽ, người xung quanh toàn những bậc giác ngộ giải thoát hoàn toàn, không có người chưa được giác ngộ sanh về cõi nước đó.

Ví dụ chúng ta tu tập, lần lần chúng ta sẽ làm quen được một số bạn đạo của mình. Nếu mình tinh tấn hơn thì sẽ hiểu sâu hơn rồi dẫn dắt bạn mình, mới đầu hai người rồi từ từ nhiều người hơn. Tất cả những người đó tu theo chúng ta, tiến bộ từ từ cho tới khi mình thành Phật thì tất cả những người này là quyền thuộc, theo học đạo lý sống chung với chúng ta.

Đứng về mặt sự thì tất cả những người đó đều thành Thanh Văn và Duyên Giác. Đứng về mặt lý thì chúng ta

thấy một người kể từ lúc ngộ Tánh thối, chúng tôi chưa nói là thành Phật rốt ráo, sau một lần chết đi sống lại thì toàn bộ tâm thức người đó khởi ra ý niệm nào cũng đều là giác ngộ giải thoát. Dù là hơi thở nhỏ ở trong giấc mộng của họ cũng là sự giác ngộ giải thoát. Cho nên xung quanh họ thấy là bằng giác ngộ giải thoát, thấy tất cả các pháp là không, là huyền, là giả, là Như, chớ không còn thấy các pháp là sanh diệt, là ô uế, là bất tịnh nữa. Chúng sanh được sanh ra nơi đó, những đồ chướng xung quanh họ, tâm thức xảy ra nơi họ không còn có chút cấu bần phiền não nào, mà toàn là ý niệm giác ngộ giải thoát.

Ở đây chúng dân là những vị Bồ Tát, Thanh Văn nhiều vô kể. Tức là trong cuộc đời của người giác ngộ, không có phút giây nào mà họ có thể thấy các Pháp là bị dính nhiễm cả. Nếu thấy các pháp bị dính nhiễm thì không còn giác ngộ nữa. Mà ở đây được thành Phật hoàn toàn thì những ý niệm giác ngộ giải thoát luôn luôn phải hiện ra nơi tâm của họ, suốt cả ngày lẫn đêm. Trong lục căn của họ tiếp xúc lục trần là luôn luôn giác ngộ giải thoát.

VĂN KINH

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

**Bảo các Tỳ kheo rằng:
Ta dùng mắt của Phật
Thấy ông Ca Diếp này
Ở nơi đời vị lai
Quá vô số kiếp sau
Sẽ được thành quả Phật,
Mà ở đời vị lai
Cúng dường và kính thờ**

Đủ ba trăm muôn ức
Các Đức Phật Thế Tôn.
Vì cầu trí huệ Phật
Mà tịnh tu Phạm hạnh
Cúng dường đáng Tối thượng
Nhị Túc Tôn xong rồi
Tu tập trọn tất cả
Trí huệ bậc Vô thượng
Ở nơi thân rốt sau
Được chứng thành làm Phật
Cõi đó rất thanh tịnh
Chất lưu ly làm đất
Nhiều thứ cây bằng báu
Thăng hàng ở bên đường
Dây vàng giăng ngăn đường
Người ngó thấy vui mừng
Thường thoảng ra hương thơm
Rải rác thứ hoa đẹp
Các món báu kỳ diệu
Dùng để làm trang nghiêm
Cõi đó đất bằng phẳng
Không có những gò hầm.
Các hàng chúng Bồ Tát
Đông không thể xưng kể
Tâm các vị hòa dịu
Đến được thần thông lớn
Phụng trì các Kinh điển
Đại thừa của các Phật.
Các hàng chúng Thanh Văn
Vô lậu thân rốt sau
Là con của Pháp vương
Cũng chẳng thể kể hết

Nhẫn đến dùng thiên nhãn
 Cũng chẳng thể đếm biết.
 Phật đó sẽ sống lâu
 Tuổi mười hai tiểu kiếp
 Chánh Pháp trụ ở đời
 Đủ hai mươi tiểu kiếp
 Tượng Pháp trụ ở đời
 Cũng hai mươi tiểu kiếp
 Đức Quang Minh Thế Tôn
 Việc của Ngài như thế.

Phản trùng tụng lặp lại ý trên.

VĂN KINH

Lúc bấy giờ, ngài Đại Mục Kiền Liên, ngài Tu Bồ Đề, ngài Đại Ca Chiên Diên v.v... thấy đều run sợ một lòng chấp tay chiêm ngưỡng dung nhan của Phật, mắt không hề tạm rời, liền đồng tiếng nhau nói kệ rằng:

Thế Tôn rất hùng mãnh
 Pháp vương trong dòng Thích
 Vì thương xót chúng con
 Mà ban giọng tiếng Phật.
 Nói rõ thâm tâm con
 Được Phật thọ ký cho
 Như dùng cam lộ rưới
 Từ nóng được mát mẻ.
 Như từ nước đói đến
 Bỗng gặp cỗ tiệc vua
 Còn ôm lòng nghi sợ
 Chưa dám tự ăn liền
 Nếu lại được vua bảo
 Vậy sau mới dám ăn,
 Chúng con cũng như vậy

**Hằng nghĩ lỗi Tiểu thừa
Chẳng biết làm thế nào
Được huệ Vô thượng Phật,
Dẫu nghe giọng tiếng Phật
Nói chúng con thành Phật
Còn ôm lòng lo sợ
Như chưa dám tự ăn
Nếu được Phật thọ ký
Mới là khoái an vui
Thế Tôn rất hùng mãnh
Thường muốn an thế gian
Xin thọ ký chúng con
Như đôi cần bảo ăn.**

Ở phẩm Tín Giải thì bốn vị: Tu Bồ Đề, Ma Ha Ca Diếp, Mục Kiền Liên, Ca Chiên Diên trình kiến giải của mình. Bây giờ một vị được thọ ký rồi, ba vị kia hồi hộp chờ Phật thọ ký nhưng không dám nói ra.

Các vị đại đệ tử của Đức Phật luôn mong mỏi được thọ ký thành Phật như huynh đệ của mình. Vì các vị đã hiểu, đã nhận và đã trình kiến giải của mình thì Đức Phật có thể đồng một lúc thọ ký cho bốn người. Nhưng Đức Phật thọ ký từ từ, mới thọ ký cho ngài Ca Diếp, nên ba vị còn lại đều run sợ hồi hộp chờ đợi, nghĩ rằng Đức Thế Tôn sẽ hiểu được tâm của mình. Mặc dù trước kia Đức Phật nói là tất cả chúng sanh đều được thành Phật nhưng các vị chưa dám nhận. Và ở đây các vị mong Đức Phật nói tới mình, kêu tới tên mình.

Các Ngài ví dụ tâm trạng của mình: *“Như từ nước đói đến. Bỗng gặp cỗ tiệc vua. Còn ôm lòng nghi sợ. Chưa dám tự ăn liền”*. Như người đói gặp tiệc vua. Bữa tiệc sang quá khi không có người chủ mời mình không dám ăn, mặc dù là

rất đói bụng. Trong số các vị đại đệ tử của Đức Phật được đọc tên từ phẩm đầu cho tới giờ phút này thì chỉ có ngài Xá Lợi Phất và ngài Ca Diếp chính thức được Phật thọ ký vì thông hiểu Kinh Pháp Hoa sớm hơn ba vị kia. Tâm trạng của các Ngài muốn thành Phật đã chín muồi rồi.

Trường hợp Lục Tổ Huệ Năng, công quả suốt tám tháng ở Hoàng Mai, chẳng có một lần nghe Pháp, thậm chí cũng không có một thời tọa thiền nào mà một đêm được nghe Ngũ Tổ giảng Kinh Kim Cang xong thì triệt ngộ đạo lý, được Ngũ Tổ truyền y bát, sau đó chạy lánh nạn, mười lăm năm sống chung với thợ săn, đến khi lên tòa thuyết Pháp là như nước chảy mây trôi. Đây là chỗ kỳ đặc của người nhận Tánh.

Thực sự ngộ Tánh rồi thì trong hoàn cảnh yên tĩnh hay ở trong hoàn cảnh rối rắm họ vẫn vững vàng và trí tuệ họ mỗi ngày mỗi tăng trưởng, công phu của họ mỗi sâu hơn, chớ không phải ngộ Tánh là phải trui luyện kiểu này kiểu kia nữa. Còn ngộ Tánh chưa tới, nghĩa là chưa triệt ngộ, chưa thấy trọn vẹn Tự Tánh của mình thì phải còn thời gian dụng công.

Việc học đạo dù chúng ta tu theo Pháp nào, từ trước tới giờ chúng ta tu theo ai, việc đó không quan trọng mà quan trọng là chúng ta khởi ý vào tu bằng tâm gì. Nếu bây giờ chúng ta chỉ tu với ý hướng sanh về cõi Trời thôi thì ngang đó chúng ta không còn tiến được nữa, đủ phước ngang tầm đó chúng ta dừng lại. Hoặc là chúng ta chỉ muốn chứng quả vị nào đó thôi thì chúng ta sẽ bị dừng lại giữa đường. Cho nên phát khởi tâm vào công phu là việc hết sức quan trọng.

Nếu như từ trước tới giờ chúng ta đi vào chùa mà chưa đủ quyết tâm tu thành Phật thì bây giờ chúng ta phải xây dựng lại tâm niệm đó. Ngoài việc thành Phật ra chúng ta

không còn việc khác để đi vào Chùa, không còn việc khác để học hỏi Giáo lý, không còn việc khác để chúng ta tu tập, chỉ việc duy nhất là thành Phật mà thôi. Vì ba đời tất cả chư Phật đều muốn cho chúng ta thành Phật, chứ không muốn cho chúng ta thành cái gì khác. Chúng ta phải hiểu ý này của chư Phật. Và cả bản Kinh Pháp Hoa cũng nói như vậy.

Ở đây tâm nguyện thiết tha để cầu thành Phật của ba vị này đã chín muồi. Đức Phật thấy được điều này, Ngài mới ấn chứng. Mặc dù trước kia các vị trình kiến giải ngộ đạo, hiểu được chỗ chính yếu Đức Phật muốn nói rồi nhưng phải coi ông quyết tâm thành Phật chưa, lúc đó mới được thọ ký. Trong kiến giải trước thì cũng được rồi nhưng mà tâm chưa gom lại một việc duy nhất, chưa đủ quyết liệt thì việc thành Phật đối với mình còn rất xa, nên Đức Phật chưa thọ ký. Vì vậy muốn Đức Phật thọ ký thì quyết tâm thành Phật của chúng ta phải đạt tới đỉnh cao tột trong tâm của mình, ngoài việc đó ra không còn việc khác để chúng ta làm. Lúc đó chúng ta sẽ được chư Phật thọ ký giống như ba vị này.

Nếu sự quyết tâm thành Phật của chúng ta còn yếu và chưa đủ mãnh lực thì không cảm được chư Phật đâu và sẽ không được thọ ký. Đây là điều để chúng ta hiểu tại sao trước kia trình kiến giải rồi đáng lý được thọ ký một lượt bốn người nhưng thọ ký một vị, phải chờ ba vị kia cầu khẩn van xin và phải mong mỗi chuyện thành Phật thì Đức Phật mới bắt đầu thọ ký.

Địa vị Phật hết sức quan trọng đối với tất cả chúng sanh trong Tam giới này. Khi thành Phật là đã làm Thầy Trời người rồi thì không lý gì nơi tâm chúng ta còn sơ suất. Vì vậy cần một người đến đạo Phật phải đủ tâm lực đó, đủ tất cả những thiết tha, đủ tất cả những hoài vọng đó thì mới được Đức Phật thọ ký.

VĂN KINH

Lúc bấy giờ, Thế Tôn biết tâm niệm của các vị đệ tử lớn bảo các thầy Tỳ kheo rằng: Ông Tu Bồ Đề đây đến đòi vị lai phụng thờ ba trăm muôn ức na do tha Đức Phật, cúng dường cung kính tôn trọng ngợi khen, thường tu hạnh thanh tịnh, đủ đạo Bồ Tát, ở thân rốt sau được thành Phật hiệu: Danh Tướng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Kiếp đó tên Hữu Bảo, nước đó tên là Bảo Sanh. Cõi đó bằng phẳng, đất bằng lưu ly, cây báu trang nghiêm, không có những gò, hầm, cát, sỏi, gai chông cùng tiện lợi dơ dáy; hoa báu trải đất khắp nơi sạch sẽ, nhân dân cõi đó đều ở đài báu và lầu gác quý đẹp. Hàng đệ tử Thanh Văn đông vô lượng vô biên, tính kể cùng thí dụ đều không thể biết. Các chúng Bồ Tát đông vô số nghìn muôn ức na do tha.

Đức Phật thọ mười hai tiểu kiếp, Chánh Pháp trụ ở đời hai mươi tiểu kiếp, Tượng Pháp cũng trụ đời hai mươi tiểu kiếp, Đức Phật đó thường ở trên hư không vì chúng nói Pháp độ thoát được vô lượng Bồ Tát cùng chúng Thanh Văn.

Ngài Tu Bồ Đề hơi có chút đặc biệt. Dân chúng ở đây cũng hơi đặc biệt. Ngài Tu Bồ Đề ngộ đệ nhất lý Không trong hàng đệ tử của Đức Phật. Ngài coi tất cả những danh, tướng, hình sắc, những tên tuổi của tất cả các pháp nó là Không đối với Ngài. Do bằng công phu đó mà đến ngày thành Phật tên là Danh Tướng Như Lai.

Khi ngài Tu Bồ Đề sanh ra, trong sử nói là trong nhà tất cả những kho đụn đều biến thành không một lần, sau đó bắt đầu đầy trở lại. Đó là dấu hiệu của vị Thánh ra đời.

Danh Tướng Như Lai là cái Tụ Tánh thấu triệt được tất cả những danh tướng ở trần gian này, không còn vướng mắc. Tức là bằng công phu đó mà tất cả các pháp nó từ không giống như khi Ngài sanh ra và sau đó trở thành có. Vì vậy mà cõi nước gọi là Hữu Bảo, tức là chân không mà diệu hữu. Chúng ta thấy điều kỳ lạ của một vị thành Phật, đất nước gọi là Hữu Bảo, là nơi đó đầy đủ tất cả những cái quý báu.

Ngài Tu Bồ Đề sống bằng công phu đó thì không có phút giây nào nơi tâm của Ngài thấy tất cả các pháp là có. Cho đến khi chứng được đạo quả, tức là trong đi đứng nằm ngồi, Ngài hoàn toàn không vướng mắc trong danh tướng và luôn sống bằng Tri Kiến Phật, cho nên luôn phụng thờ ba trăm muôn ức Đức Phật. Trong công phu của nội tâm từng phút từng giây lúc nào cái Như Như Tụ Tánh cũng hiển lộ nơi Ngài. Và Như Như Tụ Tánh hiển lộ thì hoàn toàn không còn vướng trong danh tướng cho tới khi thành Phật.

“*Nước đó tên là Bảo Sanh*”: Tức là cái quý báu luôn sanh ra, nơi đó được trang nghiêm đẹp đẽ. “*Nhân dân cõi đó đều ở đài báu và lầu gác quý đẹp*”: Những người sanh ra trong cõi nước đó đều ở trên đài báu, đài báu đó là kết quả của những công phu thiền định và trí tuệ giác ngộ giải thoát. Vì vậy mà dân chúng của Ngài là các vị Bồ Tát, Thanh Văn đông vô lượng vô biên, tính kể cùng thí dụ đều không thể biết.

Đức Phật đó thường ở trên hư không vì chúng nói Pháp độ thoát được vô lượng Bồ Tát cùng chúng Thanh Văn.

Đặc biệt là Ngài trụ trên hư không để thuyết Pháp. Trụ hư không không phải là bay trên trời. Khi Ngài đã ngộ lý Không rồi thì chỗ nào cũng là không, đang ngồi đây cũng là không. Ngồi đây chúng ta cũng được quyền nói là ngồi trong hư không rồi. Khi chúng ta biết được đạo lý thì chỗ nào cũng là Không. Cho nên ngài Tu Bồ Đề luôn sống trong lý Không đó, Ngài luôn trụ trong hư không, tức là chỗ không vướng mắc, không còn danh tướng mà thuyết Pháp.

Khi Ngài thuyết Pháp thì tuyệt đối không còn danh tướng. Không còn danh tướng thì cõi giới này không còn gì đối với Ngài. Nếu là có thì chỗ nào cũng bị trụ cả. Vì vậy mà Ngài luôn trụ ở chỗ hư không, ở nơi không danh tướng mà thường thuyết Pháp cho chúng sanh nghe. Chúng ta thấy mỗi người công phu khác sẽ dẫn tới việc ngộ đạo khác. Và sẽ có một lối giáo hóa khác.

Ngài Quảng Nghiêm Thiên sư Việt Nam có một bài kệ tuyệt vời:

“Tịch diệt phương ngôn tịch diệt xứ,
 Sanh vô sanh hậu thuyết vô sanh,
 Nam nhi tự hữu sung thiên chí,
 Hư hướng Như Lai hành xứ hành.”

Dịch:

“Lìa tịch mới bàn câu tịch diệt,
 Được vô sanh sau nói vô sanh,
 Làm trai có chí xông trời thăm,
 Chớ giẫm Như Lai vết đã qua.”

Nghĩa là khi nhận biết được tịch diệt rồi thì mới được nói lời tịch diệt. Khi ngộ được lý vô sanh rồi mới được thuyết lý vô sanh. Nhưng hai câu cuối đặc biệt: Một người tu mà

không đi theo lối mòn của Như Lai thì tu cái gì? Nhưng một người tu Phật vẫn còn bước theo lối mòn Như Lai thì chưa giải thoát. Nếu chúng ta còn có một đường lối nào để chúng ta công phu tu tập thì biết rằng chúng ta còn lầm mê.

Cho nên khi nói đến Kinh điển Đại thừa, Đức Phật nói tới việc vượt thoát Tam giới để có thể chứng quả Phật thì chúng ta phải nhìn lại công phu của chính mình. Ngày nào chúng ta còn nương công phu của ai đó thì biết rằng lúc đó chúng ta còn lầm mê. Một người hết lầm mê thì không còn nắm bắt bất kỳ công phu nào. Chính Đức Phật khi thành đạo, Đức Phật không có Thầy. Có khi cái duyên không phải do ông Thầy khai thị mà ngộ. Phút chốc đó, nếu không có ông Thầy bên cạnh khi công phu chín muồi thì Hành giả đó cũng tự ngộ.

Khi công phu chúng ta đến độ chín muồi thì ông Thầy chỉ là gọi duyên thôi. Có khi được ông Thầy nhắc thức thì chúng ta sớm ngộ ra việc đó nhưng lúc chúng ta ngộ cũng không phải do ông Thầy. Ông Thầy không nắm trọn vẹn chỗ giác ngộ giải thoát mà trao cho chúng ta được đâu. Có nhiều khi chúng ta hiểu lầm, thấy vị đó được Thầy khai thị thì nghĩ rằng được Thầy kia khai thị mà được ngộ. Nếu người đó ngộ theo cách của ông Thầy khai thị thì giảng thuyết rập khuôn theo lối của ông Thầy thì không tới đâu cả. Vì chỗ này tuyệt đối không có Thầy và không rập khuôn theo người trước thì đó mới thật sự là Thiên Tông.

Nếu chỗ đó mà còn có một vị Thầy thì không phải rồi. Cái chỗ tận cùng đạo lý đó không có Thầy nhưng vẫn không sai với tất cả những điều chỉ dạy của Phật, của Tổ. Điều tương thông không ngăn mé, không ngăn ngại, đều hòa hợp với tất cả chân lý vốn có từ ngàn xưa, mặc dù cái đó không phải của Thầy. Và chân lý này cũng không phải Đức Phật

đặt ra. Tuyệt đối không phải. Chân lý này là cái vốn có của tất cả chúng sanh từ ngàn xưa tới bây giờ và mãi về sau cũng như vậy. Đức Phật là người gọi nhắc cho chúng ta nhận ra điều này mà thôi.

Do đó, chúng ta quay về với sự thật này thì nói nhờ ơn Phật, Tổ gọi nhắc cũng không sai. Nhưng một người khi thật sự bước ra cửa ngõ này rồi thì người đó được quyền nói trước thiên hạ là chỗ đến của tôi không có Thầy. Và sự thật người nào bước ra cái chỗ hoàn toàn không còn vị Thầy nào trên đầu chúng ta nữa, đối với những điều chư Phật, chư Tổ nói đều hiểu và dung thông, không còn ngăn ngại, không còn bị lầm bất kỳ lý thuyết nào nữa thì chúng ta mới thật sự triệt ngộ. Nếu như còn một Pháp nào đó để chúng ta công phu thì biết rằng chúng ta vẫn còn đi theo lối mòn của người xưa. Và lối mòn đã được người kia đặt ra, bây giờ chúng ta đi theo và mãi mãi vẫn còn đi theo lối mòn của tâm thức. Chuyện này hơi khó nghe nhưng chúng ta phải chấp nhận sự thật này.

Chư Phật luôn luôn hộ niệm chúng ta. Chư Phật không bỏ chúng ta bất kỳ giờ phút nào. Nhưng nơi lòng chúng ta một phút chốc nào đó tan biến hết tất cả những sự nương tựa, là phút chốc đó chúng ta tương ưng cảnh giới Phật. Nếu còn một tí nào nương tựa bảo đảm chúng ta không tới nơi. Có khi nói ra điều này sẽ có một số người không chấp nhận nhưng đây là chỗ rất chuyên môn. Và chỉ có người chuyên môn thật sự tới chỗ này, mới thật sự chấp nhận thông cảm nhau mà thôi.

Một lần nào chúng ta hoàn toàn không còn nương tựa, hết đi tựa nương một lần thì chúng ta tự động khế ứng với mười phương ba đời tất cả chư Phật. Chư Phật hoàn toàn không muốn cho chúng ta nương đâu. Chư Phật muốn

chúng ta tự do trong Tam giới này. Bước đi một bước như mãnh hổ giữa rừng xanh, chứ Đức Phật không bao giờ dạy chúng ta bước đi khép nép, e dè đi theo con đường của Ngài cả. Không có chuyện đó đâu. Chúng ta hiểu Đức Phật sâu sắc thì thấy rõ ràng từ thời chư Phật cho tới chư Tổ, đều muốn chúng ta vượt thoát hết tất cả những lối mòn. Dù đó là lối mòn nào đi nữa, dù đó là một Pháp nào đi nữa, dù đó là lối mòn của Như Lai.

Điều này rất chuyên môn nhưng chúng ta phải chấp nhận, chúng ta phải có khái niệm về chỗ này. Để mai kia một nọ khi chúng ta công phu chín muồi, chúng ta thấy rõ ràng cái này không phải Thầy mình dạy. Chúng ta bắt đầu quán sát lại hết Kinh điển và những lời Đức Phật dạy, quán sát những lời nói của chư Tổ thì chúng ta tương thông tuyệt đối với tất cả những ngữ nghĩa Đức Phật dạy trong Tam Tạng Thánh Điển, của chư Tổ dạy. Đến khi đó là hoàn toàn triệt ngộ.

Phải đặt lại vị trí ban đầu của người công phu tu tập, là vị trí giác ngộ giải thoát, chứ không phải khởi đầu công phu bằng sự dính mắc. Đạo Phật là đạo giải thoát thì từ bước đầu chúng ta bước vào đạo Phật phải giải thoát. Đến đạo Phật mà từng thời công phu không nghe nhẹ hơn, không đạt được sự giải thoát thì phải xem lại tất cả các Pháp đang dụng công. Nếu Pháp nào chúng ta dụng công còn vướng, không nhẹ nhàng giải thoát là Pháp đó không phải là Chánh Pháp của Đức Phật.

Đạo Phật đến với con người là phá vỡ hết những khung sáo để con người ta thoát ra thì đó mới là đạo Phật chân chánh. Và từ buổi đầu cho tới phút cuối đạo Phật là phải có những bước đi như thế. Sau này phải có lối cách phá vỡ tông phái của đạo Phật để không còn là Thiên tông, Tịnh độ

và Mật tông. Nói chung, không còn tông nào để đạo Phật thuần khiết là đạo Phật, là những bước đi hoàn toàn giải thoát.

Cho nên Thiền sư Trung Hoa có vị Thanh Nguyên Hành Tư, khi Ngài học đạo hỏi câu đầu tiên: *“Làm thế nào mà chẳng mê chur Thánh giải thoát?”* Vị Thiền sư kia trả lời là: *“Ông hỏi một câu thấp thấp xuống đừng hỏi câu tận trời cao như vậy”*. Ngài Hành Tư trả lời một câu quý vị nghe chấn động: *“Thà vĩnh kiếp trầm luân chứ không mê chur Thánh giải thoát”*. Tức là thà chịu vĩnh kiếp trầm luân tội tự do đi theo con đường của tôi, chứ không bao giờ tôi tôn thờ ông để đi đến giải thoát.

Mặc dù đối với chur Tổ, chur Thánh chúng ta hết sức trân trọng cung kính, ơn nghĩa không bao giờ vơi trong lòng mình. Nếu có một vị Thánh giải thoát để trở thành biểu tượng và đặt định khung sáo để suốt cuộc đời chúng ta bị trói cột thì chúng ta tìm cách thoát khỏi khung sáo đó. Đó chính là kiến giải của người vượt thoát khỏi những lồng sáo giữa trần gian này. Một người không còn bất kỳ cái lồng sáo nào có thể trói cột họ được. Người học Phật phải thật sự có kiến giải như thế.

Nói đến giới luật của đạo Phật chúng ta phải dùng trí tuệ để thông thấu mà hành trì. Giới luật âm tiếng Phạn là tên Si La nghĩa là Biệt Giải Thoát, chứ không phải giới luật là lồng sáo để chúng ta phải gìn giữ. Chúng ta giữ giới nào là chúng ta giải thoát phần đó. Có nghĩa là làm bất cứ cái gì ngay cả giới luật của đạo Phật thì cũng là những việc làm để được giác ngộ giải thoát, chứ không phải vì chúng ta tu theo đạo Phật thì chúng ta buộc phải giữ giới không cho tái phạm.

Tinh thần đạo Phật là tinh thần giải thoát thì Giới luật chẳng lẽ không đặt trên tinh thần giải thoát sao? Đôi khi có những người lầm lẫn cho rằng, Giới luật là khung sáo gì để chúng ta phải giữ gìn. Đó là cái thấy lầm. Theo tinh thần Biệt Giải Thoát thì giữ giới nào giải thoát phần đó, thế nên thọ giới ít là giải thoát ít, thọ giới nhiều là mở nhiều cánh cửa giải thoát cho chúng ta.

Càng đi sâu vào đạo Phật chừng nào thì chúng ta càng được nhẹ nhàng và thanh thoát chừng đó. Từng bước thân cận đạo Phật là rơi rụng những vướng mắc, khung sáo để mình hoàn toàn được tự do tự tại. Từ những bước chân đầu tiên để đi vào đạo Phật cho đến cuối con đường tu học Phật Pháp đều phải đi trên đại lộ tự do và giải thoát tận cùng. Đó chính thật là đạo Phật.

Phải làm sao cho bất kỳ một người nào đó lên tới cảnh giới Phật là lên tới cảnh giới tự do. Ngày đầu tiên chúng ta đặt chân tới mảnh đất tự do, để rồi nhân tự do đó thêm lớn mãi mãi với chúng ta, cho tới hết cuộc đời còn lại của mình là phải đi trên mảnh đất tự do đó, sống bằng tự do, chết bằng tự do. Và trí tuệ chúng ta sẽ được khai mở khi phá bất kỳ lồng sáo nào. Sau này chúng ta công phu chúng ta sẽ thấy điều đó.

Tức là mình thoát được lồng sáo thì trí tuệ chúng ta sẽ mở ra. Càng công phu sâu chúng ta sẽ thấy ra điều này. Chúng ta càng sợ hãi điều gì đó thì chúng ta càng lẩn quẩn trong tri kiến đó mà thôi. Nhưng khi chúng ta phá vỡ nó rồi thì trời đất sẽ rộng mênh mông liền. Tâm thức chúng ta sẽ mở rộng và trí tuệ chúng ta sẽ phát sáng sau khi chúng ta phá vỡ bất kỳ cái chấp trước nào nơi tâm. Cho nên khi không còn bất cứ vướng mắc nào nơi tâm thì người đó hoàn

toàn tự do và sạch hết tất cả những khung sáo trong Tam giới này.

Thử một lần chúng ta không bước theo bất kỳ một lối mòn nào, là lần đó quý vị hoàn toàn tự do thì những bước chân tự do giải thoát của chính mình đã phá vỡ những lồng sáo cũ. Nếu chúng ta khởi bước bằng bước chân tự do là chúng ta tôn trọng Đức Phật của chính mình tức là sống được với chân lý mà chư Phật chỉ dạy.

Mỗi một vị Phật ra đời đều có lối dạy riêng. Và mỗi vị Tổ ra đời cũng phải như thế. Cho nên, giữa trần gian này Phật Pháp mãi mãi mới, chứ Phật Pháp cứ đi theo lối cũ thì không còn là Phật Pháp nữa. Và những Pháp đó luôn luôn phù hợp với thời đại, không đi theo lối mòn nào nhưng vẫn giữ trọn vẹn giá trị giác ngộ giải thoát của chư Phật chỉ dạy.

VĂN KINH

Khi đó, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

Các chúng Tỳ kheo này!

Nay Ta bảo các ông

Đều nên phải một lòng

Lắng nghe lời Ta nói.

Đệ tử lớn của Ta

Là ông Tu Bồ Đề

Rồi sẽ được làm Phật

Hiệu gọi là Danh Tướng

Sẽ phải cúng vô số

Muôn ức các Đức Phật

Theo hạnh của Phật làm

Lần lần đủ đạo lớn.

Thân rốt sau sẽ được

Ba mươi hai tướng tốt
Xinh lịch đẹp đẽ lắm
Dường như núi báu lớn
Trang nghiêm sạch thứ nhất
Chúng sanh nào được thấy
Không ai chẳng ưa mến
Phật ở trong cõi đó
Độ thoát vô lượng chúng.
Trong Pháp hội của Phật
Các Bồ Tát đông nhiều
Thấy đều bậc lợi căn
Chuyên Pháp luân bất thôi.
Cõi nước đó thường dùng
Bồ Tát để trang nghiêm
Các chúng Thanh Văn lớn
Chẳng có thể đếm kể
Đều được ba món mình
Đủ sáu thứ thần thông
Trụ tám Pháp giải thoát
Có oai đức rất lớn.
Đức Phật đó nói Pháp
Hiện ra vô lượng món
Pháp thần thông biến hóa
Chẳng thể nghĩ bàn được.
Các hàng Trời, nhân dân
Số đông như hằng sa
Đều cùng nhau chấp tay
Lắng nghe lời Phật dạy.
Đức Phật đó sẽ thọ
Tuổi mười hai tiểu kiếp
Chánh Pháp trụ lại đời
Đủ hai mươi tiểu kiếp

**Tượng Pháp trụ ở đời
Cũng hai mươi tiểu kiếp.**

Phần trùng tụng cũng nói lại ý trên.

VĂN KINH

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn lại bảo các chúng Tỳ kheo: Ta nay nói với các ông, ông Đại Ca Chiên Diên này ở đời vị lai, dùng các đồ cúng mà cúng dường phụng thờ tám nghìn ức Phật cung kính tôn trọng. Sau khi các Đức Phật diệt độ, ông đều dựng tháp miếu cao một nghìn do tuần, ngang rộng ngay bằng năm trăm do tuần, tháp miếu đó dùng bảy món báu vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, trân châu và mai khô hợp lại thành, cúng dường tháp miếu bằng các thứ hoa, chuỗi ngọc, hương xoa, hương bột, hương đốt, lọng nhiễu, tràng phan v.v...

Sau thời kỳ đó sẽ lại cúng dường hai mươi muôn ức Phật cũng như trước, cúng dường các Đức Phật đó rồi, đũa đạo Bồ Tát sẽ được làm Phật hiệu: Diêm Phù Na Đề Kim Quang Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Cõi đó bằng phẳng, đất bằng pha lê, cây báu trang nghiêm, vàng ròng làm bằng dây để giăng bên đường, hoa đẹp trải đất khắp nơi sạch sẽ. Người được thấy đều vui mừng, không có bốn đường dữ: Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh và A tu la. Các Trời cùng người rất đông, các chúng Thanh Văn và Bồ Tát vô lượng muôn ức trang nghiêm nước đó. Đức Phật đó thọ mười hai tiểu kiếp, Chánh Pháp trụ ở đời hai mươi tiểu kiếp, Tượng Pháp cũng trụ hai mươi tiểu kiếp.

Ngài Đại Ca Chiên Diên ở đời vị lai, dùng các đồ cúng mà cúng dường phụng thờ tám nghìn ức Phật. Khi Ngài thành Phật không thấy nói tới việc giáo hóa như ngài Tu Bồ Đề. Chánh Pháp và tuổi thọ cũng dài lâu, không có bốn đường dữ: Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh và A tu la. Như vậy A tu la cũng xếp vào đường dữ theo cái nhìn của Kinh điển Đại thừa.

Ở đây chúng ta thấy một điều là ngài Ca Chiên Diên luôn cung kính cúng dường phụng thờ Đức Phật. Khi các Đức Phật diệt độ thì dựng tháp miếu cúng dường. Có nghĩa khi khởi đầu đến kết thúc, những tâm niệm có nơi Ngài đều là tâm niệm quý kính đối với Đức Phật. Khi trình kiến giải ngộ đạo với Đức Phật rồi từ đó về sau Ngài luôn sống với tâm tôn trọng, cung kính và phụng thờ chư Phật.

Người nào nơi lòng chưa đủ tâm tôn trọng và cung kính chư Phật thì người đó sẽ chưa được thành Phật. Một người cúng dường Đức Phật với tất cả tâm tôn trọng cung kính thì đủ phước thành Phật. Đến khi nào chúng ta được gặp Phật để cung kính cúng dường Đức Phật thì phước báo và trí tuệ của chúng ta dần lớn lên và cũng sẽ thành Phật giống như ngài Ca Chiên Diên.

VĂN KINH

Lúc đó, Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

**Các chúng Tỳ kheo này!
Đều nên một lòng nghe
Như lời của Ta nói
Chân thật không khác lạ.
Ông Ca Chiên Diên này
Sau sẽ dùng các món
Đồ cúng dường tốt đẹp**

Mà cúng dường các Phật
 Các Đức Phật diệt rồi
 Dựng tháp bằng bảy báu
 Cũng dùng hoa và hương
 Để cúng dường Xá lợi.
 Thân rốt sau của ông
 Được trí tuệ của Phật
 Thành bậc Đẳng chánh giác
 Cõi nước rất thanh tịnh
 Độ thoát được vô lượng
 Muôn ức hàng chúng sanh
 Đều được mười phương khác
 Thường đến kính cúng dường,
 Ánh sáng của Phật đó
 Không ai có thể hơn
 Đức Phật đó hiệu là:
 Diêm Phù Kim Quang Phật
 Bồ Tát và Thanh Văn
 Dứt tất cả hữu lậu
 Đông vô lượng vô số
 Trang nghiêm cõi nước đó.

Phản trùng tụng cũng nói lại ý trên.

VĂN KINH

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn lại bảo trong đại chúng:
 Ta nay nói với các ông, ông Đại Mục Kiền Liên đây sẽ
 dùng các món đồ cúng, cúng dường tám nghìn các Đức
 Phật, cung kính tôn trọng. Sau khi các Đức Phật diệt độ
 đều dựng tháp miếu cao, một nghìn do tuần, ngang rộng
 thẳng bằng năm trăm do tuần, dùng bảy món báu: vàng,
 bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô và mai khô hợp lại
 thành. Đem các thứ hoa, chuỗi ngọc, hương xoa, hương

bột, hương đốt, lọng nhiễu và tràng phan để cúng dường tháp.

Sau lúc ấy, lại sẽ cúng dường hai trăm muôn ức các Đức Phật cũng như trước, rồi sẽ được thành Phật hiệu: Đa Ma La Bạt Chiên Đàn Hương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Kiếp đó tên là Hỷ Mãn, nước tên là Ý Lạc, cõi đó bằng phẳng, đất pha lê làm đất, cây báu trang nghiêm, rải hoa trên châu khắp nơi sạch sẽ, người được thấy đều vui mừng. Các hàng Trời, Người rất đông, Bồ Tát và Thanh Văn số nhiều vô lượng, Đức Phật đó thọ hai mươi bốn tiểu kiếp, Chánh Pháp trụ ở đời bốn mươi hai tiểu kiếp, Tượng Pháp cũng trụ bốn mươi hai tiểu kiếp.

Ngài Mục Kiền Liên thành Phật tuổi thọ dài lâu hơn. Ngài cúng dường tám nghìn các Đức Phật, cung kính tôn trọng. Sau lúc ấy lại sẽ cúng dường hai trăm muôn ức các Đức Phật cũng như trước, rồi sẽ được thành Phật.

Kiếp đó tên là Hỷ Mãn, là sự vui vẻ, hoan hỷ, sung mãn. Nước tên là Ý Lạc. Người khi đạt được quả vị đó rồi không còn có gì là không vui, không còn có gì bất mãn cả. Tức là sự vui vẻ tràn ngập tâm thức người đó. Người đó trong tâm hoàn toàn không còn gợn một ý niệm lẩn tẩn về sự phiền muộn giữa cuộc sống này. Khi đối duyên xúc cảnh, khi làm bất cứ việc gì và xảy ra bất kỳ chuyện gì trong hoàn cảnh nào mà người đó còn có chút không hoan hỷ, có một chút không thỏa mãn thì chưa phải, tâm người đó chưa trọn vẹn. Và người đó chưa thật sự an lạc, chưa được thành Phật.

Có những người họ có thể biết được một hoặc hai kiếp tới của chính mình và có thể biết được một hai kiếp tới của người khác nhưng định đó cạn mông. Đối với Đức Phật thì trí tuệ cao tột và thâm sâu, nên tất cả chuyện quá khứ và tương lai của Ngài và của tất cả chúng sanh chỉ trong một sát na, Ngài rõ biết không lầm lẫn. Điều này tựa như đạo diễn phim. Khi dựng lên bộ phim rồi thì từ đầu tới cuối cuộn phim xảy ra tình tiết nào là người đó biết một cách rất rành, không có gì khuất lấp đối với họ, chứ không như khán giả chiếu tới đâu biết tới đó.

Chúng tôi ví dụ như vậy chứ không phải Đức Phật dựng ra cuộc sống của tất cả chúng sanh. Muốn nói rằng trí tuệ của Đức Phật đối với Tam giới này là không còn gì khuất lấp được. Việc xảy ra hôm nay như thế này và hàng tỷ năm về sau xảy ra bất kỳ chuyện gì thì Đức Phật đều biết tất cả. Vì tất cả mọi cái đều hiện ra như tấm gương. Đức Phật đạt tới cái định không còn ngày tháng, đã vượt thoát thời gian, vượt thoát không gian, mười phương pháp giới không còn ngăn ngại nữa, cho nên bất kỳ việc xảy ra trong mười phương pháp giới này đều hiển hiện rõ trong gương trí tuệ tròn sáng của Đức Phật.

VĂN KINH

Khi đó, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

**Đệ tử của Ta đây
Là Đại Mục Kiền Liên
Bỏ thân người này rồi
Sẽ được gặp tám nghìn
Hai trăm muôn ức vị
Các Đức Phật Thế Tôn
Ông vì cầu Phật đạo
Nên cúng dường cung kính**

Ở nơi các Đức Phật
Thường tu trì Phạm hạnh
Ở trong vô lượng kiếp
Phụng trì Pháp của Phật.
Các Đức Phật diệt rồi
Xây tháp bằng bảy báu
Tháp vàng rất cao rộng
Dùng hoa hương kỹ nhạc
Để dùng dâng cúng dường
Tháp miếu các Đức Phật.
Lần lần được đầy đủ
Đạo hạnh Bồ Tát rồi
Ở nơi nước Ý Lạc
Mà được thành quả Phật
Hiệu là Đa Ma La
Bạt Chiên Đàn Hương Phật.
Đức Phật đó thọ mạng
Hai mươi bốn tiểu kiếp
Thường vì hàng Trời, Người
Mà diễn nói đạo Phật
Chúng Thanh Văn vô lượng
Như số cát sông Hằng
Đủ ba minh, sáu thông
Đều có oai đức lớn.
Bồ Tát đông vô số
Chí bền lòng tinh tấn
Ở nơi trí huệ Phật
Đều không hề thối chuyển.
Sau khi Phật diệt độ
Chánh Pháp sẽ trụ đời
Đủ bốn mươi tiểu kiếp
Tượng Pháp cũng như thế.
Các đệ tử của Ta

**Bạc oai đức đầy đủ
Số đó năm trăm người
Ta đều sẽ thọ ký
Ở nơi đời vị lai
Đều được chứng thành Phật
Ta cùng với các ông
Đời trước kết nhân duyên
Ta nay sẽ thuật nói
Các ông khéo lắng nghe.**

Phần trùng tụng lặp lại ý trên.

* * *

PHẨM “HÓA THÀNH DỤ” THỨ BẢY

VĂN KINH

Đức Phật bảo các thầy Tỳ kheo: Thuở quá khứ vô lượng vô biên bất khả tư nghĩ A tăng kỳ kiếp đã qua, lúc bấy giờ có Đức Phật hiệu Đại Thông Trí Thắng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Nước đó tên là Hảo Thành, kiếp tên Đại Tướng. Các Tỳ kheo! Từ khi Đức Phật đó diệt độ nhân đến nay rất là lâu xa, thí như địa chủng trong cõi Tam thiên Đại thiên, giả sử có người đem mài làm mực rồi đi khỏi một nghìn cõi nước ở phương đông bèn chấm một điểm chùng bằng bụi nhỏ, lại qua một nghìn cõi nước nữa cũng chấm một điểm, cứ như thế lần lượt chấm hết mực mài bằng địa chủng ở trên. Ý các ông nghĩ sao? Các cõi nước đó hoặc Thầy toán hoặc đệ tử của Thầy toán có thể biết được ngần mế số đó chăng?

Thưa Thế Tôn! Không thể biết!

Các Tỳ kheo! Những cõi nước của người đó đi qua hoặc có chấm mực hoặc không chấm mực đều nghiền nát cả ra làm bụi, một hạt bụi là một kiếp, từ Đức Phật đó diệt độ đến nay lại lâu hơn số đó vô lượng vô biên trăm nghìn muôn ức A tăng kỳ kiếp. Ta dùng sức tri kiến của Như Lai xem thuở lâu xa đó dường như hiện ngày nay.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói đến thời Đức Phật Đại Thông Trí Thắng Như Lai thành Phật, cho tới hôm nay thời gian rất dài. Ngài ví dụ như cỡi Tam thiên Đại thiên mà nghiền nát làm mực, rồi bay đi một ngàn cỡi nước mới chấm một giọt mực, chấm hết tất cả các địa chủng, rồi gom hết các địa chủng có chấm mực hoặc không chấm mực đều nghiền nát cả ra làm bụi, một hột bụi là một kiếp thì thời gian Đức Phật Đại Thông Trí Thắng Như Lai thành Phật lâu hơn số bụi đó. Số này đâu óc trí tuệ của chúng ta không thể biết số lượng là bao nhiêu.

Ở đây muốn nói là thời gian vô lượng vô biên, thời gian bất khả tư nghì. Vậy mà với sức trí tuệ và tri kiến của Như Lai, Ngài thấy sự việc xảy ra với số thời gian vô tận đó giống như Ngài thấy chuyện trước mắt. Chúng ta tin nổi không? Nếu như chúng ta tin nổi điều này thì chúng ta là người có căn duyên lớn đối với Phật Pháp.

Khi chúng ta bị kẹt trong tâm thức thì cái thấy biết của chúng ta nó có chừng hạn, có hôm nay, có ngày mai, có quá khứ, có hiện tại, có vị lai, có một thời gian gọi là lâu xa. Nhưng đối với Đức Phật, Ngài đã có trí tuệ vượt không gian thời gian thì dù là hàng tỷ tỷ năm đi nữa đối với Ngài là sự hiện hữu hiện tiền.

Ví dụ, từ thời Đức Phật đến nay là hơn hai ngàn năm trăm năm, khoảng cách đó rất lâu xa đối với mình nhưng nếu thật sự một người có một lần không còn kẹt trong thời gian, không gian nữa thì việc xảy ra đối với họ mấy ngàn năm giống như việc xảy ra bây giờ không có khác. Do đó, không phải dùng sức lực nào, cũng không phải do công phu nào mà có thể thấy chuyện quá khứ, vị lai. Chỉ một lần vượt thoát thời gian thôi thì thời gian trở thành không với người đó. Người đó muốn biết chuyện hôm nay, muốn biết chuyện hôm qua, muốn biết chuyện một ngàn năm, một triệu năm,

một tỷ năm về trước vẫn biết một cách rất rõ ràng không hề sai chạy, biết thật đúng, biết thật chuẩn xác. Người tu đạt đạo lý thì sẽ có đủ sức tri kiến đó. Tức là sức tri kiến trí tuệ của Như Lai.

Việc quá khứ cũng như hiện tại và việc tương lai, người đó muốn biết ở đâu thì việc đó Như Như rõ ràng, không lầm lẫn. Đây là điều để chúng ta biết thêm. Còn thường các vị chứng quả vị A La Hán thì các vị có thể biết tám muôn bốn ngàn kiếp trở lại.

Thời Đức Phật còn tại thế có một Trưởng giả rất giàu, đến lúc ông già nên phân chia gia sản cho vợ và con. Có lẽ lúc đương thời ông cư xử không tốt với vợ con, nên sau khi chia của xong thì vợ con không ai nuôi ông nữa, khiến ông phải đi xin ăn. Do ai cũng nghĩ là ông trước kia giàu có như vậy mà đi xin ăn nên không ai tin và không cho đồ ăn. Trải qua nhiều năm tháng không nơi nương tựa, vất vả gian truân, cùng đường ông suy nghĩ nhờ nương cửa Phật xuất gia đi tu học, để có nơi ăn chốn ở đàng hoàng.

Ông vào tinh xá Kỳ Viên gặp các vị đại đệ tử của Đức Phật, ngài Xá Lợi Phất quán sát tám muôn bốn ngàn kiếp về trước thấy ông chưa có một lần gieo duyên với Tam Bảo, e rằng ông đi tu không bền, nên từ chối. Lần lượt đến ngài Mục Kiền Liên, ngài Ca Diếp v.v... đều từ chối.

Buồn quá ông định tự vẫn trước cổng tinh xá. Vừa định đập đầu vào đá thì khi ấy Đức Phật đưa tay ra đỡ đầu ông không cho đầu đụng vào trụ đá. Khi ấy Đức Phật hỏi ông sao muốn tự vẫn trước cổng tinh xá của Ta, ông khóc lóc thuật lại tất cả những chuyện về trước. Nghe xong Đức Phật dẫn ông vào tinh xá và bảo đại chúng cho ông già này xuất gia làm Tăng.

Khi ấy các vị đại đệ tử của Đức Phật thưa rằng, tất cả các vị ấy đều thấy từ tám muôn bốn ngàn kiếp trở lại đây, ông già này chưa một lần gieo duyên với Tam Bảo. Đức Phật dạy, vượt tám muôn bốn ngàn kiếp về trước có một lần ông ta bị cọp rượt, chạy thoát thân, lúc leo lên cây ông có một lần niệm “Mô Phật” nên Ta cho xuất gia. Sau khi Đức Phật nói rõ nhân duyên này, các vị đại đệ tử đều thuận theo lời Đức Phật dạy làm lễ xuất gia cho ông lão.

Đức Phật chứng Túc Mạng Minh nên thấy hằng hà sa số kiếp về trước của chúng sanh, còn các vị A La Hán cũng chứng Túc Mạng Minh nhưng chỉ thấy tám muôn bốn ngàn kiếp trở lại thôi. Đó là một trong vô số cái khác giữa quả vị Phật và quả vị A La Hán. Túc Mạng Minh, Thiên Nhân Minh của các vị thánh đệ tử Đức Phật sâu cạn khác nhau là do chứng thánh quả A La Hán ít đời hay nhiều đời.

Trong cuộc sống hiện tại người nào sức định sâu thì người đó sẽ nhớ chuyện xưa nhiều, nhớ kỹ, nhớ một cách rõ ràng. Người nào tâm loạn động muốn nhớ chuyện ba hôm trước, nhớ không nổi. Từ chỗ đó chúng ta suy luận đến định sâu của các vị Thánh. Và khi Đức Phật đã đạt được định rồi thì trong Tam giới không có chuyện thời gian lâu xa đối với Đức Phật. Sức tri kiến và trí tuệ của Đức Phật thấy đến mức độ thời gian tính toán không thể được, bất khả tư nghì, không thể dùng cái đầu phàm phu mà có thể hiểu được ít phần kiếp số đó.

Thứ hai, muốn nói đến chỗ Đức Phật Đại Thông Trí Thắng Như Lai thành Phật, muốn nói đến quá khứ là cái thủy giác, là cái bất sanh bất diệt hàng tỷ tỷ năm về trước, bây giờ vẫn còn tồn tại không hư hoại, vẫn còn hiện hữu đối với chúng ta.

VĂN KINH

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

Ta nhớ đời quá khứ
Vô lượng vô biên kiếp
Có Phật Lương Túc Tôn
Hiệu Đại Thông Trí Thắng.
Như người dùng sức mài
Cối Tam thiên Đại thiên
Hết tất cả địa chủng
Thấy đều làm thành mực
Quá hơn nghìn cối nước
Bèn chấm mỗi điểm trần
Như thế lần lựa chấm
Hết các mực trần này.
Bao nhiêu cối nước đó
Điểm cùng chẳng điểm thấy
Lại đều nghiền làm bụi
Một bụi làm một kiếp
Kiếp số lâu xa kia
Lại nhiều hơn số bụi
Phật đó diệt đến nay
Vô lượng kiếp như thế
Trí vô ngại của Phật
Biết Phật đó diệt độ
Và Thanh Văn, Bồ Tát
Như hiện nay thấy diệt.
Các Tỳ kheo nên biết
Trí Phật tịnh vi diệu
Vô lậu và vô ngại
Suốt thâu vô lượng kiếp.

Phản trùng tụng lập lại ý trên.

VĂN KINH

Đức Phật bảo các Tỳ kheo: Đức Đại Thông Trí Thắng Phật thọ năm trăm bốn mươi vạn ức na do tha kiếp, Đức Phật đó khi trước lúc ngồi đạo tràng phá quân ma rồi, sắp được đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác mà Phật Pháp chẳng hiện ra trước, như thế một tiểu kiếp cho đến mười tiểu kiếp, ngồi xếp bằng thân và tâm đều không động mà các Phật Pháp còn chẳng hiện ra trước.

Thuở đó, các vị Trời Đao Lợi ở dưới cội cây Bồ đề đã trước vì Đức Phật đó mà trải tòa sư tử cao một do tuần, Phật ngồi nơi tòa này sẽ được đạo Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Khi Phật vừa ngồi trên tòa đó các Trời Phạm Thiên Vương rưới những hoa trời khắp bốn mươi do tuần, gió thơm lâu lâu thổi đến, thổi dẹp hoa héo rồi rưới hoa mới mãi như thế không ngớt mãi mười tiểu kiếp để cúng dường Đức Phật, hẳn đến khi Phật diệt độ thường rưới hoa này. Các Trời Tứ Thiên Vương vì cúng dường Phật nên thường đánh trống trời. Ngoài ra các vị Trời khác thổi kỹ nhạc trời, mãi mười tiểu kiếp đến khi Phật diệt độ cũng lại như thế.

Các Tỳ kheo! Đức Đại Thông Trí Thắng Phật quá mười tiểu kiếp các Phật Pháp hiện ra trước thành đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Lúc Phật chưa xuất gia có mười sáu người con trai, người con cả tên Trí Tích. Các người con đó đều có các món đồ chơi tốt đẹp báu lạ, nghe cha chứng được quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác đều bỏ đồ báu của mình đi đến chỗ Phật. Các người mẹ khóc lóc theo đưa.

Ông nội là vua Chuyển Luân Thánh Vương, cùng một trăm vị đại thần và trăm nghìn muôn ức nhân dân khác đều vây quanh nhau đi theo đến đạo tràng, mọi người đều đến gần gũi Đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai để cúng dường cung kính tôn trọng ngợi khen. Khi đã đến nơi tất cả đem đầu mặt mình lạy chân Phật, đi vòng quanh Đức Phật xong, đều chấp tay một lòng chiêm ngưỡng dung nhan của Phật, rồi nói kệ khen Phật:

Thế Tôn oai đức lớn
 Vì muốn độ chúng sanh
 Trong vô lượng ức năm
 Bèn mới được thành Phật
 Các nguyện đã đầy đủ
 Hay thay lành vô thượng
 Thế Tôn rất ít có
 Một phen ngồi mười kiếp
 Thân thể và tay chân
 Yên tịnh không hề động
 Tâm Phật thường lặng lẽ
 Chưa từng có tán loạn
 Trọn rớt ráo vắng bật
 An trụ Pháp vô lậu
 Ngày nay thấy Thế Tôn
 An ổn thành Phật đạo
 Chúng con được lợi lành
 Mừng rỡ rất vui đẹp.
 Chúng sanh thường đau khổ
 Đui mù không Đạo Sư
 Chẳng biết đạo dứt khổ
 Chẳng biết cầu giải thoát
 Lâu ngày thêm nẻo ác
 Giảm tổn các chúng Trời

**Từ tối vào nơi tối
 Trọn chẳng nghe danh Phật.
 Nay Phật được Vô thượng
 Đạo an ổn vô lậu
 Chúng ta và Trời người
 Vì được lợi lớn tốt
 Cho nên đều cúi đầu
 Quy mạng đáng Vô thượng.**

Đức Phật bắt đầu kể về việc ngài Đại Thông Trí Thắng Như Lai thành Phật. Đầu tiên Đức Phật nói Đức Đại Thông Trí Thắng Phật thọ năm trăm bốn mươi vạn ức na do tha kiếp. Tức là tuổi thọ Đức Đại Thông Trí Thắng Phật vừa dài vừa lâu. Na do tha là số lượng rất nhiều, không thể tính kể được. Khi Ngài ngồi đạo tràng phá quân ma, có nghĩa phá được phiền não ma, ngũ âm ma, ma chết, thiên ma nhưng Phật Pháp chẳng hiện ra. Sau đó Ngài lại ngồi đạo tràng trải qua tới mười tiểu kiếp.

Chỗ này có nhiều người thắc mắc tại sao phá quân ma rồi mà Phật Pháp chẳng hiện ra? Phải trải qua cái gì nữa? Chúng ta so sánh Đức Phật Thích Ca thọ tám mươi tuổi, lúc ngồi cội Bồ đề trải qua bốn mươi chín ngày thì nếu so sánh thời gian của Đức Đại Thông Trí Thắng Phật, thọ năm trăm bốn mươi vạn ức na do tha kiếp, mà ngồi mười tiểu kiếp thì cũng tương đồng nhau.

Quá trình công phu tu hành của các vị phải có giai đoạn nhất định nào đó để có thể chứng đạo quả. Mặc dù phá được phiền não ma, thiên ma, các loại ma đã phá xong nhưng rồi cũng phải ngồi đạo tràng tiếp tục, đi vào định rất sâu mới có thể chứng quả Vô Thượng Bồ Đề. Dù là Đức Phật quá khứ, Đức Phật hiện tại, Đức Phật vị lai cũng phải trải qua quá trình này.

Đức Phật muốn nhắc lại duyên xưa của Đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai và duyên hiện tại của Đức Phật. Chúng ta thấy Đức Phật trải qua bốn mươi chín ngày dưới cội bồ đề. Và trong tương lai nếu có Đức Phật thành Phật thì sau khi phá quân ma rồi cũng phải ngồi tòa bồ đề của mình cho tới chứng quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tức là phải nhập định rất sâu, mới có thể phá tất cả những mầm mống sanh tử thì người đó mới chứng Phật quả.

Ở đây Đức Phật Đại Thông Trí Thắng ngồi tới mười Tiểu kiếp. Và điều đặc biệt là các vị từ cõi Trời Tứ Thiên Vương, cõi Trời Đạo Lợi đều tới cúng dường. Khi các vị tới cúng dường hoa cho Đức Phật, là rải hoa xung quanh tòa Bồ Đề của Đức Phật, tự động hoa héo gió thổi tới hoa đó bay đi, hoa mới hiện tới, cúng dường liên tục kéo dài mười tiểu kiếp cho tới khi Đức Phật nhập diệt vẫn tiếp tục cúng dường như vậy. Cõi Trời Tứ Thiên Vương thì cúng dường nhạc và đánh trống trời suốt mười tiểu kiếp, cho tới khi Đức Phật thành Phật vẫn luôn cúng dường như thế. Khi Đức Phật Đại Thông Trí Thắng ngồi quá mười tiểu kiếp thì Phật Pháp bắt đầu hiện ra, thành đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Lúc Đức Phật chưa xuất gia, có người con trai cả tên là Trí Tích. Trí Tích có nghĩa là gom chứa, tích chứa từ bên ngoài vào. Ý muốn nói tâm chúng ta trong đó có sự hiểu biết trí tuệ, mà chúng ta đã gom chứa không phải trong đời này, mà những đời kiếp về trước. Và khi một người đã giác ngộ được tâm của mình rồi thì tất cả những trí mà chúng ta đã huân tập nhiều đời nhiều kiếp, những học thức kiểu khôn lanh của tâm thức được chuyển thành trí tuệ giác ngộ giải thoát.

Đức Phật Đại Thông Trí Thắng có tất cả mười sáu người con trai, tức là nói tất cả tâm thức của tất cả chúng sanh. Khi một người nhận đạo lý, đã chứng quả thì tất cả tâm đó quy thuận Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

“*Các người mẹ khóc lóc theo đưa*”: Người mẹ biểu trưng cho người nữ. Người nữ là người luyến ái, chấp trước. Tất cả những trí tuệ, những học hiểu giữa trần gian này, những chấp trước trong sự hiểu biết của chính mình, bây giờ khi đạt đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì tất cả những vướng mắc đó tự động phá vỡ, cho nên tâm luyến ái cũng dứt mất với chính mình, mà ở đây gọi là người mẹ khóc lóc theo đưa. Nghĩa là cái tâm chấp trước nó tan vỡ không còn. Đứa con rời khỏi bà mẹ có nghĩa là sự chấp trước, sự ái nhiễm, sự vướng mắc của chúng ta đối với cái học hiểu, cái khôn lanh, cái trí thức từ xưa tới giờ nó cũng tan thành mây khói.

Ông nội là vua Chuyển Luân Thánh Vương, cùng một trăm vị đại thần và trăm nghìn muôn ức nhân dân khác đều vây quanh nhau đi theo đến đạo tràng.

Người ta gọi cha vô minh, mẹ tham ái. Ông nội là cha của cha mình, tức là cái vô minh sâu thẳm trong tâm thức lúc đó cũng phá vỡ. Tức là một người ngộ đạo rồi thì cái vô minh và tham ái tự động tan biến. Lúc này Đức Phật Đại Thông Trí Thắng đã chứng quả rồi. Mà sâu tận bên trong cũng phải tan biến, phải đi theo Trí Tích đó đến đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nghĩa là khi một người thành Phật rồi thì từ tâm thô thiển, cho tới vi tế sâu sắc bên trong, cũng đều phải chuyển hết tất cả thành Vô Thượng Bồ Đề.

Ở đây Đức Phật muốn nói rằng khi một người thành đạo rồi thì cội nguồn của vô minh và tham ái cũng bắt đầu

chuyển biến thành đạo Vô Thượng Bồ Đề. Nếu vô minh và tham ái không hết thì không thể chứng quả. Và khi chứng quả được thì vô minh và tham ái phải tan biến không còn sót đọng một mảy may nào nữa.

Các người nói kệ rằng trước khi Đức Phật thành Phật thì chúng sanh mù tối vô minh không biết cách để tìm giải thoát giác ngộ, rồi nẻo ác lại thêm nhiều. Người làm thiện thì ít, người làm ác thì mỗi ngày mỗi tăng, làm tổn giảm chúng Trời.

Thường chúng ta làm thiện thì được sanh thiên. Giai đoạn Phật Pháp hưng thịnh người làm thiện rất đông, chúng Trời tăng nhưng giai đoạn Phật Pháp suy vi người làm thiện ít, người làm ác nhiều, do đó ngay cả những người ở cõi Trời sau khi hưởng hết phước rồi lại sa vào con đường ác, vì vậy gọi là chúng Trời bị tổn giảm, ít người được sanh lên cõi Trời.

Trong Kinh nói có bốn hạng người: Một hạng người từ tối đi vào nơi tối. Một hạng người từ tối đi vào nơi sáng. Một hạng người từ sáng đi vào nơi tối. Một hạng người từ sáng đi vào nơi sáng.

“*Người từ tối đi vào nơi tối*”: Nghĩa là từ tâm vô minh làm lần chấp trước của mình, tiếp tục tạo tội lỗi để mình tiếp tục bị đọa đày đau khổ, không có Chánh Pháp, không có con đường để thoát sanh tử luân hồi. Cứ sai làm chuyện này tiếp tục sai làm chuyện khác, tiếp tục sai lầm nữa để lún sâu vào vòng sanh tử luân hồi.

“*Người từ tối đi vào nơi sáng*”: Là trường hợp giống như chúng ta ở đây. Mặc dù chúng ta chưa là người giác ngộ, là người đang tối tăm trong vô minh, phiền não nhưng chúng ta được nghe Chánh Pháp, được học hiểu đạo lý. Tức

là nơi tâm chúng ta biết việc thiện để làm, biết việc ác để tránh, như vậy chúng ta từ nơi tối dần dần bước ra sáng. Tâm chúng ta ít nhiều gì cũng phân biệt được thiện ác và bỏ được một số tham sân si dần hồi công phu tiến tới chỗ giác ngộ giải thoát.

“*Người từ sáng đi vào tối*”: Là người tu theo đạo Phật một thời gian nhưng gặp chuyện bất như ý nên không tu nữa. Tức là từ chỗ hiểu biết đạo lý rồi không còn theo đạo Phật, sống theo thói quen của mình, thích chuyện gì làm chuyện đó, có khi gây ác để bị đọa lạc trầm luân. Đó là hạng người từ sáng đi vào chỗ tối.

Cũng có người học đạo giai đoạn hết sức tinh tấn nhưng bị cú sốc nào đó rồi bỏ đạo không theo nữa. Vì học đạo chúng ta phần đầu giống như con cá bơi ngược dòng thác, chỉ cần ngưng bơi thôi là tự động dòng thác đẩy chúng ta rút xuống. Một khoảnh khắc thiếu công phu, thiếu tu tập thì chúng ta chuốc phiền lụy liền. Cho nên đối với người tu là phải luôn tinh tấn không dừng nghỉ.

“*Người từ chỗ sáng đi vào sáng*”: Đây là người hiểu biết đạo lý, đã giác ngộ rồi nhưng vẫn tinh tấn tu hành, tiến sâu hơn nữa cho tới giác ngộ giải thoát. Đây là hạng người rất tuyệt vời. Những người như thế thì tinh tấn học hỏi Giáo lý và siêng năng tu tập. Còn người xuất gia thì ngày đêm luôn công phu, để giữ vững công hạnh tu hành của mình cho tới ngày được giác ngộ giải thoát.

Khi mọi người đánh lễ Đức Phật và ca tụng Đức Phật để nói lên những khoảng đời không có Chánh Pháp, không có chư Phật ra đời thì chúng sanh từ tối đi vào tối, không hiểu biết Phật Pháp, làm nhiều chuyện sai quấy để rồi bị đọa lạc trầm luân. Đồng thời cũng không nghe được danh Phật nữa, thời này rất khổ.

Chúng ta cách Đức Phật hơn hai ngàn năm trăm năm mà bây giờ chúng ta vẫn còn được niệm Phật, tức là thời chúng ta còn phước. Chúng ta bây giờ biết được danh tự Đức Phật Thích Ca, mà còn biết danh tự của những chư Phật quá khứ, danh tự chư Phật mười phương, vạn ức Đức Phật chúng ta cũng biết được danh tự. Như vậy phước chúng ta còn lớn hơn trước khi Đức Đại Thông Trí Thắng thành Phật.

*Nay Phật được Vô thượng
Đạo an ổn vô lậu
Chúng ta và Trời, Người
Vì được lợi lớn tốt
Cho nên đều cúi đầu
Quy mạng đáng Vô thượng.*

Các vị này mừng vì được thấy Phật, được nghe danh Đức Phật và được lợi lành lớn tốt, cho nên đều cúi đầu quy mạng đối trước uy đức của Đức Phật. Và một điều phước báu của chúng ta là mình cách Đức Phật rất xa mà mình được quy y Tam Bảo là thiện duyên của mình rất lớn. Ở đây chúng ta thấy tất cả những người này đều có lợi lành lớn, cho nên các vị đều đánh lễ quy y Đức Phật.

VĂN KINH

Bấy giờ, mười sáu vị vương tử nói kệ khen Đức Phật rồi liền khuyến thỉnh Đức Thế Tôn chuyển Pháp luân, đều thưa rằng: Đức Thế Tôn nói Pháp được an ổn, thương xót làm lợi ích cho các trời và nhân dân. Lại nói kệ rằng:

**Đức Phật không ai bằng
Trăm phước tự trang nghiêm
Được trí tuệ Vô thượng
Nguyện vì đời nói Pháp
Độ thoát cho chúng con**

**Và các loài chúng sanh
 Xin phân biệt chỉ bày
 Cho được trí tuệ Phật
 Nếu chúng con thành Phật
 Chúng sanh cũng được thể
 Thế Tôn biết chúng sanh
 Thâm tâm nghĩ tưởng gì
 Cũng biết đạo chúng làm
 Lại biết sức trí tuệ
 Muốn ưa và tu phước
 Nghiệp gây tạo đời trước
 Thế Tôn biết cả rồi
 Nên chuyển Pháp Vô thượng.**

Ở đây các vị nói là câu thỉnh Phật Chuyển Pháp Luân. Nếu con nghe được Pháp của Đức Phật con sẽ thành Phật thì cũng nguyện Đức Phật nói cho tất cả chúng sanh đều được thành Phật như con. Đây là điều cầu Pháp rất tuyệt vời. Không phải thừa Đức Phật, Ngài dạy cho con thành Phật một mình con thôi, còn người khác từ từ thành Phật sau cũng được.

Thứ nhất, tâm nguyện của các vị Bồ Tát khi cầu Phật Pháp là cầu cho tất cả chúng sanh muôn loài chứ không phải cầu cho riêng mình. Thứ hai, là với trí tuệ của Đức Phật thấy biết rõ ràng tất cả chủng tướng nghiệp tập của chúng sanh như thế nào, người đó muốn tu cái gì, người đó nghiệp tập ra làm sao thì Đức Phật sẽ dùng phương tiện giáo hóa.

VĂN KINH

Phật bảo các Tỳ kheo: Lúc Đức Đại Thông Trí Thắng Phật được quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, trong mười phương, mỗi phương đều năm trăm muôn ức các cõi nước Phật sáu diệu vang động. Trong các cõi

nước đó chỗ tối tăm ánh sáng của nhật nguyệt không soi tới được mà đều sáng rõ, trong đó chúng sanh đều được thấy nhau, đồng nói rằng: Trong đây tại sao bỗng sanh ra chúng sanh?

Lại trong các cõi đó cung điện của chư Thiên cho đến Phạm Cung sáu diệu vang động, hào quang lớn soi cùng khắp đầy cõi nước, sáng hơn ánh sáng của trời.

Có những cõi mặt trời chiếu không tới nhưng khi Đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai thành Phật hào quang làm sáng rục cõi đó. Chúng sanh ở đó từ xưa tới giờ sinh sống trong bóng tối, không ai thấy được ai, bây giờ hào quang chiếu tới tự dung thấy nhau, các vị mới thắc mắc tại sao chỗ này sanh ra chúng sanh. Ánh sáng vô lượng của Đức Phật che chói hơn nhật nguyệt.

Khi một người phá được một tầng vọng chấp thì họ sẽ tăng được một tầng tâm linh, ánh sáng của họ sẽ rộng lớn hơn nhiều so với trước, cứ như thế càng đi sâu vào thiền định chừng nào thì ánh sáng càng rộng lớn hơn chừng đó, càng phá vỡ vọng chấp vô minh chừng nào thì ánh sáng càng lớn chừng đó, cho tới khi nhập trong đại định của Đại thừa thì ánh sáng rục rỡ chiếu khắp mười phương. Ánh sáng đó là bài Pháp vi diệu soi thấu đến các loài, các cõi, đến các vị Thánh hiền, các vị Bồ Tát đang công phu tu tập.

Khi các loài, các cõi đủ duyên tiếp xúc được ánh sáng này thì được thức tỉnh và được thăng tiến tâm linh. Các vị Thánh đủ duyên tiếp xúc được ánh sáng này cũng được thăng tiến tầng bậc Thánh quả của mình. Và chư vị Bồ Tát ở thập phương đang bế tắc trong công phu đủ duyên tiếp xúc được ánh sáng này thì cũng được phá vỡ những bế tắc đó, mà được khai thông trí tuệ, thấu hiểu chân lý tương ứng

với ánh sáng giác ngộ của vị đang nhập trong đại định phát ra.

Nếu là Phật Định như định của ngài Đại Thông Trí Thắng thì chư Đại Bồ Tát ở mười phương đủ duyên tiếp xúc với ánh sáng này sẽ được khai mở trí tuệ chứng thành đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác tương ứng với ánh sáng giác ngộ Phật đạo phát ra. Bởi vì tất cả chúng sanh, chư vị Thánh hiền, chư vị Bồ Tát ở thập phương nương nhờ ánh sáng giác ngộ này mà được thăng tiến trong tầng bậc sanh tử, thăng tiến trong các quả Thánh hiền, thăng tiến trong các tầng bậc tu chứng nên họ nương ánh sáng đó, hướng về vị đang nhập trong đại định Đại thừa phát ra ánh sáng ấy hoặc là nơi Đức Phật đang chứng thành Phật quả mà đánh lễ tạ ơn.

Khi ấy, pháp giới mười phương lại rực sáng thêm hào quang do các vị Thánh hiền và chư vị Đại Bồ Tát mới được khai mở trí tuệ để được thăng bậc tâm linh và quả vị tu chứng của mình. Do đó không có chỗ tối tăm nào trong pháp giới mười phương này mà không được chiếu sáng bởi ánh sáng hào quang cộng hưởng của tất cả các vị hợp lại.

VĂN KINH

Bấy giờ, phương Đông, năm trăm muôn ức các cõi nước, cung điện của Trời Phạm Thiên ánh sáng soi chói gấp bội hơn ánh sáng thường ngày, các Phạm Thiên Vương đều tự nghĩ rằng: Hôm nay cung điện sáng suốt từ xưa chưa từng có, vì nhân duyên gì mà hiện điềm tốt này? Lúc đó các vị Phạm Thiên Vương liền đi đến nhau để chung bàn việc đó. Trong chúng có một vị Phạm Thiên Vương lớn tên Cứu Nhứt Thiết vì các Phạm chúng mà nói kệ rằng:

Các cung điện chúng ta

Sáng suốt xưa chưa có
Đây là nhân duyên gì
Phải nên chung nhau tìm
Là Trời đại đức sanh
Hay là Phật ra đời?
Mà ánh sáng lớn này
Khắp soi cả mười phương.

Bấy giờ, năm trăm muôn ức cõi nước, các vị Phạm Thiên Vương cùng chung với cung điện mỗi vị đều lấy đũa đựng các thứ hoa trời, đồng đi đến phương Tây suy tìm tướng sáng đó. Thấy Đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai ngồi tòa sư tử ở nơi đạo tràng dưới cội Bồ đề, hàng chư Thiên, Long vương, Càn thất bà, Khẩn na la, Ma hầu la đà, nhân và phi nhân v.v... cung kính vây quanh và thấy mười sáu vị vương tử thỉnh Đức Phật chuyển Pháp luân. Tức thời, các vị Phạm Thiên Vương đầu mặt lay chân Phật đi quanh trăm nghìn vòng, liền lấy hoa trời mà rải trên Đức Phật.

Hoa của mấy ông rải nhóm như núi Diệu Cao, cùng để cúng dường cây Bồ đề của Phật, cây Bồ đề đó cao mười do tuần. Cúng dường hoa xong, mỗi vị đem cung điện dâng lên Đức Phật mà thưa rằng: “Xin Đức Phật đoái thương lợi ích cho chúng con, cung điện dâng cúng đây xin nhận ở.

Lúc đó, các vị Phạm Thiên Vương liền ở trước Phật một lòng đồng tiếng dùng kệ khen rằng:

Thế Tôn rất ít có
Khó thể gặp gỡ được
Đủ vô lượng công đức
Hay cứu hộ tất cả
Thầy lớn của Trời, Người

**Thương xót ở trong đời
 Mười phương các chúng sanh
 Khắp đều nhờ lợi ích.
 Chúng con từng theo đến
 Năm trăm muôn ức nước
 Bỏ vui thiên đình sâu
 Vì để cúng dường Phật
 Chúng con phước đời trước
 Cung điện rất tốt đẹp
 Nay đem dâng Thế Tôn
 Cúi xin thương nạp thọ.**

Bấy giờ, các vị Phạm Thiên Vương nói kệ khen Đức Phật rồi thưa rằng: Cúi xin Đức Thế Tôn chuyển Pháp luân, độ thoát chúng sanh mở đường Niết Bàn.

Khi ấy, các vị Phạm Thiên Vương một lòng đồng tiếng mà nói kệ rằng:

**Thê Hùng Lương Túc Tôn
 Cúi xin diễn nói Pháp
 Dùng sức từ bi lớn
 Độ chúng sanh khổ não.**

Lúc đó, Đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai lặng yên nhận lời đó.

Bấy giờ phương Đông năm trăm muôn ức các cõi nước, cung điện của Trời Phạm Thiên ánh sáng soi chiếu gấp bội hơn ánh sáng thường ngày. Có hai điều các vị thắc mắc: Thường các vị Thiên tử phước báo lớn chuẩn bị sanh ra thì cõi đó sáng rực. Cho nên ở đây gọi “*Là Trời Đại đức sanh*”. Hai là chư Phật ra đời. Chỉ có hai cái đó làm cõi Trời sáng lên hơn thôi. Các vị bắt đầu nghi nên đặt câu hỏi: Do Trời Đại Đức sanh, hoặc là chư Phật ra đời? Lúc đó có vị

Phạm Thiên Vương lớn tên Cứu Nhứt Thiết vì các Phạm chúng mà nói kệ rằng:

*Các cung điện chúng ta
Sáng suốt xưa chưa có.*

Các vị này bắt đầu đi tìm tới cõi nước phương Tây, nơi đó Đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai thành Phật. Sau khi đến rồi thì đánh lễ, cúng dường hoa cho Đức Phật, đồng thời cúng dường nhà ở cung điện của các Ngài cho Phật. Đây là điều lạ.

Ví dụ, ở đây chúng ta cất nhà rồi chúng ta đi thì còn cái nhà, phải không? Nhưng tại sao các vị ở cõi Trời đi từ phương Đông tới phương Tây mà vẫn mang theo được cung điện để cúng dường Đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai?

Y báo và chánh báo của các vị không rời nhau. Cung điện của các vị không phải là cái vật chất như chúng ta ở đây. Cho nên người ở cõi Trời Đạo Lợi đi đến đâu thì phước báo các vị mang tràn trề đến đó. Phước báo của các vị thể hiện ở sắc tướng, rồi thể hiện ở xung quanh như cung điện, quần áo v.v... Tất cả đều hiện rõ như vậy, mà chính bản thân họ không thấy nổi điều đó, chỉ nhờ hào quang Đức Phật họ mới thấy được y báo, chánh báo của mình. Cho nên khi gặp Đức Phật thì phát tâm cúng dường Đức Phật tất cả cung điện mà họ vốn có.

Có những cõi Trời rất đặc biệt. Giống như chúng ta tới những chỗ công cộng nói người đầu của đó, chúng ta dựng chiếc xe ở đó là chúng ta phải giữ kỹ, hoặc chúng ta xách giỏ tiền bạc của mình đi theo. Nhưng có một số cõi Trời đi đâu phước báo tới đó, muốn nghỉ thì có cung điện cho nghỉ, không phải xây dựng như mình ở cõi này. Các vị đi đâu là cung điện mang theo tới đó. Vì tu hành có phước báo thì đi bất kỳ nơi đâu phước báo vẫn giữ nguyên không mất. Điều

này chúng ta nên tin thêm một phần nữa trong nhân quả luân hồi. Nếu chúng ta làm thiện thì điều thiện đó không bao giờ bị mất, đi đâu phước báo đó chúng ta cũng được hưởng, ở cõi nào chúng ta vẫn hưởng phước. Nhưng nếu chúng ta làm ác thì điều ác nó theo hoài với mình, để khi nào chúng ta hưởng hết cái thiện rồi chúng ta trả quả ác. Nhân quả không bao giờ sai chạy.

Các vị Phạm Thiên Vương khen tặng Đức Phật là “*Thế Hùng Lương Túc Tôn*”. Tức là vị đại hùng đại lực ở thế gian, có đầy đủ phước đức và trí tuệ, là Thầy lớn của Trời người vì thương xót chúng sanh mà sanh ra để thành Phật. Cúi xin Ngài diễn nói Pháp và dùng sức từ bi lớn để độ thoát chúng sanh khỏi khổ não.

Lúc đó, Đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai lặng yên nhận lời.

VĂN KINH

Lại nữa các Tỳ kheo! Phương Đông Nam năm trăm muôn ức cõi nước các vị Phạm Thiên Vương đều tự thấy cung điện mình ánh sáng chói lòa từ xưa chưa từng có, vui mừng hớn hở sanh lòng hy hữu, liền cùng đến nhau chung bàn việc đó. Lúc ấy trong chúng đó có một vị Phạm Thiên Vương tên là Đại Bi, vì các Phạm chúng mà nói kệ rằng:

**Việc đó nhân duyên gì
Mà hiện tướng như thế?
Các cung điện chúng ta
Sáng suốt xưa chưa có
Là Trời Đại đức sanh
Hay là Phật ra đời?
Chưa từng thấy tướng này
Nên chung một lòng cầu**

**Quá nghìn muôn ức cõi
Theo lòng sáng tìm đến
Phần nhiều Phật ra đời
Độ thoát khổ chúng sanh.**

Bấy giờ, năm trăm muôn ức các vị Phạm Thiên Vương cùng chung với cung điện, lấy dây dựng các thứ hoa trời, đồng đến phương Tây Bắc suy tìm tướng đó. Thấy Đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai ngồi tòa sư tử nơi đạo tràng dưới cội Bồ đề, các hàng chư Thiên, Long vương, Càn thát bà, Khẩn na la, Ma hầu la đà, Nhân cùng Phi nhân v.v... cung kính vây quanh và thấy mười sáu vị vương tử thỉnh Phật chuyển Pháp luân.

Khi ấy các vị Phạm Thiên Vương đầu mặt lạy chân Phật, đi quanh trăm nghìn vòng, liền lấy hoa trời mà rải trên Phật. Hoa rải đó nhóm như núi Diệu Cao, cùng đẽ cúng dường cây Bồ đề của Phật. Cúng dường hoa xong, đều đem cung điện dâng lên Đức Phật mà thưa rằng: Xin Phật thương xót lợi ích cho chúng con, những cung điện dâng đây cúi xin nhận ở.

Lúc đó, các vị Phạm Thiên Vương liền ở trước Phật một lòng đồng tiếng nói kệ khen rằng:

**Thánh Chúa vua trong Trời
Tiếng Ca lãng tần già
Thương xót hàng chúng sanh
Chúng con nay kính lễ.
Thế Tôn rất ít có
Lâu xa một lần hiện
Một trăm tám mươi kiếp
Luống qua không có Phật
Ba đường dữ đầy đầy
Các chúng Trời giảm ít.**

**Nay Phật hiện ra đời
 Làm mắt cho chúng sanh
 Chỗ quy thú của đời
 Cứu hộ cho tất cả
 Là cha của chúng sanh
 Thương xót làm lợi ích
 Nhờ phước lành đời trước
 Nay được gặp Thế Tôn.**

**Khi đó, các vị Phạm Thiên Vương nói kệ khen Phật
 xong đều thưa rằng: Cúi xin Đức Thế Tôn thương xót
 tất cả chuyển Pháp luân cho, để độ thoát chúng sanh.**

**Lúc ấy, các vị Phạm Thiên Vương một lòng đồng
 tiếng mà nói kệ khen rằng:**

**Đại Thánh chuyển Pháp luân
 Chỉ bày các Pháp tướng
 Độ chúng sanh đau khổ
 Khiến được rất vui mừng
 Chúng sanh nghe Pháp này
 Được đạo hoặc sanh thiên
 Các đường dữ giảm ít
 Bạc nhẫn thiện thêm nhiều.**

**Khi đó, Đức Đại Thông Trí Thắng Phật lặng yên
 nhận lời.**

Cõi thứ hai là cõi Đông Nam, cũng vì có ánh sáng như ở
 phương Đông rồi đi tìm cuối cùng gặp Đức Đại Thông Trí
 Thắng Như Lai thành Phật. Sự cúng dường cũng vậy nhưng
 mỗi vị có sự ca tụng Đức Phật khác nhau.

Các vị này ca tụng Đức Phật là “*Thánh Chúa vua trong
 Trời*”. Tức là khi thành Phật rồi nếu gọi là Thánh thì chúa
 cao tột với các vị Thánh vốn có trong Tam giới này. Tiếng

nói của Đức Phật vừa thanh, vừa dịu, vừa đẹp đi sâu vào lòng người. Các vị thấy do tâm từ của Đức Phật thương xót chúng sanh mà Ngài tới đây nên các vị cúi đầu kính lễ.

Trong thời Đức Phật, Ngài đi tới đâu là các vua quan đều quy y xin làm đệ tử Phật. Người ác như ngài Angulimala cũng quy mạng với Đức Phật. Và con voi say chuẩn bị đâm Đức Phật nhưng Đức Phật dùng lòng từ cảm hóa được nó. Đó là năng lực đại từ đại bi của Đức Phật dung nhiếp đại chúng và các loài chúng sanh. Trong lịch sử chưa có vị nào trong cõi giới này làm được điều đó lần thứ hai. Tâm từ Đức Phật cũng cảm hóa được dục vọng tham sân trong lòng thiên hạ. Vì vậy, trong thời Đức Phật tại thế tất cả Pháp hội Đức Phật giảng đều có người ngộ đạo.

Lực định của Đức Phật đủ lớn để che chắn được dục tâm và làm cho tâm tất cả mọi người trong Pháp hội đều lắng trong, chỉ trọn vẹn nghe lời Pháp của Đức Phật cho nên bất kỳ thời Pháp nào cũng có người ngộ đạo. Các vị chư Thiên nhìn thấy được tâm từ của Đức Phật mà cung kính lễ lạy.

VĂN KINH

Lại nữa các Tỳ kheo! Năm trăm muôn ức cõi nước ở phương Nam, các vị Đại Phạm vương đều tự thấy cung điện mình ánh sáng chói lòa từ xưa chưa từng có, vui mừng hơn hờ sanh lòng hy hữu liền đến cùng nhau chung bàn việc đó. Vì nhân duyên gì cung điện của chúng ta có ánh sáng chói này?

Trong chúng đó có một vị Phạm Thiên Vương lớn tên là Diệu Pháp, vì hàng Phạm chúng mà nói kệ rằng:

**Các cung điện chúng ta
Quang minh rất oai diệu
Đây không phải không nhân**

**Tướng này phải tìm đó
 Quá hơn trăm nghìn kiếp
 Chưa từng thấy tướng này
 Là Trời đại đức sanh
 Hay Đức Phật ra đời?**

Bấy giờ, năm trăm muôn ức Phạm Thiên Vương cùng cung điện chung, mỗi vị dùng đũa đựng các thứ hoa trời đồng đến phương Bắc suy tìm tướng đó. Thấy Đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai ngồi tòa sư tử nơi đạo tràng dưới cội cây Bồ đề, hàng chư Thiên, Long vương, Càn thát bà, Khẩn na la, Ma hầu la già, Nhân và Phi nhân v.v... cung kính vây quanh, cùng thấy mười sáu vị vương tử thỉnh Phật chuyển Pháp luân.

Khi đó, các vị Phạm Thiên Vương đầu mặt lễ lạy chân Phật đi quanh trăm nghìn vòng, liền lấy hoa trời mà rải trên Đức Phật. Hoa rải đó nhóm như núi Diệu Cao và để cúng dường cây Bồ đề của Phật. Cúng dường hoa xong, mỗi vị đều đem cung điện dâng lên Đức Phật mà thưa rằng: Xin Đức Phật đoái thương lợi ích chúng con, cung điện của chúng con dâng đây cúi xin nhận ở.

Bấy giờ, các vị đại Phạm Thiên Vương liền ở trước Phật một lòng đồng tiếng nói kệ khen rằng:

**Thế Tôn rất khó thấy
 Bạc phá các phiền não
 Hơn trăm ba mươi kiếp
 Nay mới thấy một lần
 Hàng chúng sanh đói khát
 Nhờ mưa Pháp đầy đủ
 Xưa chỗ chưa từng thấy
 Đáng vô lượng trí tuệ
 Như hoa Ưu đàm bát**

**Ngày nay mới gặp gỡ
Cung điện của chúng con
Nhờ hào quang được đẹp
Thế Tôn đại từ mẫn
Cúi xin thương nhận ở.**

Khi đó, các vị Phạm Thiên Vương nói kệ khen Đức Phật rồi đều bạch rằng: Cúi mong Đức Thế Tôn chuyển Pháp luân làm cho tất cả thế gian các hàng Trời, Ma, Phạm, Sa môn, Bà la môn đều được an ổn mà được độ thoát.

Lúc ấy các vị Phạm Thiên Vương một lòng đồng tiếng nói kệ rằng:

**Cúi mong Thiên Nhân Tôn
Chuyển Pháp luân Vô thượng
Đánh vang Pháp cổ lớn
Mà thổi Pháp loa lớn
Khấp rưới Pháp vũ lớn
Độ vô lượng chúng sanh
Chúng con đều quy thỉnh
Nên nói tiếng sâu xa.**

Khi đó, Đức Đại Thông Trí Thắng lặng yên nhận lời đó.

Các đoạn văn trùng lặp và lời ca tụng giống nhau chúng ta có thể tóm lược. Ở đây các vị khen Đức Phật là người không còn phiền não, không còn niệm ác nơi lòng. Hơn một trăm ba mươi kiếp thời gian rất lâu xa, cõi này mới có một Đức Phật thành Phật. Như hoa Ưu đàm bát hàng ngàn năm mới nở một lần. Các vị khen tặng Đức Phật, rồi dâng cúng cung điện của mình, đồng thời thỉnh Phật chuyển Pháp luân.

VĂN KINH

Phương Tây Nam nhận đến phương dưới cũng lại như thế.

Bấy giờ, năm trăm muôn ức cõi nước ở thượng phương, các vị đại Phạm Thiên Vương thấy đều tự thấy cung điện của mình ở ánh sáng chói rực từ xưa chưa từng có, vui mừng hơn hở sanh lòng hy hữu, liền đi đến nhau để chung bàn việc đó. Vì nhân duyên gì cung điện của chúng ta có ánh sáng này? Lúc đó trong chúng có một vị đại Phạm Thiên Vương tên là Thi Khí vì hàng Phạm chúng mà nói kệ rằng:

Nay vì nhân duyên gì
Cung điện của chúng ta
Ánh sáng oai đức chói
Đẹp để chưa từng có?
Tướng tốt như thế đó
Xưa chưa từng nghe thấy
Là Trời Đại đức sanh
Hay là Phật ra đời?

Bấy giờ, năm trăm muôn ức các vị Phạm Thiên Vương cùng cung điện chung, mỗi vị đều dùng dây dựng các thứ hoa trời đồng đến phương dưới suy tìm tướng sáng đó. Thấy Đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai ngồi tòa sư tử nơi đạo tràng dưới gốc Bồ đề, hàng chư Thiên, Long vương, Càn thất bà, Khẩn na la, Ma hầu la già, nhân và phi nhân v.v... cung kính vây quanh và thấy mười sáu vị vương tử thỉnh Đức Phật chuyển Pháp luân.

Lúc đó, các vị Phạm Thiên Vương đầu mặt lay chân Phật đi quanh trăm nghìn vòng, liền lấy hoa trời rải trên Đức Phật. Hoa rải nhóm như núi Diệu Cao và để cúng dường cây Bồ đề của Phật. Cúng dường hoa xong, đều

đem cung điện dâng lên Đức Phật mà bạch rằng: Xin
đoái thương lợi ích chúng con. Cung điện dâng đây cúi
mong Phật nạp ở.

Lúc đó, các vị Phạm Thiên Vương liền ở trước Phật
một lòng đồng tiếng dùng kệ khen rằng:

Hay thay! Thấy các Phật
Đấng Thánh Tôn cứu thế
Hay ở ngục Tam giới
Cứu khỏi các chúng sanh
Thiên Nhân Tôn trí khắp
Thương xót loài quần manh
Hay khai môn cam lộ
Rộng độ cho tất cả.
Lúc xưa vô lượng kiếp
Luống qua không có Phật
Khi Phật chưa ra đời
Mười phương thường mờ tối
Ba đường dữ thêm đông
A tu la cũng thịnh
Các chúng Trời càng bớt
Chết nhiều đọa ác đạo
Chẳng theo Phật nghe Pháp
Thường làm việc chẳng lành
Sắc, lực, cùng trí tuệ
Các việc đều giảm ít
Vì tội nghiệp nhân duyên
Mất vui cùng tưởng vui
Trụ trong pháp tà kiến
Chẳng biết nghi tắc lành
Chẳng nhờ Phật hóa độ
Thường đọa trong ác đạo.
Phật là mắt của đời

**Lâu xa mới hiện ra
 Vì thương các chúng sanh
 Nên hiện ở trong đời
 Siêu việt thành Chánh giác
 Chúng con rất mừng vui
 Và tất cả chúng khác
 Mừng khen chưa từng có
 Cung điện của chúng con
 Nhờ hào quang nên đẹp
 Nay đem dâng Thế Tôn
 Cúi mong thương nhận ở
 Nguyên đem công đức này
 Khấp đến cho tất cả
 Chúng con cùng chúng sanh
 Điều đồng thành Phật đạo.**

Khi đó, năm trăm muôn ức các vị Phạm Thiên Vương nói kệ khen Đức Phật rồi, đều bạch Phật rằng: Cúi mong Đức Thế Tôn chuyển Pháp luân, nhiều chỗ an ổn, nhiều chỗ độ thoát.

**Lúc ấy, các vị Phạm Thiên Vương đồng nói kệ rằng:
 Thế Tôn chuyển Pháp luân
 Đánh trống Pháp cam lộ
 Độ chúng sanh khổ não
 Mở bày đường Niết Bàn
 Cúi mong nhận lời con
 Dùng tiếng vi diệu lớn
 Thương xót mà nói bày
 Pháp tu vô lượng kiếp.**

Các vị cũng đồng cùng với cung điện của mình đến phương dưới để tìm, vẫn thấy đạo tràng như các vị cõi Trời trước. Lúc đó vị Phạm Thiên Vương sau khi đầu mặt lạy

chân Phật rồi, đồng thời dâng cúng điện cúng dường Đức Phật. Các vị có bài kệ khen Đức Phật.

Các vị ca tụng Đức Phật là người rất khó gặp, trải qua trăm ngàn muôn ức kiếp mới được gặp một lần.

*Mười phương thường mờ tối
Ba đường dữ thêm đông
A tu la cũng thanh*

Trong lúc Đức Phật chưa ra đời mười phương đều mờ tối, không có con đường để đưa đến giác ngộ giải thoát. Ba đường dữ là Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh mỗi ngày mỗi đông hơn. Cõi A tu la cũng sanh nhiều. Những vị đó cũng hy sinh và làm lợi ích cho nhiều người nhưng không có công phu tu tập nên sanh về cõi A tu la thì hơn cõi Người nhưng cũng còn sân hận, hơn thua tranh đấu với nhau. Ngoài ba cõi ác kia thì cõi A tu la cũng được sanh nhiều.

*Thường làm việc chẳng lành
Sắc, lực, cùng trí tuệ
Các việc đều giảm ít*

Nếu chúng ta tu đúng Phật Pháp thì sắc diện chúng ta tăng, dù có lớn tuổi đi nữa chúng ta cũng phải đẹp ra, chứ không có xấu đi. Người có phước báo giảm sút thì sắc diện họ bị kém xuống.

Ví dụ, chúng ta sắc diện bình thường nhưng nếu chúng ta lỡ làm điều gì sai lầm thì mặt không còn bình tĩnh nữa, chao dao không dám nhìn thẳng vào mặt người đối diện. Và nếu làm việc sai trái nhiều thì sắc lực người đó thay đổi hoàn toàn, mặt tái mét, thần khí không có, không còn giữ được chánh khí. Lẩn lẩn chúng ta giấu giếm người khác, tránh né

không gặp người này người kia. Đó là dấu hiệu để biết sanh tử sắp tới sẽ xấu đi.

Người tu theo đạo Phật đúng thì càng về già càng khỏe, ít bệnh tật. Có nghĩa phước báo tăng trưởng để chúng ta sống trong an ổn hạnh phúc. Nếu tuổi thọ chúng ta còn mà phải sống trong đau khổ, bệnh tật và bất an là biết chúng ta đã tiêu pha phước báo của mình quá nhiều và quá sớm trong đời này.

*Vì tội nghiệp nhân duyên
Mất vui cùng tưởng vui
Trụ trong pháp tà kiến*

Tội nghiệp của tất cả chúng sanh là không gặp Chánh Pháp. Mất vui họ tưởng là vui. Ví dụ, người cõi Trời hết phước còn dư nghiệp họ sanh xuống cõi Ta Bà, họ giàu hơn người bình thường nhưng họ vẫn thấy vui, vì họ thấy họ hơn người xung quanh. Khi hưởng hết phước này nữa thì xuống cõi thấp hơn họ cũng hơn cõi đó một tí họ vẫn thấy vui.

Tức là từ địa vị cao xuống địa vị thấp mình vẫn thấy vui, chúng tỏ người đó thiếu trí tuệ. Trong cái vô minh dày chúng ta hưởng một chút vẫn thấy vui. Thậm chí có những niềm vui giữa đời này chúng ta mất đi Thiên định, chúng ta mất đi trí tuệ, chúng ta hưởng một chút tiền, một chút danh, một chút lợi chúng ta cảm thấy vui. Do tội nghiệp nhân duyên trong nhiều đời che lấp trí tuệ, mà mình hưởng vui chút ít cho là đủ. Và luôn luôn trụ trong tà kiến thì cái nhìn của chúng ta không bao giờ đúng Chánh Pháp.

*Nguyện đem công đức này
Khắp đến cho tất cả
Chúng con cùng chúng sanh*

Đều đồng thành Phật đạo

Câu hỏi hướng chúng ta hay tụng, bây giờ đọc đến đây chúng ta thấy nó nằm trong phần bài kệ của các vị chư Thiên ở thượng phương của Kinh Pháp Hoa.

VĂN KINH

Lúc bấy giờ, Đại Thông Trí Thắng Như Lai nhận lời thỉnh của các Phạm Thiên Vương và mười sáu vị vương tử tức thời ba phen chuyển Pháp luân mười hai hành hoặc là Sa môn, Bà la môn, hoặc là Trời, Ma, Phạm và các thế gian khác đều không thể chuyển được, nói: Đây là khổ, đây là khổ tập, đây là khổ diệt, đây là đạo diệt khổ.

Và rộng nói Pháp mười hai nhân duyên: Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão, tử, ưu bi, khổ não.

Vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục nhập diệt, lục nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì lão, tử, ưu bi, khổ não diệt.

Đức Phật ở trong đại chúng Trời, Người khi nói Pháp đó có sáu trăm muôn ức na do tha người do vì không thọ tất cả pháp mà ở các lậu tâm được giải thoát, đều được thiên định sâu mầu, ba món minh, sáu món thông, đủ tám món giải thoát.

Lúc nói Pháp lần thứ hai, lần thứ ba, lần thứ tư, có nghìn muôn ức hằng hà sa na do tha chúng sanh cũng bởi không thọ tất cả Pháp mà nơi các lậu tâm được giải thoát. Từ đây nhấn sau các chúng Thanh Văn nhiều vô lượng vô biên, không thể tính kể được.

Khi các vị Thiên tử, cũng như mười sáu vị Vương tử thỉnh Phật Chuyển Pháp Luân thì Đức Phật bắt đầu nói Tứ Diệu Đế và Thập Nhị Nhân Duyên. Có một điều chúng ta lưu ý là khi nghe nói Khổ đế cũng như khi nghe nói Thập Nhị Nhân Duyên thì các vị không thọ tất cả các pháp, không bám chấp, không trụ trước tất cả các pháp giữa trần gian này thì liền chứng quả giác ngộ giải thoát.

Tức là khi tâm hoàn toàn không thọ thì họ đạt ngộ giải thoát chứng quả A La Hán. Cho nên các chúng Thanh Văn nhiều vô lượng vô biên không thể tính kể được.

VĂN KINH

Bấy giờ, mười sáu vị vương tử đều là đồng tử mà xuất gia làm Sa di, các căn thông lanh, trí tuệ sáng láng, đã từng cúng dường trăm nghìn muôn ức các Đức Phật, tịnh tu hạnh thanh tịnh, cầu đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đều bạch cùng Phật rằng: Thưa Thế Tôn! Các vị Đại đức Thanh Văn vô lượng nghìn muôn ức đây đã thành tựu xong, Đức Thế Tôn cũng nên vì chúng con nói Pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chúng con nghe xong đều đồng tu học. Thế Tôn! Chúng con có chí mong được tri kiến của Như Lai chỗ nghĩ tưởng trong thâm tâm, Đức Phật tự chứng biết cho.

Lúc đó, tám muôn ức người trong chúng của Chuyển Luân Thánh Vương dấy đến thấy mười sáu vị vương tử xuất gia, cũng tự cầu xuất gia, vua liền thuận cho.

Bấy giờ, Đức Phật nhận lời thỉnh của Sa di, qua hai muôn kiếp sau mới ở trong hàng bốn chúng nói Kinh Đại thừa tên là: Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm. Đức Phật nói Kinh đó xong, mười sáu vị Sa di vì đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đều đồng thọ trì đọc tụng thông thuộc. Lúc nói Kinh đó, mười sáu vị Sa di Bồ Tát thấy đều tin thọ trong chúng Thanh Văn cũng có người tin hiểu. Ngoài ra nghìn muôn ức loại chúng sanh đều sanh lòng nghi lầm. Phật nói Kinh đó suốt tám nghìn kiếp chưa từng thôi bỏ. Phật nói Kinh đó xong liền vào tịnh thất trụ trong thiền định tám muôn bốn nghìn kiếp.

Mười sáu vị Vương tử thỉnh Phật Chuyển Pháp Luân và Đức Phật bắt đầu nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Đức Phật muốn nhắc lại nhân quá khứ. Ngày xưa lâu xa rồi các vị tu hành cũng nghe Đức Phật nói Kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm, nhân nghe Kinh đó mà chứng đạo. Cho tới đời này chúng ta nghe Kinh đó và chúng ta nương theo đó tu tập, cũng đưa chúng ta tới thành Phật.

Có nghĩa tất cả những người muốn thành Phật thì phải nhận Tri Kiến Phật mới có thể tu thành Phật được, ngoài việc đó ra không thể thành Phật. Một lần nữa Đức Phật khẳng định việc chính yếu này.

Về sau các vị Sa di Vương tử này thành Phật và trong mười sáu vị vương tử này có Đức Phật Thích Ca, ngày xưa do nghe thuyết Kinh Diệu Pháp Liên Hoa mà tu tập thành đạo. Ngày hôm nay tất cả những người này nghe Diệu Pháp Liên Hoa là bắt đầu gieo nhân để thành Phật và chắc chắn sau này người đó cũng thành Phật.

VĂN KINH

Bấy giờ, mười sáu vị Bồ Tát Sa di biết Phật nhập thất trụ trong thiền định vắng bật, mỗi vị đều lên pháp tòa cũng trong tám muôn bốn nghìn kiếp vì bốn bộ chúng rộng nói phân biệt Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Mỗi vị đều độ sáu trăm muôn ức na do tha hằng hà sa chúng sanh, chỉ dạy cho được lợi mừng, khiến phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Đức Đại Thông Trí Thắng Phật qua tám muôn bốn nghìn kiếp sau từ tam muội dậy, qua đến pháp tòa mà ngồi an lành, khắp bảo trong hàng đại chúng: Mười sáu vị Bồ Tát Sa di này rất là ít có, các căn thông lệ, trí tuệ sáng láng, đã từng cúng dường vô lượng nghìn muôn ức số Đức Phật, ở chỗ các Đức Phật thường tu hạnh thanh tịnh, thọ trì trí của Phật để chỉ dạy chúng sanh làm cho vào trong đó. Các ông phải luôn luôn gần gũi mà cúng dường các vị ấy.

Vì sao? Nếu hàng Thanh Văn, Duyên Giác cùng các Bồ Tát có thể tin Kinh Pháp của mười sáu vị Bồ Tát Sa di đó nói mà thọ trì không mất thì người đó sẽ được đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác trí tuệ của Như Lai.

Phật bảo: Các Tỳ kheo! Mười sáu vị Bồ Tát đó thường ưa nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa này. Sáu trăm muôn ức na do tha hằng hà sa chúng sanh của mỗi vị Bồ Tát hóa độ đó đời đời sanh ra đều cùng Bồ Tát ở chung, theo nghe Pháp với Bồ Tát thấy đều tin hiểu. Nhờ nhân duyên đó mà được gặp bốn muôn ức các Đức Phật Thế Tôn đến nay vẫn chẳng ngớt.

Các Tỳ kheo! Ta nói với các ông, mười sáu vị Sa di đệ tử của Đức Phật kia, nay đều chứng được đạo Vô

Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, hiện đang nói Pháp trong cõi nước ở mười phương có vô lượng trăm nghìn muôn ức Bồ Tát Thanh Văn để làm quyến thuộc.

Hai vị Sa di làm Phật ở phương Đông: Vị thứ nhất tên là A Súc ở nước Hoan Hỷ, vị thứ hai tên là Tu Di Đỉnh.

Hai vị làm Phật ở phương Đông Nam: Vị thứ nhất tên là Sư Tử Âm, vị thứ hai tên là Sư Tử Tướng.

Hai vị làm Phật ở phương Nam: Vị thứ nhất tên là Hư Không Trụ, vị thứ hai tên là Thường Diệt.

Hai vị làm Phật ở phương Tây Nam: Vị thứ nhất tên là Đế Tướng, vị thứ hai tên là Phạm Tướng.

Hai vị làm Phật ở phương Tây: Vị thứ nhất tên là A Di Đà, vị thứ hai tên là Độ Nhứt Thiết Thế Gian Khổ Nảo.

Hai vị làm Phật ở phương Tây Bắc: Vị thứ nhất tên là Đa Ma La Bạt Chiên Đàn Hương Thần Thông, vị thứ hai tên là Tu Di Tướng.

Hai vị làm Phật ở phương Bắc: Vị thứ nhất tên là Vân Tụ Tại, vị thứ hai tên là Vân Tụ Tại Vương.

Một vị làm Phật ở phương Đông Bắc hiệu Hoại Nhứt Thiết Thế Gian Bồ Úy.

Vị thứ mười sáu, chính Ta là Thích Ca Mâu Ni Phật ở cõi nước Ta Bà thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Các Tỳ kheo! Lúc chúng ta làm Sa di mỗi người giáo hóa vô lượng trăm nghìn muôn ức hằng hà sa chúng sanh vì đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác theo Ta nghe Pháp. Những chúng sanh đó đến nay có người

trụ bậc Thanh Văn, Ta thường giáo hóa Pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Những bọn người này đáng dùng Pháp đó mà lầm vào Phật đạo.

Vì sao? Vì trí tuệ của Như Lai khó tin khó hiểu, vô lượng hằng sa chúng sanh bị hóa độ trong thuở đó chính là bọn ông, các Tỳ kheo và sau khi Ta diệt độ các đệ tử Thanh Văn trong đời vị lai. Sau khi Ta diệt độ, lại có đệ tử không nghe Kinh này, không biết không hay hạnh của Bồ Tát, tự ở nơi công đức của mình được tưởng cho là diệt độ sẽ nhập Niết Bàn.

Ta ở nơi nước khác làm Phật lại có tên khác. Người đó dầu sanh lòng tưởng là diệt độ nhập Niết Bàn nhưng ở nơi cõi kia cầu trí tuệ của Phật, được nghe Kinh này, chỉ do Phật thừa mà được diệt độ lại không có thừa nào khác, trừ các Đức Như Lai phương tiện nói Pháp.

Các Tỳ kheo! Nếu Đức Như Lai tự biết giờ Niết Bàn sắp đến, chúng lại thanh tịnh lòng tin hiểu bền chắc, rõ thấu Pháp không, sâu vào thiền định, bèn nhóm các Bồ Tát và chúng Thanh Văn mà vì nói Kinh này. Trong đời không có hai thừa mà được diệt độ, chỉ có một Phật thừa được diệt độ thôi.

Các Tỳ kheo nên rõ! Đức Như Lai phương tiện sâu vào tánh chúng sanh, biết chí nó ưa Pháp nhỏ, rất ham nơi năm món dục vì hạng người này mà nói Niết Bàn, người đó nếu nghe thời liền tin nhận.

Đức Phật nhắc lại, lúc nghe Đức Phật Đại Thông Trí Thắng Như Lai thuyết Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Ngài còn là Sa di. Đồng thời khi Đức Phật nhập định thì các vị bắt đầu giáo hóa chúng sanh liên tục trải qua nhiều đời nhiều

kiếp. Chúng ta thấy trong nhân quả duyên Thầy trò quán quít với nhau.

Đức Phật kể trong lúc Ngài còn làm Sa di, Ngài cũng thuyết Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Và trong Pháp hội nghe Diệu Pháp Liên Hoa nhiều đời nhiều kiếp sanh đi lộn lại cõi này cõi khác, các vị cũng theo các vị Bồ Tát để nghe Pháp nữa. Đến đời Đức Phật Thích Ca thành đạo thì có một số vị chúng Thanh Văn, một số vị Tỳ kheo không chứng quả nào nhưng vẫn theo Đức Phật nghe Pháp, trải qua muôn ngàn ức kiếp như vậy.

Chúng ta thấy người theo học Chánh Pháp phát tâm tin nhận và học hiểu theo vị Thầy nào đó thì duyên lành đó có thể kết với nhau trong dòng sanh tử luân hồi này nhiều đời nhiều kiếp. Vị Thầy tiến bộ một chút thì mình cũng tiến bộ theo một chút. Và cứ tu tập như thế hoài cho tới khi Thầy thành Phật thì mình cũng chứng quả Bồ Tát hoặc quả Thanh Văn v.v...

VĂN KINH

Thí như đường hiểm nhiều nạn dữ, dài năm trăm do tuần. Chốn ghê sợ hoang vắng không người. Nếu chúng đông muốn đi qua con đường này đến chỗ trôn bảo, có một vị Đạo Sư thông minh sáng suốt khéo biết rõ tướng thông bí của con đường hiểm, dắt chúng nhân muốn vượt qua nạn đó. Chúng nhân được dắt đi giữa đường lười mỗi bạch đạo sư rằng: Chúng con mệt nhọc lại thêm sợ sệt chẳng có thể đi nữa, đường trước còn xa nay muốn lui về.

Vị Đạo Sư nhiều sức phương tiện mà tự nghĩ rằng: Bọn này đáng thương, làm sao cam bỏ trôn bảo lớn mà muốn lui về. Nghĩ thế rồi dùng sức phương tiện ở giữa

đường hiểm quá ba trăm do tuần, hóa làm một cái thành mà bảo chúng nhân rằng: Các người chớ sợ, đừng lui về, nay thành lớn này có thể đứng ở trong đó tùy ý muốn làm gì thì làm, nếu vào thành này sẽ rất được an ổn, nếu có thể lại thẳng đến chỗ châu báu đi cũng được.

Bấy giờ, chúng mỗi một rất vui mừng khen chưa từng có, chúng ta hôm nay khỏi được đường dữ rất được an ổn. Đó rồi chúng nhân thẳng vào hóa thành sanh lòng tưởng cho rằng đã được độ rất an ổn.

Lúc ấy, Đạo Sư biết chúng nhân đó đã được nghỉ ngơi không còn mỗi một, liền diệt hóa thành bảo chúng nhân rằng: Các người nên đi tới, chỗ châu báu ở gần đây, thành lớn trước đó là của Ta biến hóa ra để nghỉ ngơi thôi.

Các Tỳ kheo! Đức Như Lai cũng lại như thế, nay vì các ông mà làm vị đại Đạo Sư, biết các đường dữ sanh tử phiền não hiểm nạn dài xa nên vượt qua. Nếu như chúng sanh chỉ nghe một Phật thừa thời chẳng muốn thấy Phật, chẳng muốn gần gũi, mà nghĩ thế này: Đạo Phật dài xa lâu ngày chịu cần khổ mới có thể được thành. Phật biết tâm chúng đó khiếp nhược hạ liệt, dùng sức phương tiện mà ở giữa đường vì để nghỉ ngơi nên nói hai món Niết Bàn.

Nếu chúng sanh trụ nơi hai bậc, Đức Như Lai bấy giờ liền bèn vì nói: Chỗ tu của các ông chưa xong, bậc của các ông ở gần với huệ của Phật. Phải quan sát suy lường Niết Bàn đã được đó chẳng phải chân thật vậy. Chỉ là sức phương tiện của Như Lai, ở nơi một Phật thừa phân biệt nói thành ba. Như vị Đạo Sư kia vì cho mọi người nghỉ ngơi mà hóa thành lớn, đã biết nghỉ xong mà bảo đó rằng: Chỗ châu báu ở gần, thành này không phải thật, của Ta biến hóa làm ra đó thôi.

Một lần nữa Đức Phật xác định với chúng ta là trong Tam giới này chỉ có một Phật thừa, không có thừa nào khác. Ví dụ, có vị Đại Trí dẫn chúng sanh đi trên con đường hiểm. Vị Đại Trí rất rõ chúng sanh khiếm nhược hạ liệt, không đủ sức đi nữa nên dùng sức phương tiện ở giữa đường để ngồi nghỉ. Vì vậy Đức Phật mới phương tiện bày hai con đường Niết Bàn Thanh Văn và Bích Chi Phật ra để cho các vị tu tập và tới chỗ an ổn. Có các vị chứng quả A La Hán, các vị nhập Niết Bàn tại cõi này nhưng lại trú ở cõi khác thì Đức Phật lại hiện ra ở cõi đó để giáo hóa thì các vị này lại cần Pháp tu để chứng quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tức là ở nơi đây các vị nhập Niết Bàn nhưng ở nơi kia các vị lại cầu thành Phật.

Cho nên việc giáo hóa của Đức Phật chúng ta thấy rất đặc biệt, là làm Thầy thì phải chịu trách nhiệm với đệ tử cho tới khi đệ tử thành Phật. Cho nên nơi đây Đức Phật giáo hóa các vị chứng quả Thanh Văn rồi, các vị ở cõi Ta Bà nhập Niết Bàn, các vị về trú cõi nào đó thì Đức Phật lại hóa hiện ở các cõi đó dạy dỗ để các vị thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì lúc đó Đức Phật mới xong trách nhiệm.

Tâm từ của bậc giác ngộ, khi đến giáo hóa chúng sanh trong tất cả các cõi trong mười phương pháp giới, là muốn cho tất cả chúng sanh đều phải được thành Phật. Vì khi thành Phật rồi thì mới thoát khỏi sanh tử luân hồi, ngoài quả vị Phật ra là không có quả vị nào khác. Nếu còn một chúng sanh nào còn làm mê thì chắc chắn trách nhiệm đó vị Thầy còn cưu mang hoài.

Trách nhiệm làm Thầy của đạo Phật nó khác trách nhiệm làm Thầy của các đạo giáo khác. Các đạo giáo khác, ví dụ được về cõi trên cũng tiếp tục làm đệ tử. Nhưng ở đây

khác ở chỗ muốn đệ tử mình thành quả vị Phật tương đồng với mình. Đây là tính nhân bản bình đẳng tuyệt vời trong đạo Phật. Tức là tất cả chúng sanh đều có khả năng thành Phật như mình, chứ không phải dạy để người ta luôn luôn là đệ tử của mình. Chúng ta tuy hiện tại không ra đời cùng một thời Đức Phật nhưng chúng ta được may mắn học Giáo Pháp Đức Phật, rồi quy y làm đệ tử Đức Phật thì trước sau chúng ta cũng được thành Phật như Ngài. Khi nào chúng ta chưa thành Phật thì Đức Phật vẫn thương yêu và dìu dẫn chúng ta đến khi tất cả chúng sanh thành Phật thì Đức Phật mới viên mãn hạnh nguyện độ sanh của mình.

Ở trong Kinh ca tụng Đức Phật thường hộ niệm và phó chúc cho các vị Bồ Tát. Tức là Đức Phật luôn gìn giữ, luôn ủng hộ, luôn bảo vệ, luôn dạy dỗ, luôn phó chúc cho các vị Bồ Tát thành tựu đạo quả của mình. Cũng như từ trước tới giờ, Đức Phật luôn thấy tất cả tâm niệm của chúng sanh, thấy tất cả những ý nghiệp, những hành nghiệp của chúng ta mà Đức Phật giữ gìn, bảo hộ, dạy dỗ, dẫn dắt chúng ta cho đến đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Học tới đây rồi chúng ta yên tâm một điều là tới giờ phút này Đức Phật vẫn còn trách nhiệm với mình, tại mình là đệ tử của Phật, là con của Phật thì việc hư nên của mình từ nay cho tới khi thành Phật là có Đức Phật lo, mình chỉ có việc tu tập cho đúng lời Đức Phật dạy thôi. Chắc chắn tới ngày mình thành Phật thì Đức Phật mới chịu ngưng, mình còn làm mê thì Đức Phật còn có trách nhiệm.

Cho nên học Phật để chúng ta cảm được lòng từ vô biên của Đức Phật, chúng ta lễ lạy, chúng ta tôn kính Đức Phật, thương quý Đức Phật cho đến tận nguồn tâm của mình từ kiếp này cho mãi đến khi ngồi cội Bồ Đề thành đạo Vô

Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Lòng tôn trọng và kính lễ của chúng ta luôn tràn ngập nơi tâm không hề lười mỗi.

VĂN KINH

Lúc đó, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

Đại Thông Trí Thắng Phật
Mười kiếp ngồi đạo tràng
Phật Pháp chẳng hiện tiền
Chẳng được thành Phật đạo
Các Trời, Thần, Long vương
Chúng A tu la thấy
Thường rưới các hoa trời
Đề cúng dường Phật đó
Chư Thiên đánh trống trời
Và thổi các kỹ nhạc
Gió thơm thổi hoa héo
Lại mưa hoa tốt mới
Quá mười tiểu kiếp rồi
Mới được thành Phật đạo
Các Trời cùng người đời
Lòng đều sanh hớn hở.
Mười sáu người con Phật
Đều cùng quyền thuộc mình
Nghìn muôn ức vây quanh
Chung đi đến chỗ Phật
Đầu mặt lạy chân Phật
Thỉnh Phật chuyển Pháp luân:
Đấng Thánh Sư mưa Pháp
Lợi con và tất cả
Thế Tôn rất khó gặp
Lâu xa một lần hiện
Vì giác ngộ quần sanh

Mà chân động tất cả.
 Các thế giới phương Đông
 Năm trăm muôn ức cõi
 Phạm cung điện sáng chói
 Từ xưa chưa từng có
 Phạm vương thấy tướng này
 Liên đến chỗ Phật ở
 Rải hoa để cúng dường
 Và dâng cung điện lên
 Thỉnh Phật chuyển Pháp luân
 Nói kệ khen ngợi Phật
 Phật biết chưa đến giờ
 Nhận thỉnh yên lặng ngồi
 Ba phương cùng bốn phía
 Trên, dưới cũng như thế
 Rưới hoa dâng cung điện
 Thỉnh Phật chuyển Pháp luân
 Thế Tôn rất khó gặp
 Nguyên vì bỗng từ bi
 Rộng mở cửa cam lộ
 Chuyển Pháp luân Vô thượng.
 Thế Tôn huệ vô thượng
 Nhân chúng nhân kia thỉnh
 Vì nói các món Pháp
 Bốn đế, mười hai duyên
 Vô minh đến lão tử
 Đều từ sanh duyên hữu
 Những quá hoạn như thế
 Các ông phải nên biết
 Tuyên nói Pháp đó rồi
 Sáu trăm muôn ức cai
 Được hết các ngăn khổ
 Đều thành A La Hán.

Thời nói Pháp thứ hai
Ngàn vạn hằng sa chúng
Ở các pháp chẳng thọ
Cũng được A La Hán,
Từ sau đây được đạo
Số đông đến vô lượng
Muôn ức kiếp tính kể
Không thể được ngần mé.
Bấy giờ mười sáu vị
Xuất gia làm Sa di
Đều đồng thỉnh Phật kia
Diễn nói Pháp Đại thừa:
Chúng con cùng quyến thuộc
Đều sẽ thành Phật đạo
Nguyện được như Thế Tôn
Tuệ nhãn sạch thứ nhất.
Phật biết lòng đồng tử
Chỗ làm của đời trước
Dùng vô lượng nhân duyên
Cùng các món thí dụ
Nói sáu Ba la mật
Và các việc thần thông,
Phân biệt Pháp chân thật
Đạo của Bồ Tát làm
Nói Kinh Pháp Hoa này
Kệ nhiều như hằng sa.
Phật kia nói Kinh rồi
Vào tịnh thất nhập định
Tám vạn bốn ngàn kiếp
Một lòng ngồi một chỗ.
Các vị Sa di đó
Biết Phật chưa xuất thiên
Vì vô lượng chúng nói

Huệ vô thượng của Phật
 Mỗi vị ngôi pháp tòa
 Nói Kinh Đại thừa này
 Sau khi Phật yên lặng
 Tuyên bày giúp giáo hóa.
 Mỗi vị Sa di thấy
 Số chúng sanh mình độ
 Có sáu trăm muôn ức
 Hằng hà sa các chúng.
 Sau khi Phật diệt độ
 Các người nghe Pháp đó
 Ở các nơi cõi Phật
 Thường cùng Thầy sanh chung.
 Mười sáu Sa di đó
 Đầy đủ tu Phật đạo
 Nay hiện ở mười phương
 Đều được thành Chánh giác
 Người nghe Pháp thuở đó
 Đều ở chỗ các Phật
 Có người trụ Thanh Văn
 Lần dạy cho Phật đạo.
 Ta ở số mười sáu
 Từng vì các người nói
 Cho nên dùng phương tiện
 Dẫn dắt đến huệ Phật
 Do bản nhân duyên đó
 Nay nói Kinh Pháp Hoa
 Khiến người vào Phật đạo
 Dè dặt chớ kinh sợ.
 Thí như đường hiểm dữ
 Xa vắng nhiều thú độc
 Và lại không cỏ nước
 Chốn mọi người ghê sợ

Vô số nghìn muôn chúng
Muốn qua đường hiểm này
Đường đó rất xa vời
Trải năm trăm do tuần.
Bấy giờ một Đạo Sư
Nhớ dai có trí tuệ
Sáng suốt lòng quyết định
Đường hiểm cứu các nạn
Mọi người đều mệt mỏi
Mà bạch Đạo Sư rằng:
Chúng con nay mỗi mệt
Nơi đây muốn trở về.
Đạo Sư nghĩ thế này:
Bọn này rất đáng thương
Làm sao muốn lui về
Cam mất trân bảo lớn?
Liên lại nghĩ phương tiện
Nên bày sức thần thông
Hóa làm thành quách lớn
Các nhà cửa trang nghiêm
Bốn bề có vườn rừng
Sông ngòi và ao tắm
Cửa lớn lầu gác cao
Trai, gái đều đông vậy.
Hóa ra thành đó rồi
An ủi chúng: chớ sợ
Các người vào thành này
Đều được vừa chỗ muốn.
Mọi người đã vào thành
Lòng đều rất vui mừng
Đều sanh tưởng an ổn
Tự nói đã được độ.
Đạo Sư biết nghĩ xong

Nhóm chúng mà bảo rằng:
 Các người nên đi nữa
 Đây là hóa thành thôi
 Thấy các người mỗi một
 Giữa đường muốn lui về
 Nên dùng sức phương tiện
 Ta hóa làm thành này
 Các người gắng tinh tấn
 Nên đồng đến chỗ báu.
 Ta cũng lại như vậy
 Đạo Sư của tất cả
 Thấy những người cầu đạo
 Giữa đường mà lười bỏ
 Không thể vượt đường dữ
 Sanh tử đầy phiền não
 Nên dùng sức phương tiện
 Vì nghĩ nói Niết Bàn.
 Rằng các người khổ diệt
 Chỗ làm đều đã xong
 Đã biết đến Niết Bàn
 Đều chứng A La Hán
 Giờ mới nhóm đại chúng
 Vì nói Pháp chân thật
 Sức phương tiện các Phật
 Phân biệt nói ba thừa
 Chỉ có một Phật thừa
 Vì nghĩ, nên nói hai
 Vì các người nói thật
 Các người chưa phải diệt,
 Vì Nhất thiết trí Phật
 Nên phát tinh tấn mạnh
 Người chứng Nhất thiết trí
 Mười lức các Phật Pháp

**Đủ bả hai tướng tốt
Mới là chân thật diệt,
Các Phật là Đạo Sư
Vì nghĩ nói Niết Bàn
Đã biết nơi nghĩ rồi
Dẫn vào nơi huệ Phật.**

Phản trùng tụng cũng nói lại ý trên.

PHẨM “NGŨ BÁ ĐỆ TỬ THỌ KÝ” THỨ TÁM

VĂN KINH

Lúc bấy giờ, ngài Mãn Từ Tử từ nơi Đức Phật nghe trí tuệ phương tiện tùy cơ nghi nói Pháp như thế, lại nghe thọ ký cho các vị đệ tử lớn sẽ thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, lại nghe việc nhân duyên đời trước, lại nghe các Đức Phật có sức tự tại thân thông lớn, được điều chưa từng có, lòng thanh tịnh hơn hờ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đến trước Phật, đầu mặt lễ chân Phật rồi đứng qua một bên chiêm ngưỡng dung nhan của Phật mắt không tạm rời, mà nghĩ thế này:

Thế Tôn rất riêng lạ, việc làm ít có, thuận theo bao nhiêu chủng tánh ở trong đời, dùng sức phương tiện tri kiến mà vì đó nói Pháp, vớt chúng sanh ra khỏi chỗ tham trước, chúng con ở nơi công đức của Phật không thể dùng lời nói mà tuyên bày được, chỉ có Đức Thế Tôn hay biết bản nguyện trong thâm tâm của chúng con.

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ kheo: Các ông thấy Mãn Từ Tử đây chăng? Ta thường khen ông là bậc nhất trong hàng người nói Pháp, cũng thường khen các món công đức của ông, rỗng rạc siêng năng hộ trì giúp tuyên bày Pháp của Ta, có thể chỉ dạy lợi mừng cho hàng bốn chúng giải thích trọn vẹn Chánh Pháp của Phật, mà làm nhiều lợi ích cho những người cùng đồng hạnh thanh tịnh. Ngoài Đức Như Lai, không ai có thể cùng tận chỗ biện bác ngôn luận của ông. Các ông chớ tưởng Mãn Từ Tử chỉ hay hộ trì trợ tuyên Pháp của Ta thôi, ông cũng

đã ở nơi chín mươi ức Đức Phật thọ quả khứ mà hộ trì trợ tuyên Chánh Pháp của Phật, ở trong nhóm người nói Pháp thọ đó cũng là bậc nhất.

Ông lại ở Pháp Không của chư Phật nói, thông suốt rành rẽ, được bốn món trí vô ngại, thường hay suy gẫm chắc chắn nói Pháp thanh tịnh không có nghi lầm, đầy đủ sức thần thông của Bồ Tát tùy số thọ mạng mà thường tu hạnh thanh tịnh.

Người đời thọ Đức Phật kia đều gọi ông thật là Thanh Văn. Nhưng ông Mãn Từ Tử dùng phương tiện đó làm lợi ích cho vô lượng trăm nghìn chúng sanh, lại giáo hóa vô lượng vô số người khiến đứng nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Ông vì muốn tịnh cõi Phật mà thường làm Phật sự giáo hóa chúng sanh.

Các Tỳ kheo! Ông Mãn Từ Tử cũng được bậc nhất ở trong hàng người nói Pháp thọ bảy Đức Phật, nay ở chỗ Ta trong hàng người nói Pháp cũng là bậc nhất.

Trong hàng người nói Pháp thọ các Đức Phật trong Hiền kiếp về đương lai cũng lại là bậc nhất, mà đều hộ trì giúp tuyên bày Pháp của Phật. Ông cũng sẽ ở trong đời vị lai hộ trì trợ tuyên Chánh Pháp của vô lượng vô biên các Đức Phật, giáo hóa làm lợi ích cho vô lượng chúng sanh khiến an lập nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì tịnh cõi Phật mà thường siêng năng tinh tấn giáo hóa chúng sanh, lần lần đầy đủ đạo Bồ Tát.

Ngài Mãn Từ Tử là đệ tử lớn của Đức Phật sau ngài Xá Lợi Phất, ngài Mục Kiền Liên, ngài Tu Bồ Đề, ngài Ca Chiên Diên, ngài Đại Ca Diếp đã được Phật thọ ký. Ngài Mãn Từ Tử cũng hiểu được điều Đức Phật giảng dạy từ

trước cho nên lòng Ngài thật sự thanh tịnh, Ngài nghĩ Đức Phật là người rất ít có riêng lạ.

Thật ra sau thời Đức Phật, tới thời chư Tổ chúng tôi cũng ít được nghe vị Tổ nào có điều đặc biệt như thế. Tức là Đức Phật biết tất cả chủng tánh của tất cả chúng sanh trong đời. Thứ hai là, Đức Phật biết được tất cả chủng tánh của chúng hội, cho nên bất kỳ thời giảng nào của Đức Phật cũng có người ngộ đạo chứng quả. Đó là điều rất hiếm có.

Ở đây ngài Mãn Từ Tử thấy được khả năng của Đức Phật, chỉ cần mình khởi nghĩ một điều gì là Đức Phật liền thấy rõ. Cho nên ngài Mãn Từ Tử chỉ nhìn Phật và nghĩ thôi thì Đức Phật liền nói tới chuyện của Ngài. Cho nên ngài Mãn Từ Tử khen Đức Phật là người riêng lạ và không thể có được trong đời.

Đức Phật cũng tùy theo chủng tánh của tất cả chúng sanh mà Đức Phật có lời dạy rất thích đáng. Tức là thích ứng và khế hợp với căn cơ từng người khi đối diện Đức Phật. Chúng ta không ngạc nhiên gì trong thời Đức Phật rất nhiều người chứng đạo. Qua thời chư Tổ thì số lượng người nghe Pháp và ngộ đạo lại ít đi. Và những vị Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di chứng đạo dần dần giảm.

Ngài Mãn Từ Tử chỉ khen Đức Phật trong lòng thôi, Ngài chưa nói ra thành lời và chỉ mong Đức Phật hiểu tâm của Ngài mà thọ ký cho Ngài là mãn nguyện lắm rồi. Đức Phật liền biết và khen ngài Mãn Từ Tử trong đại chúng không ai có khả năng biện bác như Ngài. Tất cả những lý luận sâu sắc trong Kinh điển cũng như trong Phật Pháp thì ngoài Đức Phật ra không ai có thể so sánh được với Ngài. Ngài Mãn Từ Tử rất thông hiểu Phật Pháp của chư Phật. Đức Phật khen không phải đời này, mà những vị Phật ở đời

trước thì ngài Mãn Từ Tử cũng hiện thân trong Pháp hội đó trợ giúp cho Đức Phật thuyết Pháp.

Có lần ngài Mãn Từ Tử trên đường đi khát thực, gặp một cụ bà ôm một bình bát bê đứng khóc thút thít bên dòng suối. Ngài bước tới hỏi: “Sao bà khóc?” Bà nói: “Cái số của tôi nó mạt rệp cho tới nghèo không đủ quần áo mặc, còn có cái bình múc nước nó cũng bể đôi nữa”. Lúc làm với ông chủ thì bị đầy cực khổ, tôi thì bị ngủ dưới nhà bếp như chuồng heo, bà rất khổ sở. Trong cả cuộc đời bà chưa có lần nào được mặc quần áo đẹp. Bà nói cái nghèo của bà là thế gian này không có mấy người.

Ngài Mãn Từ Tử nói: “Bà có muốn bán cái nghèo không?” Bà nói: “Cái nghèo nếu bán được tôi đã bán lâu rồi, không đợi Ngài nói đâu”. Ngài nói: “Ta sẽ chỉ cho bà bán cái nghèo. Bây giờ trước tiên bà múc nước cúng dường ta”. Vì Ngài đã chứng quả A La Hán cho nên cúng dường cho vị A La Hán thì phước báo được tăng lên. Khi được tăng trưởng phước báo thì mới nghe được Giáo Pháp của chư Phật.

Cho nên bà lão xuống suối mang nước cúng dường Ngài. Ngài nói tiếp: “Bà lắng tâm nghe, tôi chỉ để bà bán cái nghèo của bà đây. Bây giờ mỗi tối bà tắm rửa sạch sẽ xong, về chỗ bà ngủ, bà có thể dọn sạch sẽ làm một cái bàn giống như bàn thờ, bà tới bàn thờ đó coi như hướng tâm về Đức Phật để lạy. Sau khi lạy xong bà niệm Phật, sau đó bà hồi hướng công đức niệm Phật để được tiêu trừ nghiệp chướng nhiều đời nhiều kiếp của bà, để sau khi chết bà được sanh về cõi lành”. Không biết thời đó niệm Phật như thế nào trong Kinh không nói rõ. Bà lão nghe có đường hướng mới, bà về tinh tấn làm, một giai đoạn khoảng ba tháng hơn thì

bà mất. Khi bà mất, ông chủ cho người lôi xác bà vô rừng vớt trong đó.

Sau khi mất, bà lão được sanh về cõi Trời thành Thiên tử. Ngay khi đó Thiên tử muốn tìm lại đời trước của mình đã làm việc gì mà đời này được sanh về cõi Trời. Lúc đó vị Thiên tử thấy đời trước của mình là một bà lão cùng đinh mạt kiếp, làm tôi tớ ở nhà một ông trưởng giả, đủ duyên gặp ngài Mãn Từ Tử giáo hóa, dạy bà lạy Phật và niệm Phật hằng đêm cho tới ngày trút hơi thở cuối cùng, nhờ phước ấy mà được sanh về cõi Trời, bây giờ xác của bà lão đời trước hiện đang bị vớt bỏ ở trong rừng.

Thiên tử thấy rõ hết các việc đời trước nên xuống khu rừng nơi vớt xác của bà lão. Khi Thiên tử từ cõi Trời đến khu rừng thì nơi ấy sáng rực lên. Dân chúng xung quanh nhờ ánh sáng đó mà thấy xác bà lão, mọi người ai cũng nhận ra bà là người làm của ông chủ họ. Lúc đó Thiên tử tác động vào tâm của những người dân đang có mặt ở đó mang xác bà đi hỏa táng.

Chúng ta thấy lối giáo hóa của ngài Mãn Từ Tử có sức phương tiện khéo léo đã chuyển tâm một bà lão nghèo khó, không có căn cơ, không có trình độ học thức và chưa từng học hiểu đạo Phật mà hướng tâm về lạy Phật và niệm Phật, rồi hồi hướng phước báo đó để tiêu trừ nghiệp chướng trong sanh tử nhiều đời nhiều kiếp, đến khi bỏ thân xác cũ mục được sanh về cõi Trời. Đó là trí tuệ siêu tuyệt và phương tiện khéo léo của vị Đại Bồ Tát.

Trong thời gian ngài Mãn Từ Tử giáo hóa làm lợi ích cho nhiều người, từ huynh đệ cho tới người xung quanh thân cận, từ chư Tăng cho tới Phật tử, người nghe ngài Mãn Từ Tử giáo hóa đều có thể tu tập và giác ngộ đạo lý. Thậm chí người chưa biết chữ nào, nghèo cùng khốn khổ cả đời,

sau khi làm đúng theo lời Ngài dạy cũng được sanh về cõi Trời.

Đức Phật nói không phải ngài Mãn Từ Tử chỉ giáo hóa trong một thời Đức Phật ở đây, mà Ngài đã giáo hóa bảy đời Đức Phật từ thời Đức Phật Tỳ Bà Thi, cho tới thời Đức Phật Ca Diếp, cho tới thời Đức Phật Thích Ca, Ngài cũng là người nói Pháp bậc nhất.

Khi một vị Bồ Tát đã thông hiểu đạo lý rồi thì phát nguyện hộ trì Chánh Pháp nhiều đời nhưng vẫn chưa thành Phật. Chúng ta coi ngài Mãn Từ Tử là một vị Thanh Văn chứng quả A La Hán nhưng ngài Mãn Từ Tử đã được Đức Phật khen là Ngài đã thông suốt Ngã không và Pháp không. Tức là chúng ngang bậc Bồ Tát chứ không phải A La Hán.

Đức Phật khen ngài Mãn Từ Tử: *“Nói Pháp thanh tịnh không có nghi lầm”*. Vì ngài Mãn Từ Tử là người đã thấu hiểu chân lý cho nên những điều Ngài nói ra đều phù hợp với chân lý, khiến cho người nghe hiểu đúng chân lý và tu hành đúng Chánh Pháp để được giác ngộ giải thoát.

“Đầy đủ sức thần thông của Bồ Tát”: Ngài Mãn Từ Tử cũng có đầy đủ thần thông của Bồ Tát. Có nghĩa thần thông diệu dụng của Ngài tương đồng Bồ Tát, chứ không phải thần thông của các vị chúng A La Hán.

“Tùy số thọ mạng mà thường tu hạnh thanh tịnh”: Ví dụ đời Đức Phật quá khứ có thể sống năm trăm năm, hay một ngàn năm thì tùy thọ mạng đó, mà ngài Mãn Từ Tử tu hạnh thanh tịnh. Đến thời Đức Phật Thích Ca sống thọ mạng khoảng một trăm năm trở lại thì ngài Mãn Từ Tử cũng tùy thọ mạng đó mà Ngài cũng phải tu hạnh thanh tịnh của mình, để mỗi ngày mỗi sâu hơn trong Phật Pháp.

Ngài Mãn Từ Tử dùng Pháp phương tiện lợi ích cho hàng trăm ngàn chúng sanh, hóa độ vô số khiến cho họ đạt được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Mặc dù ở đời của ngài Mãn Từ Tử trong Kinh nói, Ngài chứng quả A La Hán thôi nhưng nếu chỉ chứng quả A La Hán ngang đó thì không đủ sức giáo hóa cho một người chứng quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Chỉ trừ người này đã tiếp nhận được hương vị của Phật Pháp thật sự.

Có nghĩa phải là vị Đại Bồ Tát mới đủ sức thấu hiểu được tâm nguyện của chư Phật trong ba đời là muốn cho chúng sanh chứng quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Và chính vị đó đã chứng được thì mới đủ sức hướng dẫn người ta chứng quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chứ còn chứng quả A La Hán là không bao giờ đủ sức giáo hóa một người chứng quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Tâm nguyện của ngài Mãn Từ Tử là tịnh cõi nước Phật mà thường làm Phật sự giáo hóa chúng sanh. Ngài muốn rằng trong quãng đời tu hành này, cũng như trăm ngàn muôn kiếp về sau thì Ngài phải chứng được quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nhưng muốn chứng được quả Phật thì phải trải qua rất nhiều đời công phu. Cho nên Đức Phật khen ngài Mãn Từ Tử vì tâm nguyện muốn tịnh cõi nước Phật mà giáo hóa chúng sanh, chứ không phải tu để về cõi Phật khác ở. Không phải tu để mình có cảnh giới riêng.

Vì sao vậy? Đây không phải do ngã chấp mà mình muốn có cảnh giới riêng của chính mình. Nhưng vì công hạnh nhiều đời nhiều kiếp của Ngài tu tập, nên Ngài tu hành giáo hóa chúng sanh tới khi Ngài thành Phật thì rất nhiều đồ chúng chứng thành Thánh quả. Đó là tịnh cõi nước Phật của chư Đại Bồ Tát.

Đức Phật khen ngài Mãn Từ Tử vì muốn tịnh cõi nước Phật mà làm Phật sự để giáo hóa chúng sanh. Rồi Đức Phật lại khen không phải ngang đời Đức Phật Thích Ca là ngưng việc giáo hóa chúng sanh đâu, mà trong đời vị lai ngài Mãn Từ Tử hộ cho các Đức Phật sắp ra đời như ngài Di Lặc thì ngài Mãn Từ Tử cũng là người thuyết Pháp bậc nhất. Do công hạnh giảng thuyết đó mà lần lần đủ đạo Bồ Tát chứng đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

VĂN KINH

Qua vô lượng vô số kiếp sau, ông sẽ ở nơi cõi này thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, hiệu là: Pháp Minh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Đức Phật đó lấy số thế giới Tam thiên Đại thiên nhiều như số cát sông Hằng mà làm thành một cõi Phật. Đất bằng bảy thứ báu, thẳng bằng như bàn tay không có núi gò, khe suối, rạch ngòi. Nhà, đài bằng bảy thứ báu đầy dẫy trong đó, cung điện của các Trời ở gần trên hư không, người cùng Trời giao tiếp nhau, hai bên đều thấy được nhau, không có đường dữ cũng không có người nữ.

Tất cả chúng sanh đều do biến hóa sanh, không có dâm dục, được Pháp thần thông lớn, thân chói ánh sáng, bay đi tự tại, chí niệm bền chắc có đức tinh tấn trí tuệ, tất cả đều thân sắc vàng đủ ba mươi hai tướng tốt để tự trang nghiêm.

Nhân dân nước đó thường dùng hai thức ăn: Một là Pháp hỷ thực, hai là thiền duyệt thực. Có vô lượng vô số nghìn muôn ức na do tha các chúng Bồ Tát được sức thần thông lớn, bốn trí vô ngại, khéo hay giáo hóa loài

chúng sanh. Chúng Thanh Văn trong nước đó tính kể số đếm đều không thể biết được, đều được đầy đủ ba món minh, sáu Pháp thân thông và tám món giải thoát.

Cõi nước của Đức Phật đó có vô lượng công đức trang nghiêm thành tựu như thế, kiếp tên Bảo Minh, nước tên Thiện Tịnh. Phật đó sống lâu vô lượng vô số kiếp, Pháp trụ đời rất lâu. Sau khi Phật diệt độ, dựng tháp bằng bảy thứ báu khắp cả nước đó.

Đã bảy đời Phật quá khứ ngài Mãn Từ Tử giáo hóa chúng sanh, bây giờ mãi mãi những đời Đức Phật về sau, trải qua số lượng không thể tính kể được, không biết đời nào ngài Mãn Từ Tử thành Phật nữa nhưng được Đức Phật thọ ký là Ngài mừng rồi.

Có nghĩa ngang đây nếu chúng ta được khẳng định là đã tu đúng với Chánh Pháp thì con đường thành Phật chắc chắn sẽ không còn nghi ngờ nữa nên ngài Mãn Từ Tử sanh tâm hoan hỷ.

Phật hiệu là Pháp Minh. Minh có nghĩa là sáng suốt. Là người sáng đạo thành Phật. Trong tất cả các đời của ngài Mãn Từ Tử, Ngài đều đem Giáo Pháp giáo hóa chúng sanh, cho tới đạt được quả vị Phật nên tên Ngài là Pháp Minh. Pháp Minh là người có đầy đủ trí tuệ sáng suốt để chứng đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Ngài Mãn Từ Tử sau khi thành Phật lấy tất cả cõi Tam thiên Đại thiên nhiều như số cát sông Hằng làm thành một cõi Phật của mình. Ví dụ Đức Phật Thích Ca thành đạo ở cõi Ta Bà nhưng nếu chúng ta nhìn theo chiều hạn hẹp thì Đức Phật thành đạo trên đất Ấn Độ, trên hành tinh này thôi nhưng sự thật Đức Phật là Thầy của Trời người, là Thầy Tam giới này. Nếu hiểu Đức Phật là Thầy của cõi chúng ta,

là chúng ta chưa hiểu hết giá trị thành Phật của một Đức Phật.

Ngài Mãn Từ Tử thành Phật làm giáo chủ trong cõi Tam thiên Đại thiên. Tất cả những người sống trong cõi giới đó đều là đệ tử của Ngài. Do đó, Ngài là giáo chủ rộng khắp và lớn lao vô cùng tận. Trong cõi giới của ngài Mãn Từ Tử cõi Người và cõi Trời thấy được nhau. Vì hai cõi này gần khít bên nhau, hai bên giao tiếp được nhau. Đó là điều rất hay. Hy vọng chúng ta được về cõi đó để chúng ta nhìn sinh hoạt đó ra làm sao. Với cặp mắt phàm phu đang tu hành như chúng ta, có một số người từ cõi Trời có mặt ở đây, chúng ta không nhìn ra. Nhưng cõi giới của Ngài rất đặc biệt, cõi Người và cõi Trời giao tiếp được với nhau thì rất là lý thú, hy vọng chúng ta sẽ làm dân cõi đó để dễ học đạo.

“*Cõi này không có người nữ*”: Cõi nước thanh tịnh thì không có người nữ. Đức Phật nói cõi này do biến hóa sanh nên không có người nữ cũng không có người nam, vì không có sự quan hệ dâm dục. Có nghĩa cõi giới do công phu tu hành mà được sanh về, không phải do cha mẹ sanh. Trong Cửu Phẩm Liên Hoa thì chúng sanh sau khi được sanh về Tây Phương là từ hoa sen hóa sanh, cho nên Cửu Phẩm Liên Hoa là cha mẹ mình. Như vậy trong cõi Cực Lạc cũng không có người nữ.

“*Được Pháp thân thông lớn, thân chói ánh sáng, bay đi tự tại*”: Thân người đó chỉ là ánh sáng. Ánh sáng đó không phải là nam không phải là nữ, cũng không phải cha mẹ sanh nên không chịu quy luật của vật lý, do đó có thân thông tự tại muốn đi khắp cõi nước thì nháy mắt là người đó đi được.

Cõi Phật của ngài Mãn Từ Tử, nếu chúng ta có duyên thành dân đó thì thật tuyệt vời, không mang cái thân phải ăn để no, bệnh phải kiếm thuốc uống, tối lo giăng mùng, phải

may quần áo, tất cả những cái đó hoàn toàn không có trong cõi giới của Ngài.

Ở đây cõi Trời và cõi Người không phân biệt nhưng dù về cõi nào cũng tùy theo trình độ tu tập của từng người mà thứ bậc khác nhau. Người ở cõi Trời thì luôn luôn hơn cõi Người về phước báo. Cõi người thì dù giàu có nhưng tới bữa ăn chúng ta phải nấu mới có cơm ăn, còn cõi Trời tới bữa ăn thì thức ăn hiện ra trong bát báu, ăn xong bát báu tự biến mất, đó là một trong các sự khác biệt giữa cõi Trời và cõi Người. Ở cõi Trời thì tùy theo phước các vị mà quần áo và chỗ ở tự hiện ra, còn cõi Người thì phải mua sắm, may mặc và phải xây dựng chỗ ở.

“Chỉ niệm bền chắc có đực tinh tấn trí tuệ, tất cả đều thân sắc vàng đủ ba mươi hai tướng tốt để tự trang nghiêm”: Một người đã đầy đủ trí tuệ giác ngộ giải thoát thì đó được xem là chánh báo, cho nên y báo của họ hiện ra thân tướng trang nghiêm tốt đẹp tương ứng với trí tuệ và phước báo của họ.

Nhân dân nước đó thường dùng hai thức ăn: Một là Pháp hỷ thực, hai là thiên duyệt thực.

“Lấy Pháp hỷ thực làm món ăn”: Điều này hơi khó. Chúng ta trong Pháp hội này nếu nghe Pháp thì có ai lấy Pháp làm no chưa? Cõi này nghe Giáo Pháp mà no chứ không phải ăn cơm. Lấy niềm vui khi học Chánh Pháp làm thức ăn cho chính mình. Họ hưởng Giáo Pháp để làm sung mãn phước báo của họ, để làm tăng trưởng công phu tu hành của họ và họ được lớn lên trong Giáo Pháp, chứ không lớn bằng xác thịt. Họ lấy niềm vui thụ hưởng Giáo Pháp làm niềm vui của cuộc sống. Ngoài ra họ không còn một việc khác để vui giữa cõi mình đang sống.

Cõi chúng ta có rất nhiều người như vậy. Thường các vị tu đặt trọn vẹn cuộc đời mình cho việc tu tập. Khi gặp Giáo Pháp với họ là niềm vui lớn. Ngày nào ở đâu có giảng đạo mà họ không nghe được là cảm thấy thiếu thốn, đói giáo Pháp, khát đạo lý. Tất cả Phật tử chúng ta cũng có phần này, đọc quyển Kinh này đã thể hiện phần đó rồi. Có lúc chúng ta vui với giáo Pháp nhưng cũng có đôi lúc chúng ta vui với chuyện trần gian.

“*Lấy thiên duyệt thực làm món ăn*”: Có nghĩa khi nghe Chánh Pháp rồi thì bằng cái hiểu biết đó đi vào công phu và đạt công phu để hưởng an lạc hạnh phúc làm vui của cuộc sống này. Người nào được điều này thì làm chúng dân của ngài Mãn Từ Tử. Còn chúng ta ở đây thì ăn bốn món: Đoạn thực, Xúc thực, Tư thực và Thức thực.

Ví dụ, đói bụng chúng ta kiếm món này món kia ăn từng bữa từng đợt gọi là Đoạn thực. Xúc thực thì có hai dạng. Mắt chúng ta thích nhìn cái đẹp. Như người thích chơi hoa kiểng thì ở đâu có hoa là họ tới coi cho thỏa mãn. Nếu người mê âm nhạc thì chỉ nghe nhạc họ mới thấy no đủ, còn không nghe được họ cảm thấy thiếu. Người ghiền dầu thì không xúc dầu thấy thiếu. Cái lưỡi ngày nào không ăn được cái gì ngon là chúng ta cảm nghe khó chịu. Thân chúng ta xúc chạm sự mềm mại của vải chúng ta thấy dễ chịu. Trong năm căn tiếp xúc với năm trần luôn đòi hỏi sự thỏa mãn một lúc một nhiều hơn.

Tư thực là khi mình ngồi thì nghĩ thế này, nghĩ thế kia, không nghĩ không tưởng là chúng ta cảm thấy thiếu thiếu cái gì đó. Phải nghĩ hoài mới thấy đủ, không nghĩ thấy chơi vui trống vắng cho nên phải nghĩ mới thấy vừa ý, muốn không nghĩ lại không được tâm nó trào ra hoài. Khi thấy

một sự việc gì qua tai qua mắt là chúng ta phải tưởng để cho nó tràn đầy trong đầu thì mình mới chịu.

Thấy sự vật chúng ta phải phân biệt gọi là Thức thực. Ngày nào mình không suy nghĩ tính toán phân biệt điều này điều kia là chúng ta cảm thấy thiếu. Có ai ngồi mà mình không phân biệt chuyện gì mà cảm thấy vui không? Hiếm lắm, cho nên chúng ta cần có sự phân biệt trong cuộc sống này, mình cứ nghĩ là mình không phân biệt không được, không phân biệt không phải là mình, không phân biệt không biết cái đó nó đúng hay sai là mình không chịu, mình cảm thấy thiếu gì đó cho nên mình mới khẳng định mình là người hiểu biết giữa cuộc sống này. Mình thấy cái gì là mình phải phân biệt nó, mình hiểu nó, mình phân tích nó, thậm chí mình còn giảng dạy nó, lúc đó mình mới thấy thỏa mãn.

Cõi dân của ngài Mãn Từ Tử thì không ăn theo kiểu của mình, họ chỉ dùng Pháp hỷ và Thiên duyệt thôi. Chúng Thanh Văn ở cõi đó rất đông không thể tính đếm, công đức trang nghiêm thành tựu.

Kiếp tên là Bảo Minh. Bảo là sự quý giá. Bảo Minh là sự quý báu sáng suốt. Phật sống lâu vô lượng, Pháp trụ đời rất lâu, không tính đếm được tuổi thọ của Ngài. Sở dĩ Phật Pháp còn trường tồn ở cõi Ta Bà là do công của các vị giáo hóa, cho nên thời nào thiếu các vị giáo hóa Chánh Pháp thì Phật Pháp sẽ bị đoạn dứt liền. Và ngài Mãn Từ Tử gieo nhân từ nhiều đời nhiều kiếp, trải qua hàng hà sa số chư Phật cho đến khi thành Phật, đời nào Ngài cũng giáo hóa chúng sanh rất đông, khiến cho Chánh Pháp được trường tồn mãi mãi. Đó là nhân quả của Ngài. Vì vậy mà nhân đó khiến cho Giáo Pháp ở đời của Ngài là không tính lường được thời gian.

Điều đó cũng nói một lý sâu ở bên trong, là cái chỗ sáng suốt quý báu trường tồn mãi mãi, cái chỗ bất sanh bất diệt, cái Tri Kiến Phật không bao giờ bị mất bởi thời gian và không gian.

VĂN KINH

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói bài kệ rằng :

Các Tỳ kheo lắng nghe
Đạo của Phật tử làm
Vì khéo học phương tiện
Chẳng thể nghĩ bàn được
Biết chúng ưa Pháp nhỏ
Mà sợ nơi trí lớn
Cho nên các Bồ Tát
Làm Thanh Văn, Duyên Giác
Dùng vô số phương tiện
Độ các loài chúng sanh,
Tự nói là Thanh Văn
Cách Phật đạo rất xa
Độ thoát vô lượng chúng
Thầy đều được thành tựu
Dầu ưa nhỏ, biếng lười
Sẽ khiến lặn thành Phật.
Trong ẩn hạnh Bồ Tát
Ngoài hiện là Thanh Văn
Ít muốn, nhàm sanh tử
Thật tự tịnh cõi Phật
Bày ba độc cho người
Lại hiện tướng tà kiến,
Đệ tử Ta như vậy
Phương tiện độ chúng sanh
Nếu Ta nói đủ cả
Các món việc hiện hóa

Chúng sanh nghe đó rồi
 Thời lòng sanh nghi lầm
 Nay Phú Lô Na đây
 Ở xưa nghìn ức Phật
 Siêng tu đạo mình làm
 Tuyên hộ các Phật Pháp
 Vì cầu huệ Vô thượng
 Mà ở chỗ chư Phật
 Hiện ở trên đệ tử
 Học rộng có trí huệ
 Nói Pháp không sợ sệt
 Hay khiến chúng vui mừng
 Chưa từng có mỗi một
 Để giúp nên việc Phật.
 Đã được thần thông lớn
 Đủ bốn trí vô ngại
 Biết các căn lợi độn
 Thường nói Pháp thanh tịnh
 Diễn xướng nghĩa như thể
 Để dạy nghìn ức chúng
 Khiến trụ Pháp Đại thừa
 Mà tự tịnh cõi Phật.
 Đời sau cũng cúng dường
 Vô lượng vô số Phật
 Hộ trợ tuyên Chánh Pháp
 Cũng tự tịnh cõi Phật
 Thường dùng các phương tiện
 Nói Pháp không e sợ
 Độ chúng không kể được
 Đều thành Nhất thiết trí
 Cúng dường các Như Lai
 Hộ trì Tạng Pháp bảo,
 Sau đó được thành Phật

Hiệu gọi là Pháp Minh
Nước đó tên Thiện Tịnh
Bảy thứ báu hợp thành
Kiếp tên là Bảo Minh
Chúng Bồ Tát rất đông
Số nhiều vô lượng ức
Đều được thần thông lớn
Sức uy đức đầy đủ
Khắp đầy cả nước đó,
Thanh Văn cũng vô số
Ba minh tám giải thoát
Được bốn trí vô ngại
Dùng hạng này làm Tăng.
Chúng sanh trong cõi đó
Dâm dục đều đã dứt
Thuần một biến hóa sanh
Thân trang nghiêm đủ tướng
Pháp hỷ, thiên duyệt thực
Không tưởng món ăn khác,
Không có hàng nữ nhân
Cũng không các đường dũ.
Phú Lô Na Tỳ kheo
Khi công đức trọn đầy
Sẽ được Tịnh độ này
Chúng Hiền Thánh rất đông
Vô lượng việc như thế
Nay Ta chỉ lược nói.
Phần trùng tụng chỉ lặp lại ý trước.

VĂN KINH

Bấy giờ, một nghìn hai trăm vị A La Hán, bậc tâm tự tại, nghĩ như vậy: Chúng ta vui mừng được điều chưa

từng có, nếu Đức Thế Tôn đều thọ ký cho như các đệ tử lớn khác thời sung sướng lắm.

Đức Phật biết tâm niệm của các vị đó nên nói với Đại Ca Diếp: Một nghìn hai trăm vị A La Hán đó, nay Ta sẽ hiện tiền thứ tự mà thọ ký đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Trong chúng đó, đệ tử lớn của Ta là Kiều Trần Như Tỳ kheo, sẽ cúng dường sáu muôn hai nghìn ức Đức Phật, vậy sau được thành Phật hiệu là Phổ Minh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Năm trăm vị A La Hán: Ông Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp, ông Già Da Ca Diếp, ông Na Đề Ca Diếp, ông Ca Lưu Đà Di, ông Ưu Đà Di, ông A Nậu Lô Đà, ông Ly Bà Đa, ông Kiếp Tân Na, ông Bạc Câu La, ông Châu Đà Tá, ông Đà Đà v.v... đều sẽ được đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đều đồng một hiệu là Phổ Minh.

Đức Phật bắt đầu thọ ký các vị A La Hán. Có điều đặc biệt là năm trăm vị A La Hán đều thành Phật cùng một hiệu là Phổ Minh. Phổ có nghĩa là khắp. Minh là sáng. Phổ Minh là ánh sáng cùng khắp. Ý nói là ánh sáng cùng khắp mười phương pháp giới không chỗ nào ngăn bít thì đó là ánh sáng trí tuệ, cũng được gọi là Phật Tri kiến của chúng ta. Như vậy khi một người thành tựu hòa nhập trong Tri Kiến Phật được gọi cùng một hiệu, không sai khác.

VĂN KINH

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng :

Kiều Trần Như Tỳ kheo

Sẽ gặp vô lượng Phật
Qua vô số kiếp sau
Mới được thành Chánh giác
Thường phóng quang minh lớn
Đầy đủ các thân thông
Danh đồn khắp mười phương
Tất cả đều tôn kính
Thường nói Pháp Vô thượng
Nên hiệu là Phổ Minh
Cõi nước đó thanh tịnh
Bồ Tát đều dũng mãnh
Đều lên lầu gác đẹp
Đạo các nước mười phương
Đem đồ cúng vô thượng
Hiển dưng các Đức Phật
Làm việc cúng đó xong
Sanh lòng rất vui mừng
Giây lát về bốn quốc
Có sức thần như thế.
Phật thọ sáu muôn kiếp
Chánh Pháp trụ bội thọ
Tượng Pháp lại hơn chánh
Pháp diệt trời người lo
Năm trăm Tỳ kheo kia
Thứ tự sẽ làm Phật
Đồng hiệu là Phổ Minh
Thứ lớp thọ ký nhau:
Sau khi Ta diệt độ
Ông đó sẽ làm Phật
Thế gian của ông độ
Cũng như Ta ngày nay
Cõi nước đó nghiêm sạch
Và các sức thần thông

Chúng Thanh Văn Bồ Tát
Chánh Pháp cùng Tượng Pháp
Thọ mạng kiếp nhiều ít
Đều như trên đã nói
Ca Diếp! Ông đã biết
Năm trăm vị tụt tại
Các chúng Thanh Văn khác
Cũng sẽ làm như thế
Vị nào vắng mặt đây
Ông nên vì tuyên nói.

Phản trùng tụng lặp lại ý trên.

VĂN KINH

Bây giờ, năm trăm vị A La Hán ở trước Phật được thọ ký xong, vui mừng hớn hở liền từ chỗ ngồi đứng dậy đến trước Phật, đầu mặt lay chân Phật ăn năn lỗi của mình mà tự trách: **Thê Tôn! Chúng con thường nghĩ như vậy, tự cho mình đã được rất ráo diệt độ, nay mới biết đó là như người vô trí. Vì sao? Chúng con đáng được trí tuệ của Như Lai mà bèn tự lấy trí nhỏ cho là đủ.**

Thê Tôn! Thí như có người đến nhà bạn thân say rượu mà nằm, lúc đó người bạn thân có việc quan phải đi, lấy châu báu vô giá cột trong áo của gã say, cho nó rời đi. Gã đó say mèm đều không hay biết, sau khi dậy bèn dạo đi đến nước khác, vì việc ăn mặc mà phải gắng sức cầu tìm rất là khổ nhọc, nếu có được chút ít bèn cho là đủ.

Sau người bạn thân gặp gỡ thấy gã bèn bảo rằng: **Lạ thay! Anh này sao lại vì ăn mặc mà đến nỗi này. Ta lúc trước muốn cho anh được an vui tha hồ thọ năm món dục, ở ngày tháng năm đó, đem châu báu vô giá cột vào**

trong áo anh nay vẫn còn đó mà anh không biết, lại đi nhọc nhằn sâu khổ để cầu tự nuôi sống thật là khờ lắm; nay anh nên đem ngọc báu đó đổi chác lấy đồ cần dùng thì thường được vừa ý không chỗ thiếu thốn.

Đức Phật cũng lại như vậy, lúc làm Bồ Tát giáo hóa chúng con, khiến phát lòng cầu Nhất thiết trí, mà chúng con liền bỏ quên không hay không biết. Đã được đạo A La Hán tự nói là diệt độ, khổ nhọc nuôi sống được chút ít cho là đủ, tất cả chí nguyện vẫn còn chẳng mất. Ngày nay Đức Thế Tôn giác ngộ chúng con mà nói rằng: Các Tỳ kheo! Đạo của các ông không phải rốt ráo diệt. Ta từ lâu đã khiến các ông gieo căn lành của Phật, dùng sức phương tiện chỉ tướng Niết Bàn mà các ông cho là thật được diệt độ.

Thế Tôn! Chúng con nay mới biết mình thật là Bồ Tát được thọ ký sẽ thành đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vì nhân duyên đó lòng rất vui mừng được điều chưa từng có.

Năm trăm vị A La Hán đã được Phật thọ ký xong, vui mừng hơn hờ liền từ chỗ ngồi đứng dậy đến trước Phật, đầu mặt lạy chân Phật ăn năn lỗi của mình, vì từ trước giờ nghĩ chúng quả A La Hán là đủ rồi. Nhưng hôm nay Đức Phật đã thọ ký các Ngài được thành Phật thì lúc đó các Ngài ăn năn, nghĩ trí của mình ngày xưa tu tập chưa phải là chỗ cùng tột và còn có khả năng thành Phật nữa. Đến đây các Ngài trình kiến giải.

Phẩm trước, Đức Phật nói nhân thành đạo của Ngài ở thời Đức Phật Đại Thông Trí Thắng Như Lai, Ngài là Sa di được nghe Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, đã từng nghe nói tới việc chúng quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác rồi.

Ví dụ gã kia được cho ăn uống no nê say mềm, lúc ngủ được bện thân cột hạt châu trong ché áo, tức là được hưởng Giáo Pháp no nê rồi, nhưng một lần nghe giảng như vậy buông ra là quên đi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của Đức Phật giáo hóa từ thời đó. Dần dần cũng vì cơm ăn áo mặc mà khổ nhọc lang thang trong sanh tử luân hồi, được chút ít cho là đủ. Có nghĩa chúng quả A La Hán vẫn nhỏ nhiệm so với quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Gã say không hay biết bên cạnh mình có hạt châu trong ché áo. Ngầm ý rằng khi chúng sanh bị mê lầm trong sanh tử luân hồi, không biết mình có Phật Tri kiến. Khi xưa Đức Phật Thích Ca là vị Sa di giáo hóa đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác cho các vị rồi, gợi ý cho các vị ở nơi họ có Tri Kiến Phật, các vị nhận trong thời Đức Phật Ca Diếp cho tới thời này mới gặp người bạn cũ là Đức Phật. Đức Phật nhắc lại để các vị tự nhận ra mình có hạt châu vô giá và đầy đủ các vật cần dùng trong Tam giới. Lần này gặp lại người xưa, người này thành Phật chứ không còn Sa di như trước, gợi nhắc lại và thọ ký cho các vị thành Phật. Ý nó rất xa như vậy.

Các vị muốn trình lên Đức Phật về việc hiểu biết được đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Các vị khẳng định ở nơi mình đã đầy đủ không còn thiếu thốn như trước, không còn tìm quả vị Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên hay là Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán nữa, mà chỉ có thành Phật là chỗ cùng của các vị. Như vậy khả năng các vị thành Phật là khả năng vốn có và sắp sửa thành Phật.

Đến giờ phút này các vị tự khẳng định mình là Bồ Tát. Và chắc chắn sau này các vị sẽ thành Phật. Như vậy ở trong Phật Pháp gọi là đủ lòng tin. Đủ lòng tin phải tới tâm này,

tin cả quyết không bao giờ lui sụt với quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nữa.

VĂN KINH

Bấy giờ, ông A Nhã Kiều Trần Như muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng :

Chúng con nghe Vô thượng

Tiếng thọ ký an ổn

Vui mừng chưa từng có

Lạy Phật trí vô lượng.

Nay ở trước Thế Tôn

Tự hồi các lỗi quấy

Trong Phật báu vô lượng

Được chút phần Niết Bàn

Bèn tự cho là đủ.

Như người ngu vô trí

Thí như người nghèo cùng

Qua đến nhà bạn thân

Nhà đó rất giàu lớn

Bày đủ các tiệc ngon

Đem châu báu vô giá

Cột dính trong vạt áo

Thầm cho rồi bỏ đi

Gã say nằm không hay

Sau khi gã tỉnh dậy

Dạo đi đến nước khác

Cầu ăn mặc tự sống

Nuôi sống rất khốn khổ

Được ít cho là đủ

Chẳng lại muốn đồ tốt

Chẳng biết trong vạt áo

Có châu báu vô giá

Người thân hữu cho châu

**Sau gặp gã nghèo này
 Khổ thiết trách gã rồi
 Chỉ cho châu trong áo.
 Gã nghèo thấy châu đó
 Lòng gã rất vui mừng
 Giàu có các cửa cải
 Tha hồ hưởng ngũ dục.
 Chúng con cũng như vậy
 Thế Tôn từ lâu xưa
 Thường thường giáo hóa cho
 Khiến gieo nguyện Vô thượng
 Chúng con vì vô trí
 Chẳng hay cũng chẳng biết
 Được chút phần Niết Bàn
 Cho đủ chẳng cầu nữa.
 Nay Phật giác ngộ con
 Nói chẳng phải thật diệt.
 Được Phật huệ Vô thượng
 Đó mới là thật diệt
 Con nay từ Phật nghe
 Thọ ký việc trang nghiêm
 Cùng tuân tự thọ ký
 Thân tâm khắp vui mừng.**

Phần trùng tụng lặp lại ý trên.

* * *

PHẨM “THỌ HỌC VÔ HỌC NHÂN KÝ” THỨ CHÍN

VĂN KINH

Bấy giờ, ngài A Nan và ngài La Hầu La nghĩ như vậy: Chúng ta tự suy nghĩ, nếu được thọ ký thời sung sướng lắm. Liên từ chỗ ngồi đứng dậy đến trước Phật, đầu mặt lạy chân Phật đồng bạch Phật rằng: Thế Tôn! Chúng con trong đây cũng đáng có phần, chỉ có Đức Như Lai, là chỗ về nương của chúng con. Lại chúng con là người quen biết của tất cả Trời, Người, A tu la trong đời. A Nan thường làm vị thị giả hộ trì Tạng Pháp, La Hầu La là con của Phật, nếu Phật thọ ký đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác cho, thời lòng nguyện cầu của con đã mãn, mà lòng trông của chúng con cũng được đủ.

Lúc đó, hàng đệ tử Thanh Văn, bậc học cùng vô học, hai nghìn người đều từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai áo bên hữu đến trước Phật chấp tay một lòng chiêm ngưỡng dung nhan của Thế Tôn như chỗ nguyện cầu của A Nan và La Hầu La rồi đứng qua một phía.

Bấy giờ, Đức Phật bảo A Nan: Ông ở đời sau sẽ được làm Phật hiệu là Sơn Hải Huệ Tụ Tại Thông Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Ông sẽ cúng dường sáu mươi hai ức Đức Phật, hộ trì tạng Pháp vậy sau chứng được đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, giáo hóa hai mươi nghìn muôn ức hằng hà

sa các chúng Bồ Tát v.v... làm cho thành đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Nước tên là Thường Lập Thắng Phan, cõi đó thanh tịnh, đất bằng chất lưu ly, kiếp tên Diệu Âm Biến Mãn. Đức Phật đó thọ mạng vô lượng nghìn muôn ức vô lượng A tăng kỳ kiếp, nếu có người ở trong nghìn muôn ức vô lượng A tăng kỳ kiếp tính đếm số kể chẳng có thể biết được, Chánh Pháp trụ đời gấp bội thọ mạng, Tượng Pháp lại gấp bội Chánh Pháp.

A Nan! Đức Phật Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương đó, được vô lượng nghìn muôn ức hằng hà sa các Đức Phật Như Lai ở mười phương đồng ngợi khen công đức của Ngài.

Các vị Đại đệ tử đều đã được thọ ký ở những phẩm trước. Chỉ có ngài A Nan là thị giả thân cận Đức Phật chưa được Đức Phật thọ ký. Do vậy, ngài A Nan đứng ra đánh lễ cầu mong Đức Phật thọ ký cho Ngài. Bấy giờ, Đức Phật bảo A Nan: Ông ở đời sau sẽ được làm Phật, hiệu là Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương Như Lai.

Ngài A Nan là đệ tử thân cận Đức Phật, đã hộ trì Chánh Pháp không riêng Đức Phật Thích Ca, mà nhiều đời nhiều kiếp Ngài cũng đã hộ trì Chánh Pháp của các Đức Phật. Và sắp tới đây những vị thành Phật ở cõi Ta Bà thì ngài A Nan cũng vẫn tiếp tục hộ trì Chánh Pháp, cho tới khi viên mãn đạo quả thì sẽ thành Phật hiệu là Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương Như Lai. Tức là trí tuệ của Đức Phật như núi như biển. Một tên xứng với trí tuệ, với việc làm của Ngài ở trong hiện tại cũng như trong tương lai. Và thọ mạng cũng như số kiếp dài lâu không thể tính kể được.

VĂN KINH

Khi đó, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

Nay Ta nói trong Tăng
A Nan, người trì Pháp
Sẽ cúng dường các Phật
Vậy sau thành Chánh giác
Hiệu rằng: Sơn Hải Tuệ
Tự Tại Thông Vương Phật
Cõi nước kia thanh tịnh
Tên Thường Lập Thắng Phan
Giáo hóa các Bồ Tát
Số đông như hằng sa
Phật có oai đức lớn
Tiếng đồn khắp mười phương
Vì bởi thương chúng sanh
Nên sống lâu vô lượng
Chánh Pháp bội thọ mạng
Tượng Pháp lại bội Chánh
Vô số hàng chúng sanh
Đông như cát sông Hằng
Ở trong Pháp Phật đó
Gieo nhân duyên Phật đạo.

Phản trùng tụng lặp lại ý trên.

VĂN KINH

Bấy giờ, trong hội hàng Bồ Tát mới phát tâm, tám nghìn người, đều nghĩ thế này: Chúng ta còn chưa nghe các vị Bồ Tát lớn được thọ ký như thế, có nhân duyên gì mà các Thanh Văn được thọ ký như thế.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn biết tâm niệm của các vị Bồ Tát mà bảo rằng: Các Thiện nam tử! Ta cùng bọn ông A Nan ở chỗ Đức Phật Không Vương đồng thời phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. A Nan thường ưa học rộng, còn Ta thường siêng năng tinh tấn, cho nên nay Ta đã thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác mà A Nan hộ trì Pháp của Ta, ông cũng sẽ hộ trì Pháp tạng của các Đức Phật tương lai, giáo hóa thành tựu các chúng Bồ Tát. Bỏ nguyện của ông như thế nên được thọ ký dường ấy.

Ngài A Nan tận mặt ở trước Phật, tự nghe Phật thọ ký cùng cõi nước trang nghiêm, chỗ mong cầu đã đủ, lòng rất vui mừng được điều chưa từng có. Tức thời nghĩ nhớ Tạng Pháp của vô lượng nghìn muôn ức các Đức Phật thuở quá khứ, suốt thâu không ngại như hiện nay nghe và cũng biết bốn nguyện.

Khi đó, ngài A Nan nói kệ rằng:

Thế Tôn rất ít có
 Khiến con nhớ quá khứ
 Vô lượng các Phật Pháp
 Như chỗ nghe ngày nay
 Con nay không còn nghi
 An trụ trong Phật đạo
 Phương tiện làm thị giả
 Hộ trì các Phật Pháp.

Các vị Bồ Tát trong đạo tràng bắt đầu có suy nghĩ: Mình là Bồ Tát mới phát tâm, còn A Nan chưa chứng quả A La Hán thế mà được Đức Phật thọ ký. Đức Phật thấy được tâm niệm các vị. Đức Phật giải thích để các vị không còn nghi. Chính ngài A Nan và Đức Phật từ thời Đức Phật Không Vương xa xôi thuở quá khứ cũng đã phát tâm Vô Thượng

Chánh Đẳng Chánh Giác. Vì ngài A Nan là người học rộng nhưng Ngài không chuyên tu như Đức Phật, do vậy mà Đức Phật thành Phật trước.

Do đó, đời nào có chư Phật thành tựu đạo quả thì chính ngài A Nan gần gũi thân cận để hộ trì. Đó là tâm nguyện của vị Đại Bồ Tát, chứ không phải vì người đó học rộng đi theo kiến thức mà tu không thành công. Đây là điều chúng ta phải hiểu ý.

Ngài A Nan được Đức Phật gọi nhắc nhẹ thì Ngài tự động nhớ lại chuyện xưa. Dù thời gian đó có lâu xa như thế nào nhưng một phen người đó nhận ra Tri Kiến Phật thì ngay tại chỗ này không còn thời gian, không còn không gian, dù hàng tỷ năm về trước vẫn như hiện nay. Ngài nói Đức Phật là người rất hiếm có, vì đã khơi được cái chỗ bế tắc của Ngài ngay trong chúng hội. Ngài A Nan nhớ lại Tạng Pháp ngày xưa. Đây là điều nói bí mật thì cũng hết sức bí mật. Chuyện thời Đức Phật Không Vương Như Lai hiện rõ ràng như chuyện đang ở đây. Đây là điều rất đặc biệt của người nhận ra Tri Kiến Phật.

VĂN KINH

Bấy giờ, Phật bảo ông La Hầu La: Ông ở đời sau sẽ được làm Phật hiệu: Đạo Thất Bảo Hoa Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiệt Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Ông sẽ cúng dường các Đức Như Lai như số vi trần trong mười phương thế giới. Thường vì các Đức Phật mà làm trưởng tử, cũng như hiện nay.

Đức Phật Đạo Thất Bảo Hoa đó, cõi nước trang nghiêm, kiếp số thọ mạng, giáo hóa đệ tử, Chánh Pháp

và Tượng Pháp cũng đồng như Đức Sơn Hải Tuệ Tự Tại Thông Vương Như Lai không khác. Ông cũng làm trưởng tử cho Phật này, qua sau đây rồi sẽ được đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Lúc đó, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

Lúc Ta làm Thái tử
 La Hầu làm trưởng tử.
 Ta nay thành Phật đạo
 Thọ Pháp làm Pháp tử.
 Ở trong đời vị lai
 Gặp vô lượng ức Phật
 Làm trưởng tử cho kia
 Một lòng cầu Phật đạo.
 Hạnh kín của La Hầu
 Chỉ Ta biết được thôi
 Hiện làm con cả Ta
 Để chỉ các chúng sanh
 Vô lượng ức nghìn muôn
 Công đức không thể đếm
 An trụ trong Phật Pháp
 Để cầu đạo Vô thượng.

Đức Phật thọ ký cho ngài La Hầu La. Ngài La Hầu La không phải vì sanh tử luân hồi, không phải vì nghiệp chướng với nhau mà làm con Thái tử Tất Đạt Đa, mà Ngài tới đây vì nguyện. Do vậy, không phải chỉ Đức Phật Thích Ca, mà những đời kiếp về sau ngài La Hầu La vẫn tiếp tục ra đời làm trưởng tử. Các vị tu thành Phật thì ngài La Hầu La vẫn tiếp tục tu theo nữa, cho tới khi Ngài thành Phật thì thôi. Đó là hạnh nguyện của ngài La Hầu La.

Nếu như Đức Phật ra đời xuất gia từ bé, không có gia đình, không có vợ con thì như vậy sẽ chỉ độ được phân nửa người thôi. Và chắc chắn tới giờ phút này những vị có gia đình không dám xuất gia. Do đó, Đức Phật phải thị hiện giữa cuộc đời này là một vị thái tử vẫn sống trong Ngũ dục, vẫn có vợ con bình thường như tất cả chúng sanh khác nhưng không nhiễm. Đó là bài học lớn cho chúng ta phải thấy. Do đó, sau này những người đã có gia đình rồi muốn xuất gia thì họ mạnh dạn phát tâm, vì ngày xưa thái tử Tất Đạt Đa cũng có gia đình rồi mới đi xuất gia tu hành chứng thành Phật quả.

Nếu Đức Phật thật sự là vị Bồ Tát từ cõi Trời Đạo Lợi xuống trần gian, rồi ấu niên xuất gia luôn để thành Phật thì thế gian này chỉ độ được phân nửa người như hiện nay vì những người có gia đình không thể phát tâm xuất gia tu hành. Chúng ta nên hiểu, đó là phương tiện khéo léo của vị Đại Bồ Tát chuẩn bị thành Phật ở cõi Ta Bà này. Chính vậy mà cả trần gian này, tất cả những người muốn tu đều có thể tu được và đều có thể giác ngộ Phật đạo.

Tất cả những vị thân cận Đức Phật cho tới giờ phút này như ngài A Nan và ngài La Hầu La được Đức Phật thọ ký, là những vị chưa chứng quả. Không phải các vị này gần gũi Đức Phật một đời, mà rất nhiều đời. Vì vậy cái nhìn của Phật giáo có thêm một điều thông thoáng nữa.

VĂN KINH

Bấy giờ, Đức Thế Tôn thấy bậc hữu học cùng vô học hai nghìn người, chí ý hòa dịu vắng lặng trong sạch, một lòng nhìn Phật, Phật bảo A Nan: Ông thấy bậc hữu học vô học hai nghìn người đây chăng?

Vâng! Con đã thấy.

A Nan! Các người sẽ cúng dường các Đức Như Lai như số vi trần trong năm mươi thế giới, cung kính tôn trọng hộ trì Pháp tạng. Rồi sau đồng thời ở cõi nước trong mười phương đều được thành Phật, đều đồng một hiệu là Bảo Tướng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, sống lâu một kiếp, cõi nước trang nghiêm, Thanh Văn, Bồ Tát, Chánh Pháp, Tượng Pháp thấy đều đồng nhau.

Lúc đó, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

**Hai nghìn Thanh Văn đây
 Nay đứng ở trước Ta
 Thấy đều thọ ký cho
 Đời sau sẽ thành Phật
 Cúng dường các Đức Phật
 Như số trần nói trên.
 Hộ trì Tạng Pháp Phật
 Sau sẽ thành Chánh giác
 Đều ở nơi mười phương
 Thấy đồng một danh hiệu
 Đồng thời ngồi đạo tràng
 Để chứng tuệ Vô thượng
 Đều hiệu là Bảo Tướng
 Cõi nước cùng đệ tử
 Chánh Pháp và Tượng Pháp
 Thấy đều không có khác.
 Đều dùng các thần thông
 Độ mười phương chúng sanh
 Tiếng đồn vang khắp cùng**

Lần nhập vào Niết Bàn.

Lúc đó, bậc hữu học cùng vô học hai nghìn người nghe Đức Phật thọ ký vui mừng hơn hở mà nói kệ rằng:

**Thê Tôn đèn tuệ sáng
Con nghe tiếng thọ ký
Lòng vui mừng đầy đủ
Nhu được rưới cam lộ.**

Đến đây trong Pháp hội Linh Sơn có người xuất gia, người chưa xuất gia, có nhiều người chứng Thánh nhưng cũng có nhiều người nghe Kinh Pháp Hoa vẫn không hiểu gì, đều được Đức Phật thọ ký. Điều này muốn khẳng định là tất cả chúng sanh cũng có khả năng thành Phật. Những vị này đều cúng dường vô lượng vô số vô biên Đức Phật. Khi đầy đủ công hạnh Bồ Tát rồi sẽ thành Phật. Những người công hạnh chưa đủ vẫn phải tiếp tục học Kinh Pháp Hoa, để khi đầy đủ công hạnh người đó được thành Phật.

Kết thúc phẩm Thọ Ký, Đức Phật khẳng định với chúng ta: Người chứng quả, người không chứng quả, người tu lâu, người tu mau, người mới nghe Pháp lần đầu, hoặc người đã nghe rất nhiều lần đều có khả năng thành Phật trong tương lai.

* * *

PHẨM “PHÁP SU” THỨ MƯỜI

VĂN KINH

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn nhân nói với Dược Vương Bồ Tát để bảo tám muôn Đại sĩ rằng: Dược Vương! Trong đại chúng đây vô lượng hàng chư Thiên, Long vương, Dạ xoa, Càn thát bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la đà, nhân cùng phi nhân và Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di, hạng cầu Thanh Văn, hạng cầu Bích Chi Phật, hạng cầu Phật đạo, các loại như thế đều ở trước Phật nghe Kinh Diệu Pháp Liên Hoa một bài kệ một câu, nhẫn đến một niệm tùy hỷ đó, Ta đều thọ ký cho sẽ được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Phật bảo Dược Vương: Lại sau khi Đức Như Lai diệt độ, nếu có người nghe Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, nhẫn đến một bài kệ, một câu, một niệm tùy hỷ đó, Ta cũng thọ ký đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác cho.

Nếu lại có người thọ trì đọc tụng, giải nói, biên chép Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, nhẫn đến một bài kệ, đối Kinh điển này cung kính xem như Phật. Các thứ cúng dường, hoa, hương, chuỗi ngọc hương bột, hương xoa, hương đốt, lọng lụa, tràng phan, y phục, kỹ nhạc, nhẫn đến chấp tay cung kính. Dược Vương nên biết! Các người trên đó đã từng cúng dường mười muôn ức Phật, ở chỗ các Đức Phật thành tựu chí nguyện lớn vì thương xót chúng sanh mà sanh vào nhân gian.

Dược Vương! Nếu có người hỏi những chúng sanh nào ở đời vị lai sẽ được làm Phật? Nên chỉ các người

trên đó ở đời vị lai ắt được làm Phật. Vì sao? Nếu có gã thiện nam, người thiện nữ nào ở nơi Kinh Pháp Hoa nhấn đến một câu, thọ trì, đọc tụng, giải nói biên chép. Các thứ cúng dường Kinh quyển, hoa, hương, chuỗi ngọc, hương bột, hương xoa, hương đốt lọng lụa, tràng phan, y phục, kỹ nhạc chấp tay cung kính. Người đó tất cả trong đời đều nên chiêm ngưỡng sùng phụng. Nên đem đồ cúng dường Như lai mà cúng đó. Phải biết người đó là Bồ Tát lớn thành xong đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì thương xót chúng sanh mà nguyện sanh trong đời để rộng nói phân biệt Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, huống lại người trọn hay thọ trì và các thứ cúng dường.

Dược Vương nên biết! Người đó tự bỏ nghiệp báo thanh tịnh sau khi Ta diệt độ vì thương chúng sanh mà sanh nơi đời ác, rộng nói Kinh này. Nếu người thiện nam, người thiện nữ đó, sau khi Ta diệt độ có thể riêng vì một người nói Kinh Pháp Hoa, nhấn đến một câu, phải biết người đó là sứ của Như Lai, Đức Như Lai sai làm việc của Như Lai, huống là ở trong đại chúng rộng vì người nói.

Dược Vương! Nếu có người ác dùng tâm không lành ở trong một kiếp hiện ở trước Phật thường chê mắng Phật, tội đó còn nhẹ. Nếu có người dùng một lời dữ chê mắng người tại gia hay xuất gia đọc tụng Kinh Pháp Hoa, tội đây rất nặng.

Tới đây chúng ta tiếp tục có phần. Đức Phật khẳng định thêm một lần nữa, tất cả những người trong Pháp hội Đức Phật, ngoài hàng chư Thiên, Long vương, Dạ xoa, Càn thát bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la đà, Nhân cùng Phi nhân, Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di, hạng

cầu Thanh Văn, hạng cầu Bích Chi Phật, hạng cầu Phật đạo, những vị có mặt và những vị không có mặt nghe Pháp đều được Đức Phật thọ ký. Và sau này người nào chỉ cần đọc một câu kệ trong Kinh Pháp Hoa thôi cũng được Phật thọ ký. Như vậy chúng ta đã đọc không biết bao nhiêu bài kệ, chúng ta đã từng tụng Kinh Pháp Hoa, đã từng nghe giảng Pháp Hoa, là chúng ta được dự phần thọ ký của Đức Phật.

Đức Phật khen tặng và khuyên chúng ta gặp Kinh Pháp Hoa mà kính trọng, tôn thờ và cúng dường bằng hương hoa thì phước báo chúng ta vô cùng lớn, chắc chắn trong tương lai chúng ta sẽ thành Phật. Có điều đặc biệt, Đức Phật nói, nếu như chúng ta giận chê bai Đức Phật không bằng chúng ta giận chê bai người trì Kinh Pháp Hoa. Vì sao? Đây là điều rất khó hiểu.

Thời Đức Phật tại thế có nhóm ngoại đạo đang tu tập, khi Đức Phật đến vùng đó giáo hóa thì tất cả đệ tử của ngoại đạo được thức tỉnh theo Đức Phật tu học. Vị Thầy trong nhóm đó giận Đức Phật. Một hôm, vị ấy biết Đức Phật đang đi trên con đường làng thì ông ta ra giữa đường ngồi, Đức Phật đến ông vẫn ngồi yên, cố tình ngăn cản không cho Đức Phật đi qua. Khi ấy Đức Phật đi tới hỏi: *“Sao người lại ngồi cản đường Ta?”* Ông nghiêng răng không trả lời. Đức Phật hỏi lại lần thứ hai, ông cũng không trả lời. Đức Phật nói: *“Người nhìn ở trên đi, nếu ta hỏi câu nữa người không trả lời thì đầu người sẽ vỡ làm bảy mảnh”*. Lúc đó ông ngược nhìn trên không thì thấy đại thần Kim Cang đang cầm cái chày đưa lên, ông sợ hãi và thưa Đức Phật: *“Dạ thưa Cù Đàm! Ngài nói gì con xin nghe vậy”*.

Chúng ta thấy đức độ của Đức Phật không phải chỉ bốn vị đại thần Kim Cang theo hộ vệ, mà là hằng hà sa số chư Phật mười phương hộ niệm. Vì vậy, nếu một người tôn

trọng cung kính Đức Phật thì phước báo người đó rất lớn. Và chỉ một niệm không tôn trọng Đức Phật thôi thì phước báo chúng ta sẽ bị tổn giảm rất nhiều. Vậy mà ở đây Đức Phật nói: *“Nếu có người ác dùng tâm không lành ở trong một kiếp hiện ở trước Phật thường chê mắng Phật, tội đó còn nhẹ. Nếu có người dùng một lời dữ chê mắng người tại gia hay xuất gia đọc tụng Kinh Pháp Hoa, tội đây rất nặng”*. Đây là ý gì? Mình từng tụng Kinh Pháp Hoa, mình từng bị người ta chê mắng rồi nhưng sao mấy người đó vẫn còn tro tro không có bị tội báo gì. Như vậy Đức Phật nói điều này đúng hay sai?

Đức Phật nói rất rõ, nếu như bây giờ chúng ta không hiểu Đức Phật, không tôn trọng Đức Phật thì ngày nào đó chúng ta sẽ hiểu, ngày nào đó chúng ta sẽ tôn trọng. Một chúng sanh si mê họ không biết gì về Đức Phật, họ chê mắng Đức Phật thì tội lỗi không có bao nhiêu, vì họ sẽ có điều kiện để quay lại. Đối với chư Phật đầy lòng từ bi thì ai đối diện với Đức Phật nói lời nặng hoặc nói lời nhẹ đều là gieo duyên với Đức Phật, trước sau gì cũng được Đức Phật độ.

Nhưng người trì Kinh Pháp Hoa, không có nghĩa là chúng ta đọc bản Kinh này, không có nghĩa là chúng ta tụng bản Kinh này, không có nghĩa chúng ta học thuộc Kinh này. Mà người trì Kinh Pháp Hoa là người đang sống với Tri Kiến Phật, đang trân trọng Tri Kiến Phật. Vì Tri Kiến Phật là mẹ sanh ra ba đời mười phương tất cả chư Phật. Nếu chúng ta chê bai người trì Kinh Pháp Hoa tức là chúng ta đang chê bai Tri Kiến Phật. Người chê bai Tri Kiến Phật là không được thành Phật, tội đó vô cùng nặng. Chúng ta không ngộ Tri Kiến Phật, không trở về sống bằng Tri Kiến

Phật thì chúng ta không cách nào giác ngộ đạo lý cả. Và tiếp tục trầm luân trong sanh tử.

Đối với Đức Phật thì người đó hiểu biết hay không hiểu biết, không tôn trọng Đức Phật thì người đó có tội chứ không phải là không nhưng với lòng từ bi của Đức Phật nên Ngài bao dung và nhiếp thọ những chúng sanh đó được giác ngộ giải thoát. Như ngài Angulimala rượt chém Đức Phật nhưng càng rượt khoảng cách với Đức Phật càng xa, ông kêu lên: *“Cù Đàm, ông đứng lại”*. Đức Phật nói: *“Ta đã đứng lại lâu lắm rồi, chỉ có người là chưa đứng lại mà thôi”*. Nhờ câu khai thị trên mà ngài Angulimala nhận ra được đạo lý, buông gươm, quỳ xuống, đánh lễ Đức Phật xin được xuất gia. Vì lòng từ bi mà Đức Phật độ ngài Angulimala trong đời đó chứng quả A La Hán.

Lúc chưa hiểu Đức Phật, chúng ta có thái độ không tốt thì lỗi lầm không có là bao, trước sau gì cũng được Phật độ. Đối với Đức Phật dù có thái độ nào cũng không ảnh hưởng tới Ngài và không dính dấp gì tới tâm từ của Ngài. Đức Phật không bao giờ thay đổi vì chuyện chúng ta chê mắng Phật. Dù chúng ta cung kính hay chúng ta chê mắng thì Đức Phật vẫn thương chúng ta.

Trì Kinh Pháp Hoa có nghĩa là cả ngày lẫn đêm chúng ta sống đúng với Trì Kiến Phật. Trì Kiến Phật là cái thấy biết không thông qua bất kỳ kiến thức nào, không thông qua bất kỳ ý tưởng nào. Ngay nơi chúng ta thấy, ngay nơi chúng ta nghe thì chỗ đó trong lặng, sáng suốt để rõ biết tất cả mọi cái thì đó là Trì Kiến Phật. Và trong suốt cuộc đời còn lại chúng ta thấy như vậy, chúng ta nghe như vậy, chúng ta tiếp xúc duyên cảnh như vậy thì chúng ta luôn sống bằng Trì Kiến Phật. Hay nói khác hơn, chúng ta trì Kinh Pháp Hoa trong đi đứng nằm ngồi, trong cái thấy nghe động dụng,

chạm mắt chạm tai đều như thế mà chạm, rõ ràng như thế mà nghe, như thế mà thấy trong mọi thời mọi lúc là chúng ta đang trì Kinh Pháp Hoa.

Người nào trì Kinh Pháp Hoa được như vậy thì chúng ta nên hướng đến người đó mà lễ lạy cúng dường. Vì người đó xứng đáng được Trời, Người cúng dường. Người đó chắc chắn sẽ được thành Phật. Do đó, nếu ai chê mắng người trì Kinh Pháp Hoa thì người đó đang chê mắng Tri Kiến Phật. Người đó không chấp nhận Tri Kiến Phật, có nghĩa người đó không chấp nhận khả năng thành Phật của chính mình. Người không nhận được Tri Kiến Phật thì việc trầm luân sanh tử sẽ tiếp nối hoài không bao giờ dứt.

VĂN KINH

Được Vương! Có người đọc tụng Kinh Pháp Hoa, phải biết người đó dùng đức trang nghiêm của Phật tự trang nghiêm mình, thời được Như Lai dùng vai mang vác. Người đó đến đâu, mọi người nên hướng theo làm lễ, một lòng chấp tay cung kính cúng dường, tôn trọng, ngợi khen: hoa, hương, chuỗi ngọc, hương bột, hương xoa, hương đốt, lọng nhiễu, tràng phan, y phục, đồ ngon, trỗi các thứ kỹ nhạc, đồ cúng bậc thượng của trong loài người mà đem cúng dường cho người đó, nên cầm hoa báu trời mà rải cúng đó, nên đem đồng báu trên trời dâng cho đó.

Vì sao? Người đó hoan hỷ nói Pháp, giấy lát nghe Pháp liền được rớt ráo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác vậy.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

Nếu muốn trụ Phật đạo
 Thành tựu trí tự nhiên
 Thường phải siêng cúng dường
 Người thọ trì Pháp Hoa.
 Có ai muốn mau được
 Nhất thiết chủng trí tuệ
 Nên thọ trì Kinh này
 Và cúng dường người trì.
 Nếu người hay thọ trì
 Kinh Diệu Pháp Liên Hoa
 Nên biết là sứ Phật
 Thương nhớ các chúng sanh
 Những người hay thọ trì
 Kinh Diệu Pháp Liên Hoa
 Xa bỏ cõi thanh tịnh
 Thương chúng nên sanh đây
 Phải biết người như thế
 Chỗ muốn sanh tự tại
 Ở nơi đời ác này
 Rộng nói Pháp Vô thượng,
 Nên đem hoa, hương trời
 Và y phục, báu trời
 Đổng báu tốt trên trời
 Cúng dường người nói Pháp
 Đời ác, sau Ta diệt
 Người hay trì Kinh này
 Phải chấp tay lễ kính
 Như cúng dường Thế Tôn,
 Đồ ngon ngọt bậc thượng
 Và các món y phục
 Cúng dường Phật tử đó
 Mong được giây lát nghe.
 Nếu người ở đời sau

**Hay thọ trì Kinh này
Ta khiến ở trong người
Làm việc của Như Lai.
Nếu ở trong một kiếp
Thường ôm lòng chẳng lành
Đổ mắt mà mắng Phật
Mắc vô lượng tội nặng
Có người đọc tụng trì
Kinh Diệu Pháp Hoa này
Giây lát dùng lời mắng
Tội đây còn hơn kia.
Có người cầu Phật đạo
Mà ở trong một kiếp
Chấp tay ở trước Ta
Dùng vô số kệ khen
Do vì khen Phật vậy
Được vô lượng công đức.
Khen ngợi người trì Kinh
Phước đây lại hơn kia.
Trong tám mươi ức kiếp
Dùng sắc thanh tối diệu
Và cùng hương, vị, xúc
Cúng dường người trì Kinh
Cúng dường như thế rồi
Mà được chốc lát nghe
Thời nên tự mừng vui
Nay Ta được lợi lớn
Được Vương! Nay bảo ông
Các Kinh của Ta nói
Mà ở trong Kinh đó
Pháp Hoa tốt thứ nhất.**

Đức Phật nói lại ý trước. Đức Phật khuyến khích chúng ta cúng dường người trì Kinh Pháp Hoa.

Chúng tôi hay dùng từ rất bình dân là không có chuẩn bị. Không có chuẩn bị để thấy mà chúng ta thấy tất cả mọi cái. Không có chuẩn bị để nghe mà chúng ta nghe tất cả mọi điều. Chúng ta không có chuẩn bị, cái gì hiện trước tầm mắt chúng ta rõ ràng nhận biết như vậy. Khi cái đó vừa khuất qua thì chúng ta lại thấy cái khác, rất nhanh chóng và không lưu giữ bất kỳ một hình bóng trước nào, như vậy là chúng ta trì Kinh Pháp Hoa.

Khi chúng ta nghe âm thanh thì âm thanh thứ nhất chúng ta nghe rất rõ ràng, khoảng giữa hai âm thanh chúng ta vẫn nghe rõ ràng không âm thanh, rồi đến âm thanh thứ hai chúng ta vẫn nghe rất rõ ràng, cứ như thế có âm thanh và không có âm thanh chúng ta đều nghe rõ ràng không lằm lẩn. Cái nghe luôn nghe rõ ràng, không dính mắc ở có âm thanh hay không âm thanh. Được như vậy là chúng ta trì Kinh Pháp Hoa.

Như vậy lục căn chúng ta tiếp xúc lục trần một cách linh diệu, sáng suốt, rõ ràng là từng giờ từng phút từng giây chúng ta đang trì Kinh Pháp Hoa. Nếu người nào trì được như vậy, chúng ta nên hướng về người đó đem hoa, hương, chuỗi ngọc, hương bột, hương xoa, hương đốt, lọng nhiễu, tràng phan, y phục, đồ ngon chọn các thứ kỹ nhạc, đồ cúng bậc thượng trong loài người mà đem cúng dường cho người đó. Vì người đó chuẩn bị thành Phật rồi.

VĂN KINH

Lúc bấy giờ, Phật lại bảo ngài Dược Vương Đại Bồ Tát: Kinh điển của Ta nói nhiều vô lượng nghìn muôn ức, đã nói, hiện nói, sẽ nói, mà ở trong đó Kinh Pháp Hoa rất là khó tin khó hiểu.

Dược Vương! Kinh này là tạng bí yếu của các Đức Phật, chẳng có thể chia bửa vọng trao cho người. Kinh đây là của các Đức Phật giữ gìn từ xưa đến nay chưa từng bày nói, mà chính Kinh này khi Như Lai đương hiện tại còn nhiều kẻ oán ghét, huống là sau lúc Phật diệt độ.

Dược Vương nên biết! Sau khi Như Lai diệt độ, người nào có thể biên chép, thọ trì, đọc tụng, cúng dường vì người khác mà nói, thời được Như Lai lấy y trùm đó, lại được các Đức Phật hiện tại ở phương khác hộ niệm cho. Người đó có sức tin to lớn và sức chí nguyện, các sức căn lành, phải biết người đó cùng Như Lai ở chung, được Đức Như Lai lấy tay xoa đầu.

Có ai tụng Kinh được Đức Phật xoa đầu chưa? Chúng ta thấy tuyệt vời là Đức Phật nói: chính trong thời Đức Phật thuyết Kinh Pháp Hoa đã là khó rồi, người nào đủ duyên lành để một lần được nghe Kinh Pháp Hoa cũng là khó trong đời, và người nào được nghe Kinh Pháp Hoa là người hơi quý rồi đó. Tức là duyên lành chúng ta rất lớn, chúng ta mới được nghe. Và hơn nữa chúng ta tin hiểu Kinh Pháp Hoa ngoài Đức Thế Tôn ra thì còn được chư Phật mười phương hộ niệm. Đức Phật nói là Ngài sẽ lấy y trùm cho, rồi Đức Phật hộ niệm cho và người đó là người ở chung với Đức Phật.

Chúng ta có ở chung với Đức Phật lần nào chưa? Rõ ràng từ xưa tới nay chúng ta chưa bao giờ rời Đức Phật cả. Nếu chúng ta hiểu điều này thì không có phút giây nào chúng ta có thể sống rời được Đức Phật. Vì chúng ta không hay không biết, vậy thôi. Đức Phật khẳng định người nào đọc tụng Kinh Pháp Hoa, hiểu Kinh Pháp Hoa, trì Kinh Pháp Hoa là người đó sống bằng cái Như Như Tự Tánh, từng giờ từng phút từng giây ở trong cuộc sống này. Rõ ràng là cái Như Như đó chưa từng mất với mình.

Ví dụ nãy giờ chúng ta nói rất nhiều tiếng thì tất cả những tiếng nói ra nó không còn tại đây nhưng chúng ta vẫn tiếp tục nghe như vậy nữa. Âm thanh thay đổi, thời gian thay đổi, không gian thay đổi nhưng cái Như Như rõ ràng này nó vẫn hiện tiền với mình ở đây, chưa có phút nào tạm vắng. Cái rõ ràng này nó luôn hiện với chúng ta, dù chúng ta có chấp nhận hay không chấp nhận thì nó vẫn như vậy, như vậy mà đi, như vậy mà đứng, như vậy mà ngồi, như vậy mà nằm. Có nhận hay không nhận thì cái như vậy nó vẫn luôn hiển hiện.

Lúc chúng ta buồn thì chúng ta cũng như vậy rõ chuyện chúng ta đang buồn. Lúc chúng ta vui chúng ta cũng đang như vậy mà rõ chuyện mình đang vui. Lúc chúng ta đang ngồi tại đây thì chúng ta cũng như vậy mà rõ biết cái đang hiện hữu. Như vậy là không lúc nào Như Lai rời chúng ta cả, chỉ là chúng ta không nhận ra mà thôi. Đừng nghĩ trong lúc chúng ta vô minh đăm mê dục lạc, mà che khuất Tự Tánh. Vì Tự Tánh chưa có một lần bị che khuất. Tự Tánh từ ngàn xưa cho đến ngàn sau luôn hiển lộ mà chúng ta không nhận ra nổi nên chúng ta sống theo ý niệm mà phải chấp nhận làm mê tiếp nối.

Chúng sanh đang đắm mê trong trần tục, chúng sanh đang làm việc ác thì Như Lai vẫn đang hiển hiện. Nếu không có Như Lai thì không có chúng sanh đang ngồi đây. Nếu không có Như Lai thì không có chuyện thiện và chuyện ác xảy ra trong trần gian này. Nếu một phen nhận ra được Như Lai thường hiện hữu thì thẳng đến quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Còn người không nhận ra được Như Lai thì lao theo dục nghiệp của mình tiếp tục sanh tử, chỉ vậy thôi.

Khi nhận ra Tri Kiến Phật thì đại bi tâm mở ra. Đây là điều rất đặc biệt. Nếu người nào nói ngộ đạo rồi mà sống còn có một ý niệm cách ly với mọi người thì biết người đó chưa ngộ đạo. Người nhận ra Tri Kiến Phật thì điều đầu tiên xảy ra là tình cảm thương yêu tất cả chúng sanh muôn loài. Và có sự thông cảm rất tuyệt đối với sự lầm mê sanh tử của chúng sanh. Nếu đại bi tâm chưa xảy ra liền là người đó chưa thật sự triệt ngộ đạo lý.

Ngày xưa Tổ nói: “*Bi tâm tức hành*”. Điều này rất đúng. Vì Tri Kiến Phật trùm khắp mười phương pháp giới, trong đó tất cả chúng sanh đều ở trong Tri Kiến Phật. Chúng sanh có một chút đau khổ thì Tri Kiến Phật liền hay biết sự đau khổ đó của chúng sanh, nên khởi đại bi tâm thương yêu và thông cảm, muốn họ nhận ra Tri Kiến Phật để thoát khổ, cho nên tìm đủ mọi phương tiện để cứu giúp chúng sanh thoát khỏi lầm mê sanh tử, đó là trì Kinh Pháp Hoa.

Tri Kiến Phật đã phủ trùm pháp giới này rồi, luôn bao bọc, che chở, dìu dẫn chúng ta từ ngàn xưa cho tới bây giờ. Chúng ta luôn ở trong vòng tay thương yêu của chư Phật, chúng ta đang sống trong cái thanh bình đó từ ngàn xưa cho tới bây giờ, chưa lúc nào chúng ta thoát ra ngoài Tri Kiến Phật đó được. Nếu chúng ta không còn ý niệm so sánh phân

biệt, không còn ý niệm chọn lựa lấy bỏ thì chúng ta đang yên ở trong Phật Tri Kiến thanh tịnh sáng suốt rỗng lặng của chính mình.

Chúng ta nên biết không có phút giây nào mà Như Lai không hiển hiện trong Tam giới này. Nói sống chung chứ thật ra chúng ta đang ở trong Như Như Tự Tánh mà sống. Nếu phút giây nào đó chúng ta cảm thấy mình mệt mỏi với việc hưởng ngoại, mình thôi đi việc tham tài, sắc, danh, thực, thù thì phút giây đó chúng ta trở về hòa nhập trong Tri Kiến Phật của chính mình rồi. Cho nên lúc nào chúng ta cũng ở trong Như Lai Tự Tánh không còn riêng biệt với tất cả vạn pháp, do vậy Đức Phật nói: *“Người đó cùng Như Lai ở chung, được Đức Như Lai lấy tay xoa đầu”* là chúng ta đang hòa nhập và tan biến thành Tri Kiến Phật.

VĂN KINH

Được Vương! Nơi nơi, chỗ chỗ, hoặc nói, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc chép, hoặc chỗ có quyển Kinh này đều nên dựng tháp bằng bảy thứ báu cho tốt cao rộng đẹp đẽ, chẳng cần để Xá lợi.

Vì sao? Vì trong đó đã có toàn thân của Đức Như Lai rồi. Tháp đó nên dùng tất cả hoa, hương, chuỗi ngọc, lọng lụa, tràng phan, kỹ nhạc, ca tụng, lễ cúng dường cung kính tôn trọng ngợi khen. Nếu có người thấy được tháp này mà lễ lạy cúng dường, phải biết những người đó đều gần đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Được Vương! Có rất nhiều người tại gia cùng xuất gia làm đạo Bồ Tát, nếu chẳng có thể thấy nghe, đọc tụng, biên chép thọ trì, cúng dường được Kinh Pháp Hoa này, phải biết người đó chưa khéo tu đạo Bồ Tát. Nếu có người được nghe Kinh điển này, mới là khéo tu

đạo Bồ Tát. Có chúng sanh nào cầu Phật đạo hoặc thấy hoặc nghe Kinh Pháp Hoa này, nghe xong tin hiểu thọ trì, nên biết người đó được gần đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Dược Vương! Thí như có người khát tìm nước ở nơi gò cao kia xoi đào tìm đó, vẫn thấy đất khô biết rằng nước còn xa, ra công đào không thôi, lần thấy đất ướt rồi thấy đến bùn, tâm người đó quyết chắc biết rằng nước ắt gần.

Bồ Tát cũng lại như thế, nếu chưa nghe chưa hiểu chưa có thể tu tập Kinh Pháp Hoa này, phải biết người đó cách đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác còn xa.

Nếu được nghe hiểu suy gẫm tu tập Kinh này, thời chắc biết được gần đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Vì sao? Vì đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của Bồ Tát đều thuộc Kinh này, Kinh này mở môn phương tiện bày tướng chân thật. Tạng Kinh Pháp Hoa này, xa kín nhiệm sâu không có người đến được, nay Phật vì giáo hóa để thành tựu Bồ Tát mà chỉ bày cho.

Dược Vương! Nếu có Bồ Tát nghe Kinh Pháp Hoa này mà kinh nghi sợ sệt, phải biết đó là Bồ Tát mới phát tâm. Nếu hàng Thanh Văn nghe Kinh này mà kinh nghi sợ sệt, phải biết đó là hàng tăng thượng mạn.

Đức Phật ca tụng người trì Kinh Pháp Hoa. Và Đức Phật khẳng định người nào tu chưa một lần nghe Kinh Pháp Hoa, mà nói người đó hành hạnh Bồ Tát thì Đức Phật không chấp nhận. Cho nên người nào có lần nghe, đọc tụng thọ trì Kinh

Pháp Hoa, rồi chính người đó đang hành hạnh Bồ Tát giữa trần gian này thì Đức Phật chấp nhận.

Chúng ta đang là phàm phu, chúng ta cũng còn nhiều tham sân si nhưng rõ ràng chúng ta đang học Kinh Pháp Hoa, có nghĩa chúng ta đang bắt đầu hành hạnh Bồ Tát để thành Phật. Cho nên, người nào tu theo đạo Phật mà chưa thọ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa, chưa hiểu được Kinh Pháp Hoa thì người đó chưa thể thành Phật được.

Đức Phật ví dụ như người đào giếng khi thấy đất bùn ướt là biết gần tới nước rồi. Cũng như việc tu tập mà chúng ta bắt đầu trì Kinh Pháp Hoa, dần dần sẽ hiểu Kinh Pháp Hoa và tu đúng với Kinh Pháp Hoa thì biết đạo lực chúng ta tiến bộ. Lúc đó chúng ta thông hiểu và sống được bằng Kinh Pháp Hoa thì biết chắc rằng quả vị Phật sẽ không còn xa với chính mình. Đó là điều chắc chắn.

Cho nên người được học Kinh Pháp Hoa, chúng tôi nói là người quý hiếm thật sự. Rõ ràng là Bồ Tát ngồi đây hết rồi phải không? Nếu mai kia một nọ mà vị Bồ Tát nào được tiếp tục nghe Kinh Pháp Hoa nữa thì biết vị đó chuẩn bị thành Phật rồi. Nếu chúng ta thọ trì đọc tụng và hiểu được Kinh Pháp Hoa thì biết quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác với chúng ta không còn xa lắm.

VĂN KINH

Được Vương! Nếu có người thiện nam, người thiện nữ nào, sau khi Đức Như Lai diệt độ muốn vì hàng bốn chúng mà nói Kinh Pháp Hoa này thời phải nói cách thế nào? Người thiện nam, thiện nữ đó phải vào nhà Như Lai, mặc y Như Lai, ngồi tòa Như Lai, rồi mới nên vì bốn chúng mà rộng nói Kinh này.

Nhà Như Lai chính là tâm từ bi lớn đối với trong tất cả chúng sanh, y Như Lai chính là lòng nhu hòa nhẫn nhục, tòa Như Lai chính là Nhất Thiết Pháp Không. An trụ trong đây, sau rồi dùng tâm không biếng trễ vì các Bồ Tát và bốn chúng rộng nói Kinh Pháp Hoa này.

Được Vương! Bấy giờ Ta ở nước khác sai hàng hóa nhân làm chúng nhóm nghe Pháp của người đó, Ta cũng sai hóa Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di nghe người đó nói Pháp. Các người biến hóa đó nghe Pháp tin nhận thuận theo không hề trái. Nếu người nói Pháp ở chỗ vắng vẻ, Ta liền sai nhiều Trời, Rồng, Quỷ, Thần, Càn thất bà, A tu la v.v... nghe người đó nói Pháp. Ta dầu ở nước khác nhưng luôn luôn khiến người nói Pháp đó được thấy thân Ta. Nếu ở trong Kinh này quên mất câu lối, Ta lại vì nói cho đó được đầy đủ.

Sau khi Đức Phật khen ngợi người trì Kinh, rồi khuyến khích mọi người tôn trọng thờ phụng bản Kinh này giống như thờ Đức Như Lai vậy. Bản Kinh này ở đâu chúng ta xây tháp thờ thì quý hơn là thờ Xá lợi Phật, vì trong đó đã có toàn thân Như Lai.

Đức Phật khẳng định sau khi Đức Như Lai diệt độ, người nào muốn vì hàng bốn chúng mà nói Kinh Pháp Hoa thì người đó phải vào nhà Như Lai, mặc y Như Lai, ngồi tòa Như Lai rồi mới nên vì bốn chúng mà rộng nói Kinh này.

“Nhà Như Lai chính là tâm từ bi lớn đối với tất cả chúng sanh. Y Như Lai chính là lòng nhu hòa nhẫn nhục. Tòa Như Lai chính là Nhất Thiết Pháp Không”. Đây là ba điều hết sức quan trọng đối với người giảng nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

“*Nhà Như Lai chính là tâm từ bi lớn đối với tất cả chúng sanh*”: Không phải riêng Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, mà tất cả những bản Kinh khác, tất cả những lời nói của chư Phật, nếu chúng ta muốn trùng tuyên cho người khác nghe mà chúng ta không có lòng từ bi mà nói thì chắc chắn chúng ta không bao giờ nói hết ý của Phật. Vì sao? Nếu không có lòng từ bi thật sự thì không thể hiểu được lời nói của chư Phật.

Người nhận được Tri Kiến Phật thì tự động lúc đó tâm họ thông cảm tuyệt đối với tất cả chúng sanh ở mười phương pháp giới. Trong lúc chúng ta thông cảm đó là lúc chúng ta khởi từ bi tâm thật sự, lúc đó mới gọi là có từ bi, chứ không phải chúng ta ngồi quán thương người này, quán thương người kia thì chưa đúng nghĩa từ bi trong đạo Phật.

Người giảng nói Kinh điển, ngoài việc để cho thính chúng nhận ra chân lý, để họ sống đúng với chân lý thẳng tới quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đồng thời phá đi cái mê ngàn đời ngàn kiếp của chúng sanh, ngoài ra họ không còn một ý niệm nào khác để có thể giảng nói Kinh điển nữa thì người đó đang nói đúng với tinh thần Kinh Pháp Hoa. Đó là tiêu chuẩn thứ nhất Đức Phật đặt ra.

Khi chúng ta chưa đủ tâm từ bi, chưa có lòng tuyệt đối thông cảm với tất cả chúng sanh thì khoan hãy nói Kinh Pháp Hoa. Vì chưa một lần nhận ra Phật Tri kiến thì chúng ta không thoát ra khỏi cái ngã của mình. Và không thoát ra khỏi ngã của mình thì làm bất cứ chuyện gì thấy in tuồng như chúng ta làm việc đó cho chúng sanh nhưng bên sau đó lại bồi đắp bản ngã mà thôi, chứ không phải vì chúng sanh để mà làm.

Một Pháp sư muốn giảng nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa thì đòi hỏi người đó phải đủ tâm từ bi đối với tất cả chúng sanh trong mười phương pháp giới. Tâm từ bi được xuất hiện sau lần người đó chết đi cái ngã chấp của chính mình. Người đó phải nhận ra Tri Kiến Phật thì đại bi tâm mới bắt đầu có ra và mới đủ tư cách giảng Kinh Pháp Hoa.

“*Y Như Lai chính là lòng nhu hòa nhẫn nhục*”: Chúng ta học từ trước tới giờ cứ nghĩ nhẫn là người ta nói nặng mình, mình ráng nhịn. Hoặc gặp chuyện trái ý nghịch lòng chúng ta không cự lại, ai hơn thua với mình mình nhịn không nói câu nào. Như vậy là nhẫn chưa? Nhẫn như vậy thì chưa phải như Kinh Pháp Hoa nói. Người nào hiểu Kinh Pháp Hoa mới hiểu cái an nhẫn trong đạo Phật.

Chúng ta luôn an trú trong cái rõ ràng hay biết mà không có ý niệm phát sanh ra. Chúng ta an trú chỗ rỗng lặng thanh tịnh đó để rồi nghe mà chúng ta không thêm ý niệm nào. Chúng ta không thêm thắt trong khi đối duyên xúc cảnh, chỉ thuần cái rõ biết ngoại duyên mà thôi thì tới chừng đó mới gọi là đạt Vô Sanh Nhẫn.

Chúng ta an nhẫn trong cái vô sanh đó để chúng ta sống. Sống trong cái vô sanh, có nghĩa sống không sanh ra ý niệm trong từng giờ từng phút từng giây của cuộc sống này. Tức là bằng cái vô sanh chúng ta nhẫn, chứ không phải nhẫn vì chúng ta nhịn người khác. Chúng ta an trú trong chỗ vô sanh đó để sống với trần gian này, mà không còn ý niệm chấp trước, gìn giữ, hơn thua và hướng ngoại. Chúng ta không còn hướng ra bên ngoài để tìm cầu nữa thì như vậy chúng ta an trú trong chỗ vô sanh. Phải đạt tới trình độ đó thì mới gọi là Vô sanh nhẫn.

Trong cái vô sanh đó nó không phải bao phủ mình, mà nó lại bao trùm tất cả chúng sanh nữa. Và trong cái vô sanh đó nó sanh vô lượng phước điền, cho nên gọi là “y Như Lai”. Bằng cái vô sanh đó chúng ta sống thì không có phút giây nào mà không tạo phước điền giữa trần gian này. Không có phút giây nào không làm lợi lạc cho tất cả chúng sanh. Do đó mới gọi là mặc y Như Lai.

Trong mười hiệu của chư Phật có hiệu Ứng Cúng, Như Lai cũng ứng đầy đủ cho chúng sanh mọi nhu cầu cần thiết. Do đó, cái Như Lai mặc dù chúng ta thấy nó không có hình tướng, không có bóng dáng gì nhưng không có giờ phút nào không sanh Pháp tướng. Không có phút giây nào không sanh công đức cả.

Khi Lục Tổ Huệ Năng lúc còn là cư sĩ họ Lư, đến đạo tràng Hoàng Mai lễ bái Ngũ tổ. Tổ hỏi: *“Người từ phương nào đến, muốn cầu vật gì”*. Cư sĩ họ Lư đáp: *“Đệ tử là dân Tân Châu thuộc Lĩnh Nam, từ xa đến lễ Thầy, chỉ cầu làm Phật, chớ không cầu gì khác!”* Tổ bảo: *“Người là người Lĩnh Nam, lại là người quê mùa, làm sao kham làm Phật?”* Cư sĩ họ Lư liền đáp: *“Người tuy có Nam Bắc nhưng Phật tánh vốn không có Nam Bắc, thân quê mùa này cùng với Hòa thượng chẳng đồng nhưng Phật tánh đâu có sai khác”*.

Ngũ tổ muốn cùng Ngài nói chuyện, lại thấy đồ chúng hai bên đông, mới bảo theo chúng làm công quả. Cư sĩ họ Lư thưa: *“Đệ tử xin bạch Hòa thượng, tự tâm đệ tử thường sanh trí tuệ, không lìa Tự Tánh tức là phước điền, chưa biết Hòa thượng dạy con làm việc gì?”*

Như Lai có nghĩa là lúc nào người đó sống là lúc người đó sanh công đức để lợi lạc khắp tất cả chúng sanh. Có nghĩa lúc nào chúng ta ở trong Vô Sanh Nhẫn thì lúc đó

chúng ta làm lợi lạc khắp chúng hữu tình, lúc đó phước đức của chúng ta tăng lên và những người có liên hệ với chúng ta cũng phải tăng phước báo lên nữa. Như vậy là chúng ta đang đáp y Như Lai. Nếu đáp y Như Lai một ngày không làm lợi lạc người khác thì biết chúng ta chưa phải là đáp y Như Lai đúng nghĩa.

An trú trong cái vô sanh thì luôn sanh phước điền, vì trong vô sanh đó không phải là nói lời này để độ tất cả những người còn sống đây thôi, mà chúng ta làm lợi lạc tất cả những cõi giới khác nữa. Nếu một người thật sự sống bằng Tri Kiến Phật, an trú trong cõi vô sanh rồi thì giấc ngủ của họ cũng làm lợi lạc cho chúng hữu tình nữa, đừng nói là thức để thuyết Pháp. Do đó mới gọi là mặc y Như Lai.

“*Tòa Như Lai chính là Nhất Thiết Pháp Không*”: Có nghĩa chỗ chúng ta đang tọa, chỗ chúng ta đang trú, chỗ tất cả các pháp là Không. Bây giờ nếu chúng ta còn thấy mình đang nghe âm thanh thì các pháp chưa thành không được. Chúng ta còn có vật đang bị mình thấy thì lúc đó chúng ta chưa trú tất cả các pháp là Không. Trú tất cả các pháp là Không, không có nghĩa là không có tất cả những hình tướng, không có tất cả những âm thanh. Có tất cả những hình tướng, âm thanh hiện hữu mà không có mình trong đó để nghe âm thanh nhưng âm thanh đang lỏng lẻo trong cái đang nghe và mọi thứ đang hiện trong cái tuệ tri hằng hữu của chính mình.

Nếu chúng ta an trú chỗ vô sanh, tức là chúng ta an trú chỗ tất cả các pháp là Không. Chúng ta đang ngồi trong đó, chúng ta đang trú ngụ trong đó để chúng ta thấy nghe trong từng giờ từng phút từng giây, tức là chúng ta đang nghe tất cả các pháp là Không. Tất cả các pháp chúng ta nghe không

phải nó mất nó mới thành Không. Chúng ta phải hiểu điều này, rồi chúng ta sẽ hiểu lý Sắc Không của Kinh Bát Nhã.

Nếu một người thấy tất cả cảnh duyên mà không hề có ý niệm nào, không có thái độ mình đang thấy, không có thái độ mình đang nghe, mà đang rõ ràng như vậy. Cái rõ ràng đó không phải là có người chủ đang thấy khách bên ngoài. Không hề có cái cách ngăn đó, mà cái gì hiện ra thì nó hiện ra mà thôi. Âm thanh đang hiện ra thì đang rõ ràng âm thanh như vậy mà thôi, không có cái gì khác, đó là tất cả các pháp Không.

Chúng ta đang an trú, đang tọa trong tòa Bồ đề đó thì gọi là chúng ta đang ngồi trong tòa Như Lai. Tức là không đi đâu, không về đâu. Không hề có cái gì xảy ra trước đó, sau đó và ngay tại chỗ đó cũng không là gì nữa, tức là chúng ta đang an trú trong tòa Như Lai.

Nhà Như Lai chính là tâm từ bi lớn đối với tất cả chúng sanh. Ý Như Lai chính là lòng nhu hòa nhẫn nhục. Tòa Như Lai chính là Nhất Thiết Pháp Không. Được ba điều như thế thì chúng ta được quyền giảng Kinh Pháp Hoa. Nếu người nào nói được Kinh điển này thì dù ở chỗ xa vắng, Đức Phật vẫn sai người hóa thân lại đây để nghe Pháp.

Nếu một lần tự thẩm sâu tâm hồn mình khẳng định tất cả những cái khôn lanh, những hiểu biết tri kiến mà chúng ta cho là đúng, là hay, chúng ta đã từng gia công cực khổ, chúng ta đã từng làm cho nó thành tựu trong lòng mình, một lần nó tan biến với chính mình là lần đó chúng ta xong việc, chứ đừng thêm gì nữa nó thành dư.

Do đó, mình đừng bao giờ muốn mình thành cái gì một lần, chỉ cần như vậy thôi thì tự động chúng ta được thành Phật. Chúng ta muốn thành cái gì đó thì sẽ làm chúng sanh.

Không có thành tựu nào do công phu mà được cả. Đây là sự thật. Càng công phu càng muốn thêm cái gì đó, là càng muốn dần sâu vào con đường sanh tử mà thôi. Chỉ khi nào thật sự trong thâm tâm chúng ta không còn muốn điều gì nữa, chúng ta không muốn mình thành cái gì ở mai kia một nọ nữa, chúng ta không muốn thêm cái gì, mình chỉ là như thế này thôi, mình chấp nhận cái đang hay biết rõ ràng này ngay tại đây và bây giờ thì mọi cái sẽ hiển bày.

Cho nên bây giờ trụ trong Nhất Thiết Pháp Không thì ngay tại đây và bây giờ mình hay ra mình là như thế này, là cái đang hiện hữu Như Như mà thôi. Khi đó chư Phật mười phương sẽ nâng chân đỡ gót chúng ta đi.

VĂN KINH

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

**Muốn bỏ tánh biếng lười
Nên phải nghe Kinh này
Kinh này khó được nghe
Người tin nhận cũng khó.
Như người khát cần nước
Xoi đào nơi gò cao
Vẫn thấy đất khô ráo
Biết cách nước còn xa
Lần thấy đất ướt bùn
Quyết chắc biết gần nước
Được Vương! Ông nên biết
Các người như thế đó
Chẳng nghe Kinh Pháp Hoa
Cách trí Phật rất xa,
Nếu nghe Kinh sâu này
Quyết rõ Pháp Thanh Văn**

Đây là vua các Kinh
 Nghe xong suy gẫm kỹ
 Phải biết rằng người đó
 Gần nơi trí huệ Phật.
 Nếu người nói Kinh này
 Nên vào nhà Như Lai
 Mặc y của Như Lai
 Mà ngồi tòa Như Lai
 Ở trong chúng không sợ
 Rộng vì người giải nói,
 Từ bi lớn làm nhà
 Y nhu hòa nhẫn nhục
 Các Pháp Không làm tòa
 Ở đó vì người nói.
 Nếu lúc nói Kinh này
 Có người lời ác mắng
 Dao, gậy, ngói, đá đánh
 Nhớ Phật nên phải nhịn.
 Ta trong muôn ức cõi
 Hiện thân sạch bèn chắc
 Trái vô lượng ức kiếp
 Vì chúng sanh nói Pháp.
 Sau khi Ta diệt độ
 Nếu hay nói Kinh này
 Ta sai hóa tứ chúng
 Tỳ kheo, Tỳ kheo ni
 Và nam, nữ thanh tịnh
 Cúng dường nơi Pháp sư
 Dẫn dắt các chúng sanh
 Nhóm đó khiến nghe Pháp.
 Nếu người muốn làm hại
 Dao gậy cùng ngói đá
 Thời khiến người biến hóa

**Giữ gìn cho người đó
Nếu người nói Pháp Hoa
Ở riêng nơi vắng vẻ
Lặng lẽ không tiếng người
Đọc tụng Kinh điển này
Bấy giờ Ta vì hiện
Thân thanh tịnh sáng suốt
Nếu quên mất chương cú
Vì nói khiến thông thuộc.
Nếu người đủ đức này
Hoặc vì bốn chúng nói
Chỗ vắng đọc tụng Kinh
Đều được thấy thân Ta
Nếu người ở chỗ vắng
Ta sai Trời, Long vương
Dạ xoa, Quỷ, Thần thủy
Vì làm chúng nghe Pháp.
Người đó ưa nói Pháp
Phân giải không trở ngại
Nhờ các Phật hộ niệm
Hay khiến đại chúng mừng
Nếu ai gần Pháp sư
Mau được đạo Bồ Tát
Thuận theo Thầy đó học
Được thấy hằng sa Phật.**

Đức Phật nói nếu người nào được gần gũi học hỏi Pháp sư đúng nghĩa thì mau được đạo Bồ Tát. Chúng ta hiểu đúng Chánh Pháp thì đạo quả chúng ta sẽ thành tựu. Nếu thuận theo Pháp sư học thì được thấy hằng hà sa số Phật.

Dùng từ gần chứ thật sự chúng ta đã sống chung, đã hòa điệu trong cái tuệ tri hiện tiền rồi. Chúng ta thử một lần không can dự ý niệm vào khi tiếp duyên thì lúc đó chúng ta

và sự vật không còn là hai nữa, như vậy mới được gọi là gần. Gần như vậy mới gần hằng hà sa chú Phật. Vì tất cả những ý niệm đều là giác ngộ giải thoát, tất cả những cái thấy nghe đều là thanh tịnh tuyệt đối, đều là Như Như bất động thì chính cái Như Như bất động là hằng hà sa số chú Phật hiện tiền.

HẾT QUYỂN MỘT

TÊN XBP: KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA
GIẢNG GIẢI QUYỀN MỘT
Tác giả: TỶ KHEO THÍCH TUỆ HẢI

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
53 Tràng Thi-Hoàn Kiếm-Hà Nội
ĐT: 024-37822845 Fax: (024). 37822841
Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc - Tổng biên tập
Nguyễn Công Oánh

BIÊN TẬP: LÊ HỒNG SƠN
TRÌNH BÀY: NGUYỄN DANH
BIÊN TẬP KỸ THUẬT: PHAN GIANG
SỬA BẢN IN: ĐỖ THỊ QUỲNH
ĐƠN VỊ LIÊN KẾT: BÀ PHAN THỊ THU BA
Địa Chỉ: Nhà số 6 ngách 62/2, phố Linh Lang, phường Cống Vị, quận
Ba Đình, Hà Nội.

Số lượng in 1000 bản khổ 16 x 24 cm
In tại: Công ty Cổ phần thương mại In Nhật Nam
Địa chỉ: 414/36 Tân Kỳ Tân Quý, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, Tp.HCM
Số ĐKXB: 1708 - 2018 CXBIPH/08 - 102/TG.
Mã ISBN: 978-604-61-5624-6
QĐXB: 272/QĐ NXBTG Ngày 26/6/2018.
In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2018.

ĐÃ PHÁT HÀNH CÁC BẢNG ĐĨA GIẢNG

BẢNG ĐĨA GIẢNG PHẬT PHÁP:

- Kinh Kim Cang
- Kinh Lăng Nghiêm
- Kinh Pháp Cú
- Kinh Pháp Hoa
- Kinh Pháp Bảo Đàn
- Tiểu Bản A Di Đà
- Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh
- Kinh Duy Ma Cật
- Tứ Thánh Đế
- Kinh Thập Thiện
- Kinh Ba Cửa Giải Thoát
- Kinh Phước Đức
- Kinh Vô Ngã Tướng
- Kinh Nhất Dạ Hiền Giả
- Tuệ Trung Thượng Sĩ Ngữ Lục
- Yếu Quyết Tứ Diệu Đế
- Lời Nguyện Thứ 18 Của Đức Phật A Di Đà
- Tứ Niệm Xứ
- Tứ Nhiếp Pháp
- Bát Đại Nhân Giác
- Lục Độ Ba La Mật
- Thập Nguyện Phổ Hiền
- Mười Bốn Điều Minh Triết
- Yếu Nghĩa Kinh Kim Cang
- Yếu Nghĩa Kinh Pháp Bảo Đàn
- Phương Pháp Tọa Thiền
- Thiền Thư Giãn Và Quán Thân
- Vô thường - Khổ
- Tham vấn Phật Pháp
- Mười Hai Lời Nguyện Của Bồ Tát Quán Thế Âm
- Công Hạnh Của Bồ Tát Quán Thế Âm
- Đức Phật Là Bạc Y Vương
- Niệm Phật Thế Nào Để Có Công Đức
- Hạnh Phúc Chân Thật
- Thương Yêu Và Tôn Kính
- Thiền Tĩnh Song Tu
- Chử Tu Trong Đạo Phật
- Vượt Qua Nghiệp Chướng Và Tái Sanh
- Tu Tập và Trị Liệu
- Thân Tâm Không Khác
- Sống An Lạc Chết Siêu Thoát
- Lễ Phật Thành Đạo
- Ý Nghĩa Phật Đản Sanh v.v...

BẢNG ĐĨA DƯỠNG SINH:

- Phương Pháp Dưỡng Sinh (bài 1 bài 9)
 - Giải Đáp Câu Hỏi Dưỡng Sinh
 - Thai Giáo
 - Để Hoàn Thiện Một Con Người
 - Phật Pháp và Dưỡng Sinh
 - Ăn Chay với Thực Phẩm Ohsawa
 - Dưỡng Sinh Phòng Bệnh
 - Dưỡng Sinh Hằng Ngày
 - Dưỡng Sinh Chăm Sóc Sức Khỏe Cộng Đồng
 - Dưỡng Sinh Trong Đời Sống
 - Cân Bằng Thân Tâm
 - Cân Bằng Âm Dương Trong Ăn Uống
 - Nâng Cao Đời Sống Vật Chất và Tâm Linh
 - Nguyên Nhân Bệnh Tật
 - Lễ Giỗ Ohsawa
- 2007-2008-2009-2010-2011-2012-2013-2014-2015



SÁCH ẤN TỔNG KHÔNG BÁN